

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

CÓ MỘT THỜI NHƯ THẾ





NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN
THANH NIÊN

Có
Một Thời
Như Thế

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Thành viên

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

VÕ MINH

Có
Một Thời
Như Thế

Hồi ký

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI - 2014

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chiến tranh đã lùi xa. Những tấm huân chương trên ngực người lính đã nằm yên trong ngăn tủ. Những cây cầu đổ đã được xây dựng lại. Những mất mát, đau thương đã dịu lại. Nhưng dư âm hậu chiến vẫn xao động lòng người.

Có một thời như thế của tác giả Võ Minh - một người lính, thành viên Hội Cựu chiến binh trung đoàn 271 anh hùng giúp ai từng một thời "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước. Mà lòng phơi phới dậy tương lai" tìm lại những năm tháng mà ở đó mỗi ngày đêm đều gầm rú đạn bom, thấm đẫm máu hy sinh của biết bao người; khiến những ai được may mắn sinh ra và lớn lên trong hòa bình, hiểu hơn, trân trọng hơn những hiến dâng của thế hệ đi trước, những năm tháng hào hùng của dân tộc. Gần 300 trang hồi ký được viết theo thể nhật ký. Câu chuyện về trung đoàn bộ binh 271 anh hùng được dựng lại qua ký ức của một người lính trong khoảng hai năm (từ tháng 2-1972 đến tháng 2-1974). Đó là ga tàu tiễn đưa người lính ra trận, hình ảnh mẹ già nuốt nước mắt vào trong, ôm chầm lấy con không muốn rời xa, *Quyết tâm thư* bằng máu, những đêm hành quân

vừa đi vừa ngủ, những trận đánh rát bỏng đạn bom, tấm lòng thuần phác, nhân hậu của nhân dân ba nước Việt - Miên - Lào, những cái chết anh dũng, nghĩa tình đồng đội sắt son, sự nhọc nhằn của người lính khi bước ra khỏi cuộc chiến, dẫu mất mát đau thương và di chứng chiến tranh nặng nề nhưng trong bất cứ hoàn cảnh nào họ vẫn vượt lên để chứng tỏ bản lĩnh của anh "Bộ đội Cụ Hồ",... Lối viết giản dị, mộc mạc, đôi chỗ còn vụng về nhưng chân thực, giàu cảm xúc đã khiến trang viết của Võ Minh thực sự "có duyên mà nếu không trải qua, không thực sự sống tận cùng với nó thì không thể nào hình dung ra nổi" (Chu Lai).

Thực hiện Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn của Ban Tuyên giáo Trung ương, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật phối hợp với Nhà xuất bản Thanh niên xuất bản cuốn sách ***Có một thời như thế***.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11-2014

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

MỤC LỤC



MỘT BÀI CA ĐAU THƯƠNG VÀ HÀO SẢNG VỀ NGƯỜI LÍNH

Nhà văn Chu Lai

Cuộc đời vốn thế, một khi tiếng đập trống rỗng của những chiếc dạ dày tạm lắng xuống thì tiếng động thì thầm của những giá trị cội nguồn lại vang lên.

Và một trong những tiếng động ấy là sự trở lại cũng thì thầm và vô cùng bền bỉ của dòng văn học chiến tranh mà sự xuất hiện rộn ràng của những trang nhật ký chiến trận mấy năm gần đây âu cũng là lẽ đương nhiên, đương nhiên như hết mưa lại nắng, hết bão dông cõi thế lại yên hàn, đương nhiên như đó là những tháng ngày thiêng liêng, những tháng ngày cao đẹp nhất của dân tộc, của mỗi số phận con người mà đất nước này, khung cảnh thái hoà này mãi không thể nào quên.

Vâng! Nhật ký của một người đã chết, một người nằm xuống ta đọc đã nhiều, song nhật ký của một người còn sống thì không phải ở đâu cũng có, nếu như không muốn nói là vô cùng hy hữu.

Những dòng chữ của một liệt sĩ để lại, bản thân nó đã hàm chứa nỗi xúc động sâu xa, vậy những dòng chữ của một chiến sĩ vẫn còn trên cõi dương này sẽ ra sao, khi tự đánh mất cái ưu thế truyền cảm mang tính tâm linh truyền thống đó, trước cảm nhận của độc giả? Bài toán này không dễ trả lời, vì dù muốn hay không, cũng động chạm đến những phần nhạy cảm nhất của con người. Bởi, trước khi chết, con người bao giờ cũng muốn nói thật mọi điều, nói cả điều hay lẫn điều dở. Đã gọi là nhật ký thì bao giờ cũng lấy sự thật làm hạt nhân trung tâm. Còn khi anh vẫn sống, ngồi viết lại, dù chân thành đến mấy, ngòi bút cũng không thể tách khỏi cái sự sàng lọc bằng lý trí qua các yếu tố khách quan, yếu tố tự biên tập cho thích hợp với điều này, hợp lý với tình hình kia. Khó lắm! Dễ khô cứng, dễ giả tạo lắm.

Vậy mà không! Với ***Có một thời như thế***, người viết đã biết ẩn mình đi, ẩn rất kỹ, ẩn chân thành, ẩn như không, ba trăm trang sách, anh chỉ coi mình như là một nhân chứng, một cái trục nhỏ nhoi để từ đó dồn hết tâm sức, trí nhớ để viết, đúng hơn là để kể lại về đồng đội, bạn bè, về những người đã chết và những người đang sống, về cuộc đời, bom đạn, về tình người, tình yêu, tình gia đình cha mẹ bình dị, khẽ khàng như hạt lúa, củ khoai đang vào mùa giáp hạt khiêm nhường.

Không đao to búa lớn, không lên gân lên cốt, cũng không cố làm ra vẻ văn chương, chữ nghĩa

cầu kỳ, càng không biết tránh né những điều có thể là phạm huý phạm kỵ, anh cứ lẩn mẩn kể như kể lại cho người thân, bạn bè nghe về những chặng đường gian truân, ác liệt của cuộc đời mình, cuộc đời đồng đội. Và như thế, từng dòng, từng trang, từng con chữ như những hạt mưa dầm, không ồn ào, xối xả mà nhè nhẹ, thấm thật sâu vào cảm nhận người nghe, người đọc.

Đọc anh, tin rằng những người trẻ hôm nay sẽ tìm ra được một cái gì đó thuộc về sức mạnh tinh thần, cũng như những giá trị nhân văn thăm thẳm của các thế hệ cha anh, đã không tiếc máu xương làm nên những chiến tích huy hoàng cho ngày hoà bình thơ thới hôm nay, qua đó, chắc chắn họ sẽ giật mình mà soi rọi lại cảm quan, cách cảm, cách nghĩ, cả cách sống của mình trong cơn cuồng phong hội nhập hiện đương. Và những người đã đi qua chiến cuộc chắc chắn sẽ như được sống lại, như được nhìn thấy, sờ thấy, cảm thấy những tháng ngày thiêng liêng, khổ đau, đẫm máu và nước mắt để thực hiện khát vọng tự do, độc lập của dân tộc.

Là người đã viết khá nhiều về chiến tranh, đã lấy hình tượng người lính và chiến tranh cách mạng làm cảm hứng trung tâm cho các tác phẩm của mình, thú thật có lúc đọc anh, tôi không khỏi ngỡ ngàng trước những trang chữ anh miêu tả về cảnh sắc Trường Sơn với tất cả sự sinh động của những vui buồn, đói khổ, một trận sốt rét, một vị

ngọt rau môn thục, một tử sĩ mối vùi trên võng, một bãi khách đêm, một chiều hành quân, một tiếng chim côi cút gọi bầy, một dòng sông, một sắc nắng, một sườn dốc đứng hành quân bằng thang dây dựng trời... Càng không thể không lắng chìm khi anh viết về mẹ, về một ga tàu tiễn đưa, về những giọt nước mắt yếu đuối không kìm nổi khi từ biệt tất cả để đi vào chỗ chết, về lòng dân thuần phác, mênh mông của ba nước Việt - Miên - Lào mà anh đã có dịp hành quân qua. Để rồi như một sự bung phá của tâm hồn, anh say sưa và đau đớn kể về những trận đánh, về những đêm hành quân quá đỗi nhọc nhằn vừa đi vừa ngủ, về những cái chết đủ hình, đủ dạng của đồng đội mà sự ra đi tức tưởi của họ còn vương nặng trí não anh cho đến tận bây giờ, đã khiến cho anh, một đồng đội may mắn còn sống, không hiểu sao lại còn sống, phải tự đặt lên linh hồn mình một trách nhiệm là phải ghi lại. Ghi lại bằng cả một hệ thống chi chít những chi tiết sống động, độc đáo, có duyên mà nếu không thực sự trải qua, không thực sự sống tận cùng với nó thì không thể nào hình dung ra nổi.

Chiến tranh là bi kịch, nhưng chiến tranh cũng là bi tráng. Tổn thất đến khôn cùng, nhưng cũng can tràng đến khôn cùng. Phải chăng đó chính là cảm hứng chủ đạo, là điều ruột gan anh muốn nói về chiến tranh, về bạn bè mình. Trung đoàn ngày ra đi, ngót nghét gần ba ngàn thanh niên trai tráng, khi trở về chỉ còn có vài trăm, mà lại không

vẹn nguyên thân thể. Mỗi mùa chiến dịch, cứ vào một trận đánh là quân số lại vợi đi quá nửa, vợi đến nỗi không còn đủ người vào thay, đến nỗi cả đại đội thay vì hơn một trăm sinh mạng đánh vài trận chỉ còn lại đếm được trên đầu ngón tay,... Nhưng những trận đánh vẫn nối tiếp những trận đánh, những chiến dịch vẫn ngày đêm tiến sát hang ổ kẻ thù. Để tồn tại và đứng vững được trong những cảnh huống quá sức chịu đựng của con người ấy, họ đã bộc lộ đủ đầy tất cả những thảng thốt, yếu đuối, hoang mang thậm chí đến nản lòng, tuyệt vọng đưa đến một vài người đã rời bỏ đội ngũ chạy sang phía chiến tuyến bên kia, nhưng rồi một cái gì đó thiêng liêng như lòng tự tôn dân tộc, nghĩa tình thắm sâu của đồng đội, của khí núi khí sông, của niềm tin vào nghĩa cả thổi về, kết đọng trong trái tim đã khiến cho họ chiến đấu uy nghi đến người cuối cùng. Như thế, qua cái nhìn của anh, người trong cuộc, người lính của chúng ta không hề là một cỗ máy chiến đấu, không hề là một rô bốt chiến binh vô cảm chỉ biết xông lên chứ trong thế giới nội tâm trắng xoá, không chứa đựng cái gì.

Người anh hùng là người không phải không biết sợ chết, nhưng một khi vượt qua được nỗi sợ đó, họ sẽ là người anh hùng. Cũng như chiến tranh thực chất là ngày nào cũng chôn nhau nhưng chưa đến lượt chôn mình. Đó là sự thật và đó cũng là lửa tôi rèn cho phẩm chất con người

Việt Nam đi qua được bao phen dông gió. Chúng ta đồng cảm và chia sẻ với anh về ý nghĩa nhân văn này.

Như vậy, đây có thể coi là một cuốn hồi ký chân thực của một người lính đã đi qua tận cùng bom đạn, tận cùng yêu thương và căm thù, đã bị thương, đã đi lạc trong rừng cả tuần đến nỗi khi tìm về được đơn vị, vết thương nhung nhúc những dòi, nhưng vì tất cả độ chân thực đến trần trụi của nó, ta vẫn có thể gọi là một trang nhật ký, nhật ký của người còn sống, dù chỗ này chỗ khác vẫn còn nét vụng về, thô mộc, dàn trải chưa chọn lọc nhưng nó vẫn mang vẹn nguyên sức mạnh đánh động, giá trị truyền cảm như những trang viết của người đã ra đi.

Đó là những con chữ được viết bằng máu, đó thực sự là một bài ca về người lính mà đọc nó, mỗi người chúng ta không thể không ngoảnh nhìn lại những tháng ngày đã qua để tự hoàn thiện mình, để biết mình đang ở đâu và mình đang được thừa hưởng cái gì. Bởi cái giá phải trả cho ngày hôm qua là không thể lường được.

Là một người lính già, tôi xin cảm ơn cuốn sách, cảm ơn người lính Võ Minh đã nói hộ với cuộc đời nhiều điều mà cuộc sống xôn xao này rất cần phải nói.

LỜI TÁC GIẢ

Tôi - một thành viên trong Hội Cựu chiến binh của trung đoàn 271 miền Đông Nam Bộ anh hùng. Cách đây 36 năm, nếu tính chính xác là từ ngày 9-11-1971, gần 3.000 cán bộ chiến sĩ trung đoàn chúng tôi, chủ yếu từ các miền quê Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và một số ở các tỉnh khác, rời miền Bắc hậu phương, hành quân cuốc bộ vượt dãy Trường Sơn hùng vĩ để bổ sung lực lượng chiến đấu cho chiến trường miền Đông Nam Bộ.

Những chặng đường dài hành quân, với bao vất vả, khó khăn, gian khổ, lội suối, trèo đèo, vượt qua dốc cao dựng đứng, tập kích, phục kích, chống càn, chốt chặn, công đồn địch đều từng nếm trải. Bao miền đất lạ chúng tôi đã qua, có rất nhiều đồng đội thân yêu nằm lại đó.

Chiến tranh quá khắc nghiệt, đã ngốn đi không biết bao nhiêu con người và sức lực của chúng ta. Chúng tôi muốn quên đi, muốn chôn nó chặt sâu vào dĩ vãng. Mới ngày nào đó, cả trung đoàn 271 cùng hành quân vào chiến trường, quân đi nườm nượp chen kín mặt đường Trường Sơn. Nhìn về

phía trước, phía sau vẫn không thể nào thấy được người đi đầu hay đi cuối đoàn quân.

Quân số lúc đó gần 3.000 người. Thế mà giờ đây, ngồi điểm lại, không biết có còn được ba trăm người nữa không? Dẫu biết rằng, sau gần bốn chục năm, có rất nhiều người do vết thương tái phát, hay di chứng của những cơn sốt rét giữa rừng Trường Sơn hoặc một lý do nào đấy đã đưa họ về thế giới bên kia vĩnh hằng cùng với tổ tiên, với những người đồng đội đã mãi mãi nằm lại nơi chiến trường xa mà chưa được hưởng một giây phút của ngày toàn thắng, hoà bình, thống nhất đất nước.

Nhưng vẫn còn đó, những người bố, người mẹ và thân nhân của người đã hy sinh, cả cuộc đời còn lại vẫn khắc khoải nhớ về những đứa con rứt ruột đẻ ra, nuôi khôn lớn, đã ra đi mãi mãi. Ngay với tôi, ba người bạn thân thiết là Trần Ngọc Nam, Trần Văn Hồng và Nguyễn Văn Quế, cùng học một lớp ở Trường phổ thông cấp 3 Nghi Lộc 1, Nghệ An, cùng nhập ngũ một ngày, cùng một đơn vị khi vừa mới tham gia chiến trận được một thời gian ngắn, ba anh đã nằm lại trên mảnh đất chiến trường, không còn cơ hội để trở về gặp lại bố mẹ và những người thân nữa. Không thực hiện được lời hứa của mình và lời nguyện ước, mong đợi của người cha, người mẹ trong lần gặp cuối cùng, kể từ ngày chia tay các anh trước lúc lên đường ra tuyến lửa:

- Các con ra đi, chân cứng, đá mềm. Hãy nhớ trở về với bố mẹ! Bố mẹ ở nhà sẽ đợi chờ con!

Thế mà, các anh đã ra đi mãi mãi, để cho bố mẹ già tuổi đã ngoài tám, chín mươi, còn mang trên mình những căn bệnh hiểm nghèo, vẫn nén chịu bao đau đớn, gồng mình khắc khoải được sống, mong ngóng chờ đợi đứa con của mình trở về...

Như bố anh Hồng lúc chuẩn bị về với tổ tiên, ông đã cố gắng gượng một chút sức lực còn lại, gọi vợ và các con đến để trăng trối nguyện ước cuối cùng:

- Tổ tiên, ông bà đã đến gọi về, bố không chờ thêm được nữa. Bà nó và các con cố mà tìm thằng Hồng về nhé...

"Về đi anh!... Về cho mẹ yên lòng". Giờ đây, trong bốn đứa chỉ còn lại một mình tôi được may mắn trở về sau cuộc chiến, tuy còn phải mang theo mình bảy mảnh đạn đang nằm trong đầu và một số nữa nằm rải rác trong người.

Mới ngày nào đấy, đồng đội của tôi còn ngồi chật cả một toa tàu chở hàng, từ ga Cầu Giát đến Vinh, trên đường vào mặt trận. Giờ đây, khi kiểm lại chả còn được nhiều người nữa? Nếu như bây giờ chúng tôi tập hợp để lại ngồi vào trong toa tàu ngày ấy, sẽ lọt thỏm vào không gian mênh mông đó.

Đơn vị do tôi trực tiếp chỉ huy thời đó có 26 người, chủ yếu thuộc vùng quê huyện Nga Sơn, Thanh Hoá, số còn lại ở các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên,... Cuối tháng 2-1974, tôi bị thương phải xa anh em ra miền Bắc điều trị, mấy năm gần đây, mới có

điều kiện đi về các địa phương và nhờ các cựu chiến binh nơi đó tìm lại các anh. Vậy mà...!

Đặc biệt, có 11 người cùng ở thị xã Nghi Yên (Nghi Lộc, Nghệ An): Định, Phong, Trúc, Nghiêm, Trung, Thanh, Thái, Nhung, Cam, Luyện, Thiện cùng toa tàu ra trận với chúng tôi ngày nào sau cuộc chiến chỉ còn hai anh trở về, mà thực ra bây giờ chỉ còn một.

Người còn lại là cựu chiến binh Hoàng Văn Trung, đã để lại ở chiến trường năm nào một cánh tay. Cuộc sống đời thường của anh quá nhiều khó khăn, giờ lại càng thêm vất vả, nhưng không khuất phục và đầu hàng đói nghèo, anh đó tự mình cố gắng vượt lên.

Ngay từ những ngày đầu mới ra quân, Hoàng Văn Trung đã xác định: Phải cầm bút ôn thi vào đại học. Rồi kết quả đến không phụ sự cố gắng, chịu khó, kiên trì đó, khi trong tay có hai giấy báo trúng tuyển của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Vinh. Anh chọn vào học ở trường Vinh để được gần gia đình còn giúp đỡ bố mẹ già yếu. Hiện giờ, anh là Hiệu trưởng Trường phổ thông cơ sở xã Nghi Yên.

Cựu chiến binh Nguyễn Văn Nhung, tuy vẫn còn mảnh đạn trong đầu, nhưng vẫn thi đỗ đại học, sau đó trở thành kỹ sư nông nghiệp. Anh có nguyện ước trở về quê nhà, đem kiến thức của mình phục vụ quê hương còn nghèo khó. Nhưng nguyện ước ấy của Nhung đành dang dở, khi vết thương sọ não trong đầu tái phát, để rồi khuất nẻo

theo về với anh em đồng đội đang nằm lại ở những vùng quê xa.

Còn lại chín người nữa đã không được may mắn trở về với bố mẹ, gia đình, phải nằm lại trên mảnh đất chiến trường xưa. Hài cốt của các anh và cả hai bạn Hồng và Nam, tôi và thân nhân, đồng đội Hội Cựu chiến binh trung đoàn 271 lâu nay vẫn cố gắng kiếm tìm, mãi cho đến bây giờ vẫn chưa có kết quả. Phải chăng, đời người ai rồi cũng trở về cát bụi, trở về với hư vô?

Cũng có người trở về, được gặp cha già mẹ yếu và người thân, song phần đời còn lại chẳng có gì may mắn, nếu không muốn nói là phải gánh chịu những đau khổ tột cùng, vượt qua ranh giới chịu đựng của con người.

Không thể không nhắc đến hoàn cảnh của anh Vũ Văn Mô, quê ở xã Cát Bi, Quế Võ, Bắc Ninh. Do mang trong mình chất độc da cam từ thời còn ở chiến trường, nên ba đứa con của anh chị sinh ra đều "sống thì ngơ ngẩn, muốn chết cũng chẳng được". Họ phải sống trong hoàn cảnh đau khổ, thương tâm. Đứa con trai đầu đi học mãi mà không lên được một lớp. Suốt ngày lầm lì, không thốt nổi một lời, thỉnh thoảng lại vô thức nhìn về nơi xa xăm vô vọng.

Cháu thứ hai cũng ngây ngô, đập phá mọi thứ khi cơn động kinh bất ngờ ập đến. Khi cháu đến tuổi trưởng thành, anh chị đã cưới vợ cho cháu với hy vọng vợ nó sinh con, những đứa trẻ đó sẽ may

mắn được ông trời thương tình để chúng có được cuộc sống bình thường như triệu triệu người rất bình thường trên đời này, không ngây ngây, dại dại như những đứa con hiện hữu. Một mong muốn giản đơn và rất chính đáng. Vậy mà, tất cả đều đi vào ngõ cụt. Vừa cưới vợ được mấy tháng, trong một lần lên cơn động kinh đứa con thứ hai đã kết liễu đời mình bằng một đoạn dây thừng oan nghiệt.

Cô con gái út tuy đã lớn tuổi, nhưng người vẫn gầy nhom, hai tay co quắp, run run, giật giật, ngây ngô, ngơ ngẩn, nước dãi rớt xuống đầy ngực, suốt ngày chỉ ngửa mặt lên trời cười một mình. Cháu vô tri đến cái tên của mình cũng không biết.

Cái cùng cực của tâm can và thể xác đã đến tột đỉnh, dồn ép lên những năm tháng cuối đời của họ. Bức bối quá, có lần anh Mô nghẹn ngào tâm sự:

- Các anh biết đấy, những ngày vượt Trường Sơn bao gian khổ, mang vác nặng, chịu đói lội suối băng đèo, trong chiến đấu không biết bao nhiêu lần phải nằm giữa mưa bom, bão đạn, thế mà tôi vẫn chịu được và đã trở về đây. Còn bây giờ, các anh thấy không? Làm sao có thể chịu thêm được nữa? Giá như ngày ấy ở chiến trường được chết đi, như nhiều đồng đội mình, thì ngày nay đỡ đau lòng... Vợ tôi có tội tình gì, mà phải dính dáng chuyện này? Sao lại bắt cô ấy phải gánh chịu chứ?...

Trước tình cảnh đó, các anh Lâm, Kiệm, Tân trong Hội Cựu chiến binh trung đoàn 271, đã tìm

mọi cách giúp cháu vào làng Hoà Bình, Thanh Xuân, Hà Nội.

Chúng tôi làm những việc đó vì chúng tôi là đồng đội, tình bền chặt gắn kết, đã có một thời cùng vào sinh ra tử, từng không đắn đo giành cái nguy hiểm, gian khổ về mình, từng cứu mạng nhau, liều chết cõng nhau vượt qua làn bom đạn địch.

...Thuở ấy, lũ chúng tôi
Coi nhau như ruột thịt
Ngọt bùi cay đắng cùng chia
Viên thuốc cuối cùng, giọt nước cuối cùng, người nọ dúi người kia
Cao cả thiêng liêng thay, tình đồng đội...

Bài thơ viết dở[1]

Làm sao có thể ngồi yên, dửng dưng mà sống được khi những thân nhân liệt sĩ và nhiều đồng đội đang phải gánh chịu hoàn cảnh khó khăn, trớ trêu như vậy. Vì lẽ đó, sau một thời gian trở về đời thường, chúng tôi đã tự nguyện tập hợp lại, thành lập Hội Cựu chiến binh của trung đoàn 271 anh hùng. Tất cả là những người may mắn, "sót sổ" được trở về dù không còn nguyên vẹn sau chiến tranh. Mỗi người một quê, mỗi đứa một nghề trong cuộc sống

1. Tác giả Lê Cường - một đồng đội đã viết tặng Hội Cựu chiến binh trung đoàn 271. Anh Lê Cường hiện là Đại tá, nguyên Phó Cục trưởng Cục Tuyên huấn Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Anh còn là cố vấn cho chương trình trò chơi Truyền hình "*Chúng tôi là chiến sĩ*".

mưu sinh còn đầy vất vả, như một bài thơ của anh Lê Cường đã viết:

Đồng đội tôi sau chiến tranh
Phần lớn về quê làm ruộng
Một nắng hai sương, thức khuya dậy sớm
Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời
Đói no tuỳ lúc, tuỳ nơi...

Trong những anh em, đồng đội trở về sau cuộc chiến cũng có người thành đạt, đã và đang đảm nhận những trọng trách quan trọng do Nhà nước giao phó. Cựu chiến binh Hồ Xuân Hùng là một ví dụ. Anh là người bạn ở cùng tiểu đoàn huấn luyện với tôi. Anh từng làm Chủ tịch tỉnh Nghệ An, nguyên Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Anh Hà Văn Thái là đại đội trưởng của tôi ngày nào, sau này là đại tá, Phó Tham mưu trưởng Quân khu Thủ đô. Hiện về nghỉ hưu tại phường Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội. Anh Trương Hữu Chí, nguyên là đại biểu Quốc hội, Viện trưởng Viện Máy và Công cụ công nghiệp. Ngoài ra, còn có nhiều cựu chiến binh tuy trong mình còn mang rất nhiều vết thương của chiến tranh, nhưng khi buông cây súng, trở về đời thường đã vội cầm bút, lên giảng đường đại học, trở thành những kỹ sư, tiến sĩ, nhà giáo, nhà khoa học, doanh nhân thành đạt, như anh Vũ Đức Tiến - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất khẩu cà phê Tây Nguyên, doanh nghiệp được Nhà nước tuyên dương đơn vị Anh hùng thời kỳ đổi mới,

với sản lượng cà phê xuất khẩu chiếm 20% tổng sản lượng xuất khẩu của cả nước.

Cho dù hiện nay thế hệ chúng tôi không còn trẻ nữa, khi về với đời thường mỗi người một phận, sang hèn sướng khổ khác nhau, nhưng tất cả đều luôn nhớ về những người đã cùng một thời "vào sinh ra tử" và cả những ai nằm lại nơi chiến trường xa.

Từ đó đến giờ đã lâu, lớp bụi thời gian càng phủ dày theo năm tháng, nơi các anh đang nằm lại quá xa, cảnh vật ở đó bây giờ cũng khác xưa rất nhiều. Nhưng các cựu chiến binh chúng tôi, những người ở khắp mọi miền đất nước đã và đang kiếm tìm, lượm lặt mọi thông tin để cùng gia đình đưa hài cốt các anh về yên nghỉ nơi quê nhà.

Con số 50 liệt sĩ của trung đoàn 271 đã được tìm về với người thân, dẫu rằng rất ít so với số liệt sĩ còn nằm ở nơi xa xôi ấy nhưng dù sao, đây cũng là phần thưởng không nhỏ cho sự cố gắng không mệt mỏi của Hội Cựu chiến binh chúng tôi.

Trong những chuyến đi tìm đồng đội ở chiến trường cũ, phải kể đến vai trò của anh Nguyễn Lâm[1], Trưởng Ban liên lạc Cựu chiến binh của trung đoàn 271 ở phía Bắc. Anh nhiều lần cùng với một vài đồng đội trong Hội Cựu chiến binh đi đến vùng đất năm xưa dò hỏi thông tin, cũng có lần anh đi cùng thân nhân liệt sĩ.

---

1. Hiện anh đang công tác tại Phòng Đào tạo, Đại học Khoa học tự nhiên, thuộc Đại học quốc gia Hà Nội.

Trong những chuyến đi đó, có rất nhiều chuyện cảm động, vui, buồn. Đấy là chuyến đi tìm con của mẹ Soi (mẹ của liệt sĩ Nguyễn Đức Thắng).

Thực ra, khi Thắng hy sinh, đồng đội trong đơn vị đã không tìm thấy thi thể để đem về quy tập. Chúng tôi cứ giấu mẹ mãi chuyện này, nhưng cuối cùng đành thú thực về hoàn cảnh anh hy sinh. Sau nhiều đêm trăn trở, mẹ đề nghị:

- Các con cho mẹ vào nơi Thắng nó nằm, mẹ muốn thăm nơi ấy.

Lâm thay mặt anh em đưa mẹ vào thăm lại chiến trường xưa. Nơi đó giờ đã thay đổi nhiều. Cánh rừng đại ngàn năm nào của huyện Đắk RLấp, tỉnh Đắc Nông, nay là cánh rừng cà phê đang trổ đầy hoa màu trắng. Hương thơm man mát, dịu ngọt lan toả khắp cả một vùng. Phải chăng đấy là hương thơm linh thiêng tình mẫu tử, tình đồng đội của Thắng và những người bạn thân yêu đang nằm đâu đó, toả ra để đón mẹ và bạn bè đến thăm?

Lâm chỉ nơi Thắng đã hy sinh, mẹ đứng tần ngần, lặng yên, rồi từ từ ngồi xuống, lặng lẽ rút ra một mảnh vải đỏ. Thật bất ngờ, mẹ vun đất lại, bốc từng nắm, từng nắm bỏ vào mảnh vải rồi gói lại, sau đó đứng dậy, mắt hướng nhìn về nơi xa xăm, khấn thầm để gọi Thắng về. Nước mắt lưng tròng mẹ đưa gói đất cho Lâm:

- Con đưa nó về cho mẹ...

Lâm và mọi người không cầm nổi nước mắt, anh ngậm ngùi làm theo ý mẹ, mang gói đất về

thờ tại gia đình - khu tập thể Viện Quân y 108, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Nước mắt nhoà run rẩy bàn tay
Gói nắm đất nơi anh ngã xuống
Nâng niu như bế con thời bú mớm
Mẹ đưa anh về nơi anh sinh ra
Về đi anh đất đã nở hoa
Cuộc sống hôm nay có anh trong đó
Vẫn là anh, mãi thời trai trẻ
Về đi anh!Về cho mẹ yên lòng.

Kính tặng mẹ Soi.

Về đi anh[1]

Nói đến chuyện đi tìm đồng đội của Hội Cựu chiến binh chúng tôi, không thể quên được tấm lòng cao đẹp của anh Cao Phong Nhã, công nhân xưởng urê, Công ty Đạm Hà Bắc, quê ở Xuân An, Xuân Phúc, Yên Dũng, Bắc Giang.

Khi vừa nghe được thông tin ở nghĩa trang Tuy Đức, tỉnh Đắc Nông có tên các liệt sĩ Hiếu, Thoa, Khải, Thành anh vội thông báo ngay với các gia đình liệt sĩ. Sau đó, anh cùng vợ chồng anh Lâm đến đón mẹ Tráng (mẹ của liệt sĩ Đỗ Mạnh Hiếu quê Bắc Giang) tức tốc vượt hàng nghìn cây số đến Đắc Nông tìm mộ.

Giờ đây, cả chặng dài dằng dặc như vậy, mọi người không thể đi bộ như năm nào được. Muốn đi phải có tiền? Nhưng lấy tiền ở đâu? Gia đình anh

1. Tác giả Hoàng Liêm, cựu chiến binh E27.

còn rất nghèo, nói chi là dư thừa. Để có tiền đi cùng với mẹ Tráng, ban đầu anh lên công ty trình bày hoàn cảnh xin ứng hai tháng lương. Thuyết phục mãi cơ quan cũng ứng trước cho một tháng lương. Số tiền này không thể đủ trang trải cho chuyến đi. Không một chút chần chừ, anh gọi người đến bán luôn hai con lợn đang thời kỳ lớn nhanh. Tiền vẫn thiếu, cố gắng lục lọi hết mọi thứ trong nhà để bán, nhưng chẳng còn thứ gì có giá trị... Mồ hôi đầy người, ướt đẫm cả chiếc áo lính màu xanh đang mặc, anh đứng tần ngần một lúc mà không nghĩ ra được phương án giải quyết nào. Anh chợt nhớ ra một thứ có thể bán được, đó là bốn sào lúa non đang đến thời kỳ trổ bông ở ngoài đồng.

- Thôi! Mẹ nó và các con thứ lỗi cho bố nhé, bố chỉ bán có hai sào thôi. Biết rằng, mùa này cả nhà ta sẽ đói, mẹ nó và các con ráng chịu vậy. Gia đình ta còn có bố, có mẹ và các con là hạnh phúc lắm rồi. Chứ những đồng đội của bố, chỉ có một mình bao năm nằm phơi nắng, phơi sương giữa rừng sâu không trở về. Bố phải đi vào trong đó để tìm các bạn.

Thật là cao cả, thiêng liêng thay tình đồng đội, không lời nào nói hết được tình cảm cao quý này.

Những hành động, việc làm "vì tình đồng đội" của các anh đã thôi thúc tôi cầm bút ghi lại những giờ phút vui, buồn, tình cảm anh em, đồng đội thân thương trước cái "sống", cái "chết" trong

chiến đấu với quân địch mà tôi được chứng kiến; những giờ phút cuối cùng của bạn bè tôi trước lúc hy sinh, ngã xuống cho sự nghiệp hoà bình, thống nhất nước nhà.

Tôi viết cho cả những đồng đội là cựu chiến binh trung đoàn 271 anh hùng, những ai đã từng chiến đấu trên các chiến trường năm nào, hiện đang còn sống để cùng nhớ về một thời chiến tranh, một thời máu lửa mà cả dân tộc ta đã trải qua.

Trong câu chuyện về những sự việc đã xảy ra của tôi và bạn bè có đề cập một số tư liệu về các liệt sĩ (tên, quê quán và nơi hy sinh) để những ai quan tâm tới vấn đề này, khi đọc cuốn sách, nếu biết thông tin gì hãy thông báo cho các gia đình thân nhân liệt sĩ biết.

Xin cảm ơn!

Hà Nội, ngày 27-7-2007

VÕ MINH

ĐƯỜNG VÀO MẶT TRẬN

I. TRÊN ĐƯỜNG HẬU PHƯƠNG

21-10-1971

Hôm nay là ngày đặc biệt, điểm mốc ghi nhớ nhất của đời lính tân binh chúng tôi. Đó là ngày cả tiểu đoàn 5, trung đoàn huấn luyện 22 thuộc Quân khu 4, nhận được lệnh chuẩn bị lên đường ra chiến trường chiến đấu.

Vậy là sau 10 tháng huấn luyện vất vả, chúng tôi đã đổ không biết bao nhiêu mồ hôi trên thao trường, đã trải qua hết các bài học về kỹ thuật, chiến thuật cá nhân độc lập chiến đấu, đến chiến đấu theo đội hình tổ 3 người, tiểu đội, trung đội, đại đội,... rồi đến các bài tập chiến thuật đánh ở địa hình rừng núi, đồng bằng, đô thị,...

Lần này, cả đơn vị nhận nhiệm vụ đi chiến trường, chắc chắn đây là sự thật. Suốt trong thời gian huấn luyện vừa qua, chúng tôi đã mấy lần được thông báo lên đường ra trận. Nhưng sau đó hoãn ở lại tiếp tục huấn luyện.

Tuy vậy, sau khi nhận được tin tôi thật sự cảm thấy đột ngột và bối rối, dù trước đó cả một thời

gian dài trên thao trường tập luyện, ai ai cũng sẵn sàng chờ đón giờ phút này.

Nằm trong biên chế tiểu đội 7, trung đội 3, đại đội 18 (C18) tiểu đoàn 5 (K5), có anh Trần Kim Trọng quê ở Yên Thành, Nghệ An là tiểu đội trưởng với tôi còn có ba người bạn thân đồng hương, đồng niên, đồng tốt nghiệp cấp ba, đồng ngũ và đồng đơn vị huấn luyện. Đó là Trần Văn Hồng, Trần Ngọc Nam và Nguyễn Văn Quế. Đây là những người bạn luôn luôn bên cạnh động viên, an ủi tôi trong những ngày tháng huấn luyện gian nan, khó khăn, vất vả, đói khổ, ngỡ như không thể vượt qua.

Thời gian huấn luyện của chúng tôi được lập trình rất chặt chẽ, không một chút khe hở nào. Lịch làm việc cho từng cá nhân hàng ngày, từ 5 giờ 30 sáng đến 9 giờ tối được xếp kín mít, rất khắt khe, chính xác đến từng phút. Mọi hoạt động được tính toán, sắp xếp gần như một cái máy, từ vệ sinh cá nhân, ăn sáng, ra thao trường huấn luyện về ăn trưa, rồi lại ra thao trường về ăn tối. 19 giờ 30 phút cho đến 21 giờ hàng ngày, dành cho các hoạt động hội họp: Tổ ba người, tiểu đội, trung đội, đại đội, Đoàn Thanh niên, tổ Đảng, chi bộ, văn hoá văn nghệ. 21 giờ điểm danh đi ngủ cho đến 5 giờ 30 phút sáng hôm sau. Có lẽ, ai cũng nghĩ rằng, thời gian tự do của chúng tôi chỉ còn lại trong giấc ngủ về đêm. Nhưng không, trong những đêm tưởng như yên tĩnh đó, mọi người nằm ngủ luôn luôn ở trạng thái

sẵn sàng chiến đấu, phải tỉnh giấc bất kỳ lúc nào khi nghe hiệu lệnh báo động hành quân, tập trận. Điều này xảy ra thường xuyên trong suốt thời gian dài huấn luyện.

Ngoài ra, hằng đêm, ai nấy đều phải luân phiên thức canh gác đơn vị. Đấy là nhiệm vụ được giao cho từng cá nhân, cố định hàng ngày.

Trong cả một tuần, chúng tôi chỉ được tự do từ sau 21 giờ ngày thứ bảy cho đến trước 21 giờ ngày chủ nhật hôm sau. Tuy nói là tự do nhưng không một ai được phép rời xa khu vực đơn vị đóng quân.

Những tháng đầu sau ngày nhập ngũ, tôi thầm nghĩ mình không thể nào vượt qua đời quân ngũ được, bởi khó khăn, đói khổ. Khẩu phần ăn bị cắt giảm gần một nửa, trong số 7 lạng gạo được cấp phát mỗi ngày thì mỳ và ngô đã chiếm gần một nửa rồi.

Chúng tôi, những chàng trai trẻ, đang tuổi ăn tuổi ngủ, thế mà có đêm chả ai ngủ được vì cái đói cứ hành hạ dai dẳng. Đã vậy, còn phải chịu đựng áp lực về công việc và thời gian, bị kiểm soát đến cả những chuyện riêng tư ở mọi lúc, mọi nơi. Thể xác và tinh thần tôi rã rời, căng thẳng, lúc nào cũng như muốn nổ tung.

Đâu đây đã có người rủ nhau đào ngũ. Đó là Hương và Hưng, cùng đại đội với tôi. Đặc biệt là Hương, mấy lần cậu ta bỏ về, đơn vị chúng tôi phải tổ chức đi tìm ở gia đình, địa phương. Mọi người nhiều lần động viên, tập thể đã kiểm điểm,

cuối cùng Hương ở lại đơn vị. Tuy nhiên, từ đó cho đến lúc chúng tôi chuẩn bị lên đường ra mặt trận, cậu ta nhịn ăn thường xuyên. Đến bữa ăn, Hương chỉ uống một ít nước cơm, hoặc húp một ít cháo. Tôi thật sự khâm phục sự kiên trì "tự chịu đói" này. Bạn bè tìm mọi cách chiều chuộng, động viên cậu ta ăn để bảo đảm sức khoẻ, nhưng tất cả đều thất bại vì sự cứng đầu, lì lợm đó. Từ một thân xác to khoẻ, cậu ta tóp lại như một xác ve, đi đứng phải chống gậy, dò dẫm, thất thểu như người mất hồn, ai nấy đều ái ngại.

Còn chúng tôi, đến giờ phút này, đã vượt qua cả một chặng đường dài huấn luyện khó khăn, gian khổ. Không biết bao nhiêu mồ hôi, sức lực, kể cả máu đã thấm vào vùng đất bazan này. Hôm nay, giữa Tuần Tam Lệ là vùng đồi núi bao la, đỏ rực một màu đất bazan, những giao thông hào ngoằn ngoèo, tầng tầng, lớp lớp, những ụ lô cốt được xây dựng nổi lên cao ở trên đồi.

Nhớ lại ngày đó, giữa mùa hè nóng như thiêu như đốt, trên ngọn đồi trọc không một bóng cây, gió Lào thổi về nóng hầm hập, chúng tôi ai nấy mặt mày đỏ rực, mồ hôi vừa thấm đẫm áo, giờ đây khô cứng như chiếc mo nang sau lưng. Nam cầm chiếc búa tạ cán dài cùng với một người nữa với chiếc kẹp tre có gắn chiếc đục sắt ở đầu, đặt vào kẽ nứt của hòn đá để đánh búa. Hòn đá lỳ lợm đứng yên một lúc rồi vỡ đôi. Ngay sau đó, Nam loạng choạng ngã chúi xuống, đầu đập vào vách

đá ngất xỉu. Một mảng da đầu bật ra, máu chảy đầm đìa. Mọi người đứng gần vội vàng xúm lại, xốc dậy, nhưng cậu ta vẫn không tỉnh, da mặt trắng bệch. Hồng đã lấy tay giữ chặt vết thương, để cầm máu. Cũng ngay lúc đó, một nắm thuốc lào của ai đã chuyển tới kịp thời đắp ngay vào mảng đầu còn trào máu. Chúng tôi bế cậu ta đặt dưới đoạn giao thông hào vừa đào, tìm mọi cách che nắng phía trên. Người thì lấy nước đổ vào khăn lau mặt rồi dấp dấp lên đầu, người thì lấy mũ, áo của mình quạt gió và gọi y tá đến cấp cứu.

Phải đến 10 phút sau, Nam mới tỉnh hẳn, sắc mặt hơi hồng trở lại, đôi mắt đã mở nhưng còn rất đờ đẫn. Tất cả mọi người ai nấy đều vui mừng và thở phào nhẹ nhõm. Vậy là, thần chết đã không thể đưa cậu ta đi cùng.

Trong những ngày cuối cùng ở lại đây, chúng tôi đã hoàn thành việc xây doanh trại mới để kịp thời bàn giao cho lớp tân binh kế tiếp.

Tranh thủ thời gian đơn vị hành quân từ doanh trại mới về nơi ở, khi qua bưu điện ngã ba Tuần Tam Lệ, tôi vội gửi một bức điện tín về cho cha mẹ ở quê để mọi người biết ngày chúng tôi lên đường ra mặt trận.

22-10-1971

Từ đêm hôm qua, chúng tôi phải "án binh bất động" trong doanh trại. Các ngõ ra vào Quỳnh Châu (địa phương nơi đóng quân) đều có chốt gác

kiểm tra của vệ binh và kiểm soát quân sự, không cho phép một ai đi ra hay đi vào khu vực đóng quân của đơn vị.

Công việc của anh em lúc này là: sinh hoạt chính trị, phát động thi đua giữa các đơn vị, viết quyết tâm thư lên đường ra mặt trận bằng chính máu của mình, rồi nhận vũ khí quân trang, thuốc men, lương thực, thực phẩm theo tiêu chuẩn và cơ số của những người đi chiến trường.

Thời gian còn lại quá ít, nhưng số lượng đầu việc phải hoàn thành rất lớn nên việc chuẩn bị chiếm hết tâm tư của tôi, nhiều lúc không có thời gian để nhớ về cha mẹ, anh chị ở nhà nữa.

Bố tôi đã 71 tuổi và yếu, còn mẹ 64 tuổi là lão thành cách mạng từ những năm 1930, giờ đây mang trên mình đầy bệnh tật. Anh cả là cán bộ giao thông, hiện đang khảo sát mở đường bộ giúp Lào. Anh thứ hai sau những năm tháng tham gia xây dựng nông trường Bãi Phủ phía tây Nghệ An, bị ngã nước, phù thận, phải về nhà điều trị. Tôi là con út trong gia đình.

Hai anh em phải đi xa, ở nhà còn lại bố mẹ già yếu và một người anh bệnh tật. Cả nhà chỉ trông chờ vào những thửa ruộng cát bạc màu, đất đai bị phong hoá rất nhanh. Đã vậy, sức lao động cũng là một vấn đề nan giải cho gia đình. Tất cả chỉ trông chờ vào sự giúp đỡ của chính quyền địa phương và bà con lối xóm. May mà thời gian này, chiến tranh đánh phá miền Bắc của đế quốc Mỹ

đã ngừng được vài năm. Nếu như, chưa được hoà bình, thì những khó khăn này không biết sẽ đến mức nào?

23-10-1971

Buổi sáng, đơn vị phát quân trang, thuốc men, vũ khí, đạn dược. Mỗi người nhận được hơn 30 thứ, từ súng, đạn, quần áo, chăn, màn,... cho đến những viên thuốc Nivaquyn phòng, chống sốt rét, nước cất, kim chỉ,... Tất cả những thứ đó, bảo đảm cho chúng tôi sống và chiến đấu độc lập trên mọi địa hình, từ rừng núi đến đồng bằng, đô thị trong một thời gian dài.

Đầu giờ chiều là hạn cuối cùng của mọi người đi B (đi chiến trường) phải nộp "*Quyết tâm thư*" bằng máu. Với tôi, nói đến chuyện lấy máu để viết là cảm thấy ghê ghê và sợ đau. Điều đó cũng đúng thôi, bởi từ lúc còn nhỏ, lớn lên cho đến bây giờ, tôi chưa khi nào biết ăn roi vọt, vì là con út trong nhà nên được mọi người cưng chiều. Giờ đây phải lấy dao hay cái gì đó tự chọc vào tay cho chảy máu, tôi mới nghĩ đến đó cả người đã run lên, thấy đau lắm rồi. Nhưng trong cuộc họp của cả đơn vị chiều hôm qua, mình đã giơ tay biểu quyết rồi, không thể thoái thác, buộc phải nghĩ cách.

Lúc này, Nam, Hồng và hầu như mọi người trong đơn vị đã hoàn thành *Quyết tâm thư* bằng máu của mình. Tôi tìm gặp Nam cầu cứu.

- Cậu nhát gan thế, cứ nhắm mắt lấy lưỡi lam cứa vào đầu ngón tay một tý là xong, không có đau đâu. - Nam cười hềnh hệch nói.

- Nhưng Minh sợ đau lắm. - Tôi kêu lên.

- Cậu xem, Hồng ở đâu, gọi nó lại đây! - Nam nắm chặt tay tôi nói.

Bất chợt, đầu ngón tay đau buốt, theo phản xạ tự vệ, tôi rụt tay lại.

- Việc này như vậy là xong, cầm lấy cây bút lá tre này mà viết nhanh lên. Mọi người hoàn thành hết cả rồi đấy. Tớ ngồi đây đợi cậu, rồi hai đứa ta cùng đi nộp.

Tôi cứ loay hoay mãi vẫn không kết thúc được bản quyết tâm đó vì máu ở đầu ngón tay chảy ra quá ít. Thấy thế, Nam ghé vào tai nói nhỏ:

- Hãy lấy máu tớ mà viết.

Vết cắt sâu trên đầu ngón tay cậu ta đã khô, nhưng vừa mới bóp nhẹ, máu đã chảy ra rất nhiều. *Quyết tâm thư* của tôi như vậy đã hoàn thành, nhưng vết cắt trên tay Nam vẫn còn ri rỉ máu.

24-10-1971

Buổi sáng, trên đường lớn, ngõ nhỏ của xã Quỳnh Châu (Quỳnh Lưu, Nghệ An) rợp cờ đỏ sao vàng và cờ giải phóng hai màu đỏ và xanh da trời. Nổi bật nhất là màu xanh áo lính và chiếc mũ tai bèo ở trên đầu, đặc trưng của chiến sĩ giải phóng.

Chúng tôi ra đi, chưa thể hình dung được những gì đang đợi ở chiến trường, chỉ mường tượng qua các

câu thơ và nghĩ rằng đó là nơi sống chết cận kề nhưng cũng tưng bừng và lãng mạn như một ngày hội:

Hoan hô anh giải phóng quân
Kính chào anh con người đẹp nhất
...
Ôi chiếc mũ vải mềm dễ thương như một bàn tay nhỏ
Chẳng làm đau một chiếc lá trên cành
Sáng trên đầu như một mảnh trời xanh
Mà xông xáo, mà tung hoành ngang dọc

(*Bài ca Xuân 68* - Tố Hữu)

Chỉ còn có mấy tiếng đồng hồ nữa, cả đơn vị tôi sẽ lên đường vào chiến trường miền Đông Nam Bộ, được gọi là B2, tôi sẽ xa người thân, người dân miền Bắc hậu phương yêu dấu mà không hẹn được ngày trở về. Làm sao mà vui lên được.

Sắp đến bữa cơm cuối cùng trên mảnh đất Quỳnh Châu, mọi người ruột gan đều như lửa đốt. Tất cả sự tập trung đều hướng ra con lộ lớn chạy qua, trông chờ cha mẹ, anh chị và người thân từ quê nhà lên đây để chia tay.

Không biết cha mẹ mình có ai đi tiễn không? Tôi rất sốt ruột, nóng lòng, thấp thỏm đi ra đi vào ngóng đợi. Tâm trạng rối bời, nỗi nhớ cha mẹ, gia đình tràn ngập trong lòng. Giá như, giờ lên đường ra mặt trận hôm nay được lùi lại thêm một thời gian nữa thì hạnh phúc biết bao.

12 giờ 30 phút, chúng tôi kết thúc bữa trưa, nhưng suốt cả thời gian đó chả ai ăn được mấy. Bữa cơm liên hoan chia tay cuối cùng hôm nay được đơn vị đã chuẩn bị rất chu đáo, có nhiều món mà cánh lính "háu đói" lâu nay mơ ước nhưng chúng tôi ăn mà sao thấy nhạt nhẽo, nuốt vào cứ nghèn nghẹn, nghèn nghẹn.

Thời gian còn lại ở nơi đây không còn nhiều. Đúng 2 giờ chiều, cả đơn vị phải hành quân rời xã Quỳnh Châu về ga Cầu Giát cho kịp chuyến tàu đi Vinh tối nay.

1 giờ kém 10 phút chiều, tiếng hò reo của anh em đồng loạt vang lên khi ngoài đường lớn xuất hiện một nhóm người già trẻ, gái trai tay xách nách mang, đang đi vội vàng về hướng đầu làng giữa cái nắng trưa rám trái bưởi. Không ai bảo ai, chúng tôi đồng loạt ùa chạy ra đón người thân.

Đây rồi! Mẹ tôi, dáng gầy guộc, bé nhỏ, mặt đỏ gay, mồ hôi nhễ nhại, đang cố sức bước những bước đi nặng nề, mệt nhọc, vì đã phải vượt bộ quãng đường đá lởm chởm, dài hơn 12 km từ ga Cầu Giát đến đây. Trên vai mẹ còn khoác một túi quà to, nặng dành cho tôi và các bạn mang theo trước lúc lên đường.

Khi đến gần, mẹ nhoài người ôm lấy tôi, nước mắt chảy dài, giàn giụa trên hai gò má. Không nói được lời nào, tôi cố kìm mình không bật khóc, để yên lòng mẹ.

Mẹ chỉ thốt lên được một từ "Con..." rồi ôm chặt lấy tôi mà không nói thêm được gì nữa, chiếc túi trên vai rơi xuống đất lúc nào không hay.

Về đến nơi nghỉ, tôi ngập ngừng hỏi thăm về chặng đường đi vất vả, gian nan của mẹ, cũng như sức khoẻ của bố và mọi người ở nhà. Mẹ động viên, an ủi tôi giữ gìn sức khoẻ và cố gắng trở về, mọi người ở nhà sẽ chờ đợi.

Hai mắt cay xè, nỗi nhớ thương bố mẹ tràn ngập trong tôi. Giá như chiến tranh không xảy ra, chúng tôi đâu vất vả, đâu phải gặp cảnh chia ly như bây giờ.

Đúng ra, mẹ và những người thân đã đến đây rất sớm. Nhưng tất cả lỗi đều do tàu đến ga muộn cả tiếng đồng hồ.

Biết giờ này mọi người rất đói, chị Phi - chủ nhà và bạn bè vội vàng tìm cơm và thức ăn tập trung lại để dùng tạm, vì thời gian còn lại ở đây rất ít, không đủ để chuẩn bị bữa ăn mới.

Giờ tập trung hành quân lên đường ra mặt trận đã đến. Tất cả đường làng, ngõ xóm đều phủ một màu xanh áo lính, xen lẫn đủ màu sắc áo quần của bà con, cô bác, các chị, các anh, các em và các cháu thiếu nhi ở vùng trung du đồi núi này đến tạm biệt và chúc chúng tôi chiến thắng, bình an trở về. Dẫu vậy, trong lòng ai cũng hiểu rằng, phải rất may mắn mới có thể thoát được lò lửa chiến tranh khốc liệt đó.

Cả một không gian thật sự ồn ào, náo động với đủ âm thanh, tiếng nói, tiếng khóc, tiếng cười và cả nhịp trống ếch tùng, tùng.

Tiểu đoàn 5 hành quân theo đội hình tiểu đoàn, đại đội, trung đội, tiểu đội, hướng về ga Cầu Giát. Mẹ tôi và những người thân của bạn bè, đồng đội vừa đến đây đều rất mệt mỏi, chưa được nghỉ để hồi sức sau chuyến đi dài, lại phải cùng đơn vị cuốc bộ vượt qua dốc, đèo, qua con đường đá lởm chởm, gập ghềnh ra ga, xuôi tàu vào Vinh.

Nhìn dáng đi mệt nhọc của mẹ, thỉnh thoảng phải chạy đuổi theo đoàn quân đều đều nhịp bước, lòng tôi lại quặn đau vì xót thương. Có lẽ, cái khổ đau nhất của người làm cha mẹ là giờ phút chia tay những đứa con rứt ruột đẻ ra lên đường đi chiến đấu mà không hẹn ngày trở về.

Tất cả vì chiến tranh đã dồn cái khổ đau cùng cực, khắc khoải trông chờ, nén chịu vào thân già gày yếu, mong manh đó.

Giá như chiến tranh không xảy ra, thế hệ chúng tôi và mọi người sẽ được sống trong hoà bình, sung sướng và hạnh phúc biết chừng nào. Đi qua những cuộc chia tay này, tôi mới hiểu hết giá trị đích thực của hoà bình, hạnh phúc và tự do.

4 giờ 30 phút chiều, chúng tôi đặt chân đến ga Cầu Giát, nghỉ đợi tàu theo đội hình. Mọi người dồn gọn vào một khu vực, không kéo dài lê thê như trước.

Nhà ga thông báo, tàu hôm nay về muộn mấy tiếng. Đây là cơ hội để hai mẹ con tôi được gần

nhau thêm một chút nữa. Mẹ ngồi cạnh tôi, hai chân sưng đỏ sau chặng đường dài cuốc bộ từ ga Cầu Giát đến ngã ba Tuần Tam Lệ. Tôi biết mẹ rất mệt, nhưng vẫn cố chịu vì nỗi đau trong lòng mẹ giờ đây còn lớn hơn rất nhiều. Hai tay mẹ ôm lấy tôi, xoa xoa đôi vai còn sưng đỏ vì những ngày hành quân mang vác nặng rồi dịu dàng động viên, an ủi. Tôi gục đầu vào lòng mẹ, mẹ nghẹn ngào ôm chặt lấy tôi như muốn được giữ chặt đứa con yêu quý bên mình mãi mãi.

- Cha và anh ở nhà có khoẻ không mẹ? - Tôi ngập ngừng hỏi.

- Cha và anh vẫn bình thường. Cha muốn được gặp con lắm, nhưng đợt vừa rồi lên thăm, sau đó về nhà chân đau nên không đi được. Cha mẹ và anh cùng bà con ở nhà chúc con lên đường mạnh khoẻ. Mong con bình an trở về nhà...

- Cha mẹ, anh và mọi người ở nhà nhớ giữ gìn sức khoẻ. Hãy cố đợi con về!

Nỗi xúc động trong lòng xâm chiếm hết cả tâm trí tôi, đầu óc mụ mẫm khiến tôi không nói thêm với mẹ được một lời an ủi, động viên nào.

25-10-1971

Gần 3 giờ sáng chúng tôi mới lên tàu để về Vinh. Trời đêm đen kịt, gió lạnh lùa qua ô cửa sổ hun hút nhưng chẳng một ai ngủ được, có chăng chỉ gật gù, chập chờn trong giây lát.

Trong toa tàu, ánh sáng vàng đục của những chiếc đèn bão (đèn dầu hoả) treo lủng lẳng trên đầu, hắt bóng chúng tôi xô đẩy tứ tung, như trong lòng bộn bề giằng xé cứ muốn vỡ bung ra.

Không gian càng trở nên nặng nề. Tiếng rì rầm trò chuyện của mọi người, tiếng xình xịch của tàu chạy, đang từng phút xuyên qua lòng hậu phương đưa chúng tôi ra mặt trận.

Tôi đưa mắt nhìn xung quanh thấy ai nấy đều thức cả. Một số bạn bè không có người nhà đến thăm, lúc này đang chuẩn bị một gói quà bọc kín, hay là một phong bì thư dày cộm, ghi rõ, đầy đủ tên và địa chỉ người nhận. Chúng tôi dồn ra phía các ô cửa sổ, căng mắt nhìn vào màn đêm. Chờ đợi, ngóng trông khi đoàn tàu về đến gần quê hương mình thì kịp ném quà và thư xuống cho người thân, mà trước lúc lên đường ra trận không được gặp mặt. Điều mà tất cả đều tin rằng: bất kỳ người dân hậu phương nào, khi phát hiện ra những phong thư và gói quà này cũng sẽ tự giác, nhanh chóng chuyển đến người nhận.

Thời kỳ đó, cuộc sống tuy còn khó khăn, vất vả, thiếu thốn đủ bề, nhưng cái tình người được tôn vinh, trân trọng biết bao, nhất là tình cảm giữa người ở lại và người đi xa. Họ sẵn sàng hy sinh, chia sẻ, sẵn sàng giúp đỡ và làm điều tốt cho nhau.

Tàu đến ga Quán Hành, theo thông báo chỉ dừng 5 phút. Lần này, hai mẹ con tôi phải chia tay

thật rồi. Những tiếng ồn ào gọi nhau, những tiếng khóc to, nhỏ lan ra cả đoàn tàu.

Ôm chặt lấy mẹ còn thổn thức, hai mắt nhoè đi, mẹ ôm đầu và hôn lên tóc tôi rồi bật khóc. Những kìm nén, chịu đựng lâu nay bung ra trước giờ phút chia ly, hy vọng con trai mình có được may mắn thoát qua biển lửa ở chiến trường để trở về hay không? Chiến tranh đến bao giờ mới kết thúc? Tất cả đã vỡ oà trong tiếng sụt sùi, nức nở của mẹ.

Ôm chặt lấy tôi, mẹ nghẹn ngào nói đứt quãng:

- Con đi mạnh khoẻ, bình an... nhớ về với mẹ. - Đột ngột buông đôi tay đang còn ôm chặt đó, mẹ vội vàng nhảy xuống tàu, đứng dưới sân ga vẫy chào chúng tôi khi tàu chuyển bánh.

Tôi chợt bừng tỉnh và chỉ kịp hét lên:

- Cha mẹ và anh ở nhà nhớ giữ gìn sức khoẻ đợi con về!!!

Tiếng của tôi trộn lẫn trong tiếng hét vang chào tạm biệt của mọi người. Không biết mẹ có nghe được lời chào cuối cùng của con trai mình không? Nhìn bóng mẹ nhỏ bé, chới với, mong manh trên sân ga, mỗi lúc một mờ xa, nhạt nhòa, tôi không thể chịu đựng được hơn nữa và cứ thế bật òa lên khóc. Tiếng còi hú kéo dài, tiếng xình xịch của tàu chạy, át hết tất cả mọi âm thanh náo động của chúng tôi trong toa tàu và những người đang có mặt trên sân ga.

Bóng mẹ và mọi người chìm dần trong bóng đêm. Tôi cứ chăm chú dõi theo về khoảng không đó, như cố níu hình bóng mẹ ở bên mình mãi mãi.

Nhưng thực tế, khoảng cách giữa hai mẹ con cứ thế xa dần, xa dần...

Sau này, trong suốt cả chặng đường hành quân đi miền Nam và những ngày tháng tham gia chiến trận, tôi ân hận vô cùng, nhiều lúc cứ muốn hét toáng lên: "Cha mẹ ơi! Con muốn về và nhớ cha mẹ lắm!"

Trong toa tàu giờ đây chỉ còn lại anh em đồng đội. Tất cả đang trên đường ra mặt trận. Rồi đây, sau này ai trong số ngồi đây được may mắn trở về và ai là... Lúc đó, tôi không dám nghĩ tiếp.

Tất cả chúng tôi, ai cũng trẻ trung, trắng trẻo, tuổi đời đều mới mười chín đôi mươi còn ngơ ngơ, ngác ngác.

Khoảng 7 giờ sáng, đơn vị dừng nghỉ ở trạm giao liên xã Hưng Dũng, Hưng Nguyên. Hai ngày sau đó, chúng tôi lên canô ngược dòng sông Lam, rẽ về nhánh sông La, nghỉ ở huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh.

Dòng sông La là một dòng sông đẹp, có phong cảnh nên thơ, hữu tình, là nguồn cảm hứng sáng tạo cho nhiều thi nhân, nhạc sĩ. Đã có nhiều bài ca, bài văn, bài thơ ngợi ca dòng sông một thời hào hùng và sâu nặng tình đời này.

Giờ đây, tôi được ngồi trên canô chạy ngược dòng sông đó. Nước trong xanh, mát rượi, lặng lẽ trôi. Hai ven bờ những bãi dâu non xanh mơn mởn đang đến mùa hái lá, nối tiếp là những bãi mía trải dài, thân cao phủ một màu phấn trắng, bên trong chứa đầy vị ngọt.

Dòng sông nơi đây đã sinh ra và nuôi dưỡng mười cô gái thanh niên xung phong bất tử anh hùng ở ngã ba Đồng Lộc, trong thời kỳ giặc Mỹ đánh phá miền Bắc. Các cô gái tuổi đời cũng trẻ trung như chúng tôi, đã lập nên bao chiến công oai hùng. Họ chốt giữ không biết bao nhiêu ngày đêm giữa trọng điểm ở ngã ba này, nơi mà máy bay Mỹ ném bom liên tục hòng ngăn chặn đường vận chuyển quân, lương của chúng ta ra chiến trường. Giữa những lúc mưa bom, đạn nổ, các cô đã hiên ngang, ngẩng cao đầu, đếm từng quả bom rơi xuống, sau đó, xác định vị trí, đánh dấu để sau khi máy bay Mỹ rút là kịp thời phá nổ, đào đất, lấp hố bom thông đường cho những đoàn xe chở đầy hàng đang chờ phía sau,...

Rồi một lần, cả mười cô cùng nằm lại, khi quả bom Mỹ nổ bên cạnh, chôn vùi tất cả xuống lòng đất mẹ, để các cô sống mãi với tuổi hai mươi, như một bài hát đã ngợi ca: "*Trời mô xanh bằng trời Can Lộc, nước mô trong bằng dòng nước sông La, ai về Hà Tĩnh quê ta, nhớ chăng đôi mắt... người con gái sông La kiên cường*...".

Chúng tôi lại tiếp tục hành quân bằng ô tô vượt qua đèo Ngang hùng vĩ. Khi lên đến lưng đèo, nhìn phía trên và dưới chân đèo, từng đoàn xe ô tô chở đầy lính trẻ nối đuôi nhau kéo dài, kiên nhẫn, hối hả vượt dốc.

Nhìn về đồng quê huyện Kỳ Anh, thấy đẹp bình dị, yên ả. Một bức tranh thôn quê mộc mạc với màu

xanh chủ đạo, xen lẫn những mảng bạc, đen của mái nhà tranh, rồi những làn khói lam chiều,... Giá như không bị những mảng đỏ, xám của những hố bom chiến tranh phá vỡ thì bức tranh này thật sự hoàn hảo.

Cự Nẫm, trạm giao liên cuối cùng ở miền Bắc hậu phương. Hầu như đa số trong chúng tôi, chưa một lần đến đó, nhưng từ lâu đã nghe tên Cự Nẫm rồi.

"*Có ai về Rào Nam, xin vô ghé thăm vùng Cự Nẫm, làng chiến đấu xưa, nay đã đổi mới muôn màu...*" (bài hát *Quảng Bình quê ta ơi* của nhạc sĩ Hoàng Vân).

Cự Nẫm là một miền quê trung du nghèo, nằm ở phía tây tỉnh Quảng Bình, gần sát với biên giới Việt - Lào. Thôn xóm nơi đây chủ yếu là những mái nhà tranh vách đất, lúa gạo ít, khoai sắn thì nhiều. Đường làng gọn gàng, sạch sẽ. Người dân rất hiền hậu, thật thà, chất phác, chịu khó, chịu khổ, chăm chỉ lao động và hết lòng giúp đỡ bộ đội.

Những ngày còn lại sống trong lòng dân miền Bắc, anh em đã dành những tình cảm tốt đẹp nhất cho bà con nơi đây. Tranh thủ thời gian nghỉ chờ ngày hành quân lên đỉnh Trường Sơn, mọi người không ai bảo ai, đều tự giác làm những công việc có ích cho hậu phương. Chỉ có trong hai ngày, rất nhiều mái nhà tranh dột nát trong thôn đã được thay bằng màu rạ mới. Những con đường vào thôn xóm được sửa rộng rãi, bằng phẳng, sạch sẽ hơn.

Chúng tôi, những người lính trước lúc lên đường ra mặt trận, đều có một nguyện ước, mong sao cho làng Cự Nẫm cũng như những vùng nông thôn khác, có một cuộc sống no đủ và hạnh phúc.

II. TRÊN ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN

10-11-1971

3 giờ chiều, ôtô vận tải quân sự chở bộ đội lên đến đỉnh núi vượt Trường Sơn. Đường đi đá sỏi mấp mô, dốc đèo quanh co, nhiều đoạn có các đơn vị thanh niên xung phong phá đá, mở rộng đường. Bụi cát bay trắng đục cả một vùng rộng lớn.

Thấp thoáng hai bên đường là những cô gái thanh niên xung phong, không nhìn rõ mặt chỉ nghe thấy tiếng nói cười, vẫy chào tạm biệt chúng tôi chúc ngày chiến thắng trở về. Qua giọng nói, xem ra các cô còn rất trẻ. Tôi tò mò muốn được nhìn rõ mặt từng cô, nhưng tất cả đều bịt khăn kín mặt, chỉ thấy đôi mắt đen lay láy.

Trời về chiều, những chiếc xe đã bò lên cao, tiến gần về đỉnh núi. Đâu đây, phía xa xa, tiếng ùng oàng vọng về. Chiến tranh đã đến gần, không khí hoà bình đang dần dần khép lại sau lưng chúng tôi.

Mặt trời đã khuất dần sau rặng núi. Tiếng máy bay trinh sát ù ù từ xa vọng lại. Bóng tối buông xuống, phút chốc lại bị xé toạc, bừng sáng bởi những quả cầu lửa nối tiếp rơi xuống, liên tục, liên tục. Điệp khúc đó kéo dài cả đêm. Đấy là những quả pháo sáng của các máy bay trinh sát địch bắn ra

để lùng sục, tìm kiếm lực lượng bộ đội ta hành quân và vận chuyển lương thực, súng đạn ra mặt trận.

Khoảng 11 giờ đêm, từ trên đỉnh dốc, xe đưa chúng tôi xuống tập kết ở một thung lũng, bên cạnh con suối nhỏ. Nơi đây là trạm giao liên số 5 của Binh đoàn 559 hay còn gọi là Binh đoàn Trường Sơn.

Vị trí để bộ đội nghỉ được gọi là "bãi khách", nằm dưới khu rừng già được dọn sạch sẽ. Bếp Hoàng Cầm đào âm xuống lòng đất, khi nấu cơm không có khói và ánh sáng, tất cả đã được che kín. Ở đây có rất nhiều vị trí mắc tăng và võng.

Khí hậu ở phía tây Trường Sơn khá lạnh, trời mưa rả rích, dầm dề. Chỉ mới cách đây mấy giờ đồng hồ thôi, khi chúng tôi còn ở trên đất Quảng Bình trời vẫn nắng nóng như thiêu như đốt. Khí hậu nơi đây thay đổi lạ lùng. Chỉ cách nhau một đoạn đường ngắn bên Đông thì nắng nóng, bên Tây thì lạnh, mưa.

Cả đơn vị dừng lại nghỉ ở trạm 5 được bốn ngày để sáp nhập với trung đoàn thực binh 271 do trung đoàn trưởng Lê Ổn và chính uỷ Đoàn Sáu chỉ huy.

Không giống những đoàn giao quân khác, trung đoàn này luôn cơ động và độc lập chiến đấu trong mọi tình huống, sẵn sàng chống quân tập kích đổ bộ và kể cả công đồn nếu cần thiết. Bởi vậy, chiến sĩ của Trung đoàn 271 trên đường hành quân, mang vác nặng hơn chiến sĩ đơn vị khác cùng trên

tuyến đường. Ngoài ba lô, tư trang, lương thực, thực phẩm, chúng tôi còn phải đèo thêm súng đạn đầy đủ cơ số.

Ngay như tôi, vũ khí mang theo so với nhiều người trong đơn vị vẫn là nhẹ hơn. Đó là một khẩu tiểu liên AK và 300 viên đạn. Khổ nhất có lẽ là những chiến sĩ ở đại đội hoả lực, công binh C16, C17, C18, C19, phải cùng nhau mang vác những khẩu súng cồng kềnh, nặng nề như cối 82, DKZ 75, súng phòng không 12,7 ly.

Giờ đây đội hình hành quân đi vào của Trung đoàn 271 gồm tiểu đoàn 7, 8, 9 và 5 cùng với các đại đội trực thuộc 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 25. Quân số gần 3.000 người. Phiên hiệu chung cho cả đơn vị trên đường hành quân là Đoàn 2005D.

Buổi sáng, mặt trời đã lên cao, dưới đất, nơi chúng tôi đóng quân vẫn không có ánh nắng lọt vào, có chăng chỉ là những hoa nắng yếu ớt xuyên qua lớp tán lá cây dày đặc đậu xuống mặt đất. Ban ngày đứng nhìn bao quát, chiêm ngưỡng rừng già Trường Sơn rất đẹp và thơ mộng, vẫn còn những nét hoang sơ. Không kìm được mình trước vẻ đẹp của thiên nhiên, tôi rủ Hồng và Nam lội qua dòng suối để khám phá khu rừng xung quanh. Chúng tôi thật sự bất ngờ trước đống cây song (loại mây rừng) to tướng, phơi mình dọc dòng suối cạn. Thân cây đã già cỗi, trơ vỏ, màu trắng ngà, dài cả trăm mét.

- Thật là tuyệt, chúng ta lấy cây song này làm gậy đi.

Nam đưa ra ý kiến đó. Tôi và Hồng nhanh chóng chấp nhận.

- Các cậu ơi! Chúng mình phải chọn những cây song khô, có đoạn cong cong ở đầu đấy! - Tôi nói.

Sau một lúc loay hoay tìm kiếm, chúng tôi đã chọn được những đoạn song già khô ưng ý. Cả ba háo hức trở về thông báo cho đồng đội mang dao ra chặt song, trang bị cho mình một chiếc gậy tiếp bước cuộc hành trình đi bộ, băng rừng, vượt đèo, lội suối đang chờ phía trước.

Trong lúc ba đứa đang từ dưới suối lên, vọng lại tiếng hát của ai đó từ phía đơn vị đóng quân: "*Ta vượt trên triền núi cao Trường Sơn, đá mòn mà đôi gót không mòn...*". Khi lên đến nơi, tôi mới phát hiện ra người đang say sưa hát chính là Nguyễn Gia Thìn ở tiểu đội 6.

Nhìn thấy Thìn, chúng tôi cười phá lên bởi cách ăn mặc của cậu ta. Trời thì lạnh, trên đầu Thìn đội mũ ấm, cổ quàng khăn, nhưng bên dưới chỉ mặc một chiếc quần xà lỏn. Hai chân tím tái do lạnh, thế mà miệng cứ nghêu ngao hát. Xem ra cậu này yêu đời, vô tư, lạc quan quá.

Được chúng tôi thông báo vị trí của những cây song già, cả khu rừng đang yên tĩnh bỗng sôi động hẳn lên. Chiến dịch làm "*Chiếc gậy vượt Trường Sơn*" được mọi người nhanh chóng hưởng ứng, triển khai thực hiện.

*

* *

Sang ngày nghỉ thứ hai, binh trạm tổ chức phục vụ chiếu phim cho anh em đơn vị. Thật bất ngờ, ở miền xa xôi hẻo lánh mà vẫn có phim để chiếu. Khi nghe được tin vui này, ai nấy đều háo hức, mặt mày rạng rỡ hẳn lên.

Phim được chiếu là "*Thượng Cam Lĩnh*", do Trung Quốc sản xuất. Nơi chiếu phim được đặt trong hang đá rộng lớn, đủ chỗ ngồi cho cả đại đội.

Thật cảm ơn anh em chiến sĩ Binh đoàn Trường Sơn, đã tận tình phục vụ chúng tôi rất chu đáo. Phim quá cũ, do chiếu nhiều lần nên xước, hình ảnh mờ, có vô số vệt sáng dài nhay nháy, trượt dọc. Nhưng không thành vấn đề đối với cánh lính ở đây, lúc này được xem phim là hạnh phúc lắm rồi.

Bên ngoài, phía trên bầu trời, những chiếc máy bay trinh sát L19, 0V-10 bay vè vè liên tục, săn lùng bộ đội ta. Trong hang đá, các chiến sĩ giao liên vẫn bình tĩnh nối lại những đoạn phim bị đứt để chiếu cho mọi người xem tiếp.

Phim nói về cuộc chiến giữa quân đội Mỹ hùng hậu, trang bị đầy đủ vũ khí, bao vây một nhóm quân Trung Quốc, vũ khí thiếu thốn, thô sơ, đang cố thủ trong hang đá. Vậy mà cuối cùng, đội quân Trung Quốc lại chiến thắng, phía Mỹ thua chết la liệt.

Xem xong phim, ra khỏi hang chúng tôi trở về đều xôn xao bình luận: "Bộ phim nói quá, làm gì có chuyện ngược đời như vậy".

14-11-1971

Chúng tôi rời trạm 5, bắt đầu chặng đường hành quân cuốc bộ. Đường đi là lối mòn nhỏ dưới tán cây trong rừng già, sâu hun hút. Càng về cuối ngày, hai chân và hai vai tôi càng đau nhừ, sưng đỏ.

Chiếc ba lô cồng kềnh và bao gạo đầy 7 kg sau lưng ghì nặng đôi vai. Cổ như muốn rời ra khi dây đeo súng tiểu liên AK kéo gò đầu xuống, lưng bụng thì đau thắt, thân thể như chia ra làm hai phần, bởi vòng quanh nó là một dây lưng bản rộng, được treo vào đủ mọi thứ. Nào là bình tông đầy nước, dao găm, lựu đạn rồi hộp thuốc cá nhân,... Mệt quá, nhiều lúc tưởng như đứt hơi, muốn đổ vật bên đường. Tôi lê từng bước mệt nhọc, loạng quạng đuổi theo đoàn quân.

Trước khi lên đường, tôi cân kiểm tra trọng lượng cơ thể của mình, được 45 kg, cao 1 m 65. Khi còn ở nhà, mọi người trong gia đình thường gọi tôi là "cái dây của họ Võ".

Thực ra không riêng gì tôi, thời kỳ đó, thể tạng người dân miền Bắc cơ bản là vậy. Nếu ra đường, cũng chỉ gặp đa số là người gầy, chả có mấy người béo mập. Hai cuộc chiến tranh ác liệt đã cướp đi không biết bao nhiêu sinh mạng con người, lấy đi không biết bao nhiêu sức lực, trí tuệ của cả dân tộc. Cả nước ai cũng sống trong khó khăn, gay go, ác liệt. Thời gian yên tĩnh, hoà bình, dành cho sản xuất, xây dựng cuộc sống chả được mấy. Tất cả mọi người đều lo lắng chống đỡ chiến tranh. Tất cả tập

trung ưu tiên cho tiền tuyến, với khẩu hiệu: "*Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người*".

Bước sang ngày thứ hai hành quân cuốc bộ, cái đau, mỏi, mệt càng hành hạ tôi. Chưa lúc nào tôi thấy thể xác mình đau đớn đến như vậy. Tất cả như muốn vỡ tung ra.

- Cho em nghỉ đi, thủ trưởng ơi!

Dọc tuyến đường hành quân, tôi đã gào lên rất nhiều lần. Nhưng đoàn quân vẫn không mảy may dừng lại, tất cả mọi người vẫn cứ nối đuôi nhau lặng lẽ hành quân, hành quân,...

*

* *

Những ngày tiếp theo, con đường nhỏ chúng tôi đang đi được nối ra con đường lớn, dành cho phương tiện vận tải cơ giới cắt qua đường 9 (đoạn từ Xê Pon, Nam Lào về Lao Bảo) đến thị trấn Bản Đông.

Nơi đây vẫn còn dấu tích chiến thắng vang dội của bộ đội ta trong trận đánh đập tan cuộc hành quân chiến lược của quân đội Việt Nam Cộng hoà, với mật danh "Lam Sơn 719", hòng cắt đứt yết hầu tiếp tế quân, lương của miền Bắc hậu phương cho cuộc cách mạng ở miền Nam. Những chiếc xe tăng M41, M113, xe vận tải, súng đại bác 105 ly của quân đối phương bị thủng và vỡ toác ra từng mảng nham nhở, nằm rải rác, ngổn ngang trong khu rừng đất đỏ. Cây cối gục đổ, tan hoang, mặt đất bị cày xới tứ tung khắp nơi.

Trong trận chiến này ta đã bắt sống được đại tá quân đội Việt Nam Cộng hoà Nguyễn Văn Thọ, chỉ huy cuộc hành quân.

*
* *

Chúng tôi vượt qua sông Xê Băng Hiêng bằng thuyền. Dòng sông trong xanh, mát rượi. Ngồi trên thuyền, tôi cứ ước ao được vùng vẫy bơi trên dòng sông này, chắc rằng sự mỏi mệt, đau đớn trên thân thể ít nhiều sẽ vợi đi, trôi theo dòng sông đang chảy mãi, chảy mãi.

Ban ngày, trên bầu trời, những chiếc máy bay trinh sát L19, 0V-10 luôn lùng sục quân ta. Đâu đó, tiếng ùng, oàng xa xa vọng lại.

Về đêm, những chiếc máy bay cánh quạt "bà già C130" ầm ầm, ì ì thay nhau bay dọc tuyến đường đi của bộ đội ta, soi mói, bắn phá. Thỉnh thoảng chúng lại bắn một loạt đạn từ trên cao xuống. Tiếng nổ, "binh bùng, binh bùng", chúng tôi gọi đùa là "xin thùng, xin thùng" (thùng xe cơ giới).

Máy bay này được trang bị kính ngắm hồng ngoại nên chúng bắn vào những chiếc xe vận tải của bộ đội ta chạy trong đêm khá chính xác. Cánh lính lái xe Trường Sơn gọi là "máy bay tử thần".

Chúng tôi đi đến những đoạn đường bạt taluy bị vùi dập do bom đạn địch ném xuống. Nơi đây, bộ đội và thanh niên xung phong đang hối hả vần đá, san lấp mặt đường để những đoàn xe vận tải

còn chờ ở phía sau kịp ra mặt trận. Tất cả cho tiền tuyến, tất cả vì miền Nam ruột thịt.

*

* *

Đoàn quân đã vượt qua không biết bao con dốc, con suối, thửa ruộng, bản làng nghèo của dân Lào nằm thưa thớt dọc tuyến đường đi. Nơi đây, người dân mang theo những bát gạo, quả bầu, quả bí, con gà, ra hai bên đường ngồi chờ đón bộ đội đi qua để đổi một gói muối, một ít mì chính, hay một chiếc khăn mặt,... kể cả ảnh cô gái miền Bắc duyên dáng, đẹp dịu dàng.

Người dân Lào nghèo, hiền hậu, thật thà, chất phác, rất dễ tin người. Đàn ông nơi đây, da đen bóng, trên mình chỉ đóng chiếc khố màu đen nhỏ, bên hông luôn mang theo một con dao, trên vai vác chiếc rìu, miệng liên tục ngậm thuốc lá. Phụ nữ da cũng không trắng hơn chỉ mặc chiếc váy thổ cẩm sờn, không rõ hoa văn, phía trên không có áo mà choàng một tấm khăn tự dệt, màu nâu đen để chống rét. Họ ngồi cạnh những món hàng bày ra bên đường chờ đổi một thứ nào đấy mang về.

Một điều đặc biệt của phụ nữ ở đây là luôn mang bên mình chiếc điếu tre khá lớn (như điếu cày hút thuốc). Nõ điếu to, miệng bằng bát ăn cơm, bên trong chứa một vốc sợi thuốc lá màu xanh, kèm một cục than nhỏ đang cháy âm ỉ. Miệng của họ luôn gắn chặt với chiếc ống điếu, không lúc nào rời ra. Ngay cả khi dừng lại để trả lời chúng tôi, cũng

chỉ có hở nửa miệng ở ngoài để đáp lại, chứ không dứt hẳn ra.

*
*   *

Buổi sáng giữa rừng già đại ngàn Trường Sơn nếu như không có tiếng vè vè máy bay trinh sát và những tiếng ùng oàng của bom đạn thì nơi đây đẹp thơ mộng lạ thường. Tiếng hú lanh lảnh chói tai của đàn vượn gọi bầy dấy lên từng đợt, tiếng ríu rít của đàn chim tìm quả trên tán cây rừng,... Thỉnh thoảng, phía bên kia sườn núi lại vang lên từng hồi tiếng chim "bắt cô trói cột", được gọi là "khó khăn, khắc phục", nhắc nhở mọi người vượt qua mọi gian khổ, tiến lên phía trước. Nhưng có lẽ, âm thanh rộn ràng và náo động nhất là tiếng bước chân tiến quân rầm rập của chúng tôi.

Đến lúc này, tôi không nhớ mình đã vứt bỏ chiếc gậy vướng víu từ lúc nào, chắc là chỉ sau mấy ngày hành quân. Quan sát hết lượt mọi người, đến giờ này không ai còn gậy nữa. Dù có đau nhức, mệt mỏi đến mấy vẫn không được phép tự ý dừng lại. Tất cả chỉ một hướng hành quân, hành quân.

Những sáng kiến giảm trọng lượng trên vai của anh em trong đoàn đã xuất hiện. Bắt đầu từ chiếc quần áo lót, đến đôi giày, bít tất, quyển truyện dày, mỏng đều cảm thấy không cần nữa. Tất cả được treo lên thân cây ở trạm nghỉ mà chúng tôi vừa tạm biệt.

Giờ đây, cả một bãi rộng lớn phủ đầy những thứ vừa được bỏ ra, song cảm giác nặng nề vẫn còn bám chặt, kiên trì, không buông tha cho chúng tôi. Nhưng công bằng mà nói, lúc này ai nấy đều cảm thấy đỡ nặng và vướng víu hơn trước nhiều.

Phải giảm cân nữa, một ý kiến ai đó trong đơn vị đề xuất, nhưng còn giảm gì được đây? Khi súng, đạn, áo quần, chăn màn, ba lô, thuốc men không thể bỏ được rồi. Một sáng kiến mới nữa được đưa ra:

- Phải cắt bỏ đỉnh màn thôi!

Mọi người nhanh chóng chấp nhận và thực thi. Mặc dù trọng lượng đỉnh màn chỉ được vài lạng thôi, nhưng đối với chúng tôi lúc này cứ giảm được gam nào, hay gam nấy.

Chiếc màn giờ đây đã bỏ đỉnh đi, khâu lại hai mép tạo thành màn hình chữ A rất tiện lợi khi nằm võng. Phải thưởng "huân chương" cho ai đã đề xuất sáng kiến này.

*

*   *

Đang mải mê bước theo đoàn quân, tôi nhận được khẩu lệnh phía trước truyền về và vội vàng quay lại truyền lệnh cho người đi sau.

- Qua sông cởi quần!

Đó là mệnh lệnh, nên cánh lính chúng tôi chấp hành rất nghiêm, không một chút chần chừ. Giờ đây, ai nấy trên mình chỉ còn độc một chiếc áo dài trên người, riêng chiếc quần đã được vắt qua cổ. Phía dưới thật sự được hoàn toàn tự do, vì tất cả

anh em đã lâu không còn khái niệm về đồ lót nữa, những thứ này đã nằm lại ở các trạm phía sau từ lâu rồi.

Chúng tôi đi mãi mà chẳng thấy sông. Phải chăng, chỉ có khoảng trống rộng của con suối cạn kéo dài nằm phía trước. Nơi đấy xuất hiện một đơn vị nữ thanh niên xung phong đang ghép đá làm đường cho xe cơ giới. Tiếng cười khúc khích râm ran... Mọi người ai nấy đều hoảng hốt nhìn xuống. Không kịp mặc quần nữa rồi, rất may còn có hai tà áo lính dài, đủ che kín những thứ cần che. Nhưng dù sao chúng tôi vẫn ngượng ngùng đỏ chín mặt khi đi qua những cô gái trẻ trung, hồn nhiên và hóm hỉnh này.

Thì ra, cậu nào phía trước trong đoàn đã truyền lệnh đùa cợt tai hại đó, đặt tất cả mọi người ở phía sau vào tình huống khó xử. Giá như không có chuyện vừa rồi xảy ra, tất cả chúng tôi đã la hét trêu đùa thoải mái với chị em. Đã lâu rồi, anh em chưa hề gặp bóng dáng một cô gái người Việt Nam nào. Lẽ ra, đây là dịp may hiếm có để nhớ về những ký ức quê nhà.

*

*   *

Cứ hành quân vượt qua 10 trạm giao liên, cả đơn vị lại được nghỉ một ngày để nhận lương thực, thực phẩm cho những ngày tiếp theo. Đã lâu rồi, chúng tôi không được nhìn thấy một cọng rau. Đói ăn, đói rau làm ai nấy cũng nôn nao khó chịu.

Được một ngày nghỉ, cả tiểu đội tôi chia nhau xuống suối tìm các loại rau ăn được như cây môn thục, rau dớn (cây dương xỉ), măng tre, le, nứa. Hoặc tìm trên những khoảng rừng trống, xung quanh miệng hố bom đã lâu ngày, cây cối cháy đổ, nơi đây rau tàu bay mọc rất nhiều.

Cũng vì thèm rau xanh nên đã có anh em hái rau môn thục nhầm sang cây rau ngải (hai loại cây này hình dáng bên ngoài khá giống nhau). Ăn phải rau này sẽ ngứa từ trong ruột ra tận miệng. Cái ngứa khó chịu đến mức muốn thò cả tay vào trong bụng để cào hết cỡ cho đỡ ngứa.

Nồi rau đã nấu chín, nhìn vào rất hấp dẫn vì đã ngốn không ít mì chính, nhưng phải nhắm mắt đổ đi. Tiếc đứt ruột cũng đành chịu.

Càng ngày, chúng tôi càng có kinh nghiệm về kiếm rau rừng, tất cả những loại cây, lá có vị đắng, ngọt tuyệt đối không đụng đến, rất dễ bị ngộ độc. Còn những loại rau, lá có vị chua thì có thể ăn được. Những "bí quyết" này do cán bộ binh trạm Trường Sơn truyền cho.

*

*   *

Đêm nay nghỉ ở trạm giao liên, chúng tôi được thông báo chuẩn bị tinh thần và đồ đạc gọn gàng, cơm nắm và nước mang theo đầy đủ để ngày mai hành quân vượt dốc cao.

Khi vừa nghe được thông báo từ ban chỉ huy đại đội, tôi cứ nghĩ hết dốc này cũng chỉ cao hơn

một chút so với cả nghìn con dốc đã đi qua. Song khi đến chân dốc tôi mới thấy hết được sự nguy hiểm và khó khăn.

Dốc đá tai mèo thẳng đứng, không thể vượt qua, nếu như không có những chiếc thang dây làm bằng cây song to, già, vững chắc, được chiến sĩ binh trạm giao liên cố định vào vách đứng núi đá theo từng đoạn một.

Đứng ở dưới, nhìn lên chiếc thang dựng đứng cheo leo lờ mờ trong mây trắng trôi bồng bềnh, tôi rùng mình khi nghĩ sắp phải đu bám trên những bậc thang chênh vênh đó.

Trên mình không mang vác thứ gì mà vượt qua được con dốc cheo leo, dựng đứng, cao vút này đã là một kỳ tích rồi. Còn bây giờ, người mang nhẹ nhất như tôi đã là 25 kg mà lại cồng kềnh nữa. Nhưng mệnh lệnh là mệnh lệnh, không cho phép chùn bước. Tất cả mọi người phải cùng nhau tiến lên.

Trèo lên dốc cao dựng đứng chân dò dẫm từng bước ở những bậc thang phía dưới, tay nắm chặt từng bậc thang phía trên, gồng mình đu người lên, nhích dần từng bậc một. Đầu người dưới đội người trên, từ từ dịch chuyển.

Càng lên cao gió càng thổi mạnh, mây mù bao phủ dày đặc, che mất tầm nhìn của chúng tôi. Những hạt nước trong mây nhỏ li ti phả vào mặt, vào cổ, thấy lành lạnh, buốt buốt.

Có những đoạn dốc khi đang cố sức leo, trời bỗng nhiên quang đãng, trong vắt. Tôi đưa mắt

nhìn xuống dưới, một lớp mây trắng dày đặc, xốp nhẹ, bồng bềnh lặng lẽ trôi. Mặt đất ở dưới hầu như không còn thấy nữa, chỉ thấy ở nơi sâu thăm thẳm ấy mờ mờ một màu xanh cây rừng, thoắt ẩn, thoắt hiện. Nhìn ra các phía xung quanh, nơi xa xa kia là những ngọn núi nhô lên trên biển mây trắng dập dềnh, mênh mông. Người tôi cảm thấy say say, bay bổng, bồng bềnh. Nhiều lúc không dám nhìn xuống nữa, mà cứ ngỡ mình như đang lạc vào chốn bồng lai. Trong lúc đó, núi đá tai mèo nhọn hoắt và chiếc thang ẩm ướt trơn tuồn tuột, chỉ cần sơ sểnh một chút, tay bám bậc thang không chắc là bị tuột ngay, cả người sẽ rơi xuống tan tành, không biết đi về đâu?

Đang mải mê bám chặt từng bậc thang để đu mình lên, tôi giật mình khi nghe tiếng ai đó la lên:

- Mẹ ơi, con chết mất!

Ngay sau đó là tiếng la của Nam:

- Hồng ơi, bám chặt và áp mình sát vào thang. Đứng yên và nhắm mắt lại, đừng có nhìn xuống dưới.

Lập tức, Nam gồng mình đội Hồng để không cho cậu ta ngã ngửa người rơi xuống vực sâu hun hút, dù lúc đó trên người Nam đang mang vác trên 25 kg.

Cả đoàn quân đang bám chặt vào chiếc thang nhỏ bé, chuyển động lên trên đều đều, chậm rãi đột ngột dừng lại. Cũng là tiếng của Nam ở trên đầu tôi la lớn:

- Tất cả anh em, hãy mang giúp Hồng một số thứ trên người cậu ta!

Đầu thì đội bạn lên, một tay phải nắm chặt từng bậc thang dây, một tay nữa Nam nhanh nhẹn rút bao gạo căng tròn trên vai Hồng xuống đưa cho tôi mang giúp.

Có lẽ do thế đứng lúc đó rất khó khăn, trên người còn mang vác quá nhiều thứ nặng, cồng kềnh, lại phải bám chặt thang leo mới được đến đây, qua một chặng đường rất dài, sức Nam đã kiệt nên khi trao bao gạo đó cho tôi, anh đã trượt tay, khiến nó rơi xuống.

Nhìn theo bao gạo căng tròn bạc màu cỏ úa lao vun vút sàn sạt bên cạnh đoàn quân, xuống nơi sâu hun hút ấy, chìm vào trong đám mây trắng trôi bồng bềnh phía dưới, tôi bỗng cảm thấy người chòng chành, chao đảo, quay cuồng, hoảng sợ. Chiếc thang và vách núi ngay sát mặt đường như cũng đang đảo đảo, xoay tròn.

Biết mình bị choáng ngợp và say ở độ cao này, trong đầu tôi giờ đây chỉ còn một suy nghĩ: phải nhắm ngay mắt lại, tay bám chặt lấy bậc thang, ép sát người vào, kiên quyết không được bỏ tay, nếu không sẽ như bao gạo vừa rơi xuống dưới vực sâu đó.

Phía trên đầu Hồng, anh em cũng đang một tay bám chặt bậc thang, một tay cố gỡ những thứ còn đeo trên vai, trên cổ cậu ta như khẩu súng AK, chiếc xẻng cá nhân,... chuyền lên trên cho đồng đội mang giúp.

Chúng tôi dừng lại giữa lưng chừng dốc một lúc. Nam động viên Hồng:

- Cậu đã thấy đỡ chóng mặt chưa? Cố gắng lên! Hãy nhìn vào bậc thang và bám chặt nó. Cậu đừng có nhìn xuống dưới và hai bên nữa. Dũng cảm lên! Mình và mọi người luôn bên cậu!

Mặt trời đã chếch hướng tây, cả đơn vị dừng lại nghỉ ở một khoảng trống lưng chừng dốc và lấy cơm nắm ra ăn. Lúc này, tôi mới đủ can đảm đưa mắt quan sát về phía chân dốc.

Thật kinh ngạc và khâm phục làm sao khi được chứng kiến anh em trong đại đội súng cối 82 (C16), đang vận chuyển những khẩu súng to lớn, cồng kềnh, nặng nề vượt qua dốc thẳng đứng này. Người này kéo, người kia đẩy những chiếc nòng pháo to tròn, dài ngoẵng, nặng trịch, bóng loáng và trơn tuồn tuột. Hoặc là từng người một phải mang trên lưng những chiếc đế, bộ chân pháo bằng sắt rất nặng, khá cồng kềnh. Tất cả đều kiên nhẫn, lầm lũi, dò dẫm bám vào bậc thang nhích từng tý một để vượt qua con dốc cao kinh hoàng. Dưới kia, có những người đã mang ba lô cồng kềnh sau lưng, còn gánh trên vai thêm 6 quả đạn cối. Họ đang cố ép người sát vào chiếc thang để tránh sảy chân trượt ngã, rơi xuống.

Hoá ra so với các anh, chúng tôi còn hạnh phúc chán. Là cánh lính với nhau, xin bái phục, bái phục. Con dốc này được gọi là "dốc bắc thang lên trời".

Chiều về, cả đơn vị đã vượt qua đỉnh dốc. Cứ nghĩ rằng lên được dốc là khó, nhưng khi xuống được dốc khó khăn, nguy hiểm cũng không kém.

Ở phía bên này, độ dốc thoai thoải. Nhưng từ trên cao nhìn xuống vực sâu hun hút, lại bị lớp mây mù che phủ, trông mờ mờ, ảo ảo, chả thấy rõ đáy vực. Tôi sợ hãi thót tim, nhưng rồi cuối cùng mọi người đều vượt qua được cửa ải kinh sợ đó một cách an toàn.

*

* *

Rừng già đại ngàn của Lào rộng lớn, mênh mông, đi mãi vẫn không hết. Những cánh rừng nguyên sinh với các cây cổ thụ to lớn đến cả chục người nối tay ôm xung quanh vẫn không xuể. Tán cây vươn rộng, đan xen, tầng tầng lớp lớp, ánh sáng mặt trời khó mà lọt qua. Nét hoang sơ của những khu rừng đó khiến chúng tôi cảm giác như mình là người đầu tiên đặt chân đến đây.

Thỉnh thoảng, tôi bắt gặp một chú chim đại bàng đất đang ngủ trên tán cây cổ thụ. Nó giật mình tỉnh dậy vỗ cánh bay khi nghe tiếng rầm rập của những bước chân hành quân. Tiếng vỗ cánh của chim đại bàng nghe oàm oạp, oàm oạp, chậm rãi, sải cánh rộng đến cả chục mét, bay xa dần, xa dần...

Khi đi bên triền núi, nhìn xuống thung lũng, một màu xanh trải rộng bao la. Xa hơn nữa là những ngọn núi cao chót vót, bốn mùa mây trắng ôm ấp, bao phủ. Thật diệu kỳ, huyền ảo biết

nhường nào. Đến gần một con suối, nhìn lên phía xa xa, tôi thấy một chiếc cầu treo vắt vẻo trên hai đầu ngọn cây nối liền con suối, đang đung đưa dập dềnh theo nhịp bước của bộ đội hành quân, ngỡ như quân ta đang bước đi giữa trời.

Những chiếc cầu treo này được bộ đội Trường Sơn dựng bằng sợi song già lâu đời. Thành cầu làm bằng những đoạn song ngắn. Mặt cầu là những đoạn tre già kết lại. Cầu tre được cố định bằng những sợi dây buộc chặt ở đầu ngọn cây hai bên bờ suối.

Dáng chiếc cầu treo rất đẹp và bay vút. Khi đi qua, chúng tôi ai ai cũng trầm trồ, thán phục sự khéo léo của bộ đội Trường Sơn. Những con suối ở Trường Sơn mùa lũ về nước ngập đến ngọn cây, chỉ có loại cầu treo này bộ đội ta mới vượt suối trong mùa mưa lũ được. Đến lúc này tôi mới thực sự hiểu được ý nghĩa câu hát: "*Đường tôi đi dài theo đất nước*" của nhạc sĩ Vũ Trọng Hối năm nào. "*Từng bờ khe cầu treo ngọn cây, cảnh đẹp như giục tâm hồn tôi...*"

*

* *

Chúng tôi được thông báo chuẩn bị cho ngày hôm sau, mỗi người phải mang ba nắm cơm, nước uống nhiều hơn những ngày qua, để vượt con dốc cao nhất từ trước tới nay.

Cứ ngỡ con dốc đã vượt bằng thang dây cao phát khiếp rồi, giờ đây lại có dốc cao hơn nữa, tôi rất lo lắng, hoang mang. Oái oăm thay, cậu Lượng

(người Nghi Khánh, Nghi Lộc, Nghệ An) to béo nhất tiểu đội lại đang lên cơn sốt ác tính, người co giật liên hồi. Dù trước đó và ngay cả bây giờ, vào một ngày quy định trong tuần, mọi người đều được uống thuốc phòng chống sốt rét nhưng đến nay cả đại đội tôi có sáu người bị những cơn sốt rét quật đổ. Cánh lính chúng tôi ở Trường Sơn đã đúc kết rằng, hầu như những ai có thân hình to béo sẽ được thần sốt rét đến viếng thăm đầu tiên. Cậu Lượng nằm trong diện đó.

Phía trước là đường dài thăm thẳm, dốc cao dựng đứng cao, trên vai lại mang nặng, quá sức chịu đựng của từng người. Sao Lượng lại chọn sốt vào thời điểm khó khăn này?

Tất cả mọi người trong tiểu đội ai nấy đều thương Lượng vô cùng khi tận mắt chứng kiến cậu ta lên cơn sốt hầm hập, người run bần bật, không ăn được gì, chỉ húp một ít nước cơm.

Cơn sốt của Lượng đã được dự đoán trước đó mấy hôm, nhưng không ai biết nó sẽ xảy ra vào thời điểm nào vì mấy ngày vừa qua cậu ta đòi ăn rất nhiều và liên tục kêu đói. Đấy là biểu hiện của những người sắp lên cơn sốt và sau khi cắt cơn sốt.

Đầu tiên là cái rét đến rất nhanh, rét tận trong ruột rét ra. Rét rùng mình, rét đến gai cả người, hai hàm răng va đập vào nhau cầm cập, liên hồi. Hai mắt trắng dã, môi tím tái, người co quắp, run rẩy, giật theo từng cơn, dù có đốt đống lửa bên cạnh vẫn không có tác dụng gì.

Chúng tôi mặc nhiều áo quần cho Lượng và tập trung tất cả chăn, màn phủ kín, nhưng cậu ta vẫn rên hừ hừ, liên tục kêu rét, thỉnh thoảng cơn co giật từng cơn.

Sau đợt rét là cơn sốt hầm hập. Nhiệt độ trong người lên 40 - 41^{0}C, dẫn đến mê sảng, co giật, nói ú ớ, mồ hôi vã ra như tắm, mắt trắng dã. Nếu như không có cấp cứu, chăm sóc kịp thời sẽ chuyển sang ác tính. Không ít những trường hợp sốt ác tính đã xảy ra đối với cánh lính chúng tôi. Nếu không chết thì suốt cả cuộc đời còn lại, cũng bị tâm thần ngơ ngẩn.

Có những chiến sĩ bị cơn sốt rét đến bất chợt trong lúc hành quân. Mắt hoa, tai ù, người run rẩy, phải đi chậm lại phía sau, không thể đuổi kịp anh em đang đều nhịp bước hành quân, phải nghỉ qua đêm ở ven đường. Ngày hôm sau, khi kiểm tra quân số thấy thiếu, đơn vị cử người quay lại tuyến đường đã qua để đón tìm. Khi trông thấy chiếc võng mắc cạnh lối đi, đến nơi vẫn thấy anh nằm im, nhưng chết từ lúc nào, mối rừng xông, phủ đầy mình,...

Những cái chết thương tâm thỉnh thoảng vẫn xảy ra với các chiến sĩ đang hành quân trên dải Trường Sơn. Để tránh được những tổn thất trên, cả đơn vị tôi luôn quán triệt sâu sắc kỷ luật hành quân. Quân số được quản lý và kiểm tra chặt chẽ. Tổ nào có ai đó trên đường bị sốt rét, việc đầu tiên là phải tự mình chống gậy bước theo đơn vị, còn ba lô,

súng đạn anh em trong tiểu đội phân công nhau mang, vác hộ. Nếu bị sốt quá nặng không thể đi được, lúc đó mọi người sẽ thay nhau cáng theo.

Tất cả chúng tôi đều xót xa, thông cảm, chia sẻ những gì đang hành hạ Lượng... Trong lòng ai nấy thầm mong cơn sốt tai quái kia sớm chấm dứt để đến sáng ngày mai cậu ta tỉnh lại và tự mình sải bước cùng anh em.

Buổi sáng, trước lúc lên đường, mọi người trong tiểu đội đã chuẩn bị tinh thần thay nhau cáng Lượng vượt dốc. Tôi người gầy cao lênh khênh được phân công mang giúp cậu ta chiếc ba lô. Như vậy, lúc này, ngoài súng đạn và bao gạo 7 kg, tôi còn phải khoác trên vai mình thêm hai ba lô nữa. Tổng cộng trọng lượng mang theo hơn 35 kg. Con dốc này không dựng đứng như dốc đá tai mèo đã qua, độ cao cứ đều đều, đường đất rộng, trải dài, ngoằn ngoèo. Mọi người lầm lũi, nặng nề lên dốc đầy bùn nhão nhoét, trơn tuột, dò dẫm bấm đầu ngón chân xuống mặt đường để chống trượt ngã. Cũng may, những đôi dép cao su do Trung Quốc sản xuất có quai rất bền, khó tuột, đế dép không dày, độ mỏng vừa phải nên việc lên, xuống dốc thuận tiện hơn. Ba lô, súng đạn trên vai đè nặng như muốn lôi tôi lao tuột xuống vực sâu thăm thẳm phía dưới.

Nơi đây bốn mùa mây mù bao phủ, những hạt nước li ti của đám mây là là bay qua phả vào người, vào mặt lạnh buốt. Chúng tôi tiếp tục hành quân

trong mây mù, trên mặt đường bùn nhão nhoét, đồng đội cáng Lượng phải chống gậy dò đường.

Đến đoạn quá lầy, chiếc võng đung đưa chao đảo. Tại và Tiếu đang cáng Lượng khựng lại, hai chân và chiếc gậy gắng gượng đứng trụ ở mặt dốc nghiêng, trơn tuột, một lúc sau, chiếc võng mới trở lại nhịp điệu ban đầu. Thật hú vía, chỉ cần chân cậu Tại trượt lệch sang bên phải không đầy 10 phân nữa là ba người cùng chiếc cáng sẽ rơi xuống vực sâu thăm thẳm.

Đã quá trưa, chúng tôi dừng lại giữa lưng chừng dốc để nghỉ và mở nắm cơm thứ hai ra ăn. Gió thổi vù vù, không gian phủ một lớp mây mù trắng đục, áo quần và mặt chúng tôi ướt đẫm nước. Lúc này mới cảm nhận được cái rét tê buốt của đỉnh Trường Sơn, trái ngược với lúc còng lưng mang, vác hai chiếc ba lô nặng trĩu cùng súng, đạn với bao gạo đầy, gồng mình lê bước theo đoàn quân leo dốc, mồ hôi tuôn ướt đầm đìa. Trời về tối, cả đơn vị cố leo lên đến đỉnh dốc rồi mới nghỉ qua đêm. Ai nấy đều thở phào nhẹ nhõm vì đã vượt qua điểm cao nhất của dải Trường Sơn hùng vĩ.

Nước và cơm nắm đã được chúng tôi chuẩn bị từ trước vì ở trên này hoàn toàn không có nước, cơm nấu cũng không thể chín được, do núi quá cao, không khí loãng, nhiệt độ sôi chỉ đạt được mấy chục độ. Để vượt con dốc vừa qua chúng tôi phải ăn đến ba nắm cơm: dưới chân, lưng chừng

và cuối cùng là trên đỉnh núi, do đó anh em đùa vui là "dốc ba nắm".

*

* *

Sáng hôm sau, đơn vị tiếp tục hành quân về phía bên này, đường đi thoai thoải, chúng tôi ai nấy đều thở phào nhẹ nhõm.

Rừng nơi đây rất đa dạng. Rừng bằng lăng (săng lẻ) rộng mênh mông, chỉ có mỗi một loại cây bằng lăng. Cây cao thẳng đứng, mọc thưa, thân cây khoang đốm, trắng bạc như màu vỏ cây ổi già. Ong rừng làm tổ rất nhiều trong những hốc cây trên cao.

Rừng cây khộp (cây dầu chai) thưa thớt, mùa khô cây trụi lá, trơ cành. Những chiếc lá khộp to hơn chiếc bánh đa nướng rụng đầy, phủ kín mặt đất. Khi chúng tôi dẫm lên, lá vỡ ra nghe rôm rốp.

Rừng le phủ kín và dày đặc với một màu xanh trải rộng mênh mông, nằm dọc hai bên bờ suối, bờ sông. Cây cao độ khoảng 5 đến 7 mét. Nơi đây có rất nhiều loại thú sinh sống, đặc biệt là lợn rừng. Chúng đi kiếm ăn thành từng đàn. Vắt rừng như những con đỉa nhỏ bằng que diêm bám trong các bụi le, chỉ đợi khi chúng tôi đi qua là bắn ra "tanh tách" vào vùng da thịt để hở như cổ, tai và mu bàn chân. Chúng bám rất chặt, tranh nhau hút máu mà không hề gây cảm giác đau đớn hay khác lạ gì. Khi phát hiện được thì con nào, con nấy đã căng tròn đầy máu, to hơn đầu đũa, chụm đầu vào vết

thương như một bông hoa nhiều cánh đen ngòm, loang máu đỏ trên nền da trắng nhợt.

Đa số anh em khi phát hiện ra chúng đều hoảng sợ, nhảy cẫng lên la hét, cầu cứu bạn bè giúp đỡ. Kinh nhất là loại vắt "sọc xanh", chúng có thể tự bắn xa ba bốn mét, từ bụi cây ra mặt đường. Những vết thủng trên da do vắt để lại, máu khó đông, cứ chảy ra mãi. Muốn khắc phục thì lấy một dúm nhỏ thuốc lá, thuốc lào dịt vào, còn không thì nhai vội một ít lá le rừng đắp. Phải mất một thời gian khá lâu máu ở đấy mới đông.

*

* *

Vượt qua sông Nậm Bạc, cả đơn vị nghỉ ở trạm 62 một ngày. Dọc bờ sông nơi đây, rải rác các kho chất đầy bao tải gạo.

Cánh lính chúng tôi rất đói, nhìn thấy nhiều gạo mà phát thèm, nhưng đành nhịn. Lãnh đạo đơn vị liên tục nhắc nhở, quán triệt mọi người: Phải nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật, không được đụng chạm đến bất cứ thứ gì của binh trạm.

Hành quân song song với trung đoàn tôi còn có đơn vị giao quân thuộc Quân khu Hữu ngạn, trong đoàn chủ yếu người Hà Nội và Hà Tây. Trên đường đi, đôi bên đã nhiều lần trêu chọc nhau, có lần suýt xảy ra đánh lộn vì những câu nói đùa.

- Đằng ấy quê ở đâu đấy!

- Bọn mình ở Hà Nội.

- Hà Nội ở xóm nào?

Thế là đối phương đang vui vẻ, bất ngờ chuyển ngay sang giận dữ và chửi toáng:

- Hà Nội làm gì có xóm.

- Thế Hạ Hồi không gọi là xóm, thì gọi cái gì? (Hạ Hồi từ thập niên 1980 trở về trước gọi là xóm).

Mọi người đang hầm hầm tức giận, bỗng nhiên cười phá lên vui vẻ như lúc đầu gặp mặt.

*

*   *

Ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia đã ở phía trước, cách chúng tôi không xa. Đường hành quân về phía tây nam, luồn sâu vào đất Lào, dọc theo nhánh đầu nguồn con sông Xê Công. Đây là đường dành riêng cho chiến trường (B2) miền Đông Nam Bộ, còn ngả về Đông Nam, dành cho chiến trường (B3) Tây Nguyên.

Trên tuyến đường B2, việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho bộ đội được ưu tiên hơn nên những cơn đói vẫn giày vò chúng tôi lâu ngày giờ đã dịu đi.

Trạm giao liên 78 nằm trên đất Lào, thuộc tỉnh Atôpơ. Ở đây, mỗi người được nhận ba lạng đường và một hộp sữa nước, vỏ đã gỉ sét. Không ai có thể biết tên sữa và nơi sản xuất vì tem mủn nát, hoặc đen xỉn, không để lại một chữ nào. Nhưng chúng tôi chẳng cần quan tâm quan tâm tới điều đó vì có sữa uống là quý lắm rồi. Có người vừa nhận sữa đã lấy dao găm cậy nắp hộp uống ngay, rất ngon lành, hả hê, trong phút chốc chỉ trơ lại chiếc vỏ rỗng.

Còn tôi, khi vừa cầm hộp sữa trên tay đã thấy thèm, chỉ muốn đục ra uống ngay, nhưng đành kìm lòng vì đường ruột khá nhạy cảm, phải chờ đổ nước vào xoong luộc kỹ rồi mới mở ra thưởng thức.

Sau khi uống sữa, một lúc sau đó, trong đơn vị tôi đã có vài người túm quần, cầm xẻng chạy vội ra bờ suối. Con số này dần tăng theo thời gian, có lẽ gần đến một nửa cán bộ, chiến sĩ bị tiêu chảy.

Y tá đại đội vội vàng mở thuốc dự trữ để cấp phát cho anh em, nhằm ngăn chặn kịp thời căn bệnh đang lan ra. Tôi và một số người đã may mắn thoát nạn.

Đúng là "lợi bất cập hại", trước đó ai cũng nghĩ uống sữa người sẽ khoẻ ra. Ai dè uống xong, lại thấy xuống sức khủng khiếp.

Đường dài phía trước không ai rút ngắn cho. Gánh nặng trên vai chẳng giảm được gam nào. Lệnh lên đường hành quân phải chấp hành nghiêm chỉnh không một ai được nghỉ thêm lấy lại sức.

Chúng tôi hiểu lỗi do mình gây ra, không thể trách cứ nhau được. Lệnh đã phát ra rồi, lại phải tiếp tục lên đường hành quân, thẳng tiến về phía trước.

Cả đơn vị lại lên canô xuôi dòng sông Xê Công. Tạm biệt đất nước triệu voi để đến trạm 83, nằm trên đất Campuchia.

III. TRÊN ĐƯỜNG CAMPUCHIA

Dù vẫn phải xuyên qua rừng nhưng đường đi giờ đây rất bằng phẳng. Những dốc núi cao, thấp đã lùi lại rất xa sau lưng chúng tôi.

Rừng vùng đồng bằng Campuchia, cây cối thưa, hầu như không có cây cổ thụ lâu đời như rừng đại ngàn Trường Sơn. Ở đây, chủ yếu là rừng khộp và le, thuận lợi cho chúng tôi hành quân cuốc bộ. Nhưng cũng từ lúc này giờ xuất phát của đơn vị chuyển vào chiều tối để tránh sự rình mò, lùng sục của chiếc máy bay trinh sát L19 và OV-10.

Mùa khô, hành quân ban đêm rất mát mẻ, dễ chịu, nhưng lại buồn ngủ. Hai mí mắt sưng mọng, nặng trĩu, không thể mở ra được. Tôi đã nhiều lần cố gắng lấy tay tát vào má mình, thế mà có lúc phải đầu hàng cơn buồn ngủ. Dù trên vai rất nặng, tôi vẫn có thể vừa đi vừa ngủ, chỉ giật mình tỉnh dậy khi chúi đầu vào khóm cây bên đường, rồi lại mở mắt định hướng lối đi, một lúc sau lại vừa bước đi vừa ngủ. Điệp khúc đó kéo dài đến sáng, khi đến trạm giao liên mới thật sự tỉnh hẳn.

Có lần được nghỉ 10 phút giữa chặng đường hành quân, ai nấy đều để nguyên ba lô, súng đạn trên vai ngồi xuống tựa lưng tranh thủ ngủ say sưa, ngon lành cho đến khi có ai đó vỗ mạnh vào người gọi. Đó là trung đội trưởng Trần Kim Trọng. Anh đã cùng đơn vị hành quân đi rất xa rồi, nhưng khi kiểm tra quân số, thấy thiếu hẳn một tiểu đội, nên phải vất vả quay trở lại tìm. Dù rất mệt nhưng anh vẫn không nỡ mắng mỏ chúng tôi mà chỉ nói:

- Anh em đã đi rất xa rồi, cậu nào đầu têu nghỉ lại ở đây mà không đi cùng đoàn vậy?

Chúng tôi nhanh chóng truy tìm ra thủ phạm. Đó là do cậu Lượng. Trong đêm tối, ngồi ngủ mơ màng sau gốc cây bị cụt cháy đen, cậu ta cứ nghĩ đó là một chiến sĩ. Thỉnh thoảng, cậu ta giật mình mở mắt nhìn vẫn thấy "chiến sĩ đó" ngồi yên không động tĩnh gì nên lại tiếp tục gục xuống ngủ. Đêm đó, chúng tôi được một giấc ngon lành, phải gần một tiếng đồng hồ giữa chặng đường dài hành quân.

Những đêm về mùa khô, bầu trời không một gợn mây, trăng sao thấy rõ mồn một. Nhìn về phương bắc, nơi có chùm sao Bắc đẩu Đại Hùng tinh, tôi lại nao nao nhớ bố mẹ và quê hương. Nơi xa ấy, bố mẹ và người thân đang ngày đêm lo lắng, trăn trở, ngóng trông tin con, mong cho chúng tôi chân cứng, đá mềm, bình an, sớm được trở về.

16-2-1972 (ngày 30 Tết âm lịch)

Khoảng 5 giờ chiều, chúng tôi lên canô xuôi dòng sông Xê Công về thị trấn Stungtreng.

Lại thêm một năm nữa tôi đón Tết xa nhà. Ở quê, chắc vào giờ này cha mẹ cũng như người thân đang chuẩn bị chờ đón giao thừa. Chúng tôi tuy biết giao thừa sắp đến, nhưng giờ đây, đang phải căng tai để nghe tiếng vè vè của những chiếc máy bay trinh sát L19, OV-10, tiếng rầm rầm, rì rì của máy bay C130 đang lùng sục săn tìm bước tiến quân của bộ đội ta.

Một chiếc C130 từ đâu bất ngờ lao đến dòng sông, nơi mà cả đoàn canô vận tải chở đầy lính nối đuôi xuôi dòng. Rất nhanh, các chiến sĩ giao liên binh trạm bình tĩnh điều khiển canô đổi hướng, tấp vào hai bên bờ.

Canô vừa cập bến, mọi người vội vàng nhảy xuống đất tìm nơi trú ẩn. Những chiếc canô cũng kịp thời chui sâu vào rặng le ken dày đặc ở trên bờ.

Tiếng bụp, bụp phát ra ngay trên đầu chúng tôi. Cả khúc sông dài sáng rực bởi từng chùm pháo sáng do máy bay bắn ra, treo lơ lửng trên bầu trời.

Phía dưới mặt đất, tất cả nằm yên không nhúc nhích. Lúc này, chỉ cần có một sơ suất nhỏ cả đoàn quân sẽ phải hứng chịu một trận bom không mời mà đến.

Dứt một đợt pháo sáng, không phát hiện được dưới mặt đất và trên mặt sông có điều khác thường, chiếc máy bay C130 bỏ đi. Không gian và mặt đất lại tối sầm. Chúng tôi lên canô tiếp tục hành trình.

Cách hai bên mạn tàu độ khoảng hơn chục mét, giờ đây đã xuất hiện những chiếc thuyền đuôi tôm nổ máy phành phạch chạy xuôi, ngược giữa dòng. Phía trên bờ, thấp thoáng ánh đèn dầu le lói của nhà dân. Gần hai bên mép bờ xuất hiện những ngôi nhà nổi trên mặt nước. Người chiến sĩ lái canô chở chúng tôi nói đấy là nhà lồng nuôi cá, chủ yếu của Việt kiều. Phía trên để ở, phía dưới dòng sông có lồng nuôi cá. Xa xa là một vùng sáng ánh đèn điện.

Những chiếc đèn nêông màu trắng hắt sáng xuống mặt sông lung linh. Nơi đấy là thị trấn Stungtreng.

Đoàn canô vượt qua thị trấn, đưa chúng tôi lên bờ vừa đúng thời điểm giao thừa đến. Gió thổi xuống mặt sông xua những làn sương khuya phả vào mặt và cổ lành lạnh. Tôi cảm thấy nhẹ nhàng, khoan khoái, vươn mình hít căng lồng ngực không khí trong lành của phút giây đầu năm mới.

Vừa nhảy lên bờ, chân tôi đã chạm vào lớp cát xốp dày, bước đi nghe rào rạo. Thị trấn Stungtreng thật may mắn khi đầu năm mới được cánh lính trẻ chúng tôi, tuổi đời chỉ trên dưới hai mươi xông đất. Chúc cho người dân thị trấn và cả những gia đình Việt kiều có một năm bình yên, hạnh phúc, làm ăn phát đạt.

Trời vừa hửng sáng, vẫn còn mờ sương, đã thấy người qua lại, không gian phía thị trấn dần dần sôi động. Cả đơn vị hành quân vượt qua con đường nhựa đi sâu vào rừng le, cành lá um tùm, phủ kín sát đầu.

Mọi người nghỉ lại đây, chờ trời tối lại lên canô xuôi dòng Mê Công về khu vực thị trấn Krache.

18-2-1972 (ngày 2 Tết âm lịch)

Sáng ngày 2 Tết âm lịch, chúng tôi đổ quân lên bờ, thuộc khu vực Xuông, Chup, nơi có đường 7 bắt nguồn bờ sông Mê Công, xuyên qua rừng cao su bạt ngàn, mênh mông, nối với đường 22 ở tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Tán những cây cao su to lớn che kín trên đầu, ngăn cản sự rình mò, lùng sục liên tục của máy bay trinh sát. Lúc này, chúng tôi lại hành quân vào ban ngày.

Trước lúc cả đơn vị lên đường hành quân, Lượng lại lên cơn sốt rét, không thể đi cùng đoàn. Tôi được anh Trọng phân công ở lại chăm sóc cậu ta, chờ đến chiều cùng hành quân với hai cán bộ Sư đoàn 5, những người rất quen thuộc tuyến đường mà đơn vị tôi sẽ đi qua.

Trong rừng cao su, bên cạnh thị trấn Đầm Be có rất nhiều xe tăng M41, M113, xe vận tải quân sự do Mỹ sản xuất nằm chỏng chơ, la liệt. Đây là dấu tích chiến công của quân giải phóng trong trận chiến mang tên "Trận càn Đông Dương" năm 1970. Chiến dịch này được quân đội Việt Nam Cộng hòa thực hiện nhằm đẩy các cơ quan của Chính phủ lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra khỏi vùng biên giới và tuyến vành đai chiến lược của ta trên đất Campuchia.

*

* *

Trời về đêm, bốn người chúng tôi tạt vào rừng cao su để nghỉ. Tôi vừa đặt ba lô xuống đã thấy từng đàn muỗi dày đặc ở đâu bay đến tấn công. Muỗi nhiều đến mức chỉ cần lấy tay gạt qua là vơ được cả nắm. Võng nằm không thể mắc được vì khoảng cách giữa hai cây cao su quá xa. Tôi nhớ ra lọ dầu chống muỗi của Trung Quốc mang theo

nên vội vàng đem ra sử dụng. Lọ dầu quá hiệu nghiệm, chỉ xoa nhẹ một lớp dầu mỏng trên người, tuyệt nhiên không có một con muỗi nào lảng vảng nữa. Đêm đó, cả bốn người được một giấc ngủ ngon lành trên lớp lá cao su khô, dày, phủ kín mặt đất.

Trời vừa sáng, chúng tôi tiếp tục hành quân. Xa xa, tôi thấy thấp thoáng mái nhà tôn. Hai anh đi cùng nói đấy là làng 12 Việt kiều, cơ sở vững chắc của cách mạng. Họ là những người dân miền Bắc sống ở đây từ năm 1945, làm nghề khai thác cao su.

Mọi người hăm hở vào làng xin cơm. Ra đón chúng tôi là một ông già ngoài 60 tuổi, tóc bạc trắng, da ngăm đen. Ông vui vẻ, hào hứng mời chúng tôi vào nhà. Chỉ một lúc sau, mọi người trong làng tập trung rất đông ở ngôi nhà nhỏ này để thăm hỏi và trò chuyện với những người lính vừa từ miền Bắc hậu phương vào. Họ muốn biết về cuộc sống nơi quê nhà xa xôi mà rất lâu rồi chưa được về thăm.

Trước sự tập trung đông đủ của những người dân trong làng, ông già giải thích:

- Nếu như ngày thường, gặp được các cháu gái mười chín, đôi mươi ở đây rất khó, vì còn phải đi vận chuyển lương thực, thực phẩm cho bộ đội ta. Nhưng hôm nay mới là ngày mùng 3 Tết nên các cháu mới được nghỉ ở nhà. Số các con vậy là hên rồi đó.

- Thế thanh niên trai trẻ đâu hết rồi hả ba? - Tôi hỏi ông.

- Tụi nó cũng đi giải phóng như các con đó - Ông trả lời.

Mọi người hỏi thăm về quê quán chúng tôi, về đời sống sinh hoạt của người dân miền Bắc. Những cư dân ở làng chủ yếu là người Thái Bình, Hải Dương, Hà Tây,... Các cô gái trẻ đứng vòng quanh, tíu tít tranh nhau kể về công việc của mình.

- Anh Tư biết không (tôi là con thứ ba trong nhà), tụi em vận chuyển gạo bằng chiếc xe đạp đó. - Một cô lên tiếng và đưa tay chỉ.

Tôi nhìn ra chiếc xe đạp trần trụi, không phanh, không có chắn bùn dựng bên hè nhà đối diện.

- Những chiếc xe đạp như vậy mới chịu được đường đất đỏ bazan lầy lội, trơn tuột trong mùa mưa. Tụi em chở cả bao gạo nặng khoảng một tạ, vượt những con dốc mà các anh vừa đi qua đó.

Trên đường 7 có đoạn đi tuy không dựng đứng như những con dốc ở dải Trường Sơn, nhưng thoai thoải rất dài, nếu không có sức khoẻ để guồng chân đạp mạnh, liên tục mà chỉ dừng một chút thôi thì cả người, gạo và xe đều trôi ngược xuống dốc. Tôi thật sự sửng sốt và thán phục những cô gái còn trẻ, kiên cường này.

Buổi chiều, chúng tôi đi qua làng 54, cũng như làng 12, đây là nơi có người Việt sinh sống, cạo mủ cao su trên đất Campuchia. Gần tối thì chúng tôi đuổi kịp anh em trong đơn vị.

19-2-1972 (ngày 3 Tết âm lịch)

Đơn vị tôi tiếp tục hành quân dọc theo đường 7. Đến quá trưa, theo hướng nam, qua con đường đất đỏ chúng tôi đến thị trấn Đôn Tây, Campuchia.

Dọc hai bên đường là xác xe tăng địch bị bộ đội ta bắn cháy trong trận càn năm 1970 của quân đội Việt Nam Cộng hoà. Nơi đây là căn cứ cũ của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, nằm giữa rừng già, dưới những tán cây cổ thụ. Thấp thoáng hai bên con đường nhỏ là những lán tre, nứa, mái lợp bằng lớp lá trung quân, rất đẹp (trung quân thuộc họ dây leo, lá nhỏ như lá lêkima nhưng dai, bền, đốt cháy không khói). Bên cạnh đó là những chiếc hầm được xây dựng kiên cố.

Khoảng 7 giờ tối, cả đơn vị tập kết nghỉ ở bìa rừng già thuộc thị trấn Đôn Tây. Theo kế hoạch, đây là trạm cuối cùng của những đoàn giao quân từ miền Bắc vào.

Chưa kịp hạ ba lô xuống để mắc võng chúng tôi nhận được lệnh phải khẩn cấp hành quân di chuyển sang địa điểm mới, đề phòng máy bay B52 của địch ném bom trong đêm nay.

Rất nhanh chóng, tất cả khoác vội ba lô, súng đạn lao ra đường đất ngoài rừng. Đi dọc theo hướng nam khoảng 500 mét, chúng tôi gặp một chiếc cầu sắt. Đây được chọn là vị trí điểm mốc để đơn vị dừng lại kiểm tra quân số, thu quân, sau đó mới tiếp tục hành quân sang khu rừng khác trú quân.

Khoảng 11 giờ đêm, khi đang trong giấc ngủ say, chợt có tiếng ai hô: "Có máy bay B52 rải bom!". Chúng tôi bừng tỉnh, vội lăn mình từ trên võng xuống đất. Bầu trời rin rít những âm thanh rùng rợn như cơn bão lớn đổ về. Tiếp theo là từng đợt ánh chớp loé lên, giật liên hồi. Mặt đất ầm ầm rung chuyển, kéo dài phải hơn 10 phút rồi tạm nghỉ.

Một lúc sau, chúng tôi mới trấn tĩnh lại và xác định được vị trí máy bay B52 vừa rải bom là khu rừng bên cạnh mà đơn vị định dừng chân nghỉ qua đêm. Ai nấy đều hú vía, vui mừng về sự may mắn sống sót của mình.

Chúng tôi vẫn nằm yên tại chỗ, chờ bọn địch ném bom hết ba đợt. Thông thường máy bay B52 rải thảm vào một vị trí ba lần, mỗi lần cách nhau 10 đến 15 phút.

Gần sáng, chúng tôi được biết: Đêm hôm qua, tiểu đoàn 7 có hai đại đội do không nhận được lệnh rút ra ngoài kịp thời nên phải hứng chịu ba đợt bom, số người thương vong rất nhiều, có hầm bảy người đều hy sinh.

Đây là tổn thất lớn đầu tiên của Trung đoàn 271 khi vừa đặt chân đến mảnh đất chiến trường B2 ác liệt.

22-2-1972

Sáng nay, tất cả anh em trong tiểu đoàn 5 được thông báo: Mọi người trong đại đội sẽ chia tay nhau để bổ sung về đơn vị mới. Giờ phút đó thấy bùi ngùi, lưu luyến, sao thân thương, gắn bó lạ thường.

Đã 14 tháng trôi qua, chúng tôi, mỗi người một quê, đã cùng sống, huấn luyện rồi hành quân trên đường vào chiến trường, biết bao khó khăn, vui, buồn, hờn giận, luôn bên nhau chia sẻ.

Nhớ ngày tháng huấn luyện trên đất Bắc với các bài xạ kích bắn súng, lăn lê bò toài, những động tác kỹ thuật, bài chiến thuật và các trò láu cá trong tập luyện của từng đứa. Nhớ ngày hành quân vượt dải Trường Sơn hùng vĩ, sẵn sàng nhường cơm, sẻ áo, chia cho nhau từng viên thuốc, ngụm nước, rồi những lần cáng nhau vượt qua các con dốc cao dựng đứng, trơn tuột. Đã không ít lần cáng và người suýt nữa kéo nhau rơi xuống vực sâu thăm thẳm. Giờ đây, ngồi điểm lại, tất cả chúng tôi đều có mặt đông đủ trên mảnh đất B2, không thiếu một ai.

Nhóm chúng tôi: Hồng, Nam, Thìn, Sơn, Lượng, Trọng,... và các bạn đang ngồi quây quần ai sẽ về cùng một đơn vị với tôi? Ai sẽ phải rời xa để sang đơn vị khác? Ai sẽ còn, sẽ mất? Ai sẽ được trở về miền Bắc thân yêu?

Bữa cơm tối cuối cùng với nhau, ai trong đại đội cũng buồn rười rượi, các món ăn dù có khấm khá hơn mọi ngày, bụng dù đang rất đói nhưng chả ai động đũa. Ai cũng cố dành cho bạn mình những món ăn ngon nhất và động viên nhau, hẹn sớm gặp lại.

Giờ chia tay để mọi người về đơn vị mới đã đến, chúng tôi ôm chặt nhau, nghẹn ngào lưu luyến.

Tiếng ai đó bật khóc khi được biết mình về đơn vị mới mà không có bạn đi cùng. Tiếng chào, gọi nhau í ới. Những lời chúc tốt lành, bình an, nguyên vẹn trở về nhà. Tất cả làm xôn xao cả khu rừng yên tĩnh.

Những người bạn thân của tôi: Trần Ngọc Nam và anh Trần Kim Trọng về đại đội 2 tiểu đoàn 9 (C2 D9). Trần Văn Hồng về tiểu đoàn bộ tiểu đoàn 7 (D7). Nguyễn Văn Lượng về đơn vị thiết giáp. Phần lớn bạn bè khác được bổ sung về tiểu đoàn 7, 8, 9 và đại đội trực thuộc trung đoàn bộ binh 271. Các bạn Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Văn Tiếu, Nguyễn Văn Thìn, Nguyễn Văn Mão, Phan Văn Định, Nguyễn Văn Tại cùng về đại đội 3 tiểu đoàn 8 (C3 D8) với tôi.

Dưới ánh trăng non của đêm mùng 6 Tết mờ mờ, nhạt nhạt, chúng tôi chỉ kịp ôm nhau rồi vội vàng đi về đơn vị mới. Khi chia tay, tôi chưa kịp nói gì với Hồng, Nam và anh Trọng, cũng chẳng nhìn được rõ mặt mọi người lúc đó. Rồi đây, chúng tôi còn có điều kiện gặp nhau nữa không hay đây là lần cuối cùng. Đầu óc tôi rối tung lên, không thể nghĩ nổi gì.

- Các bạn về đơn vị mới mạnh khoẻ, bình an nhé, nhớ tìm mọi cách liên lạc với mình.

Tôi quay đầu lại hét lên, rồi chạy nhanh về phía đoàn quân của đơn vị mới.

VÀO TRẬN

Khi về đến Ban chỉ huy đại đội 3, tôi được bổ sung làm liên lạc, các bạn cùng đi với tôi về trung đội 1, 2, 3 và tiểu đội hoả lực A10.

Trong đại đội chúng tôi anh Hà Văn Thái là đại đội trưởng, anh Trần Đức Căn là chính trị viên trưởng, anh Nguyễn Tiến Mùi và anh Nguyễn Văn Thụ - đại đội phó và chính trị viên phó cũng vừa từ Miền (Bộ Tư lệnh miền Đông Nam Bộ) bổ sung về đơn vị sáng nay. Anh Nguyễn Quốc Sự - văn thư quân khí, anh Trần Đức Huyên - y tá, Anh Nguyễn Văn Trữ - quản lý, anh Nguyễn Văn Tài - nuôi quân. Trần Xuân Coỏng làm liên lạc viên như tôi.

Về sống, chiến đấu với một tập thể mới, có các anh lớn tuổi, là những chỉ huy già dặn, từng trải, tôi yên tâm, vững tin hơn với nhiệm vụ mới. Xúc động nhất là tình cảm chân thành, cởi mở, chan hoà của các anh dành cho chúng tôi khi về cùng sống, chiến đấu trong đại gia đình đại đội 3, tiểu đoàn 8 anh hùng.

23-2-1972

Cả đơn vị tiếp tục hành quân về khu vực rừng

chuối Ôrăngâu của Campuchia. Nơi đây, bao quanh bìa rừng cao su mênh mông, rộng lớn, người dân trồng chuối rất nhiều. Những đêm yên tĩnh nằm võng cạnh nhau, các anh đã kể cho tôi nghe chuyện trong cuộc sống đời thường, cả những chuyện thầm kín, riêng tư.

Còn tôi, chỉ là cậu bé mới vừa học xong phổ thông đã lên đường nhập ngũ nên chẳng có nhiều chuyện để kể. Tôi kể lại lần trộm rau, sắn trên đường Trường Sơn. Ban đầu tôi định giữ kín, nhưng do các anh thúc ép nhiều, nên đành phải "khai" ra.

Lần đó, chúng tôi được nghỉ một ngày ở trạm giao liên. Khi hạ chiếc ba lô cồng kềnh xuống đất để tìm vị trí mắc võng, tôi nhìn thấy trên thân cây lớn bên cạnh có dòng chữ bằng than viết nguệch ngoạc: "Cách đây 3km hướng đi vào có bãi B52". "Bãi B52" là tiếng lóng chỉ "bãi sắn", chúng tôi được các chiến sĩ đi ra Bắc truyền lại cho điều đó.

Ngay trong chiều hôm đó, tôi và Hồng, hai đứa rủ nhau đi tìm sắn (củ mì) mang về giải quyết "nạn đói" lâu nay. Cậu Nam ở nhà có nhiệm vụ đào cây "sâm đất" (loại cây giống như thiết mộc lan) mọc rải rác trong rừng, lấy củ mang về nấu nước uống. Nghe mọi người nói: Nước sâm này uống vào rất bổ, có tác dụng "cải lão hoàn đồng".

Cánh lính chúng tôi còn "đồng" như thế này, bây giờ đang phải đi vào nơi hòn tên mũi đạn, không biết có còn may mắn được "lão" hay không

để mà "cải"? Nhưng dù sao, đây cũng là sự động viên, an ủi chúng tôi trong lúc khó khăn, gian nan này.

Tôi và Hồng mò mẫm theo tuyến đường mòn giao liên đi về phía trước rất xa, trời đã về chiều mà chưa phát hiện ra "bãi sắn". Chúng tôi có lúc nản chí định bỏ cuộc nhưng tiếc công sức đi đến đây, nên lại động viên nhau cố gắng đi thêm một đoạn nữa để tìm ra bằng được. Thật may mắn, trên con đường đang đi có một lối rẽ nhỏ, tôi đoán đây là "bãi sắn". Chỉ cách đó khoảng 100 mét, một nương sắn khá rộng hiện ra. Không kịp suy nghĩ nhiều, hai đứa xông đến, cùng nhau nhổ, gốc sắn mập, to, nhét đầy vào chiếc quần dài đã được cột chặt hai đầu ống lại, nhanh chóng khoác trên vai trở về.

Chúng tôi thật sự vui mừng, phấn khích với "chiến công" vừa đạt được. Tôi và Hồng hứng chí nghêu ngao hát bất cứ đoạn bài hát nào mà mình còn nhớ, chả cần biết tên bài hát đó là gì. Trời đã về tối, Hồng tạt sang mép đường nhặt mấy đoạn thân cây nứa khô làm đuốc đốt soi đường về. Khi đến cạnh một đơn vị đang đóng quân, bất ngờ phía trước và sau hai đứa tôi có tiếng súng nổ đoàng, đoàng, tiếp đó là tiếng hô:

- Đứng lại, không được chạy!

Hồng đang cầm đuốc cháy sáng đi trước bị bắt ngay tại trận, còn tôi nhanh chóng nghiêng mình cùng với hai ống quần sắn trên vai, lăn xuống vệ đường, nằm yên bên cạnh một chiếc lán nhỏ.

Vừa nói đến đây, mọi người ngồi nghe xung quanh đã cười phá lên giơ tay chỉ chỉ, trỏ trỏ vào anh Sự "râu" (anh Sự có bộ râu quai nón). Tôi dừng lại vì quá ngạc nhiên, không hiểu các anh đang cười về điều gì. Nhưng không một ai giải thích, mọi người hối thúc tôi kể tiếp.

-Bắt được một thằng rồi, còn một thằng nữa! - Tiếng của cán bộ binh trạm vang lên.

Mọi người đốt đuốc soi tìm, tôi nằm im, không cựa quậy mặc dù đầy cành khô đâm vào bụng, đùi đau điếng.

Hồng tìm mọi cách trình bày hoàn cảnh xin được tha, phải một lúc sau cậu ta mới được thả.

Không gian lại yên lặng, chỉ còn tiếng xì xào, bàn tán xa xa. Tôi nghĩ mọi người đã rút hết vào lán trại nên tranh thủ thời cơ nghiêng mình để tè vì đã nhịn quá lâu. Thật không ngờ, cành củi khô gãy, kêu răng rắc.

- Còn đây một thằng nữa!

Một tiếng hô của ai đó đứng rất gần, do trời quá tối nên tôi không thể nhìn được.

Nghe đến đây hầu như mọi người đều phá lên cười rũ rượi. Tôi dừng lại để tìm hiểu, nhưng các anh vẫn thúc giục kể tiếp.

Lúc đó tôi mới thật sự hoảng sợ, mồ hôi trong người tuá ra, dù về đêm Trường Sơn mùa này khá lạnh. Biết mình không thể trốn thoát tôi vội vàng đứng dậy xin cán bộ binh trạm tha cho song các anh vẫn kiên quyết đưa tôi về xử lý.

Vừa nghe thấy giọng nói xứ Nghệ, biết là gặp được đồng hương, như chết đuối vớ được phao, tôi nhẹ nhàng nói:

- Anh là người Nghệ An phải không? Em người Nghi Lộc đây.

Bị đánh trúng vào điểm yếu, anh nhẹ nhàng trả lời:

- Em là người Nghi Lộc à. Ở xã nào đấy? Anh là người Thanh Chương.

- Em người Nghi Thịnh. Anh tha để em được mang sắn về, chứ chúng em đói lắm! - Tôi nài nỉ.

Thế là tôi được tha, sung sướng như chết đuối vớ được cọc, vác một ống quần sắn trên vai, vội vàng chạy thật nhanh về nơi những người bạn đang nóng lòng ngóng đợi.

Mọi người nghe tôi kể chuyện xong cười vang. Anh Thái, anh Căn tủm tỉm bỏ ra ngoài. Anh Tài hỏi:

- Thế có biết trạm trưởng đêm hôm đó bắt em là ai không?

- Thực ra lúc đó trời tối quá không nhìn rõ, nhưng qua ánh đuốc em thấy hình như mặt ông ấy có râu thì phải?

Sau câu trả lời của tôi, mọi người càng cười phá lên.

Anh Tài ôn tồn nói:

- Trạm trưởng hôm đó đang ngồi trước mặt em đấy.

Quay sang nhìn anh Sự râu đang cười tít cả hai mắt, tôi thật sự ngạc nhiên. Không phải chờ đợi lâu, các anh liền kể lại chuyện đã xảy ra. Đây là duyên

phận của chúng tôi ngay từ ngày đó để rồi gắn bó với nhau trong cuộc sống chiến đấu sau này.

... Từ nơi đóng quân, biết tôi và Hồng đi đến bãi sắn, thế nào chiều tối hai đứa sẽ về qua đây nên các anh đã tổ chức "trấn lột sắn" của chúng tôi.

Anh Sự có bộ râu quai nón, nhìn già dặn hơn đóng vai trạm trưởng, còn những người khác đóng vai lính, riêng anh Thái và anh Căn đứng ngoài cuộc. Sự việc diễn ra như dự đoán ban đầu của các anh. Người lấy của tôi một ống quần sắn, đấy là anh Nguyễn Văn Truyền, tiểu đội phó tiểu đội hoả lực (A10).

Chúng tôi đóng quân nghỉ một tháng tại rừng chuối Ôrăngâu. Thời gian này chúng tôi học chính trị, ôn luyện các bài chiến thuật, kỹ thuật để chuẩn bị cho một trận đánh lớn vào cứ điểm quân đội Sài Gòn trên đất Việt Nam, nằm trong chiến dịch lớn của toàn miền.

30-3-1972

Khoảng 4 giờ chiều, cả trung đoàn 271 rút khỏi rừng chuối, hành quân về Việt Nam. Mục tiêu được Bộ Tư lệnh Miền giao cho trung đoàn là đánh chiếm căn cứ Thiện Ngôn - Xa Mát, giải phóng khu vực đường 22, thuộc phía tây tỉnh Tây Ninh, sát biên giới Việt Nam - Campuchia.

Đường ra tuyến trước vượt qua bao nhiêu đầm lầy, bùn nhão nhoét, quánh đặc. Dép dưới chân không thể đi được, phải tháo ra. Chúng tôi dò dẫm từng bước, trên vai ba lô cồng kềnh gạo, súng đạn.

Từng tổ 3 người ở các tiểu đội phải thay nhau vác thêm một bộ nan tre to tướng, nặng trịch để khi áp sát đồn địch, đào hầm xây công sự thì dùng phủ đất, che chắn bên trên chống đỡ bom đạn và pháo chụp của địch nổ trên đầu (loại đạn pháo khi cách mặt đất 5 đến 10 mét thì nổ). Khổ nhất là lúc hành quân trong đầm lầy, gặp mô đất cứng nhô lên, chân dẫm phải trơn tuồn tuột, dễ dàng đo ván xuống mặt sình đầy bùn nhão nhoét.

Để bảo đảm an toàn, bí mật, mọi hoạt động di chuyển của đơn vị tôi được tiến hành vào ban đêm. Ban ngày, trên trời liên tục có máy bay trinh sát L19, OV-10 rình mò, chỉ cần dưới mặt đất có biểu hiện bất thường là lập tức máy bay trinh sát bắn một phát pháo hiệu chỉ điểm để độ 5 phút sau đàn máy bay A37 ném bom ồ ạt xuống đó.

Ngoài ra, dưới mặt đất liên tục có các đơn vị biệt kích, thám báo của quân đội Việt Nam Cộng hoà. Chúng do thám, rình mò, phát hiện vị trí hoạt động của quân ta, sau đó gọi pháo bầy dội đến tức thì. Đạn nổ theo từng đợt dài, mà chúng tôi gọi là "dàn nhạc Tân Tây Lan"[1] từ các vị trí Cà Tum, Xa Mát, Tân Biên, Lò Gò,... Vì loại đạn pháo này riêng đại đội tôi đã có hai người ngã xuống trên đường hành quân ra tuyến trước. Đó là anh Trần Đằng, hy sinh chiều 30-3-1972, quê ở Nga Trương (Nga Sơn, Thanh Hoá) và anh Trương Xuân Quyết,

1. Nước Niu Dilân (*BT*).

hy sinh ngày 1-4-1972, quê ở Lạc Vân (Nho Quan, Ninh Bình).

Một tổn thất rất lớn đến với chúng tôi khi vị chỉ huy cao nhất của trung đoàn - Trung đoàn trưởng Lê Ổn[1] đã không thể chỉ huy trận chiến mở màn. Ông bị một quả đạn pháo cướp đi một cánh tay, trên đường ra tuyến trước cùng một số cán bộ.

Thời gian nổ súng đồng loạt vào các mục tiêu địch chỉ còn tính theo giờ. Không còn thời gian chuẩn bị, anh Phan Văn Cần, trung đoàn phó thay anh Lê Ổn, đảm nhiệm chức trung đoàn trưởng chỉ huy trung đoàn chiến đấu.

2-4-1972

Khoảng 1 giờ 30 đêm, đại đội 3 chúng tôi tiếp cận bìa rừng, cạnh bàu Statung (mà cánh lính chúng tôi gọi là bàu Lung tung) đã cạn khô nước, chỉ còn trơ đất nứt nẻ. Phía trước mặt là căn cứ Xa Mát của quân đội Việt Nam Cộng hoà. Chúng tôi đào hầm xây công sự ở nơi có những bãi cỏ tranh cao đến ngực, nằm cách bìa rừng khoảng 100 mét. Anh Thái, Thụ, cậu Tịch - chiến sĩ thông tin vô tuyến 2W và tôi được phân công chốt giữ công sự vừa xây xong, cách cửa hầm của anh Căn và Mùi, do Coỏng đào, độ 5 đến 7 mét.

---

1. Trung đoàn trưởng Lê Ổn tham gia kháng chiến từ thời kỳ chống Pháp.

Khoảng 7 giờ sáng, đang còn mơ màng cạnh cửa công sự, tôi giật mình tỉnh dậy khi nghe tiếng súng ở bên kia bàu cạn Statung bắn vào. Trên đầu, đạn nhọn từng tràng vút qua chiu chiu, ríu ríu, tiện đứt ngang thân những ngọn cỏ tranh, khiến chúng đổ gục. Biết đối phương đã nổ súng tấn công, tôi nhẹ nhàng lăn mình xuống công sự, thò đầu lên quan sát. Một tốp lính tuần tiễu đi xung quanh căn cứ Xa Mát bắn bừa về nơi chúng tôi đang chốt. Dự đoán cả đại đội chưa bị lộ, anh Thái lệnh cho các trung đội đợi địch kéo quân ra ngoài cứ điểm, khi chúng đến thật gần mới nổ súng tiêu diệt.

Đúng như phán đoán, một đại đội biệt kích bỏ chạy cắt qua chỗ đại đội tôi đang phục sẵn. Khi tốp lính đi đầu cách chốt tiền tiêu của trung đội 1 độ khoảng 5 mét, bộ đội ta bất ngờ đồng loạt siết cò.

Quân địch gục đổ hàng loạt, chỉ có năm, sáu người sống sót, hoảng loạn, chạy vượt qua trảng trống, chui sâu vào rừng phía bên kia. Tiểu đội hoả lực A10 do anh Thiết chỉ huy đã dùng súng đại liên, trung liên, cối 60 bắn áp đảo đối phương đang bỏ chạy, rất nhiều địch chết và bị thương.

Như vậy, trận đầu tiên của đại đội 3, tiểu đoàn 8, trung đoàn 271 trên chiến trường miền Đông Nam Bộ đã giành thắng lợi rực rỡ, góp tiếng súng tấn công mở màn chiến dịch Nguyễn Huệ "chắc thắng" của quân ta vào mùa xuân 1972.

Niềm vui của cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị không kéo dài lâu vì ngay sau đó, đạn pháo của các cứ điểm địch ở Cà Tum, Lò Gò, Tân Biên tới tấp dội vào trận địa. Pháo chụp, pháo khoan, pháo sát thương thi nhau nổ inh tai, đất cát, khói thuốc súng bay mù mịt, khét lẹt. Tôi và mọi người chui sâu trong hầm trú ẩn chờ đến khi ngừng tiếng nổ mới thò đầu lên quan sát. Một tốp lính lại đang thập thò về mép trảng bên cạnh, tôi nổ súng. Khẩu tiểu liên AK "pằng, pằng" rung lên. Bọn chúng hoảng sợ, lùi sâu về phía rừng, không dám đi ra ngoài nữa.

Bộ binh và pháo binh địch bó tay trước sức tấn công của chúng tôi. Chúng thay đổi chiến thuật, cầu cứu máy bay ném bom vào đội hình đang chốt giữ của đại đội tôi. Những chiếc A37 xám xịt, trong phút chốc lao đến, bổ nhào, cắt những quả bom đen thui lao thẳng xuống đầu chúng tôi. Vừa thụt đầu xuống, chui sâu vào trong, căn hầm rung lên, người tôi đung đưa, chao đảo, một tiếng "ục" ở phía sau. Nhìn lên cửa hầm, ánh nắng chói chang của buổi trưa cuối mùa khô vụt tắt, từng tảng đất đá to, nhỏ uỳnh ụych, uỳnh ụych rơi xuống.

Cát bụi tan dần, bầu trời từ từ sáng lên, rồi trở về cái nắng nóng gay gắt. Cứ thế, máy bay tiếp tục ném bom xuống đội hình đại đội khoảng 30 phút. Vừa ngừng tiếng nổ, tôi lao nhanh lên hầm quan sát các vị trí xung quanh: Bãi cỏ tranh đang bốc cháy ngùn ngụt, chúng tôi chỉ kịp vớ lấy cành

cây hoặc chiếc xẻng nhỏ, dồn hết sức dập lửa, không cho nó lan rộng.

Cảnh vật xung quanh tôi giờ đây tan hoang, nhất là cánh rừng rậm xanh um tùm phía sau giờ trống trơ từng khoảng, cây cối gục đổ, ngổn ngang. Một chùm đạn của quân địch ở phía xa bắn đến, vút sạt qua tai nghe lạnh gáy. Tôi và mọi người lao vội xuống công sự ngay sát cạnh. Đứng ở dưới hầm, tôi lại thò đầu ra nhìn sang phía kia trảng. Một tốp lính địch trong căn cứ Xa Mát đang thập thò, nổ súng về hướng chúng tôi. Để tiết kiệm đạn, từ nơi đây tôi điểm xạ từng viên một về phía địch. Xung quanh, tất cả anh em trong đại đội đều tập trung dõi về phía trước, chờ mục tiêu xuất hiện là nổ súng ngay. Những quả đạn cối 60 của tiểu đội hoả lực A10 thỉnh thoảng lại điểm một viên, tiếng vang "chóc", "uỳnh" ngay trên lô cốt hoặc các ụ súng đại liên của địch. Đất, đá cát bụi nơi đó bay lên tung toé, để lại một cột khói đen ngòm.

Ngụy quân trong cứ điểm hoàn toàn bị đơn vị tôi khống chế, nằm im, không dám thò đầu ra ngoài, chỉ có đạn pháo ở các cứ điểm xung quanh, từng đợt, từng đợt đều đặn dội đến.

Cơn khát giữa cái nắng nóng gần cuối mùa khô như thiêu như đốt liên tục hành hạ chúng tôi. Phía trên hầm, không có một bóng cây, chỉ lèo tèo mấy khóm cỏ tranh còn sót lại sau đám cháy mà tôi đã cố gắng dập tắt. Chui xuống dưới hầm, cái nóng vẫn hầm hập, ngột ngạt, càng khó chịu hơn.

Mồ hôi trong người ướt bết áo quần. Khát cháy khô cả họng, tôi có cảm giác thực quản của mình nghèn nghẹn, không thể nào đưa đẩy được. Miệng khô cứng, không còn chút nước bọt nào, hai môi phồng rộp, người nôn nao, nhiều lúc quên hết những hiểm nguy bom đạn đang chờ mình phía trước, trong đầu dồn lại chỉ có "nước".

Đây là lần đầu ra quân nên chúng tôi chưa có kinh nghiệm về tiết kiệm nước. Mới quá trưa một chút mà các bình tông mang theo đã khô ráo từ lâu do sử dụng quá nhiều nước vào túi cơm sấy, chiến lợi phẩm thu được của tốp lính đối phương sáng nay. Tôi thò đầu khỏi công sự, giơ tay ra hiệu mọi người về cơn khát và đang rất cần có "nước", nhưng cả đơn vị đều chịu chung cảnh ngộ này.

Trời bắt đầu tối, anh Thái triệu tập các trung đội trưởng về Ban chỉ huy hội ý và rút kinh nghiệm chiến đấu trong ngày. Anh Tài và nhóm nuôi quân ở phía sau tiếp tế cơm, nước cho chúng tôi. Để giải quyết cơn khát trước mắt, tôi xin phép anh Thái được dẫn một số người đi lấy nước. Trước đó, tôi đã quan sát bìa rừng bên kia trảng, cạnh hàng rào đầu tiên của cứ điểm Xa Mát có một vũng nước nhỏ. Bây giờ trời đã tối, ta có thể nhẹ nhàng vận động vượt qua trảng trống để tiếp cận.

Anh Thái chấp nhận, tôi dẫn ba người thuộc ba trung đội, mang theo túi phao nilon, bình tông cùng với súng lên đường ngay.

Chúng tôi hành tiến và lùi đều theo đội hình chữ A. Tôi và một người nữa đi đầu để quan sát phía trước và sau, còn hai người đi lùi lại một khoảng ngắn, đảm nhiệm quan sát hai bên, đề phòng địch phục kích

Giữa đêm tối, chúng tôi tiếp cận được vũng nước nhờ bầu trời đầy sao. Ánh sao phản chiếu lên vũng nước một khoảng sáng trắng. Chưa vội lấy nước cho vào túi đựng, tôi vục tay xuống làm một ngụm, thấy trong miệng mình có cái gì ngọ nguậy, tôi vội phun ra ngoài. Té ra, trong vũng nước tụ tập rất nhiều nòng nọc sinh sống. Không thể kéo dài thời gian ở đây, tôi giục anh em nhanh chóng rút về. Vừa rời khỏi đó độ 5 phút thì một chiếc máy bay địch bất ngờ từ đâu lao đến, bắn từng chùm pháo sáng sát cạnh cứ điểm Xa Mát. Cả một khoảng không gian bỗng nhiên sáng rực, tưởng như soi rõ đến cả con kiến đang bò dưới đất.

Bốn đứa nằm im bất động trên mặt trảng trống trải, bằng phẳng, không có một vật che chắn nào. Bất chợt nước dưới mặt đất thấm vào áo dưới bụng lành lạnh. Tiếng người nằm cạnh la nhỏ:

- Nước trong túi nhựa của tôi bị vỡ rồi!

- Không sao. Chờ pháo sáng tắt là chạy nhanh về, ở đây còn ba túi nước nữa cơ mà? - Tôi nghiêng đầu nói

Pháo sáng vừa tắt, bóng tối phủ kín mặt đất. Chớp lấy cơ hội, chúng tôi nhanh chóng trở về đơn vị.

Ở nhà, anh Thái và mọi người rất lo lắng, cứ ngỡ địch phát hiện và tiêu diệt chúng tôi rồi. Giờ đây, thấy cả bốn đứa đã đầy đủ, nguyên vẹn, còn mang được nước về giải quyết cơn khát, ai nấy đều vui mừng, phấn khởi. Trải một ngày chiến đấu ác liệt với quân đối phương, chịu bao bom đạn trên đầu, tất cả đều bình an, chỉ có anh Nguyễn Tiến Mùi, đại đội phó bị thương ở mí mắt bên trái khi cùng với anh em trung đội 1 xung phong truy kích quân địch bỏ chạy vào rừng.

Chúng tôi vui sướng ôm chầm lấy nhau, nước mắt chảy dài trên má bởi cái tình đồng đội, đồng chí quá đỗi gắn bó, yêu thương. Ở đây, mọi người đã vì nhau, sẵn sàng hy sinh, che chở nhau lúc gay cấn, ác liệt nhất.

Niềm vui được nhân lên khi tổ nuôi quân do anh Tài phụ trách mang cơm còn nóng, lại có cả thịt hộp xào với nõn chuối rất ngon, giải quyết kịp thời khi cơn đói đang hành hạ chúng tôi. Khi vừa gặp chúng tôi, anh Tài ôm lấy mọi người khóc nức nở. Anh sờ đầu và người tôi thấy vẫn còn nguyên vẹn thì lại ôm chặt hơn, hôn vào má chùn chụt.

Anh nhiều lần đã phải bật khóc thành tiếng khi thấy bom đạn địch dội ác liệt vào đội hình chốt giữ của đại đội. Ruột gan bồn chồn, sợ rằng khi mang được cơm ra liệu còn người để ăn nữa không. Giờ đây thấy anh em trong đơn vị vẫn còn nguyên vẹn, tình cảm đồng đội thân thương dồn nén trong

anh vỡ òa. Anh sung sướng bật khóc hu hu dù đã lớn tuổi.

Đến giờ, tổ nuôi quân rút về phía sau, đồng thời cáng anh Mùi đi điều trị. Chúng tôi ở lại chốt này. Các trung đội bố trí người thay nhau canh gác, đề phòng địch tập kích trận địa.

Đêm nay khá im lặng, thỉnh thoảng mới có vài loạt đạn pháo bắn cầm canh sau lưng chúng tôi.

Một ngày chiến đấu mới lại đến, nhưng hôm nay khác hẳn hôm qua. Địch nằm im trong chốt, pháo ở các cứ điểm xung quanh dội đến cũng ít hơn. Chiến dịch Nguyễn Huệ của quân ta đang nở rộ trên toàn miền Nam. Hoả lực địch giờ đây bị phân tán, không tập trung như trước nữa.

Chúng tôi kiên trì bao vây địch. Quân ta hầu như đã làm chủ được trận địa. Phía trong cứ điểm, binh lính đối phương có dấu hiệu hoảng hốt, rút quân.

Một cánh quân của tiểu đoàn khác trong trung đoàn 271 được lệnh tiếp quản cứ điểm Xa Mát. Tiểu đoàn 8 chúng tôi được lệnh chuẩn bị hành quân nhận nhiệm vụ mới. Đó là phục kích địch rút chạy trên đường 22, đoạn gần giữa hai cứ điểm Thiện Ngôn - Tân Biên.

Khoảng 7 giờ tối, cả đơn vị nhanh chóng ăn cơm, sau đó gấp rút hành quân đến chiếm lĩnh vị trí mới.

Đường 22 là con đường nhựa rộng, nối từ thị xã Tây Ninh qua Tân Biên, Thiện Ngôn đến Xa Mát, giao với đường 7 của Campuchia.

Sau khi tiếp nhận mục tiêu, đại đội trưởng Hà Văn Thái bố trí đơn vị chốt giữ trong rừng cây lúp xúp phía tây, dọc đường 22, trung đội 2, ban chỉ huy đại đội cùng tiểu đội hoả lực A10 ở giữa đội hình, trung đội 3 ở phía thị trấn Tân Biên, trung đội 1 ở phía Thiện Ngôn để phục kích quân địch từ Thiện Ngôn rút ra, từ Tân Biên kéo về.

Chúng tôi sử dụng chiến thuật "*Chặn đầu, khoá đuôi, vận động tấn công tiêu diệt gọn*" trong trận này, tức là khi địch hành quân trên đường 22, lúc tốp đi đầu chạm đến tiểu đội cuối cùng của trung đội thứ 3 thì nổ súng phát hoả. Quân địch bị ta đánh bất ngờ sẽ dồn lại phía sau. Lúc này, trung đội ở đầu cũng nổ súng khoá đuôi, không cho bọn chúng thoát. Tiểu đội A10 và trung đội 2 sẽ phát huy hết sức mạnh hoả lực bắn vào giữa đội hình địch. Chớp lấy thời cơ địch đang hoang mang, chưa kịp phản ứng, quân ta đồng loạt xông lên, nổ súng tiêu diệt và bắt sống địch.

Mấy ngày giáp mặt chiến đấu với đối phương đã mang đến cho chúng tôi những kinh nghiệm nhất định, giúp chúng tôi tự tin hơn. Do đó, khi vừa chiếm lĩnh trận địa, mọi người đều nhanh chóng triển khai đào công sự, ngụy trang kín đáo, bình tĩnh đợi quân địch đến.

Khoảng 6 giờ 30 phút, tôi giật mình tỉnh dậy khi nghe phía chốt Thiện Ngôn vang lên một tiếng "rầm" của mìn định hướng Claymo (loại mìn do

Mỹ chế tạo, hình chữ nhật uốn cong, kích thước khoảng 15 x 30 cm). Khi mìn phát nổ thì cả nghìn viên bi sắt bay thẳng ra phía trước gây sát thương, kế theo đó là tiếng súng tiểu liên cực nhanh của địch. Tiếng pằng, pằng của tiểu liên AK quân ta vang lên.

Trong chớp mắt, tôi đã đứng dưới cửa công sự, giương nòng AK lên mặt lộ và quan sát. Cả đại đội vẫn im lìm, kiên nhẫn chờ quân địch kéo đến chi viện. Sự yên tĩnh không được bao lâu khi hàng loạt đạn pháo của các cứ điểm xung quanh tập trung nhắm vào đội hình đóng quân của chúng tôi nã xuống. Những tiếng nổ inh tai, đất bụi mù trời. Tôi rút sâu vào trong hầm để tránh đạn. Pháo của chúng bắn kéo dài khoảng 30 phút thì ngừng.

Tôi và Coỏng được lệnh lao về các trung đội truyền lệnh của ban chỉ huy đại đội, đồng thời nhận thông tin về quân số bị thương vong của các bộ phận để báo cáo các anh xử lý.

Rất may trong đợt pháo đó, cả đơn vị tôi không có tổn thất nào, chỉ có mấy chiếc nồi cơm của trung đội 1 không kịp đem xuống hầm bị đạn xuyên thủng. Đường dây điện thoại bị đứt nhiều, liên lạc giữa đại đội và tiểu đoàn bị gián đoạn. Tranh thủ quãng thời gian yên lặng, các chiến sĩ thông tin đã xông ra nối dây thông mạch.

Khoảng 15 phút sau, máy bay trinh sát OV-10 xuất hiện. Nó đảo mình, chúi xuống bắn pháo hiệu lên mặt đường 22, để lại một cột khói trắng.

Cảm nhận được nguy hiểm cận kề, tôi chui sâu vào hầm và nhìn lên, những chiếc máy bay A37 từ đâu lao đến, thay nhau trút bom vào đội hình đại đội tôi. Những tiếng nổ ù tai, nhức óc. Mặt đất giật lên từng cơn, ầm ầm rung chuyển, trời tối đen, mù mịt. Ngồi sâu trong hầm, ruột tôi và các anh nóng như lửa đốt. Không biết sau trận bom này, mọi người trong đơn vị mình có qua được không?

Trận bom kéo dài độ 30 phút thì dừng hẳn, tôi và Coỏng lại được lệnh lao về các trung đội. Thật may, cũng như sau đợt pháo lần trước, cả đại đội 3 của tôi đều bình yên.

Khoảng 9 giờ sáng, anh Trần Quang Đăng, trung đội trưởng trung đội 3 báo về ban chỉ huy:

- Có một đại đội bộ binh địch cùng với xe tăng đi sau yểm trợ, đang từ hướng Tân Biên tiến về vị trí chốt giữ của đại đội.

Lệnh báo động được nhanh chóng phát ra toàn đơn vị. Phía rừng cây lúp xúp cạnh đường, tất cả chúng tôi nằm im, hồi hộp chờ địch đến.

Kia rồi, một tốp lính khoảng chục người, quần áo rằn ri, đầu đội mũ sắt, súng lăm lăm trong tay ngó nghiêng, soi kỹ từng bụi cây bên đường, dò dẫm từng bước một. Sau chúng khoảng 15 mét là ba chiếc xe M113 cũng chở đầy lính.

Khi tốp đi đầu vừa chạm vào tổ chốt cuối cùng của trung đội 1, do anh Lê Xuân Hưu chỉ huy, tiếng súng quân ta bất ngờ rộ lên. Phía sau đội

hình hành quân của địch, trung đội 3 cũng kịp thời nổ súng, không cho quân địch lùi lại.

Tôi hướng nòng súng AK của mình ra phía trước bóp cò. Xung quanh tiếng súng tiểu liên, trung liên, cối 60, B40, B41 của cả đại đội vang lên giòn giã.

Chớp thời cơ, đại đội trưởng Hà Văn Thái phát lệnh xung phong. Tất cả cán bộ chiến sĩ đại đội 3 đồng loạt xông lên mặt đường tấn công, truy kích địch đang tháo chạy thục mạng.

Trên mặt đường, xác địch ngổn ngang, súng, ba lô vương vãi khắp nơi. Hai chiếc xe tăng bốc cháy, khói bay nghi ngút, một chiếc do anh Trần Dôn - chiến sĩ trung đội 3 bắn hạ, một chiếc do Lê Văn Mão, tiểu đội hoả lực A10 tiêu diệt, chiếc còn lại thoát được, vì lúc đó ở quá xa chốt tiền tiêu của trung đội 3. Thực ra, khi chiếc xe tăng đang quay đầu tháo chạy, trung đội 3 đã tổ chức truy kích. Nhưng nó tăng tốc rất nhanh và để tránh thương vong, bảo đảm an toàn cho đơn vị, đại đội trưởng Hà Văn Thái phát lệnh thu quân, đề phòng pháo địch ở các căn cứ xung quanh dội đến.

Tôi và mọi người vừa kịp về đến công sự thì đạn pháo bay xèn xẹt trên đầu. Những tiếng nổ inh tai, dồn dập bao vây chúng tôi. Đợt pháo này của, quân địch kéo dài hơn trước.

Sau trận chiến, đại đội tôi đã có tổn thất nhất định. Trung đội 3 có ba người hy sinh, đó là anh Hồ Huy Điềm, quê ở Tiến Lộc (Can Lộc, Hà Tĩnh),

anh Trần Thanh Hải, quê ở Đà Sơn (Đô Lương, Nghệ An), anh Phạm Ngọc Sơn, quê ở Hợp Thành (Yên Thành, Nghệ An). Trung đội 2 có anh Vũ Ngọc Danh, quê ở Đức An (Đức Thọ, Hà Tĩnh). Ngoài ra, một số đồng chí khác bị thương do mảnh đạn pháo và đạn nhọn găm vào.

Từ đó cho đến tối, không xuất hiện bộ binh, xe tăng địch nữa, chỉ có máy bay trinh sát OV-10 vòng đảo liên tục, soi mói mọi động tĩnh dưới mặt đất để gọi máy bay A37 đến ném bom.

Trời về tối, những chiếc máy bay rút về. Chúng tôi Minh, Thìn, Sơn, Tiểu, Hiền, Định, Tại, Mão... - những người bạn trước đây cùng đơn vị huấn luyện được bổ sung về đại đội 3 ôm chầm lấy nhau mừng mừng, tủi tủi. Không thể tin được, tất cả vẫn sống nguyên vẹn sau một ngày chiến đấu căng thẳng, ác liệt.

Thời gian bên nhau không nhiều vì tôi còn tháp tùng đại đội trưởng đi kiểm tra quân số thương vong và tình hình sẵn sàng chiến đấu của bộ đội ta ở các trung đội.

Lúc chia tay, mọi người dúi vào tay một túi đầy quà, từ hộp nước xoài đến túi cơm sấy và cả những gói thuốc lá "Rubi quân tiếp vụ" thu được của quân địch. Cảm ơn các bạn đã dành cho tôi những tình cảm quý báu đó.

Đêm nay, cả đại đội không hành quân mà ở lại chốt giữ tại đây. Vậy là có một đêm được nghỉ ngơi lấy sức. Chúng tôi được ngủ nhiều hơn, chỉ phải

thức những lúc thay nhau canh gác. Pháo của địch bắn cầm canh nhưng chẳng ai bận tâm.

6-4-1972

3 giờ sáng, đại đội tôi đã chiếm lĩnh vị trí phía bắc đầu cầu Cần Đăng để chuẩn bị đánh chiếm thị trấn Tân Biên.

5 giờ 30, đồng loạt nổ súng bắn về phía bờ sông bên kia. B40, B41 tập trung nã vào các lô cốt dựng lên bằng bao cát cạnh chân cầu. Những quả đạn cối 60 của tiểu đội hỏa lực A10 rót chính xác vào từng lô cốt địch đang chốt giữ ở đó.

Bị quân ta nổ súng áp đảo, tấn công bất ngờ, binh lính địch hoảng loạn. Chúng tôi nhanh chóng vận động vượt qua cầu, chiếm giữ các lô cốt vừa bị tiêu diệt.

Lúc này, những quả đạn cối 82 của đại đội 16 (C16) ở phía sau vượt qua đầu chúng tôi rơi vào đội hình quân địch đang tháo chạy tán loạn dọc theo đường 22.

Chốt giữ ở phía ngoài, quan sát địch rõ, tiểu đội hoả lực (A10) do anh Thiết chỉ huy phát hiện nhanh những mục tiêu trong bốt, trong nháy mắt đã chỉnh xong tầm và hướng cho súng cối 60. Động tác thuần thục, chính xác, các anh thả từng quả đạn vào trong nòng súng. Một tiếng "chóc" từ đầu nòng phát ra, phía trong bốt đã vang lên một tiếng nổ "oàng". Lại thêm một ổ đề kháng nữa của

địch bị tiêu diệt. Chúng tôi đã khống chế, làm chủ được hoàn toàn trận địa.

Tận mắt chứng kiến các khẩu đội cối phát hỏa, tôi thật sự khâm phục tài nghệ bắn súng của các anh. Khả năng ước lượng khoảng cách, cự ly chính xác đến từng mét, kỹ năng điều chỉnh hướng, tầm súng rất nhanh, khi bay ra khỏi nòng, hầu như không có viên nào chệch mục tiêu cả.

Dưới làn đạn cối của quân ta cùng hoả lực khác yểm trợ, chúng tôi chia làm nhiều mũi, xông thẳng vào chốt địch, bắt tù binh và thu vũ khí. Thị trấn Tân Biên được hoàn toàn giải phóng.

Đến tối, cả đơn vị tôi tiếp tục hành quân ngược đường 22 đến Thiện Ngôn, rẽ theo con lộ đất đỏ, để đi về khu vực Lò Gò - Xóm Giữa.

10-4-1972

Khoảng 3 giờ chiều, chúng tôi vượt sông Vàm Cỏ Đông, giáp ranh biên giới Campuchia và Tây Ninh, Việt Nam. Con sông nơi đầu nguồn không rộng, nhưng hai bên bờ dốc đứng, khá sâu, nước chảy xiết.

Đại đội 3 tổ chức vượt sông theo từng trung đội. Các tổ ba người và tiểu đội luôn bám sát, dìu nhau bơi qua sông. Nhìn dòng nước chảy xiết, nhiều người lo sợ ra mặt. Những chiếc túi nilon được trang bị cho từng người lần này thật sự phát huy tác dụng. Tất cả áo quần, ba lô... được bỏ vào túi,

cột chặt miệng lại, chiếc túi thành phao giúp chúng tôi vượt sông.

Đại đội trưởng Hà Văn Thái và các anh trong ban chỉ huy thở phào nhẹ nhõm, khó khăn của đơn vị đã có phương án khắc phục. Song, thực tế cũng có nhiều người chưa biết bơi, lại không có túi nilon do đã bỏ lại sau chiến dịch "giảm cân mang vác" thời kỳ hành quân vượt dải Trường Sơn. Đứng bên kia bờ nhìn sang, thấy tình cảnh ấy, tôi và một số anh em bơi giỏi vội bơi sang để giúp đỡ mọi người.

Những khẩu súng trung liên, B41 cũng là một khó khăn khi không thể nào gác lên trên những chiếc túi để mà bơi qua sông được. Trước tình huống này, tôi nhớ lúc ở quê, bọn trẻ chúng tôi tự tạo phao bơi qua ao rộng bằng chiếc quần dài của mình. Cột chặt hai đầu ống rồi chụp xuống để nước vào căng phồng lên, túm chặt đai lại, tạo thành chiếc phao. Tôi nhanh chóng thao tác và phổ biến cho anh em trong đơn vị thực hiện.

Bơi tự do, cảm nhận được hết sự mát rượi của dòng sông tôi tranh thủ, thoả sức vùng vẫy, ngụp lặn, vò đầu, xoa mình, gột hết những khói đạn, bùn đất lâu nay bám chặt vào người. Cứ thế, tôi bơi qua bơi lại dòng sông mấy lần để mang giúp đồng đội những khẩu súng trung liên hoặc B41.

Đại đội chúng tôi vượt sông an toàn về người cũng như vũ khí. Mấy ngày sau tôi được biết trên khúc sông chúng tôi qua có hai chiến sĩ tiểu đoàn 9 đã hy sinh.

Giờ đây, nhìn lại anh em, ai nấy đều sạch sẽ, sáng sủa, gọn gàng, không bù xù, nhem nhuốc đất bùn như khi ở phía bên kia sông. Dẫu đôi mắt còn đỏ, thâm quầng, hai má hóp lại vì thiếu ngủ triền miên, nhưng cái trẻ trung, ngây ngô của tuổi 20 vẫn hiện rõ lên khuôn mặt từng người. Chúng tôi hành quân đến gần bìa rừng thì tạm nghỉ 10 phút. Phía trước đoàn quân là con đường đất cát khá rộng, chạy thẳng về làng của người Campuchia, tiếng địa phương gọi là "phum", "sóc".

Nhà dân trong phum xây dựng dọc hai bên đường thành dãy. Phía sau là cánh đồng bằng phẳng, rộng mênh mông đến tận chân trời. Các ngôi nhà sàn làm bằng gỗ rất đẹp, tinh tế, khác với vẻ mộc mạc, đơn sơ của những ngôi nhà vùng miền núi Việt Nam mà tôi đã gặp.

Đại đội trưởng Hà Văn Thái ban đầu định tổ chức cho bộ đội nghỉ ở ngoài phum, nhưng khi vào phum, thấy yên bình, tĩnh lặng như nông thôn quê nhà anh quyết định xin nghỉ nhờ ở nhà dân bên đường

Lần đầu tiếp xúc với người dân Campuchia mà chẳng ai biết tiếng cũng như phong tục tập quán của họ, nên mọi người chần chừ đứng ngoài cổng, không dám vào nhà.

Tôi và Coỏng nhanh nhảu xung phong đi trước. Ngay sau tiếng gõ cửa của tôi, ánh đèn dầu trên tầng hai bừng sáng. Ra đón chúng tôi là hai vợ

chồng người Campuchia, tầm 40 tuổi. Qua ánh đèn, tôi thấy người đàn ông mình để trần, quấn quanh bụng một chiếc khăn rằn carô đen trắng, dài quá đầu gối. Người phụ nữ chỉ mặc một chiếc váy nền vàng có hoa văn đen đỏ, đôi vai và hai tay để trần.

Họ nói với chúng tôi một tràng, nghe rất lạ. Hai đứa chỉ biết ú ớ, gật đầu chào lại. Tôi rất sốt ruột, muốn nói chủ nhà cho anh em chúng tôi nghỉ lại đêm nay, nhưng cái lưỡi trong miệng cứ cứng đơ, chỉ phát ra được tiếng "ơ ơ". Bất đồng ngôn ngữ thật bực mình, muốn nói nguyện vọng của mình cho họ hiểu mà không biết giãi bày thế nào?

Chủ nhà có vẻ cảm thông và chăm chú theo dõi cử chỉ của hai đứa. Nhận thức được điều đó, tôi vội vàng lấy đôi bàn tay chụm lại, đưa lên áp sát một bên má, rồi nghiêng mình, đập đập xuống sàn.

Cả hai vợ chồng bất chợt ồ lên tươi cười, gật đầu đồng ý mời chúng tôi vào nhà để nghỉ. Kết quả đạt được quá nhanh, ngoài sức tưởng tượng.

Tôi chưa kịp thông báo tin vui cho các anh đang đứng chờ ở ngoài cổng, Coỏng đã nhanh nhảu nói vọng ra:

- Chủ nhà đã đồng ý rồi, mời các anh vào.

Anh Tài và anh Trữ vừa hạ ba lô xuống sàn đã vội tìm vị trí để chuẩn bị bữa cơm tối cho đơn vị. Anh nói với chủ nhà:

- Anh chị cho phép chúng tôi đặt bếp ở đâu? Chúng tôi muốn xin củi, nước để nấu cơm.

Các anh cũng ú ớ như chúng tôi, chẳng ai biết giãi bày như thế nào để chủ nhà hiểu. Tôi buột miệng nói:

- "Tức thật", chúng ta ở đây chẳng ai biết được một chút tiếng Campuchia nào nên giờ mới khổ như thế này.

Sau câu nói đó, người vợ nhanh nhẹn vào phía trong xách ra hai bình nước và khay cốc, gật gật đầu mời chúng tôi uống. Tôi trố mắt ngạc nhiên về sự mến khách và chu đáo của họ.

Sau một thời gian sống với người dân Campuchia, tôi biết được lý do bà chủ nhà lấy nước cho chúng tôi uống hôm ấy. Tiếng Việt gọi là "nước" thì tiếng Campuchia gọi là "tức", nên sau khi tôi nói "tức thật", họ cứ ngỡ là chúng tôi xin nước, nên đã mang nước ra mời.

Những hành động, cử chỉ trìu mến, sự giúp đỡ của người dân Campuchia trong giây phút gặp gỡ đầu tiên đã gây cho chúng tôi ấn tượng tốt đẹp, khó phai về lòng nhân hậu, chân chất và mến khách của họ.

Tôi quay sang trách Coỏng và nói:

- "Ông" thấy không? Tôi đã bảo người dân Campuchia rất tốt. Thế mà có lúc ông lại nghĩ không hay về họ.

Vừa nghe xong, người chồng vội vào trong buồng xách ra một con dao quắm loại nhỏ, cùng với một sợi dây thừng dài đi xuống cầu thang. Tôi và mọi người sững sờ, hốt hoảng thật sự, không biết chuyện gì sẽ

xảy ra. Anh ta đã cầm dao và dây thừng đi, chắc "lành" thì ít, "dữ" thì nhiều. Không khí trong nhà đang vui vẻ bỗng nhiên lặng đi. Đã đâm lao phải theo lao, tôi vội vàng một mình bước xuống cầu thang ra ngoài theo dõi và nghe ngóng. Dưới ánh trăng cuối tháng, tôi thấy anh ta đang bước vội đến mấy cây dừa trước nhà, giắt con dao vào bụng rồi leo thoăn thoắt lên một cây dừa trĩu quả. Tôi thở phào nhẹ nhõm, vội vàng lên cầu thang thông báo tin vui này. Mọi người "à" lên một tiếng. Không khí trong nhà càng sôi động hơn so với lúc ban đầu.

Khi mọi người đang uống nước thì anh chủ nhà mang cả một buồng dừa nặng trĩu quả vào, thoăn thoắt chặt từng quả mời mọi người uống.

Sau này, khi hiểu được một số từ trong tiếng Campuchia tôi biết rằng: "đôông" trong tiếng Campuchia có nghĩa là dừa. Khi tôi nói với Coỏng: "Ông thấy không" bằng giọng nằng nặng miền Trung khiến họ cứ ngỡ là chúng tôi xin quả "dừa".

Việc nấu cơm không thể chậm trễ nữa. Anh Tài giục mọi người tìm cách giãi bày để chủ nhà hiểu được mong muốn của mình. Bí quá, tôi vội bê một cái xoong, giơ ra trước mặt chị chủ nhà, lấy một nắm gạo bỏ vào, rồi chỉ chỉ, trỏ trỏ vào đấy. Hiểu được ý tôi, hai anh chị gật đầu lia lịa, vội vàng vào nhà kho, bê đến cho chúng tôi lưng bao gạo trắng, chỉ vị trí bếp và giếng nước cho anh Tài, anh Trữ nấu bữa cơm tối. Hai vợ chồng chủ nhà tốt bụng còn giết gà thết đãi chúng tôi.

Bữa cơm hôm đó thật ấm cúng, ngon lành. Lâu lắm rồi tôi mới được ăn món thịt gà rang. Chao ôi! Sao mà ngon đến thế.

Chúng tôi đã có những giờ phút quý giá được sống trong lòng người dân nước bạn nhân hậu và mến khách, giữa không gian yên bình, không cảnh giác, không căng thẳng, không âm thanh rùng rợn của máy bay trinh sát L19 và OV-10, của đạn pháo đề pa đầu nòng,...

Ăn xong, mọi người đi tìm chỗ ngủ. Lại một lần nữa chúng tôi lúng túng làm hiệu, hai tay úp vào nhau để lên má, nghiêng người đập nhẹ xuống sàn. Chủ nhà nhanh chóng hiểu ý, ôm ra cho mỗi người hai chiếc gối, một chiếc gối vuông và một gối tròn to bằng gốc cây chuối, chiều dài khoảng một mét. Theo tục lệ của người Campuchia, ai chưa có gia đình đêm nằm ngủ ngoài gối để ở đầu còn thêm một chiếc gối tròn để ôm. Chúng tôi ngủ một giấc ngon lành ngay trên sàn nhà.

Trước lúc đơn vị hành quân tiếp tôi được anh Thái giao nhiệm vụ ở lại phum đợi đón Thanh - lính trung đội 1 mất tích từ hôm qua rồi theo con đường cát để gặp lại đại đội. Gần đến trưa, Thanh ở đâu lếch thếch xuất hiện trên đường. Nhìn thấy tôi, Thanh mừng quá, chạy đến ôm chầm lấy, la lên:

- Thế là mình gặp được anh em rồi! -Cậu ta bật khóc nức nở.

Một lúc sau tôi mới hỏi:

- Cậu ở đâu từ tối hôm qua cho đến giờ để cả đơn vị đi tìm và chờ cậu vậy?

Thanh mặt tái mét, da nhợt nhạt, lắp bắp trả lời:

- Khi đơn vị nghỉ ở bìa rừng, mình ngồi nghỉ rồi ngủ quên lúc nào không biết, đến lúc nghe tiếng ken két của bánh xe bò mới giật mình tỉnh dậy. Anh em trong đơn vị đã đi hết. Lo lắng, hoảng sợ mình bật khóc. Lần mò theo dấu dép cao su thì đến gần làng này, núp vào khóm cây bên đường nghe ngóng động tĩnh. Chỉ thấy tiếng gà gáy, tiếng cụp cum của chày giã gạo, tiếng người nói,... Gặp mấy bà già, mình chỉ vào chiếc mũ tai bèo đang đội trên đầu và chiếc ba lô sau lưng, rồi lại chỉ về phía trước, các bà đồng loạt gật đầu. Nghĩ rằng họ đã hiểu ý nên tiếp tục đi dọc theo làng này, cho đến bây giờ mới gặp được Minh.

Đợi Thanh ăn xong cơm, hai đứa lên đường gấp vì giờ này chắc đơn vị đã đi rất xa. Chúng tôi đi qua nhiều phum, những cô gái, em nhỏ, bà già đứng ở nhà sàn nằm hai ven đường vẫy chào. Một điều lạ lẫm đập vào mắt tôi là tất cả những cô gái, bà già đều chỉ quấn xàrông từ bụng trở xuống còn ngực thì để trần. Ban đầu hai đứa tôi ngượng chín mặt, không dám nhìn, nhưng đi qua nhiều phum thấy phụ nữ ở đây đều ăn mặc như thế nên cũng quen dần.

Đến gần 4 giờ chiều, trời sắp tối, nhìn sang nhà bên đường có một chiếc xe đạp dựng ở sân, tôi

mừng quá, đánh bạo gõ cửa, ngỏ ý mượn chủ nhà chiếc xe đạp để hai đứa đuổi kịp đơn vị trước khi trời tối, sợ đi đêm sẽ nguy hiểm.

Tôi vừa giơ tay làm hiệu và gật đầu chào, người đàn ông vội hỏi bằng tiếng Việt lơ lớ:

- Các anh bộ đội cần gì?

Thật may vì gặp được người biết tiếng Việt. Không vòng vo, tôi nói ngay:

- Anh cho mượn chiếc xe đạp đang dựng ở kia được không? Chúng tôi rất vội, phải đi về phum X, sáng mai sẽ đem xe trả cho anh.

Anh tươi cười, vui vẻ dắt xe ra cho chúng tôi mượn. Hoá ra ý định liều lĩnh của tôi thế mà hay. Hai đứa cười tít mắt, nói vội lời cảm ơn rồi tiếp tục hành trình.

Tôi khoác khẩu súng lên vai, nhảy lên xe ngồi đạp, còn Thanh ngồi phía sau ôm hai ba lô và súng của mình. Chúng tôi bon bon trên đường độ khoảng một giờ thì gặp được đơn vị. Trời lúc này đã bắt đầu tối.

*

* *

Hôm sau, khoảng 10 giờ sáng, tôi rủ anh Huyên, y tá cùng đi trả xe. Đến một thị trấn ven đường thì xe bị thủng săm, xịt lốp. Hai anh em phải tìm người vá xe nên đến trả xe không đúng hẹn. Khi tôi thanh minh vì việc trễ hẹn của mình thì người cho mượn xe tươi cười, cảm ơn, còn rút

tiền riên (tiền Campuchia) trả cho tôi. Hai anh em trố mắt, ngạc nhiên.

- Đằng nào chiếc xe này cũng đến lúc bị thủng săm, tôi cảm ơn hai anh bộ đội đã sửa hộ. - Anh nhẹ nhàng giải thích. Cứ thế, anh dúi tiền vào túi, tôi cố sức đẩy ra, nhưng vẫn không được.

Hai ngày tiếp xúc với dân Campuchia, bao nhiêu niềm vui bất ngờ đã đến với chúng tôi.

12-4-1972

Trời về tối, tôi theo anh Thái và các trung đội trưởng đi thực địa để nhận mục tiêu mà đại đội chúng tôi sẽ đảm nhiệm chiến đấu. Địa hình bố trí quân là một cánh rừng tràm, bao quanh bởi cánh đồng bằng phẳng, không cây cối, hoa màu. Thời điểm này đang là mùa khô ở Campuchia.

Dưới ánh trăng sáng, theo tay anh Thái chỉ, phía trước mặt, bên trái là quốc lộ 1 nối liền Sài Gòn - Phnôm Pênh, qua cửa khẩu Mộc Bài, Tây Ninh. Bên phải là chốt trung liên 1 do quân của Lon Nol - Siric Matak chốt giữ với hoả lực tương đối mạnh, có DK75, cối 82, đại liên và súng 12 ly 7. Bảo vệ chốt có nhiều loại hàng rào bao quanh, phía trong là doanh trại lính, ngoài là lô cốt nổi, rải đều sát với hàng rào trong cùng.

Chúng tôi áp dụng chiến thuật "cường tập", tức là ở ngoài chốt dùng hoả lực uy hiếp, bức địch đầu hàng, nếu có thời cơ xuất kích tấn công tiêu diệt chúng.

Đêm hôm ấy, ánh trăng đầu tháng vừa đủ cho mọi người mờ mờ nhìn thấy nhau. Anh em trong đại đội theo từng vị trí tiến sát hàng rào, triển khai đắp đất, dựng vật che chắn đạn từ trong đồn bắn ra.

Lệnh tấn công đã phát, chúng tôi từ các hướng đồng loạt nổ súng vào chốt. Quân địch bên trong quá bất ngờ nên chưa kịp phản ứng gì. Nhưng khoảng 5, 6 phút sau, địch bắt đầu phản công bằng những tràng đại liên có đạn vạch đường. Trong đêm tối, loại đạn đó như những tia pháo hoa, quét ra từng vệt sáng. Những viên đạn nhọn cắm vào những gò đất xung quanh tôi phầm phập.

Tiếng đạn DK75 của địch nổ rất đanh, chói tai, cát bụi bay mù mịt. Do đã tính đến khả năng tấn công bằng hoả lực của chúng từ trong chốt, nên cả đơn vị trước đó đã đào công sự chiến đấu chắc chắn để hạn chế sát thương.

Quân địch bắn khá rát, nhất là mấy khẩu đại liên 12 ly 7 ở những lô cốt tuyến đầu. Rồi hai khẩu DK 75 ở hai lô cốt bên cạnh cứ nhằm những ụ đất phía trước và sau chúng tôi nã đạn.

Đạn ồ ạt, chiu chiu trên đầu. Ai đó chỉ cần nhô cao đầu một chút, chắc phải hứng ngay cả trăm viên đạn vào người. Hoả lực địch trong chốt khá mạnh, nếu tình trạng này kéo dài chắc bộ đội ta sẽ thương vong nhiều. Anh Thái điện về tiểu đoàn xin hoả lực cối 82 và DK75 hỗ trợ, nhưng không liên lạc được do đường dây điện thoại bị đứt.

Máy vô tuyến 2W do Trung Quốc sản xuất mà đại đội được trang bị thì hỏng liên tục.

Tôi được đại đội trưởng Hà Văn Thái giao nhiệm vụ đi cùng với hai chiến sĩ trinh sát tiểu đoàn đang có mặt ở đại đội trở về Ban chỉ huy tiểu đoàn xin chi viện cối 82, DK75.

Khi quân địch trong chốt vừa bắn chuyển làn sang hướng khác, tôi khoác vội chiếc xẻng cá nhân, cầm tiểu liên AK, băng băng theo anh trinh sát về tiểu đoàn bộ. Khi đang lom khom gần hàng rào dây thép gai đầu tiên trong chốt, cách công sự khoảng 20 mét, bất ngờ phía bên phải tôi súng đại liên trong chốt bắn quét vào đội hình ba người. Rất nhanh, chúng tôi cùng lăn mình xuống đất. Đạn của khẩu đại liên cắm vào mô đất trên đầu phầm phập. Tôi nằm im, sởn ốc, nổi gai thấy sờ sợ. Một lúc sau, chúng chuyển hướng bắn. Lợi dụng khoảnh khắc này, tôi vội gác súng lên mô đất, ngắm ngay vào lô cốt nơi khẩu đại liên đang khạc lửa, bình tĩnh bóp cò, điểm xạ hai viên.

Khẩu đại liên im bặt. Trong thời gian huấn luyện ở miền Bắc, tôi đã tập bắn mục tiêu "lập loè" ban đêm rất kỹ nên tiêu diệt mục tiêu dạng này đối với tôi không khó. Tôi vận động nhanh về phía tiểu đoàn xin được hỗ trợ kịp thời hoả lực cối 82 và DK75 cho đại đội 3. Hơn chục phút sau, đạn cối của chúng ta tới tấp đổ vào chốt địch, buộc chúng ngừng phản công rồi im lặng.

Lúc này, khẩu đội DKZ75 của đại đội 17 (C17) đã có mặt. Các anh nhanh chóng vận động sát hàng rào địch, từ đây dễ dàng ngắm bắn từng lô cốt màu trắng nhô lên.

Chốt trung liên 1 bị tiêu diệt hoàn toàn, quân ta xung phong. Sau đó, chúng tôi bàn giao chốt cho bộ đội Campuchia, lúc đó do Khiêu Xăm Phon chỉ huy.

20-4-1972

Khoảng 3 giờ sáng, đại đội 3, tiểu đoàn 8 được lệnh di chuyển quân cắt qua cầu sắt sang bên kia đường 1. Nơi đơn vị chốt giữ là một phum Campuchia, nhiệm vụ là phục kích, chốt chặn địch từ hướng Phnôm Pênh nống ra, và ở thị trấn Chi Phu chạy về. Một tin buồn đến với chúng tôi, đồng chí Đàm Văn Kháng - chính trị viên phó tiểu đoàn 8, quê ở Quảng Minh (Quảng Xương, Thanh Hoá) đã hy sinh đêm 19-4-1972 khi đang trực tiếp chỉ huy đại đội 2 tấn công đồn Lò Xúp này.

Trước lúc đơn vị di chuyển sang địa điểm mới, đại đội trưởng Hà Văn Thái tập hợp chúng tôi lại, giao nhiệm vụ mới cho từng trung đội, đồng thời kiểm tra quân số bị thương vong trong ngày. Trong trận chiến đấu vừa qua, đại đội có năm người hy sinh, đó là: Hồ Sỹ Ninh quê ở Quỳnh Xuân (Quỳnh Lưu, Nghệ An), Lê Văn Nuôi quê ở Thạch Lâm (Thạch Hà, Hà Tĩnh), Lê Minh Hà quê ở Thạch Yên (Thạch Hà, Hà Tĩnh),

Hoàng Thanh Tại[1] quê ở Nghi Phú (Nghi Lộc, Nghệ An), Nguyễn Thế Tài quê ở Thanh Bài (Thanh Chương, Nghệ An). Một số cán bộ chiến sĩ bị thương phải về tuyến sau chữa trị. Chúng tôi nghe được tin đều lặng đi trước đau thương, mất mát đó. Đâu đấy tiếng khóc của ai đó bật lên. Một người khóc, hai người khóc,... rồi vỡ oà khi không thể kìm lòng được nữa.

Cuộc chiến phía trước còn rất gay go, ác liệt, mức độ tàn khốc ngày càng tăng, mà nhiều đồng đội yêu thương của tôi không còn nữa. Quân số đại đội ngày đầu có 82 người, giờ còn lại chưa được 60 người trong khi số trận đánh chúng tôi tham gia chưa nhiều.

Trong những trận chiến tới, ai sẽ lại ra đi, không thể chia sẻ ngọt bùi, đắng cay, khói lửa đạn bom cùng đồng đội nữa. Thế mới biết chiến tranh tàn khốc đến nhường nào.

Khi chúng tôi tiến vào phum Xúp, người dân đi sơ tán hết. Quang cảnh vắng lặng lạ thường, tôi vào từng nhà, thấy mọi thứ vẫn nguyên vẹn, không có gì xáo trộn.

Theo đội hình chiến đấu, bộ đội nhanh chóng đổ về các vị trí đảm nhiệm để đào công sự. Vị trí đóng quân của đại đội bộ ở trung tâm phum. Từ đây ra đến cầu sắt trên quốc lộ 1 khoảng 500 mét, cắt ngang cánh đồng trơ trọi, bằng phẳng, mênh mông.

---

1. Hoàng Thanh Tại là bạn đồng ngũ với tôi.

Ở đây, chúng tôi yên tâm quan sát, chờ địch đến. Sau khi đã hoàn tất công sự chiến đấu, cắt cử canh gác, mọi người tranh thủ ngủ bù.

Khoảng 10 giờ, tôi chăm chú nhìn ra cầu sắt. Không gian chìm trong lặng im, không tiếng súng, không tiếng xe cơ giới, không tiếng người. Anh em trong đại đội đang say giấc. Dường như chiến tranh không tồn tại lúc này...

Pằng, pằng, pằng,... loạt tiểu liên AK bất thần vang lên phía cầu sắt, xé tan không khí yên tĩnh. Xa xa, hai chiếc xe cơ giới màu xám từ đường 1 lao xuống cánh đồng, nhưng hướng đi chếch khỏi phum Xúp. Quên hết nguy hiểm, tôi vụt lao ra khỏi hầm, không kịp báo với ai, trong đầu chỉ có một suy nghĩ: "Phải quyết tâm bắt sống...".

Tôi bắn chặn đầu, nhưng hai chiếc xe vẫn tiếp tục lao đi. Thấy chúng có thể vượt sang con đường bên cạnh, tôi vừa chạy cắt đường đó, vừa bắn chặn từng loạt AK. Những viên đạn cày sâu xuống mặt ruộng, đất cát từng cụm nối nhau bung lên, hai chiếc xe vội vàng dừng lại. Bắn thêm mấy loạt nữa để uy hiếp, tôi tiến lại gần xe.

Phía sau, anh Thái hô các trung đội xung phong hỗ trợ tôi truy kích địch. Đó là anh Trữ, Huyên, Tài, Coỏng cùng tiểu đội hoả lực A10.

Trên hai chiếc xe bị bắt giữ có hai sĩ quan Campuchia, một phụ nữ cùng hai con nhỏ khoảng 3 tuổi và 7 tuổi. Tôi chỉ dẫn họ đi bộ về phum, nơi chúng tôi đóng quân.

Lúc này, anh em tiếp cứu đã đến gần, tôi nhảy lên xe ba bánh (sau này mới biết đó là chiếc xe lam) định nổ máy lái về. Nhưng khi ngồi sau tay lái, mới lúng túng, không biết nổ máy thế nào? Cố gắng tìm mọi cách, bấm hết các nút nhưng chiếc xe vẫn gan lì, không chịu nhúc nhích. Bực mình, tôi đi ra phía sau, phát hiện trên thùng xe có một vali căng đầy nên tò mò mở ra, lục soát. Phía trên có hai hộp dầu cù là hiệu "Ông cọp", tôi nghĩ ngay đến việc lấy về cho anh em bôi khi đau xương cốt. Phía dưới là những cục tiền "riên". Bới qua lớp tiền đó tôi thấy một lớp vàng đủ các loại: vàng miếng, dây chuyền, nhẫn, khuyên tai... phủ đầy hơn nửa va ly. Tôi sững sờ, lặng đi. Lần đầu tiên trong đời tôi được nhìn thấy nhiều vàng như thế. Góc vali có hai túi vải nhỏ, bên trong đầy hạt nhỏ lấp lánh. Nghĩ đó là kim cương (vì khi còn nhỏ ở nhà tôi hay đọc truyện cổ tích), tôi vội vàng xếp lại vali, đậy nắp khoá chặt, chỉ lấy ra hai hộp dầu "Ông cọp".

Lúc này, anh Thụ và mọi người cũng vừa kịp đến bao quanh. Tôi thở phào nhẹ nhõm, biết mình đã bình an.

Người phụ nữ và hai cháu nhỏ khóc rất nhiều, tôi không biết tiếng Campuchia để hiểu họ nói gì. May mà có anh Thụ, chính trị viên phó (cán bộ chiến trường trước chúng tôi) hiểu được một ít nên đã an ủi, động viên để ba mẹ con yên lòng. Lúc này tôi đã trấn tĩnh, nhìn kỹ mọi người, nhất là

các anh trong đại đội bộ, tôi ngạc nhiên và cảm động. Vũ khí cầm trên tay để xuất kích truy sát địch của anh Tài và Trữ chỉ có chiếc xẻng cá nhân, còn anh Huyên cầm quả lựu đạn. (Anh Tài, Trữ, Huyên là nuôi quân, quản lý, y tá không được trang bị súng đạn). Anh Tài nói:

- Khi thấy em một mình xuất kích đuổi địch nguy hiểm, các anh không ngồi yên được. Tất cả đều vội vàng xông ra ứng cứu, nên cứ vớ được cái gì là cầm cái nấy. May mà anh còn vớ được cái xẻng.

Hai mắt tôi cay cay, nhoè đi, lòng thầm cảm ơn nghĩa tình đồng đội đó.

Hai chiếc xe lam vẫn ì ra, tôi và một số người đành bó tay, không thể nổ máy được. Cuối cùng, anh Trữ và Thiết (trước kia là thợ lái xe ủi cho các đơn vị giao thông miền Bắc) loay hoay một lúc thì chúng phát ra tiếng kêu bành bạch. Các anh đưa ba người bị bắt và hai cháu nhỏ lên xe về phum Xúp. Tôi và một vài người cũng tranh thủ theo về. Về đến nơi, tôi bàn giao ngay chiếc vali đó cho ban chỉ huy đại đội.

Khoảng 4 giờ chiều, tổ chốt tiền tiêu báo có một đại đội địch rút chạy gần vị trí chúng tôi đóng quân. Lệnh báo động, vận động tấn công truy kích địch của Ban chỉ huy đại đội được phát ra.

Mỗi trung đội để lại một tiểu đội chốt giữ còn tất cả xông lên truy đuổi địch đang từ chốt thị

trấn Chi Phu rút chạy ra ngoài.

Khi thấy bộ đội ta vận động truy kích, nhóm tàn quân đổi hướng, bỏ chạy thục mạng. Chúng tôi nhanh chóng đồng loạt nổ súng song khoảng cách hơi xa nên một số lớn đã chạy thoát sang phum bên cạnh.

Đại đội trưởng Hà Văn Thái ra lệnh thu quân khi hoàng hôn dần buông xuống.

Giờ đây, khu vực thị trấn Lò Xúp đã được trung đoàn 271 giải phóng hoàn toàn, hiện đang bàn giao cho bộ đội Campuchia. Địch trong chốt ở hai thị trấn Chi Phu và Bờ Vét nằm trên đường 1 bị cô lập, đường rút lui về Phnôm Pênh bị cắt đứt.

Trong ba ngày, trung đoàn 271 đã giải phóng, làm chủ hoàn toàn gần 20 km trên đường 1, đoạn từ Lò Xúp đi Chi Phu. Chỉ còn cứ điểm Bờ Vét 1, Bờ Vét 2 là đến cửa khẩu Mộc Bài, Tây Ninh, Việt Nam.

Chiều hôm sau, cả đơn vị tiếp tục hành quân về hướng đông theo dọc quốc lộ 1. Anh Thái, cùng trung đội trưởng và tôi đi trước khảo sát địa hình, nhận mục tiêu cho trận chiến đấu tiếp theo.

Chúng tôi băng qua những cánh đồng rộng mênh mông chỉ còn trơ gốc rạ. Các thôn làng phía sau lưng giờ là những vệt mờ mờ cuối chân trời.

Địa điểm mới chúng tôi đóng quân là phum Sóc Nóc. Người dân vừa sơ tán trở về. Mọi sinh hoạt trong phum đã trở lại bình thường. Chúng tôi có một ít tiền riên, chiến lợi phẩm thu được trước đó

nên lấy ra mua thịt lợn, gà, rồi rau xanh và cả bún cải thiện bữa ăn cho anh em. Lâu lắm rồi mọi người trong đơn vị mới được thưởng thức các hương vị quê nhà.

23-4-1972

Khoảng 9 giờ sáng, cậu Quỳnh, đại đội hoả lực 12 ly 7 (C18) hành quân qua chỗ chúng tôi, đem cho tôi một bọc quà ra và bảo:

- Cậu Nam Nghi Thuận (Trần Ngọc Nam) nhờ tôi chuyển quà cho ông đấy.

Thời gian không nhiều, tôi và Quỳnh chỉ kịp hỏi thăm anh em trong cùng đại đội huấn luyện ai còn, ai mất. Tôi nói với Quỳnh:

- Cậu Tại người Nghi Phú hy sinh rồi.

Hai đứa đứng ở ven đường ôm nhau nghẹn ngào, nước mắt chảy dài trên má. Rồi Quỳnh đột ngột buông tôi ra, quay đầu chạy theo đơn vị tiếp tục hành quân.

Về đến nơi nghỉ, tôi mở gói quà, bên trong là một chiếc đài bán dẫn, một chiếc đồng hồ và ít tiền riêng cùng với một bức thư viết trên hộp vỏ bao thuốc lá: "Tao gửi cho mày chiến lợi phẩm thu được ở căn cứ Chi Phu".

Cảm ơn Nam rất nhiều. Nơi chiến trường khó khăn, gian khổ, hiểm nguy, ranh giới cái sống cái chết rất mong manh, bạn đã không quên mình.

Tôi bồi hồi xúc động, nỗi nhớ Nam và Hồng cùng bao kỷ niệm đẹp đẽ tràn về. Giá như bây giờ

chúng nó ở đây ba đứa sẽ cùng chia sẻ buồn vui như những ngày còn ngồi trên ghế nhà trường, trong thời gian huấn luyện và cả lúc hành quân dọc Trường Sơn. Kể từ ngày chia tay nhau ở sóc Đôn Tây sau trận bom của máy bay B52 cho đến nay, ba đứa chưa hề gặp lại.

25-4-1972

Chúng tôi hành quân về phía biên giới, gần huyện Bến Cầu, Tây Ninh. Nơi đóng quân là cánh rừng tràm với nhiều cây cao độ 7, 8 m, xung quanh là cánh đồng bằng phẳng, rộng mênh mông, khô cằn, nứt nẻ, trống trụi. Bây giờ đang là cuối mùa khô.

Ban chỉ huy đại đội có sự thay đổi, anh Hà Văn Thái được cấp trên điều về tiểu đoàn giữ chức tham mưu trưởng tiểu đoàn, anh Nguyễn Văn Thêm ở đơn vị khác về chỉ huy đại đội.

Ban chỉ huy trung đoàn cũng có sự thay đổi nhân sự. Anh Đoàn Sáu về nhận công tác ở Bộ Tư lệnh Miền, phó chính uỷ Lê Đình Trân lên đảm nhiệm trọng trách chính uỷ trung đoàn 271.

28-4-1972

Cả trung đoàn chia làm ba mũi, chuẩn bị tấn công ba mục tiêu. Tiểu đoàn 7 do tiểu đoàn trưởng Lê Văn Hàn chỉ huy, đảm nhận chốt Bờ Vét 1 và Bờ Vét 2, nằm ngay trên trục quốc lộ 1 kéo dài đến cửa khẩu Mộc Bài.

Tiểu đoàn 9 do tiểu đoàn trưởng Hoàng Vỵ chỉ

huy, vượt qua biên giới về Việt Nam, tấn công tiêu diệt cứ điểm địch ở ấp An Thạnh, phía tây nam thị trấn Bến Cầu, Tây Ninh.

Còn tiểu đoàn 8 của tôi do tiểu đoàn trưởng Dương Văn Hiêu và chính trị viên Huỳnh Mười chỉ huy, tiêu diệt quân địch đang chốt giữ ở ấp Rừng Dừa, phía tây bắc thị trấn Bến Cầu, Tây Ninh.

Khoảng 5 giờ chiều, chúng tôi hành quân vượt biên giới Campuchia - Việt Nam, qua cánh đồng rộng lớn về ấp Rừng Dừa. Bốt này, ở giữa ấp, cạnh góc một ngã ba, do lực lượng dân vệ nắm giữ. Lúc đơn vị chuẩn bị xuất quân thì anh Thái trên cương vị cán bộ lãnh đạo tiểu đoàn đã xuống chỉ đạo trực tiếp đại đội chúng tôi chiến đấu.

29-4-1972

Gần 3 giờ sáng, mọi người tập kết trên bãi đất hoang rộng, có nhiều khóm cây lúp xúp, cách ấp Rừng Dừa độ 400 mét. Đêm hôm đó vừa đúng là đêm rằm, trăng sáng, từ ngoài nhìn vào trong ấp rất rõ. Một con đường lớn chạy dọc ấp, những lối ngõ nhỏ chạy sâu vào hai dãy nhà mái tôn. Cả ấp chìm sâu trong tĩnh lặng. Cách 300 mét về phía tay trái có con đường đất đỏ vắt qua cánh đồng, nối từ ấp Rừng Dừa đến thị xã Bến Cầu. Đây là lần đầu tiên, chúng tôi đánh đồn trong ấp chiến lược nên để tránh thất lạc, phân biệt được ta và địch ở trong ấp, anh Thái phổ biến mật khẩu chung để nhận ra nhau trong cùng tiểu đoàn. Mật

khẩu hỏi: "Hiêu", đáp là: "Mười" (anh Dương Văn Hiêu, tiểu đoàn trưởng, anh Huỳnh Mười, chính trị viên tiểu đoàn).

Tiểu đoàn 8 chia làm hai mũi tấn công ở hai hướng khác nhau. Đại đội 1 đảm nhiệm khu vực cổng phụ ở phía đông bắc của bốt, bên cạnh con đường chạy dọc ấp. Đại đội 3 chúng tôi đảm nhiệm khu vực cổng chính, bên cạnh ngã ba, phía đông nam bốt, nơi có con đường nối thẳng ra đường đất đỏ chạy về thị trấn Bến Cầu. Đại đội 2 là thê đội dự bị có nhiệm vụ ứng cứu linh hoạt khi đại đội 1 và 3 gặp khó khăn lúc tấn công tiêu diệt địch, đồng thời ngăn chặn quân tiếp viện từ ngoài vào ứng cứu. Đại đội 4 hoả lực cối 82, xây dựng trận địa co cụm, hoả lực tập trung, nằm bên ngoài ấp, cạnh Ban chỉ huy tiểu đoàn và đại đội 2, nhằm chi viện hoả lực cho các mũi tấn công vào bốt địch khi cần thiết.

Tham mưu trưởng tiểu đoàn Hà Văn Thái cùng anh Thêm, đại đội trưởng, phân công, bố trí các trung đội đảm nhận từng mục tiêu, đồng thời tổ chức các trung đội nhanh chóng chia theo từng mũi tiền nhập vào đồn địch.

Trước khi cuộc chiến bắt đầu, từ trong ấp một đoàn già, trẻ, gái, trai tay xách nách mang, quang gánh trên vai, đầu đội những thứ có thể mang theo, hoảng loạn bỏ chạy.

Khoảng 5 giờ sáng, chúng tôi đã tiền nhập vào ấp, sát hàng rào dây thép gai của đồn. Súng đại liên hai bên cổng đồn bắn ra ngoài như vãi đạn,

chia đôi đội hình của đại đội tôi.

Địa hình trong ấp chiến lược rất khó khăn cho chúng tôi vận động và quan sát mục tiêu tiêu diệt địch. Các dãy nhà san sát hai bên đường cho đến cạnh hai lô cốt ở cổng đồn. Đặc biệt, nhà dân thường ngăn cách nhau bằng một hàng rào kẽm gai, càng hạn chế tầm bắn, quan sát vận động tấn công của chúng tôi. Khi các trung đội nổ súng, những chướng ngại vật đó che khuất mục tiêu nên khó gây sát thương lớn cho địch.

Anh Thái và anh Thêm giao nhiệm vụ cho tôi liên lạc với hai trung đội phía trong. Tôi luồn qua từng hàng rào dây thép gai cách cổng đồn khoảng 50 mét. Đạn của địch bắn ràn rạt trên đầu nên tôi đành phải nằm im. Khi đại liên trong lô cốt vừa ngừng bắn, tôi lao sang, lăn xuống rãnh bên đường, chạm vào hàng rào dây thép gai. Bọn địch nổ súng đuổi theo. Đợi hơn 20 phút sau, địch ngừng bắn tôi vội nằm ngửa, đầu chui vào trước, kéo lê khẩu súng AK sát theo, nhích từng tý một vào vườn nhà dân. Đến đây, tôi có thể lom khom hoặc đi thẳng mà không sợ địch trông thấy vì vật che chắn rất nhiều. Vượt qua mấy dãy nhà, bắt được liên lạc với anh Hưu và Đăng, trung đội trưởng của trung đội 1 và 2, tôi truyền đạt mệnh lệnh của Ban chỉ huy cho các anh, đồng thời nắm tình hình chiến sự, tư tưởng bộ đội trong trận chiến này về báo cáo với anh Thái, Thêm, Căn.

Tôi tiếp tục áp dụng chiến thuật cũ, tự tin hơn khi vượt qua con lộ trước cửa đồn địch để trở về Ban chỉ huy đại đội.

Ban chỉ huy đại đội.

Đúng như anh Thái dự đoán, ban đầu là loạt pháo dội xuống quanh ấp, sau đó là máy bay A37 thi nhau ném bom, cách chúng tôi chỉ gần 100 m. Do cả đại đội áp sát đồn địch nên pháo và bom dội xuống rất nhiều, nhưng anh em không hề hấn gì. Sau mỗi đợt pháo và bom, tôi lại sang bên kia đường để nắm tình hình chiến đấu của ta rồi về báo cáo lại. Nơi trung đội 1 chốt giữ, quân ta vẫn bình yên, chưa có thương vong. Trung đội 2 có cậu Thìn (Nguyễn Văn Thìn) cùng tiểu đội huấn luyện với tôi ở miền Bắc, vừa bị thương ở má vì đạn súng cối cá nhân M79. Nhìn thấy cậu ta băng kín đầu, chỉ còn một mắt trái lộ ra, ngồi dưới con rãnh khô, đầu ngả vào bờ đất dưới gốc cây điều mà lòng tôi quặn đau vì thương. Lúc đó khoảng 1 giờ chiều, tất cả chúng tôi chưa ai kịp ăn gì. Đứng tần ngần một lúc, tôi sực nhớ trước cổng đồn bên đường có một cửa hàng tạp hoá, trong đó chắc thế nào cũng có sữa và đường. Dù vị trí đó nguy hiểm vì dễ bị địch nhìn thấy nhưng vì thương và muốn động viên bạn nên tôi nói với Thìn:

- Cố gắng chịu đau. Đợi Minh đi tìm sữa mang về.

Khi đến cửa tiệm tạp hoá, tôi vận dụng kỹ thuật trườn thấp để tiền nhập. Lúc này, chỉ cần ló đầu nhô lên cao một chút thì trong chớp mắt sẽ phải nhận cả trăm viên đạn từ hai lô cốt bắn ra. Trong tiệm tạp hoá, tôi kiếm mãi mới thấy được một hộp sữa, riêng đường trắng thì rất nhiều, cả một bao

tải mấy chục ký song không thể mang về được. Tôi lấy tấm vải che quầy hàng gói một ít đường đem về cho đồng đội. Bất ngờ một loạt đại liên bắn vào cửa tiệm. Đạn bay sàn sạt bên tai, cắm phầm phập vào bức tường phía sau lưng thủng từng mảng một, vôi vữa tung toé. Tôi vội nhoài người nằm xuống, đạn trúng vào bao tải đường nghe "phụp" "phụp", đường trắng bắn vung vãi xung quanh. Tôi thật sự hoảng sợ vì nơi đây khá kín đáo và vắng vẻ, nếu có xảy ra chuyện gì, chắc mọi người không biết ở đâu mà tìm. Nằm im một lúc để bọn địch nghĩ mình đã chết, tôi xúc vội một ít đường bỏ vào chiếc mũ mềm và không quên hộp sữa cho Thìn. Nhẹ nhàng áp người sát mặt đất, bò nhích từng đoạn ngắn, tôi vượt qua các lớp rào dây thép gai về lại chỗ cũ.

Khoảng 4 giờ chiều, hai xạ thủ B41 và B40 của tiểu đội hoả lực, bí mật tiền nhập sát đường trước mặt cổng chính, đồng loạt nổ súng tiêu diệt hai lô cốt đầu cầu. Quân địch bị mất hai trọng điểm hoả lực nên chống cự yếu ớt rồi lắng dần. Chúng tôi không xông vào chốt vì nhiệm vụ được giao cho đại đội tôi là chốt chặn, dùng hoả lực áp đảo quân địch đầu hàng. Hơn nữa, phía trước đường bằng phẳng, trống trải, góc mở cho bộ đội ta tiến vào rất hẹp, hai cánh cổng sắt đã khoá chặt, phía bên ngoài lại có nhiều lớp rào bùng nhùng, không cho phép chúng tôi vận động tấn công được.

Sau khi hai lô cốt đầu cầu bị tiêu diệt, máy bay

địch bất ngờ đến ném bom dữ dội xuống bìa ấp. Trời tối dần, máy bay rút về, cả đơn vị được lệnh tập kết ra ngoài bãi đất sáng nay anh em đã tập trung.

Đại đội trưởng Thêm điểm quân, thấy còn thiếu trung đội 3 do anh Thiết chỉ huy. Tôi nói với anh Thêm:

- Khi anh phát lệnh rút quân, em đã truyền đạt lệnh cho anh Thiết rồi.

Nhìn vào trong ấp lúc này, những đống rơm, tre khô bốc cháy sáng cả một góc trời. Tôi thấy mấy bóng người vụt qua ánh lửa nên đinh ninh rằng trung đội anh Thiết đang tìm đường rút về. Nhưng sao lại đi chệch hướng ra phía con lộ. Tôi chỉ kịp báo với các anh trong ban chỉ huy:

- Đã phát hiện được trung đội 3. Em ra đón các anh ấy đây.

Tôi một mình ôm súng lao đi, khi chỉ còn cách nhóm người đang vội vã chạy dọc theo bờ ruộng khoảng 15 m, tôi dừng lại, gác nòng súng lên bờ ruộng, mở khoá an toàn và miệng hô mật khẩu "Hiêu", "Hiêu". Không thấy ai trả lời, khoảng cách giữa hai bên càng gần hơn, tôi tiếp tục hô: "Hiêu", "Hiêu",...

Đến lúc này, tôi nghe được tiếng đáp: "Hờ, hờ",...

Nghĩ hình như nói mật khẩu "Mười" rồi. Nhưng vẫn bán tín bán nghi, nên tôi tiếp tục hô: "Hiêu", "Hiêu". Tiếng trả lời vẫn là "Hờ, hờ". Nghĩ rằng đây là quân mình, tôi đứng dậy khoá an toàn khẩu tiểu liên AK và gọi:

- Anh Thiết ơi!

Tốp người đã đến gần tôi. Qua ánh lửa cháy trong ấp rọi ra, nhìn thấy loang loáng những chiếc mũ sắt trên đầu, tôi sửng sốt thốt lên theo phản xạ tự nhiên:

- Ơ, ơ... địch...

Khoảng cách giữa hai bên chỉ còn lại hơn 1 m. Tên đi đầu cũng giật mình hoảng hốt rồi lắp bắp:

- Em, em...

Khi trông thấy nòng súng tiểu liên AK đang chĩa về phía mình tên thứ hai ở phía sau bất ngờ quay khẩu súng Cacbin về tôi.

Tôi vội vàng bóp cò súng nhưng nó cứng ngắc, không nhúc nhích. Cảm nhận được cái chết cận kề, tôi chỉ kịp hô to:

- Đứng lại, giơ tay lên!

Ngay sau tiếng hô, một chùm tia sáng phụt ra, một tiếng nổ "đoàng" ù tai, tôi ngã ngửa về phía sau.

Nằm trên mặt đất một lúc tôi tỉnh lại, việc đầu tiên là lấy hai tay sờ đầu và khắp người, thấy mình vẫn còn nguyên vẹn, tôi buột miệng reo lên:

- Mẹ ơi, con vẫn sống!

Vớ lấy khẩu AK bên cạnh, tôi nhổm dậy, bọn địch đã chạy cách xa 10 mét. Đêm ấy trăng rất sáng. Đấy là đêm 16-3-1972 âm lịch (sau này khi mở lịch ra xem, một sự trùng lặp rất khó tin: Thời điểm tên lính nguy bắn tôi suýt chết lúc đó trùng với ngày, giờ và cả tháng sinh âm lịch của tôi, 19 giờ ngày 16-3-1952). Phải chăng thần chết đã thương tình tha cho tôi?

Giương súng về phía địch bóp cò mấy lần, nhưng đạn vẫn không nổ, tôi chợt nhớ ra mình chưa mở khoá an toàn. Tôi đưa ngón tay cái đẩy mạnh chốt an toàn, nghe cái "roạch" và bóp cò, nhưng đạn chỉ bắn ra từng viên một. Tốp lính đã chạy cách xa hơn 15 m, kiểm tra lại thì ra tôi kéo chốt an toàn quá mạnh nên chốt súng đang nằm ở vị trí bắn phát một. Tôi lấy ngón trỏ phải nâng chốt khoá an toàn lên nấc liên thanh và bóp cò, những viên đạn vạch đường (trong hộp đạn của tôi, cứ năm viên đạn thường có một viên đạn lửa vạch đường) vút lên đuổi theo bọn địch đang thục mạng bỏ chạy phía trước.

Khoảng cách lúc này giữa hai bên độ 25 đến 30 m. Tôi vừa đuổi vừa bắn và hô vang:

- Đứng lại, giơ tay lên!

Ngay ở phía sau tôi là tiếng hô của ai đó:

- Trung đội 1 bên phải, trung đội 2 bên trái, trung đội 3 ở giữa, theo tôi xung phong truy kích địch.

Khi tiếng hô đó đến gần hơn, tôi nhận ra đấy là Coỏng, bạn liên lạc cùng đại đội bộ. Cậu ta vừa chạy, vừa thở hổn hển bảo:

- Minh ơi, cậu có sao không?

- Mình không sao cả. - Tôi trả lời.

Trên đường quay về đơn vị tôi đá phải khẩu súng rất lạ, nòng to, ngắn bẻ gãy gập xuống. Tôi bảo với Coỏng:

- Mình vứt khẩu súng gãy này đi, đem về làm gì cho thêm nặng.

Sau này tôi mới biết đó là súng cối cá nhân M79 của Mỹ bắn đạn 40 ly, muốn cho đạn vào nòng được phải lẫy chốt bẻ gập nòng súng lại, như cho đạn chì vào súng hơi.

Tôi hỏi Coỏng:

- Tôi nghe thấy có tiếng hô: Trung đội 1, trung đội 2 xung phong cơ mà. Sao chỉ có một mình ông đến đây?

Coỏng trả lời:

- Khi cậu vừa xách súng chạy đi một lúc thì có tiếng súng nổ kèm theo tiếng hô: "Đứng lại, giơ tay lên" ở hướng đó. Mọi người đang tập kết thu quân, rất bất ngờ, lo lắng. Anh Thái la lên: "Thôi chết! Địch bắt sống cậu Minh rồi".

Nghe đến đó, tôi vội vàng ôm súng chạy đuổi theo cậu, vừa chạy vừa hô vang nhằm nghi binh địch để kịp thời giải thoát cho Minh. Gặp được Minh, thấy còn nguyên vẹn, tôi mừng quá.

Cổ họng tôi lúc đó nghèn nghẹn, không nói được lời nào để cảm ơn Coỏng. Hai mắt tôi nhoà đi, nước mắt lăn dài trên má vì xúc động trước tình yêu thương của đồng đội, cụ thể là Coỏng, người bạn thân thiết đã quên nguy hiểm, xông lên chia lửa, chi viện, cứu nguy cho tôi. Cảm ơn Coỏng[1], cảm ơn anh

---

1. Anh Trần Xuân Coỏng quê ở Quỳnh Lưu, Quỳnh Long, Nghệ An, hy sinh ngày 16-6-1972 khi đang là trung đội trưởng tại Công Pông Rồ (Campuchia).

em và cảm ơn tất cả đồng đội yêu thương của tôi.

Cho đến bây giờ, sau 35 năm, những lời nói, hành động, cử chỉ đó vẫn in sâu vào tâm trí tôi như vừa mới xảy ra.

Trong trận chiến đấu với địch ở ấp Rừng Dầu, Bến Cầu, Tây Ninh đại đội tôi lại có thêm một người nữa hy sinh, đó là anh Vũ Đình Ngạc, quê ở Quảng Châu, Quảng Xương, Thanh Hoá. Ngoài ra, còn có hơn 10 người bị thương, trong đó có anh Trần Đức Căn, chính trị viên trưởng, anh Nguyễn Văn Thụ, chính trị viên phó đại đội.

Khoảng 22 giờ, cả đại đội được lệnh rút về phum Sóc Nóc, Campuchia. Ai nấy buồn rười rượi, trầm lặng hẳn, lầm lũi cáng những người hy sinh và bị thương trở về.

Khi hành quân cắt qua cánh đồng dưa, cơn khát trong họng tôi bất ngờ trỗi dậy bởi cả một ngày quần nhau đánh địch không nghỉ, rồi đồng đội thương vong, ai nấy đều quên ăn, quên uống. Giờ đây bước đi trên cánh đồng dưa đang chuẩn bị vào mùa thu hoạch, làm sao có thể bỏ qua. Rất nhanh chóng, mọi người đều tranh thủ thưởng thức.

30-4-1972

Khoảng 7 giờ 30, chúng tôi hành quân đến quốc lộ 1 thuộc địa phận Bờ Vét, xác lính Sài Gòn rải đầy trên bờ ruộng, mặt ruộng và mặt đường, người nằm sấp, kẻ nằm ngửa, cúi lom khom, màu da đã

xám ngắt. Đồ đạc vứt bừa bãi, ngổn ngang.

Đó là kết quả trận đánh ngày hôm qua của tiểu đoàn 7 thuộc trung đoàn 271 anh hùng. Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, Trung đoàn chúng tôi cùng đơn vị bạn đã chiến đấu giải phóng một khu vực rộng lớn dọc con đường dài gần 30 km, từ Lò Xúc đến cửa khẩu Mộc Bài, Tây Ninh.

Đại đội 3 lại về đóng quân ở phum Sóc Nóc. Tại đây, tôi đã gặp Quỳnh ở đại đội C18, bạn cùng quê. Hai đứa rất vui mừng khi thấy nhau còn nguyên vẹn. Quỳnh thông báo: Trần Văn Hồng, (bạn thân của tôi), liên lạc cho anh Hàn tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn 7 và anh Trần Kim Trọng ở C2, D9, đã hy sinh anh dũng trong trận chiến đấu với quân địch vào buổi chiều ngày hôm qua.

Tôi ôm chặt lấy Quỳnh, nước mắt giàn giụa. Cậu ta cũng sụt sùi, gục vào vai tôi. Thế là bốn đứa chúng tôi Minh, Hồng, Nam, Quế giờ chỉ còn ba. Nỗi đau mất bạn bóp nghẹt trái tim tôi. Cái buổi chia tay của ba đứa hôm nào, sau trận B52 tại sóc Đôn Tây lại là buổi gặp Hồng cuối cùng. Nam, đã biết tin Hồng và anh Trọng hy sinh chưa? Hãy cố gắng bảo trọng nhé vì cuộc chiến đấu gay go, ác liệt này còn kéo dài không biết đến bao giờ mới kết thúc.

Khi tôi trấn tĩnh lại, Quỳnh kể rằng: Buổi sáng hôm qua (29-4-1972), vào khoảng 9 rưỡi sáng, trong lúc bộ đội tiểu đoàn 7 đang xung phong, tấn công tiêu diệt và truy đuổi địch tháo chạy trên

cánh đồng trống trải của thị trấn Bờ Vét, Hồng bị máy bay C130 nhào xuống bắn như vãi đạn. Một viên đạn xuyên qua bụng, ruột đổ ra ngoài, máu chảy ướt cả áo quần. Hồng ngã xuống một lúc rồi tỉnh dậy, bình tĩnh lấy tay nhét ruột đang đổ ra ngoài vào trong bụng. Sau đó lấy mũ vải mềm tai bèo đang đội trên đầu che kín vùng bị thương rồi chạy tiếp, nhưng chỉ được một bước thôi thì gục hẳn.

Bộ đội cứu thương nhanh chóng sơ cứu, chuyển anh về bệnh viện tiền phương K20 của Miền. Đến 4 giờ rưỡi chiều, anh trút hơi thở cuối cùng.

Tính đến lúc nghỉ ở Sóc Nóc, quân số trong đại đội tôi còn chưa được 40 người. Cán bộ chỉ huy các cấp thiếu nghiêm trọng. Anh Lê Xuân Hưu, trung đội trưởng trung đội 1 được điều lên giữ chức chính trị viên trưởng đại đội, thay anh Trần Đức Căn, anh Phạm Vinh, trung đội trưởng trung đội 2, Trần Xuân Coỏng về trung đội 1 giữ chức trung đội phó, anh Nguyễn Văn Tài nuôi quân về trung đội 1 giữ chức tiểu đội trưởng.

6-5-1972

Vào khoảng 4 giờ 30 chiều, cả đơn vị rời Sóc Nóc về vùng đất Long An thân yêu. Chặng đường khá dài, chúng tôi phải vượt qua Trà Cao, nơi quân đội Việt Nam Cộng hoà đang chiếm giữ. Đồn này nằm ở vị trí rất hiểm yếu, án ngữ con đường tiến quân của ta từ Campuchia về Long An.

Qua được đồn Trà Cao, chúng tôi hành quân

vượt cánh đồng "chó ngáp", tiếng Campuchia gọi là Ba Thu. Người ta bảo cánh đồng này rộng, dài tới mức không một con chó nào chạy vượt qua, nếu có qua được, không chết thì cũng chỉ còn nằm mà ngáp. Chúng tôi nghỉ tại một khu vườn trong ấp chiến lược bỏ hoang, không có người và súc vật, nhà cửa hầu như bị bom đìa đốt cháy hết. Nơi đó thuộc xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, cách bờ sông Vàm Cỏ Đông về phía đông không xa. Bên kia sông thuộc nhà máy đường Hiệp Hoà, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

7-5-1972

Khoảng 12 giờ đêm, chúng tôi vượt sông Vàm Cỏ, vì theo quy luật hoạt động của địch, vào những giờ này chúng ít khi đi tàu tuần tra.

Trên bờ sông, những cây tràm tán cao, 5 - 7 m, phía dưới là những bụi cây cơm nguội, lá xanh, phủ kín từ mặt đất lên cao gần đầu chúng tôi. Ở đây, hầu hết là bãi sình, lầy, để ra được bờ sông buộc phải lần mò đi trên bờ đất của những con kênh nhỏ. Ven bờ sông có rất nhiều thuyền gỗ ba lá, trông như tàu lá dừa đang nổi dập dềnh, nhấp nhô. Đâu đây vọng lên tiếng các cô, chị mời chúng tôi xuống thuyền để sang bên kia bờ. Những giọng nói nghe rất nhẹ nhàng, trìu mến, thân thương. Lâu lắm rồi, hôm nay chúng tôi mới được gặp và nghe tiếng các má, các chị người Việt mình. Sau những ngày chiến đấu trên nước bạn, nay được

trở về mảnh đất thân yêu của Tổ quốc thấy thiêng liêng, quý giá vô cùng, không có gì so sánh được. Ý thức đó ăn sâu vào tâm trí tôi mãi mãi.

Con thuyền ba lá mong manh, chòng chành khi tôi vừa bước chân lên. Cả ba anh em ngồi theo hàng dọc, súng cầm trong tay. Rất may, đồ đạc ba lô chúng tôi đã để lại nơi vừa đóng quân, nếu mang theo thì chiếc thuyền bé này làm sao chở hết được. Nước mấp mé mạn thuyền, tưởng như sóng nước sắp nuốt chửng chúng tôi. Dưới tài chèo thuyền thiện nghệ của người dân Long An vùng Đức Hòa, Đức Huệ, chúng tôi đều bình an vô sự.

Tôi không nhìn rõ mặt cô gái chèo thuyền cho mình, chỉ thấy cô quấn khăn rằn trên đầu, mặc bộ bà ba màu đen. Tôi đoán cô còn rất trẻ khi nghe giọng nói: "Các anh bộ đội cứ an tâm ngồi yên nhé. Chỉ một chút xíu thôi, em sẽ đưa các anh tới bờ bên kia".

Hai người bạn cùng thuyền ríu rít bắt chuyện với cô gái. Qua những câu trả lời, tôi nghe loáng thoáng cô gái ấy quê ở Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, Long An.

Mặt sông xung quanh tôi dày đặc thuyền ba lá, rộn ràng tiếng "oàm oạp, oàm oạp" của những mái chèo khua nước. Đây là lần thứ hai tôi cùng bạn bè, đồng đội trở về với dòng sông Vàm Cỏ.

Chúng tôi tiếp tục hành quân về phía đông của con sông, sau đó đi theo hướng ngược dòng. Dọc hai bên bờ chủ yếu là sình lầy, nên việc đi lại của

bộ đội ta gặp rất nhiều khó khăn.

Nơi chúng tôi đóng quân nằm ở phía sau nhà máy đường Hiệp Hoà, trên các bờ kênh rạch nhỏ của bãi sình. Dù ai nấy đều mệt mỏi và buồn ngủ vì cả một đêm thức trắng hành quân nhưng khi vừa chiếm lĩnh trận địa chúng tôi đã tranh thủ đào công sự cho kịp trước lúc trời sáng.

Ban ngày các loại máy bay trinh sát quần đảo liên tục, lùng sục, rình mò bộ đội ta. Dưới sông các tàu tuần tiễu của địch chạy qua chạy lại, không lúc nào nghỉ.

8-5-1972

Trời vừa sáng, chưa ai kịp chợp mắt thì địch ở trên tàu đã bắn đạn về phía chúng tôi ầm ầm, cắt đứt rất nhiều thân cây tràm và cây cơm nguội ở bờ rạch.

Những viên đạn DKZ90 trên các tàu tuần tiễu của quân đội Việt Nam Cộng hoà đang chạy dưới sông phá nát một khoảng bờ kênh, bùn đất bay rào rào. Bọn lính dưới tàu không dám lên bờ vì sợ quân ta tiêu diệt. Chúng cho tàu chạy đi chạy lại trên sông, thi nhau bắn đạn thả giàn đến chán mới chịu dừng lại, quay đầu chạy lùi về gọi máy bay A37 đến ném bom.

Vừa qua một trận mưa đạn dưới tàu bắn lên, giờ đây chúng tôi lại hứng chịu hàng loạt bom trên máy bay ném xuống. Công sự trong bờ kênh lắc lư,

đung đưa liên tục, trời đất mù mịt bùn đất.

Tôi không phân biệt được những tiếng bom nổ nữa. Tai ù hẳn, ngực bị bóp nghẹt, rất tức và khó thở vì bom nổ quá gần. Rất may trước đó ai nấy đều đã xây dựng cho mình một công sự khá chắc nên ngày hôm ấy cả đội không bị thương vong.

9-5-1972

Chúng tôi đã có mặt ở Gò Nổi thuộc xã An Ninh Tây, Đức Hòa, Long An. Nhìn từ dưới bờ sông lên thấy gò cao, rộng, bao quanh là các bụi cây mọc lúp xúp, có hai cây cao vượt hẳn lên. Đấy là điểm chuẩn để tập kết của đơn vị. Nếu ai đó bị lạc, cứ nhìn thấy hai cây cao đó mà tìm về. Khi đến nơi, tôi phát hiện đấy là hai cây duối.

Nhắc đến Gò Nổi là nói đến bao vui buồn của cán bộ chiến sĩ trung đoàn chúng tôi. Mảnh đất nơi đây trộn bao máu xương của những người con yêu quý miền Bắc. Họ là những chiến sĩ thuộc trung đoàn 271, đã vĩnh viễn yên nghỉ tại đây. Ngay như xung quanh hai gốc cây duối đó thôi, phải đến hơn chục anh nằm lại đó. Máu của chúng tôi đã thấm đỏ trên từng mét đất nơi này, tất cả vì công cuộc thống nhất đất nước.

Ngày đất nước được thái hoà, một số hài cốt của các anh may mắn tìm được và đưa về an táng ở các nghĩa trang. Nhưng còn rất nhiều thịt xương của các chiến sĩ đã hoà trộn vào lòng đất, trong đó

có những người bạn thân của tôi.

Giờ đây, tưởng nhớ đến các anh, mong các anh hãy tha thứ. Tại những thời điểm khó khăn, gian khổ, ác liệt đó, đồng đội chưa chu đáo, trọn vẹn với các anh được, sơ suất rất nhiều khi đánh dấu vị trí các anh yên nghỉ. Cầu mong cho linh hồn của các anh ở dưới suối vàng nhẹ nhàng, thanh thản, siêu thoát.

10-5-1972

4 giờ 30 phút sáng, chúng tôi có mặt tại ấp An Thuận, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hoà, cách thị xã Hậu Nghĩa khoảng 12 km về phía tây bắc, cách ngã ba Lộc Giang 7 km về phía tây nam.

Ấp An Thuận nằm ở một vị trí đặc biệt. Phía tây cách sông Vàm Cỏ 5 km, phía đông có đường 10 kéo dài từ thị trấn Đức Hoà qua Hậu Nghĩa, ngã ba Lộc Giang đến Tây Ninh. Do nằm ở vị trí hiểm yếu nên địch đã bố trí các chốt bao quanh. Phía tây có chốt An Thuận, phía nam có chốt Rừng Tre, La Cua, phía tây bắc có bốt Rạch Gần, phía đông sát đường 10 có bốt An Hiệp.

Khi chúng tôi tiến quân vào ấp An Thuận, ở đó không một bóng người, chỉ có mấy cô du kích là người địa phương dẫn đường.

Ban chỉ huy đại đội 3 đóng quân trong nhà má Hai Quân. Bao bọc xung quanh vườn là dãy giao thông hào, do mưa nắng lâu ngày nên cát bụi đã lấp gần đầy. Mép bờ phía ngoài được che chắn

bằng những bụi tre già. Ngôi nhà mái tôn nằm giữa vườn, tường gạch vôi trắng có những mảng vỡ lớn do trận bom đìa tháng trước đó vừa được sửa sang lại.

Một ngày khá bình yên trôi qua. Khi hoàng hôn buông xuống, đứng ở bờ tre nhìn dọc theo con đường nhỏ phía trước, tôi thấy một nhóm người gồng gánh, theo sau có mấy đứa trẻ chạy lon ton. Tất cả rất vội vàng đi về nơi chúng tôi chốt giữ.

Mọi người trong đơn vị lặng im chăm chú quan sát. Có lẽ họ đã quen với sự đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu của bộ đội giải phóng, nên khi gần đến chúng tôi, một phụ nữ trung tuổi chủ động cất tiếng:

- Chào các con, má Hai Quân đây! Các má và các chị về thăm các con đây.

Rồi bà lấy tay chỉ từng người nói:

- Đây là Hai Tặng và sắp nhỏ này là con của má, còn kia là má Mười Hét, Hai Mến, Tư Phiên, và Tư Lập, Sáu Tiệm cùng sắp nhỏ của con Sáu đó.

Biết chắc không có gì nguy hiểm, tôi nhảy ra ngoài bờ tre chào đón các má, các chị cùng các cháu đã trở về nhà.

Khi gặp được chúng tôi, những người lính từ miền Bắc vào, các má và các chị xuýt xoa khen bộ đội miền Bắc đứa nào cũng trẻ đẹp, sáng sủa. Thương chúng tôi đã vượt qua không biết bao nhiêu khó khăn, gian khổ, hy sinh, đã băng rừng, lội suối, vượt dốc cả hàng nghìn cây số mới về đến vùng

đất này, về với má và các chị, về với bà con cô bác.

Má và các chị kể:

- Lâu nay bọn địch ở đây bố ráp thường xuyên, luôn lùng tìm các gia đình cơ sở, cán bộ cách mạng, làm khó dễ cho dân rất nhiều. Ở đây vẫn có tổ chức chi bộ Đảng, hoạt động rất mạnh, do anh Năm Liêm là bí thư. Hôm nay, các con về đây, má và các chị cùng bà con mừng lắm. Chút xíu nữa thì quên, có một chút quà nhỏ mang về cho các con đây.

Ngay sau đó, mọi người lôi từ trong thúng ra những gói nhỏ bọc trong bịch nilông. Vẫn má Hai Quân nói:

- Tụi bay biết không, bọn địch nó kiểm tra mọi người lúc trở về gắt gao quá trời, má và các chị tìm mọi lý do mới mang về được chút xíu đó.

Chúng tôi ngỡ ngàng cảm ơn má và các chị rối rít. Tôi cầm lấy gói quà và mở ra, đó là gói mắm tôm khô trộn với thịt lợn. Món ăn thật ngon vì đã lâu lắm rồi hôm nay chúng tôi mới được thưởng thức.

Mải vui mừng phấn khởi khi gặp chúng tôi, chị Sáu Tiệm và chị Tư Lập chợt nhớ ra chưa về nhà mình. Hai chị vui vẻ chào tạm biệt. Đi được một đoạn, chị Sáu còn ngoái cổ lại nói:

- Nhà chị đó các em, nhớ sang thăm nhé!

Lúc này nhìn kỹ hai chiếc thúng trên đôi quang của chị có hai đứa nhỏ đang ngồi, còn đứa lớn chạy lon ton theo sau.

Những ngày tiếp đó, khi đã quen hơn tôi mới

biết về hoàn cảnh của chị. Chị có ba cháu nhỏ, chồng bị bắt lính quân dịch. Anh rất hiền lành và chân chất. Sau này, anh ngã bệnh chết, còn lại một mình chị phải gồng gánh nuôi ba đứa con. Cuộc sống quá nhiều vất vả, vừa phải kiếm sống nuôi con, vừa phải thường xuyên chạy bom đạn khi cuộc chiến diễn ra. Dẫu thế, chị vẫn tích cực tham gia cách mạng, bất chấp mọi hiểm nguy, cùng mọi người vận chuyển hàng tấn vũ khí, lương thực, thực phẩm cho bộ đội ta trong lòng địch.

12-5-1972

Trời còn chưa sáng rõ, má Hai Quân và những người dân lại trở về vùng địch hậu, nơi đó ban ngày hầu như không có bom đạn. Giờ đây, trong ấp chỉ còn lại anh em chúng tôi.

Khoảng 7 giờ 30, một tốp lính ngụy xuất hiện ở đầu ấp An Thuận, cả đại đội được báo động khẩn cấp.

Từ bờ tre nhà má Hai Quân nhìn ra, tôi thấy cả một đại đội địch, đầu đội mũ sắt, vai mang ba lô, tay cầm súng AR 15, quanh thắt lưng giắt đầy lựu đạn và bình tông đựng nước. Có người còn khoác thêm trên vai một khẩu súng M72 chống tăng, hay một khẩu cối cá nhân M79. Chúng đi theo hình hai hàng dọc, hơi chếch sang phải tiến về hướng chúng tôi.

Đại đội tôi đã triển khai chiến đấu, đợi cho đối phương cách tổ tiền tiêu độ khoảng 10 mét, tất cả đồng loạt nổ súng. Quân địch bị bất ngờ bỏ chạy

tán loạn, một số nấp vội vào các bờ ruộng, nổ súng chống trả quyết liệt. Cuộc đấu súng tập thể giữa hai bên rất căng thẳng, kéo dài, lợi dụng những bờ đất cao, địch tranh thủ chuyển lính đã chết và bị thương lùi về phía sau. Rồi tiếng súng hai bên thưa dần, khoảng gần 10 giờ thì ngừng hẳn. Tôi biết phía bờ ruộng trước mặt có một lính ngụy bị thương nặng. Giữa tiếng súng của hai bên, tôi nghe thấy tiếng la:

- Má ơi, con chết mất thôi, con bị thương rồi...

Nghe tiếng kêu la não ruột đó, lòng tôi bỗng quặn lại. Thương cảm cho một kiếp người, thương cảm cho tôi, cho đồng đội tôi và tất cả những người đang còn tham gia chiến trận, nếu cũng rơi vào trường hợp như vậy. Người đó với chúng tôi chưa một lần gặp mặt, chưa một lần quen biết. Thế mà...

Lúc này bọn địch còn lại đã rút ra ngoài xa và bắn vào xối xả, tuy không căng lắm nhưng vẫn còn nguy hiểm nên tôi không thể ra bắt người lính ngụy kia vào được. Một lúc sau, ba chiếc máy bay A37 lao đến, tới tấp dội bom vào đội hình đơn vị chúng tôi.

4 giờ 30 chiều, khi bọn địch dưới mặt đất và trên không hoàn toàn rút hẳn, tôi lao mình ra chỗ người lính ngụy kia, nhưng anh ta đã chết từ lúc nào. Tôi lục túi áo, lấy giấy tờ ra xem, biết tên anh ta là Võ Văn Ba, quê ở Cần Thơ. Tôi nhặt khẩu tiểu liên AR15 và súng cối cá nhân M79 cùng 30 viên đạn đem về nộp ban chỉ huy.

Trong trận này, anh Thêm - đại đội trưởng và

một số cán bộ tiểu đội trưởng, chiến sĩ ở các trung đội bị thương. Giờ đây, trong ban chỉ huy đại đội tôi còn lại một mình anh Lê Xuân Hưu, chính trị viên trưởng chỉ huy đơn vị. Quân số đại đội lại giảm dần theo ngày tháng.

Hoàng hôn vừa xuống, các mẹ, các chị, các em trong ấp trên vai gồng gánh, tay xách nách mang trở về nhà. Vừa đến đầu ngõ mọi người đã la lên:

- Các con, các em có bình an không? Có đứa nào làm sao không vậy?

Khi tôi vừa từ trong ngõ ló đầu ra để đón mọi người, chị Sáu Tiệm reo lên:

- Cái thằng Minh giỏi thiệt, vẫn lành lặn nguyên vẹn đây nè! Anh em mình có bị sao không em?

- Chúng em đều bình an cả. Má và các chị biết không, có một lính địch tên là Võ Văn Ba, quê ở Cần Thơ nằm chết ở cạnh bờ ruộng kia kìa. Chị và mọi người báo cho gia đình người lính đó để họ biết. - Tôi nói.

Mọi người ồ lên, chị Sáu nói:

- Sáng nay các em đánh giỏi quá. Buổi chiều khi chúng rút về mang theo nhiều thương binh và lính chết. Nhưng ở ngoài nhìn vào trong ấp, thấy máy bay ném bom dữ quá, chị và mọi người đã khóc rất nhiều.

Quà các chị mang về cho chúng tôi hôm nay rất nhiều thứ, đường, sữa hộp, có cả thuốc Con Mèo và một vài chai rượu đế nữa. Phải thương yêu

chúng tôi lắm, các chị mới dũng cảm, không ngại hy sinh tính mạng để "tiếp tế cho cộng sản" trước sự kiểm tra gắt gao của quân thù.

Là những người con miền Bắc chiến đấu xa nhà, rất cảm ơn và luôn ghi nhớ những tình cảm cao quý của các má, các chị... trên mảnh đất Long An đã dành cho chúng tôi trong những ngày khó khăn, gian khổ, ác liệt ấy.

13-5-1972

Hôm nay được một ngày yên bình vì gần 5 giờ chiều rồi mà chưa thấy tên địch nào. Tôi vội rủ anh Huyên y tá sang nhà chị Sáu Tiệm bắt gà. Anh Huyên chấp nhận không một chút đắn đo.

Đến nơi, chúng tôi thấy đàn gà quá nhiều, con nào cũng lớn. Hai anh em nhanh chóng lùa chúng vào góc công sự xây bằng những bao cát chất đầy quanh nhà để dễ dàng bắt.

Độ khoảng 10 phút sau, chúng tôi đã bắt được ba, bốn con. Bất chợt tôi nghe thấy tiếng kẽo kẹt phía con đường vào nhà. Quay đầu nhìn ra ngõ tôi thấy chị Sáu đang gồng gánh trở về, nên vội vàng kêu khẽ:

- Anh Huyên ơi, chị Sáu về kìa!

Anh Huyên lúng túng la lên:

- Xử lý thế nào đây Minh ơi?

Tôi sợ quá, đi ăn trộm bị bắt quả tang. Đây lại là nhà cơ sở cách mạng đang giúp đỡ chúng tôi.

Liếc mắt sang công sự bên cạnh, tôi chỉ kịp nói:

- Anh đổ cát trong bao ra ngoài, rồi cho gà vào đó. Em ra cổng để cầm chân chị Sáu.

Vừa mới ló đầu đến cổng thì chị Sáu bước vào.

- Em chào chị Sáu, sao hôm nay chị về sớm vậy?

- Hôm nay chị thấy địch không đi càn, máy bay không ném bom, nên chị vội về sớm xem các em có cần gì không?

Vừa lúc đó, anh Huyên từ sau nhà khoác sau lưng một bao căng đầy, miệng tươi cười chào chị Sáu. Nhìn thấy phía ngoài túi máu gà đã thấm ướt từng mảng nhỏ, tôi tái mặt vì sợ chị Sáu phát hiện ra.

Chị vẫn để nguyên quang gánh trên vai đứng nói chuyện rồi mời chúng tôi vào nhà. Tôi từ chối và hẹn vào dịp khác. Nhưng anh Huyên không hiểu ý, còn quay sang nói chuyện với tôi. Thật là tai hại, tôi vội vòng sau lưng anh Huyên để che mắt chị Sáu, đồng thời lấy cùi tay thúc nhẹ vào anh ngầm nhắc nhở phải nhanh chóng rút về.

Mọi việc rồi cũng trôi qua, vừa thoát khỏi nhà chị, hai anh em nhìn nhau hú vía và thở phào nhẹ nhõm (thực ra lúc đó chị đã biết việc làm của chúng tôi, nhưng vẫn không quát mắng mà vui vẻ như không có chuyện gì).

Ngày hôm đó, Ban chỉ huy đại đội được cấp trên bổ sung anh Lê Quảng Ba, đảm nhiệm chức chính trị viên phó đại đội và anh Trần Quang

Đăng từ tuyến sau trở về.

14-5-1972

Thêm một ngày bình yên nữa. Khoảng 5 giờ chiều, chị Sáu đã trở về, tôi sang nhà chơi, nhìn thấy đàn gà vắng đi khá nhiều, chị bảo:

- Minh ơi! Em ở lại trông nhà mà đàn gà của chị đâu hết rồi?

Tôi giật mình xấu hổ, lúng túng, nhưng rồi chống chế ngay:

- Chắc lính Sài Gòn vào càn và bắt rồi chị ạ.

- Lính bộ đội chứ gì? - Chị đáp lại, rồi cười xoà như không có chuyện gì xảy ra khiến tôi cảm thấy ân hận vô cùng.

15-5-1972

Khoảng 3 giờ, đại đội tôi xuất phát hành quân đến ngã ba Lộc Giang (thuộc huyện Đức Hoà, nơi giao nhau của đường đi Trảng Bàng, Tây Ninh, sông Vàm Cỏ và thị xã Hậu Nghĩa).

Khi đến bãi đất hoang có nhiều bụi cây lúp xúp, cách những dãy nhà đầu tiên ở ngã ba khoảng 300 mét thì đơn vị dừng lại. Tôi được anh Hưu giao nhiệm vụ tiền nhập vào ngã ba trinh sát, kiểm tra khả năng hoạt động của địch ở đấy.

Vừa vượt qua thửa ruộng, bất ngờ tôi nằm trong tầm đạn H12 (Cachiusa) của quân ta. Để tránh bị sát thương, tôi lăn mình vào con rãnh nhỏ.

Trong trận đánh bốt ở ngã ba Lộc Giang này, chúng tôi được thông báo có lực lượng pháo binh hỗ trợ, theo như hợp đồng, sau ba loạt đạn của pháo của ta bắn ra, bộ binh chúng tôi sẽ tiền nhập áp sát đồn địch.

Tôi nằm đợi đến lúc ba loạt đạn vừa dừng thì vội vàng vùng dậy, xông thẳng vào dãy nhà ở ngã ba Lộc Giang. Phía sau, bộ đội cũng đang vận động tiến vào.

Tất cả đều vắng tanh, không một bóng người. Tôi khom người vượt qua dãy nhà đó. Phía trước có một nhà mà khi đến gần, tôi mới phát hiện ra trong nhà chất đầy quan tài màu đỏ có những viền vàng xung quanh.

Không gian lành lạnh, u buồn, nặng nề và chết chóc. Tôi hoảng sợ, rùng mình, vội vàng lùi lại, đi sang ngõ khác thì gặp được anh Trần Dôn, xạ thủ B40 vừa tới.

Nhìn sang dãy nhà ở gần ngã ba, tôi thấy trên nóc nhà cột ăng ten mọc lên tua tủa, phía dưới có một ô đen đen. Tôi đoán đây là nhà thông tin của địch, nên vội chỉ cho anh Dôn.

Rất nhanh, anh Dôn quỳ ngay xuống, vác khẩu B40 trên vai hướng nòng súng về hướng đó bóp cò, lửa bùng lên ở ngôi nhà trước mặt, đất đá vôi vữa bắn ra tung toé, khói đen bay mù mịt. Sau đó một lúc, vẫn không thấy địch ở trong đấy phản ứng gì. Hai anh em mạnh dạn tiến lên kiểm tra mới biết đã bắn nhầm vào nhà dân.

Cái ô đen đen mà tôi nhìn thành lỗ lô cốt chính là viên đá đen nằm lẻ loi giữa những viên đá màu xám. Những cột ăngten trên nóc nhà là ăngten tivi (thời kỳ đó chúng tôi chưa được biết tivi là gì). Hai chúng tôi rất ân hận về sự việc đã xảy ra, do quan sát không kỹ. Mong sao người dân hãy tha thứ cho chúng tôi về sự nhầm lẫn này.

Cả đại đội tôi triển khai đội hình ở phía sau dãy nhà dân, cách đồn địch độ 80 mét. Hoả lực ở trong bốt bắn ra rất mạnh hòng áp đảo chúng tôi. Bên ngoài quan sát hoạt động của địch bên trong khá rõ. Khi phát hiện được mục tiêu mới, chúng tôi lại gửi một chùm đạn vào đấy. Bọn lính trong đồn hoảng loạn không biết chính xác vị trí của quân ta ở ngoài, buộc phải co cụm, gọi pháo và máy bay chi viện.

Những trận mưa bom và đạn pháo lại đến với đại đội tôi, nhưng đều rơi ở phía sau vì chúng tôi đã tiếp cận gần sát với hàng rào của bốt địch. Quân số bị thương vong của đơn vị ngày hôm đó rất ít.

Tranh thủ lúc im tiếng súng, tôi luồn lách qua các dãy nhà đến từng trung đội. Thời điểm này, cán bộ, chiến sĩ trong đại đội tôi đã dạn dày kinh nghiệm, điềm tĩnh, từng trải khi tham gia chiến trận, không còn lúng túng, ngỡ ngàng như những trận đầu.

Bọn địch trong đồn bị chúng tôi khống chế hoàn toàn, co cụm ở những công sự vững chắc, thỉnh

thoảng mới ló ra ngoài, làm mồi cho các tay súng thiện xạ trong đại đội tôi.

Nhìn sâu trong đồn, tôi phát hiện có một công sự thấp đắp bằng bao cát, bọn địch đang điên cuồng bắn ra về phía đội hình trung đội 3. Khoảng cách này vượt qua tầm bắn của AK và B40, B41. Tôi báo cáo với chính trị viên trưởng Lê Xuân Hưu, xin được điều cối 60 của tiểu đội hoả lực A10 đến.

Khi được tôi chỉ rõ mục tiêu, các anh thuộc khẩu đội cối trong chớp nhoáng đã xác định được cự ly, phương vị, góc độ súng, rồi bình tĩnh thả liên tiếp ba quả đạn cối 60 vào nòng. Từng tiếng "chóc, chóc, chóc" kế tiếp nhau phát ra, ba cột khói và đất cát bay lên, kèm theo tiếng nổ "oàng, oàng, oàng" rất to. Phía trong bốt, tiếng súng chống cự, phản công của quân địch yếu ớt, rời rạc, đến độ 5 giờ chiều thì tắt hẳn.

Đại đội tôi được lệnh trên truyền xuống: Nhanh chóng bàn giao cứ điểm vừa giành được cho đơn vị khác tiếp quản, tiếp tục hành quân nhận mục tiêu khác.

Điểm lại quân số trong ngày, lại thêm bốn người nữa hy sinh. Đó là các anh: Bùi Xuân Đoành, quê ở Quỳnh Long, Quỳnh Lưu, Nghệ An; Lê Quang Sáng, quê ở Quỳnh Mỹ, Quỳnh Lưu, Nghệ An; Hoàng Minh Quang, quê ở Nghi Quang, Nghi Lộc, Nghệ An; Nguyễn Văn Ly, quê ở An Thuỷ, Lệ Thuỷ, Quảng Bình. Ngoài ra, còn có một số anh em khác bị thương.

Cả đại đội giờ chỉ còn lại gần 30 người. Mới đây thôi, mọi người trong đơn vị còn vui đùa, chia sẻ cho nhau món quà nhỏ mà các mẹ, các chị ở huyện Đức Hoà đã vượt qua nhiều chặng khám xét nghiêm ngặt, gắt gao của địch, mang về cho chúng tôi, rồi xung phong xông lên chia lửa cho nhau, khi quân địch phản công ác liệt. Giờ đây, các anh đã nằm lại, không còn cơ hội được trở về nơi quê nhà, nơi bao người thân đang ngóng trông, chờ đợi.

Bao đau thương, mất mát ngày càng chất chứa trong lòng mỗi người. Trên đường hành quân chúng tôi đã mang các anh theo, rồi an táng các anh tại Gò Nổi thuộc xã An Ninh Tây, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

16-5-1972

Chúng tôi lại trở về đóng quân tại gia đình má Hai Quân. Mấy ngày ở đây khá yên tĩnh, tôi tranh thủ đến thăm anh em các trung đội đóng quân ở những nhà xung quanh. Khi đến một gia đình gần nhà má Hai, tôi phát hiện có một đống truyện kiếm hiệp ở góc nhà.

Đang hăm hở tìm cho mình một quyển truyện để đọc, tôi phát hiện ra mấy quyển vở học sinh, nét chữ tròn trĩnh như của con gái. Tò mò, tôi lật bìa quyển vở để xem, đây là vở bài tập đại số, ghi rõ tên học sinh là Lệ Thuỷ.

Quyển vở gợi lại trong tôi ký ức một thời học sinh. Nếu chiến tranh tàn khốc không xảy ra chắc

giờ này tôi đang nghe giảng hay làm bài trong một trường đại học nào đấy. Tôi cố hình dung dáng vẻ của người con gái, chủ nhân cuốn vở. Gầy, cao hay là mập, da trắng hay ngăm nâu? Nếu có em ở đây, tôi sẽ chỉ dẫn cho em những công thức để áp dụng cho việc giải bài tập. Cách lập phương trình và tìm nghiệm cùng bao nhiêu thứ mà có thể em chưa biết. Nhưng cuộc chiến đang hiện diện trên mảnh đất quê hương, biết đâu em cũng tạm dừng bút như tôi.

Cho đến bây giờ, sau 35 năm, tôi vẫn chưa hề biết mặt em gái đó.

18-5-1972

Khoảng 3 giờ sáng, cả đại đội có mặt ở xã Mỹ Hạnh. Tiểu đoàn bổ sung cho đơn vị thêm bốn tân binh. Thời gian gấp rút không cho phép làm thủ tục tiếp nhận anh em, cán bộ quân lực tiểu đoàn chỉ giao quân bằng miệng:

- Giao cho đại đội 3 bốn chiến sĩ gồm Dương, Hoàn, Thắng, Tiến. Tiểu đoàn sẽ bàn giao danh sách họ tên các chiến sĩ cho đơn vị sau.

Ban chỉ huy đại đội cũng bàn giao các chiến sĩ này về các trung đội bằng miệng mà không có một văn bản giấy tờ nào.

Khoảng 6 giờ 30 phút, sương chưa tan hết, một đại đội lính Sài Gòn kéo đến trận địa chúng tôi đã triển khai sẵn. Khi tốp lính đi đầu cách chốt tiền

tiêu độ 10 đến 15 mét, thì cả đơn vị đồng loạt nổ súng. Bọn địch đi đầu đổ gục, đứa chết, đứa bị thương la hét inh ỏi. Những tên còn sống sót quay đầu tháo chạy.

Một cuộc đấu súng ác liệt giữa hai bên diễn ra. Tiếng đạn nổ rào rào pha lẫn tiếng oàng oàng của đạn cối và DKZ. Ta vẫn chốt trong những công sự vừa xây dựng bắn ra ngoài. Quân địch đã lùi về phía sau khá xa. Tranh thủ khoảng thời gian đó, các trung đội báo cáo về ban chỉ huy đại đội về tình hình chiến đấu của bộ đội và quân số thương vong.

Một tin buồn lại đến với chúng tôi. Đợt nổ súng đầu tiên, đại đội tôi có ba người hy sinh và hai người bị thương. Đáng buồn nhất có hai tân binh vừa mới bổ sung về, trong đơn vị chưa ai kịp biết rõ tên từng người, ai là Dương, ai là Hoàn.

Các bạn trước lúc hy sinh cũng chưa kịp làm quen với đồng đội mới.

9 giờ 30 phút, địch lại ồ ạt tiến quân vào. Đến sát vị trí công sự chúng tôi, chúng bắn tới tấp những viên đạn cay. Khói trắng lan toả cả khu vực đội hình chiến đấu của đại đội, ai nấy đều ho sù sụ, da mặt, chân tay bỏng rát như xoa ớt tươi, mắt mũi cay xè.

Mọi người lùi sâu vào trong hầm để tránh. Những bình tông nước được huy động để đổ vào tà áo rồi chụp vào mặt mũi chống cay. Một quả pháo cay bất ngờ rơi trước cửa hầm ban chỉ huy, xè xè phun khói.

Biết rằng tiếp cận đến quả pháo này rất nguy hiểm, có thể gây ngạt thở, nhưng không thể nhìn nó phun khói trắng ngày càng nhiều vào cửa hầm được, tôi nheo mắt, lấy một tay bịt miệng, lao người ra cầm, ném quả pháo đang xì khói nghi ngút đó ra xa.

Khi quay về hầm, tôi tưởng như mình đã tắc thở và ho sù sụ. Nước trong bình tông hết nhẵn. Trong cơn nguy cấp, anh Hưu hét lên:

- Em đái nhanh vào hai tà áo rồi ấp ngay vào mặt.

Tôi càng rặn lại càng không ra được giọt nào. Cố gắng mãi hai tà áo của tôi cũng thấm ướt được một ít. Lúc này da thịt tôi bỏng rát, sưng đỏ như bị dị ứng mề đay.

Làn khói trắng dần tan, tôi ló đầu lên cửa hầm nhìn ra phía trước và sửng sốt giật mình. Từng tốp lính Sài Gòn người nào người nấy đeo mặt nạ phòng độc, tay lăm lăm cầm súng. Trong khi đó, phía chúng tôi vẫn im lặng, bộ đội đang ẩn nấp sâu trong công sự để tránh khói độc.

Khi tốp địch đi trước cách công sự chốt giữ khoảng 10 mét, tôi bất ngờ nổ súng. Địch quay đầu tháo chạy. Nhưng thật tai hại, trong lúc rất nguy cấp này, khẩu súng tôi chỉ nổ được một phát "đoàng" sau đó bị kẹt cứng. Tình thế quá nguy hiểm với tôi và mọi người trong đơn vị. Nếu bọn

địch liều chết xông vào thì chúng tôi cầm chắc bị bắt sống. May mà bọn địch vừa nghe tiếng súng của tôi bắn đã hoảng hốt rút ra ngoài.

Lúc này cả đại đội mới từ trong hầm chui lên, đồng loạt nổ súng về hướng địch. Bọn địch với ý đồ tấn công bất ngờ, phủ đầu, buộc phải lùi về co cụm ở khu nhà đối diện bên kia ấp.

Tranh thủ thời gian, tôi lấy tay kéo quy lát súng để lên đạn nhưng vẫn không được. Hoảng quá, tôi vội tháo chiếc dép cao su, cầm đập mạnh vào quy lát. Thế mà nó cứ lì ra, không chịu nhúc nhích. Tôi quyết không nản chí, tiếp tục đập mạnh hơn nữa vào cần quy lát. Bỗng nhiên, nghe thấy tiếng cạch, cần quy lát đã được giải phóng qua vị trí kẹt cứng.

Quân địch điên cuồng chống trả. Chếch bên tay trái phía trước mặt khoảng 100 mét, một khẩu đại liên của địch nấp sau khóm cây đang khạc đạn khống chế trung đội 1 và 2.

Qua đám bụi đất, tôi nhanh chóng xác định chính xác vị trí khẩu súng đang vãi đạn đó. Vừa đúng lúc chi tiết cuối cùng của súng AK đã lắp xong, không đắn đo, tôi nhanh chóng giương súng ngắm vào khóm cây điểm xạ hai viên. Khẩu đại liên đang "tành, tành, tành... " vãi đạn tắt hẳn.

Các trung đội 1, 2 thừa cơ nổ súng ào ạt vào quân địch. Biết không làm gì được chúng tôi, bọn chúng tức tốc bắn pháo hiệu màu tím phân tuyến ranh giới giữa hai bên, để gọi máy bay đến ném bom.

Sau gần 30 phút bị dội bom, hai tai tôi ù đặc,

đầu đau nhức, choáng váng, mắt mờ, miệng há ra, nước mắt chảy giàn giụa. Tôi chỉ kịp lấy tà áo lau vội mặt, rồi thò đầu lên công sự quan sát địch.

Bọn địch đinh ninh đã tiêu diệt hết đơn vị tôi sau những đợt bom kéo dài xới qua xới lại, nên nghênh ngang tiến vào. Phải đợi địch đến thật gần rồi mới nổ súng cho chắc ăn. Mệnh lệnh của ban chỉ huy đại đội được nhanh chóng phổ biến đến từng người. Khoảng cách giữa địch và chúng tôi mỗi lúc một gần: 20 mét, 15 mét rồi còn lại 10 mét. Cả đơn vị đồng loạt trút cơn bão đạn vào quân thù.

Bất ngờ một khẩu đại liên của địch nằm ở sau bờ cây bắn mãnh liệt về phía trung đội 1 và 2. Vừa lúc đó khẩu đội cối 60 của tiểu đội A10 đã có mặt ở ban chỉ huy đại đội. Tôi nhanh chóng chỉ vị trí khẩu đại liên cho anh Truyền, tiểu đội trưởng. Chỉ trong nháy mắt, ba tiếng "chóc, chóc, chóc" phát ra bên cạnh tôi thì một lúc sau, tại vị trí khẩu đại liên đang mải miết khạc đạn, đất cát, người, súng bay lên rồi rơi xuống.

Đến lúc này, bọn địch ngừng hẳn phản công và rút ra ngoài. Rất may mắn, ngoài ba người hy sinh lúc sáng, không có ai hy sinh thêm, chỉ có ba người bị thương.

23-5-1972

4 giờ 30, cả tiểu đoàn 8 tập kết ở ấp An Hoà nhằm bảo vệ ban chỉ huy trung đoàn nằm tại Gò

Nổi. Đại đội 2 chốt giữ phía tây tây bắc, đề phòng quân địch ở tàu trên sông Vàm Cỏ đổ bộ. Đại đội 1 chốt giữ phía đông bắc ấp, ngăn chặn lực lượng địch từ ngã ba Lộc Giang đến. Còn đại đội 3 chúng tôi đảm nhiệm hướng nam tây nam, đối diện với bốt An Thuận, cách gần 1.000 m.

Đội hình chiến đấu của đại đội 3 được bố trí như sau: Ban chỉ huy đại đội nằm ở giữa bãi đất hoang, có những gò đất nhỏ nổi lô nhô, xung quanh là cây dứa dại thấp. Bốn góc bãi đất này là bốn bụi tre già khá to, ken dày đặc. Trung đội 2 bố trí lực lượng ở khu vườn nhà dân phía tây nam của ban chỉ huy, ngăn chặn địch ở bốt Rạch Gầm tấn công. Trung đội 3 do anh Trần Quang Đăng chỉ huy, bố trí lực lượng về phía đông nam, ở khu vườn nhà dân, ngăn chặn quân địch từ bốt An Hiệp, nằm cạnh con đường 10 tấn công. Trung đội 1 do anh Nguyễn Văn Thiết chỉ huy, bố trí lực lượng chiến đấu về phía đông bắc, trong một khu vườn nhà dân với nhiệm vụ ngăn chặn quân địch tấn công vào từ hướng ngã ba Lộc Giang vào.

Trước khi hành quân đến đây, chúng tôi được phổ biến: Ngày hôm nay quân đội Việt Nam Cộng hoà thuộc sư đoàn 21, sẽ kéo một lực lượng rất lớn có xe tăng và xe bọc thép yểm hộ để tấn công căn cứ khu Gò Nổi, nơi ban chỉ huy trung đoàn 271 đóng quân.

Ý thức được cuộc chiến sẽ rất ác liệt nên khi

vừa đặt chân đến vị trí tập kết, không ai bảo ai, chúng tôi đều hối hả đào, xây dựng công sự chắc chắn cho mình.

Đại đội chia làm hai tổ: Tổ thứ nhất có tôi và anh Hưu, chính trị viên cùng Nguyễn Văn Tịch là chiến sĩ thông tin vô tuyến 2W. Tổ thứ hai có anh Huyên - y tá, Trữ - quản lý kiêm nuôi quân, ở phía sau chúng tôi.

Công sự ban chỉ huy đại đội được xây dựng khá kiên cố theo hình chữ Z, có hai cửa nằm ở hai hướng khác nhau, trên nóc hầm đắp một lớp đất dày, nằm cạnh góc bãi đất hoang, sau bụi tre già. Để thuận lợi và an toàn trong chiến đấu, sát cửa hầm phía trước, tôi đào thêm một công sự nằm bắn có độ sâu khoảng 40 cm và đắp mô đất cao để kê súng và chắn đạn địch. Công sự sau bờ tre được tôi ngụy trang rất kỹ, phù hợp với địa hình. Tôi luôn tự hào về kỹ năng ngụy trang, điều này đã cứu tôi thoát chết nhiều lần.

Cả một đêm thức trắng hành quân không nghỉ rồi đào hầm chiến đấu, chúng tôi ai nấy đều mệt nhoài, hai mi mắt sưng mọng, đỏ lên vì thiếu ngủ. Vừa hoàn thành công sự mọi người lăn ra ngủ mê mệt.

Còn tôi, do quá đuối sức nên vừa xuống đến cửa hầm đã ngồi gục đầu vào thành công sự ngủ. Trong cơn ngủ say tôi lơ mơ nghe tiếng kít kít của kim loại từ xa vọng về. Giật mình bừng tỉnh, tôi bò lên miệng hầm nhìn ra phía trước. Trong đám

sương mù chưa tan, rất nhiều lính Sài Gòn từ hướng bốt An Thuận đang cầm súng lặng lẽ tiến về phía đại đội bộ.

Bình tĩnh và nhẹ nhàng, tôi lăn mình vào công sự nằm bắn, dụi mắt quan sát địch kỹ hơn. Phía sau những tốp lính đó có chín chiếc xe tăng đang dàn hai hàng ngang từ từ tiến đến.

Cả không gian lúc này chỉ có tiếng xích xe tăng cọ xát vào nhau nghe kin kít, lạo xạo. Trong lúc đó, bộ đội ta vẫn chìm trong giấc ngủ. Tuy là sát mép cửa hầm, nhưng tôi cũng không kịp lùi xuống báo cho anh Hưu và mọi người biết quân địch đang kéo vào. Nguy hiểm hơn, nhìn về nơi trung đội 2 đang chiếm giữ, có năm tên lính đối phương, súng lăm lăm, đang dò dẫm tiến vào công sự chiến đấu của một tổ ba người. Làm thế nào để báo tin cho đồng đội ở đó biết được sự nguy hiểm này?

Khi khoảng cách đó chỉ còn gần 2 mét, không thể chờ thêm được nữa, tôi vội vàng bóp cò súng, bắn một loạt đạn về phía năm tên địch. Trong nháy mắt, chúng đổ gục, kêu la trên mặt ruộng, có tên còn chúi đầu vào cửa công sự tổ tiền tiêu. Mọi người trong đại đội đang nằm ngủ dưới hầm chợt bừng tỉnh khi nghe tiếng súng nổ.

Đột ngột, phía bờ ruộng trước mặt bên trái, một tên lính đang cầm quả cối 61 định thả vào nòng súng. Có lẽ, nó đã phát hiện ra vị trí tôi nằm bắn. Trong chớp mắt tôi rê nòng súng tiểu liên AK bóp

cò tiếp hai viên đạn vào đấy. Ngay tức thì, tên lính đó bị gãy gập cánh tay cầm quả đạn cối, lăn mình xuống mặt ruộng kêu la, gọi đồng bọn đến cứu.

Trên đầu tôi, đạn đại liên của những chiếc xe tăng ở phía trước đã khoá tầm bắn, bay vù vù như cơn bão lớn. Đạn cắm vào bờ tre phầm phập, phầm phập... Nhiều gốc tre nổ toác, có một số cây đổ xuống mặt ruộng.

Mặc dù được sự yểm trợ về hoả lực mạnh như vậy, nhưng những tên lính đang bò lổm ngổm trên mặt ruộng kia, thực sự hốt hoảng với khả năng bắn chính xác của tôi. Chúng bỏ mặc những người bị thương, nhanh chóng tháo chạy về phía sau.

Khi chúng vượt ra khỏi tầm bắn của tôi, những chiếc xe tăng tiến lại gần hơn, thi nhau nã đạn như mưa trút vào trận địa đại đội. Đến lúc này, tôi nhẹ nhàng lùi lại cửa hầm, chui sâu vào phía trong tránh đạn và báo cáo sự việc diễn ra vừa rồi cho anh Hưu[1]. Anh cảm động, ôm tôi vào lòng, luôn miệng nói:

- Anh thay mặt Ban chỉ huy tuyên dương công trạng em. Cảm ơn em đã cứu nguy cho cả đơn vị. Nếu như em không tỉnh dậy trước và chủ động nổ súng tiêu diệt địch, thì giờ đây cả đại đội ta không biết sẽ như thế nào?

Rồi anh quay sang phía cậu Tịch nói:

---

1. Anh Lê Xuân Hưu hiện về nghỉ hưu tại xã Hoằng Hợp, Hoằng Hoá, Thanh Hoá.

- Em điện về ban chỉ huy tiểu đoàn báo cáo tình hình: Có hơn một tiểu đoàn lính ngụy kèm theo chín xe tăng yểm trợ, từ hướng bốt An Thuận, tấn công trực diện vào đại đội ta. Đồng chí Minh - liên lạc đã chủ động nổ súng tấn công. Hiện giờ, chúng đã rút ra ngoài, đang chuẩn bị tổ chức tấn công tiếp quân ta.

Ngồi dưới hầm, tôi nghĩ, nếu như vừa rồi mình ngụy trang sơ sài, cẩu thả, hoặc không phù hợp với địa hình hiện tại, chắc rằng, không có cơ hội để ngồi báo cáo những gì đã xảy ra cho các anh được.

Những chiếc xe tăng của địch ở ngoài vẫn đứng yên nhả đạn, chúng không dám tiến lên vì sợ bị thiêu cháy bởi đạn chống tăng B40, B41 của ta.

Phía trước, chếch hướng tay độ khoảng 60 mét, một chiếc xe tăng đang cuốn xích sắt ken két, liều lĩnh xông lên.

Không thể để cho nó tiến thêm được nữa, xạ thủ B41 của tiểu đội hoả lực A10 Nguyễn Văn Thắng đã kịp thời giương súng lên bóp cò, phóng một viên đạn cắm thẳng vào cạnh sườn chiếc M41 đó. Lửa bùng lên trùm kín chiếc xe, chiếc xe tăng khựng lại.

Tôi rất vui mừng và thán phục tài thiện xạ của Thắng. Cậu ta bắn quá chính xác, trúng vào nơi hiểm yếu nhất của chiếc xe tăng.

Nhưng ngay sau đấy, hai chùm lửa liên tiếp toé ra tại một điểm, cùng với tiếng nổ "oàng", "oàng"

chói tai tại vị trí Thắng đang nhoài nửa người trên mô đất sau bụi dứa dại. Xác anh và đất cát bay tung toé lên cao, mảnh đạn vút qua xèo xèo, sát sàn sạt ngay trên đầu tôi, cắm vào bờ đất bên cạnh nghe phầm phập. Một mảnh ống tay áo của Thắng bị cháy nham nhở, xé tung còn phất phơ trên ngọn tre.

Nơi anh nằm giờ đây là một hố sâu nham nhở, có đường kính bằng chiếc nong, dưới miệng hố một làn khói đen đang bốc lên.

Đấy là hai viên đạn DKZ90 của hai chiếc xe tăng ở phía sau bắn vào, khi chúng phát hiện được chính xác vị trí vùng lửa, khói của súng B41 phát ra sau khi Thắng bóp cò. Tôi ngỡ ngàng, sửng sốt, bàng hoàng. Sự việc đến quá nhanh, tôi thừ người ra, không có phản ứng nào.

Chỉ mới cách đây có ít phút thôi, từ phía sau anh đã bò, toài lên phía trước nơi có mô đất cao, để đến thật gần hơn mới bắn được chính xác vào những chiếc xe tăng đang hùng hổ tiến vào, hòng nuốt sống đại đội tôi. Thế mà giờ đây, xác anh đã tan ra từng mảnh, trộn lẫn trong cát bụi An Hoà, Đức Hoà, Long An này. Rồi đây, trên mảnh đất này có ai còn nhớ và biết đến anh không?

Riêng tôi làm sao có thể quên được anh với hình ảnh oai hùng, đau thương trong những giây phút cuối cùng đó. Các loại súng của địch ở phía ngoài thi nhau vãi đạn gần một tiếng đồng hồ rồi

mới chịu dừng lại. Chúng đã thay đổi chiến thuật, bắn pháo hiệu màu phân tuyến giữa ta và địch, gọi máy bay đến ném bom.

Tôi ngồi gần cửa hầm, người đung đưa. Bom nổ quá gần, chúng tôi ai nấy ù đặc tai không nghe rõ tiếng nổ.

Máy bay A37 điên cuồng, lồng lộn thay nhau dội bom cả tiếng đồng hồ. Ngồi dưới hầm, tôi đếm được tám loạt bom đào, bom sát thương và bom bi.

Anh Hưu ngồi ở bên cạnh tôi thở dài, lo lắng:

- Bom địch ném xuống nhiều như thế này, có còn ai sống để chiến đấu chống trả bộ binh và xe tăng địch tràn vào không?

Tôi thì nước mắt lưng tròng, đang bàng hoàng, ám ảnh về cái chết của Thắng. Tịch cũng khóc khi phải chứng kiến trận mưa bom đủ chủng loại đang nổ ngay sát cạnh, kéo dài triền miên mà không có dấu hiệu dừng lại.

Sau khi những con quạ sắt vừa rút về, đại liên, trung liên, cối 81 ly, DKZ90 trên xe tăng và các loại súng đạn khác của địch lại thi nhau vãi đạn.

Quan sát phía trước, tôi thấy xe tăng lại dàn hàng ngang tiến vào chính diện hầm của ban chỉ huy đại đội đóng.

Tôi báo cáo vắn tắt tình hình chiến sự đang xảy ra cho anh Hưu ở dưới công sự biết. Theo lệnh anh, cậu Tịch, thông tin vô tuyến 2W báo cáo với tiểu đoàn về diễn biến của địch và ta, đồng thời xin chi viện cối 82 bắn vào đội hình đông đúc lính Sài Gòn

có xe tăng hộ tống, đang từng phút tiến dần đến.

Nhưng anh Dương Văn Hiêu, tiểu đoàn trưởng thông báo lại: Địch đã bao vây ba phía tiểu đoàn 8 đang chốt giữ. Lệnh cho đại đội 3 chúng tôi bằng mọi giá phải kìm chân chúng, không được cho nó chọc thủng đội hình.

Đại đội 3 lúc này quân số còn lại chưa được 20 người, đạn dược hầu như đã cạn, không có ai còn bảo đảm cơ số, nhất là đạn chống tăng B41. Trong khi đó, đại đội bộ của tôi và tiểu đội hoả lực A10 đóng trên bãi đất hoang bị cô lập hoàn toàn, tiểu đội A10 đã gần bị tê liệt, một trong hai xạ thủ B41 diệt tăng là Thắng vừa hy sinh.

Còn các trung đội đang nằm trong khu vườn nhà dân, không thể sang chi viện cho chúng tôi được vì phải vượt qua một thửa ruộng trống trải. Điều này rất nguy hiểm, khi phía trước xe tăng và bộ binh đang tập trung hoả lực bắn vào.

Trung đội 1 thì còn chốt giữ ở phía sau, không thể chi viện hoả lực phía trước cho chúng tôi.

Trung đội 2 nằm bên phải, nhưng công sự ngụy trang quá cẩu thả. Ngay từ đầu quân địch đã phát hiện và bắn khống chế. Mọi người ở đó chắc đã hy sinh cả rồi.

Còn lại trung đội 3 nằm bên trái, tuy số thương vong ít hơn, nhưng không phát huy được hoả lực mạnh vì bị khu vườn trước mặt che mất tầm quan sát. Các anh chỉ có một góc hẹp có thể dùng hoả

lực tấn công xe tăng và bộ binh địch ở phía trước, nhưng thực tế quân địch đang tập trung hoả lực vào đó, nên đã khống chế các anh hoàn toàn.

Ngay từ lúc nổ súng cho đến giờ, nguy hiểm nhất vẫn là ban chỉ huy đại đội, nằm chính diện hướng tấn công của địch. Chúng tôi ở đây chỉ có hai khẩu súng tiểu liên AK của tôi và cậu Tịch thông tin.

Nhiệm vụ của Tịch là giữ thông tin liên lạc giữa đại đội với tiểu đoàn, còn tôi với khẩu AK trong tay, vừa nổ súng kìm chân ngăn bước tiến quân địch, vừa phải vượt qua làn đạn để truyền mệnh lệnh của chính trị viên đại đội Lê Xuân Hưu đến từng trung đội.

Quân địch cùng xe tăng vẫn hành tiến, bắn chọc thẳng vào nơi chúng tôi chốt giữ.

Tôi thật sự lo lắng trước sự tấn công như vũ bão của chúng, nhưng vẫn bình tĩnh điểm xạ từng viên một vào tốp lính đối phương. Đạn của tôi không còn nhiều, mặc dù trước đó đã sử dụng hơn nửa cơ số đạn của cậu Tịch. Rất may, tôi có khả năng bắn rất chính xác, không cần phải ngắm, dù mục tiêu đó là cố định hay di động. Thực ra, cũng không hiểu được lý do tại sao mà chỉ biết rằng mọi thao tác của tôi lúc đó hầu như là phản xạ tự nhiên.

Một tiếng nổ "ùm" từ bụi cây thấp bên cạnh, tôi liếc mắt nhìn sang, cậu Sáng ở tiểu đội hỏa lực A10 vừa phóng quả đạn B41 vào chiếc xe tăng gần nhất. Chiếc xe tăng bốc cháy, quân đối phương lăn lê bò càng trên mặt ruộng. Ngay sau đó, một quả

đạn DKZ90 từ một chiếc xe tăng M113 bên cạnh, phóng về vị trí của Sáng. Đạn nổ, nửa người phía trên của anh tung ra, để lại nửa người phía dưới còn lại nhuốm đỏ máu. Như vậy, cả hai xạ thủ B41 còn lại của tiểu đội hoả lực đã hy sinh.

Trước tình thế nguy cấp này, anh Hưu lệnh cho tôi bằng mọi cách phải liên lạc được với anh Nguyễn Văn Thiết, anh Trần Quang Đăng trung đội trưởng trung đội 1 và 3, đang chốt giữ ở khu vườn bên trái, phía sau chúng tôi, gấp rút điều xạ thủ B40 và bộ đội sang Ban chỉ huy đại đội để tiêu diệt những chiếc xe tăng và bộ binh địch.

Tôi quan sát địa hình xung quanh quá trống trải, rất ít vật che chắn đạn nên vội nói với anh Hưu:

- Theo em, anh không thể điều bộ binh đến chi viện cho ta được, địa hình quang đãng như thế này bộ đội sẽ bị thương vong mất. Hơn nữa ở đây anh em không có công sự tránh bom, pháo, nguy hiểm lắm. Bây giờ chỉ cần thêm một xạ thủ B40 để chống tăng là được, còn đối với tụi bộ binh tiến vào, một mình em ngăn chặn. Nếu em hy sinh, anh gọi cậu Tịch lên thay. Hãy bằng mọi giá, nhất quyết không cho chúng tràn vào.

Anh Hưu đã thống nhất với ý kiến của tôi. Lúc này, địch ở phía trước điên cuồng trút đạn vào. Tình thế cả đơn vị ngày càng nguy hiểm. Chúng dễ dàng chọc thủng vào vị trí hiểm yếu nhất của đội hình chúng tôi.

Nếu tôi rời khỏi khu vực này để đi về các trung

đội, thì ở đây chỉ còn lại một tay súng tiểu liên AK của Tịch canh giữ. Mà cậu ta lại là lính thông tin, dù sao cũng không có nhiều kinh nghiệm như tôi.

Trước lúc rời vị trí chốt giữ của ban chỉ huy đại đội, tôi rất băn khoăn, lo lắng, nên vội gọi Tịch từ dưới công sự lên dặn dò:

- Tịch phải bảo vệ cửa chính diện. Để giữ bí mật vị trí đang nằm bắn này, cậu phải bình tĩnh ngắm chính xác từng thằng một, rồi mới bóp cò. Tuyệt đối không được bắn liên thanh, như vậy sẽ bị lộ ngay. Trừ trường hợp quân địch đông, xông đến quá gần, lúc ấy mới được phép nổ súng liên thanh. Mình phải sang các trung đội một lúc, sẽ quay trở về với Tịch ngay. Hãy bằng mọi giá kìm chân chúng, mình tin ở cậu. Mấy tháng sau Nguyễn Văn Tịch đã bị địch bắt và hy sinh anh dũng trong một trận chiến đấu ác liệt, không cân sức kéo dài suốt cả một ngày giữa ta và địch.

Tranh thủ khi quân đối phương chưa dám tiến vào, tôi lùi lại về phía sau, đến khu vực của tiểu đội hoả lực A10. Nơi đây, bây giờ tan hoang, chi chít hố bom, tôi bàng hoàng khi chứng kiến cảnh tượng đó. Bất chợt, rùng mình, cảm thấy đơn côi khi nằm trên bãi hố bom không một bóng người này.

Quên mình đang còn hiểm nguy, thương các anh, thương đồng đội, nước mắt tôi chảy giàn giụa mà không khóc được thành tiếng.

Tôi vừa bò vừa lần mò xung quanh để tìm có còn

ai sống không. Nằm ở phía ngoài, tôi gọi vào:

- Anh Truyền và các anh ơi! Có ai ở trong đó còn sống không?

Tôi cất tiếng gọi mấy lần, một lúc sau đó có tiếng đáp lại:

- Minh đấy phải không? Anh Truyền đây. Anh bị thương rồi.

Nghe thấy tiếng trả lời, tôi mừng quá. - Có còn ai sống nữa không anh? - Tôi vừa hỏi vừa tìm cách kéo những cây tre nằm chắn lối trên mặt đất để giúp anh ra ngoài.

- Những công sự bên cạnh không rõ, nhưng ở đây chỉ còn lại mình anh.

Tôi đưa mắt nhìn bao quanh, không thấy đâu là công sự. Chỉ còn lại trên mặt đất là những hố sâu nham nhở của đợt đạn bom vừa rồi để lại.

Anh Truyền bị thương vào đầu và chân, tôi đưa anh ra ngoài và gọi anh Huyên y tá ở công sự phía trước đến sơ cứu.

Tôi còn nhiệm vụ chính được anh Hưu giao phó rất nặng nề, không chần chừ ở lại đây được. Tôi tiếp tục vượt qua thửa ruộng để sang khu vườn phía sau, nơi trung đội 1 chốt giữ.

Khi vừa vào đến khu vườn, một cảnh tượng tan hoang, tiêu điều đập vào mắt tôi: Ngôi nhà ở giữa vườn tan tành. Xung quanh cây cối đổ gãy. Tôi đảo mắt nhìn mà chẳng thấy ai, nên vội cất tiếng gọi:

- Anh Thiết và các anh ơi! Các anh đang ở đâu?

Sau tiếng gọi của tôi, tiếng ai đó đang ở dưới giao thông hào phía góc vườn bên tay phải reo lên:

- Em Minh đấy phải không? Anh Tài đây.

Tôi mừng quá vội lao đến, mặc cho đạn bay chíu chíu trên đầu.

- Thế mọi người đâu hết cả rồi anh? - Tôi hỏi.

Anh Tài giơ tay chỉ và trả lời:

- Anh em trong trung đội sau trận bom hy sinh gần hết rồi, chỉ còn anh và Coỏng thôi. Nó đang canh giữ hướng địch đến tấn công ở góc kia kìa.

Vừa nghe đến đây, lòng tôi đau thắt lại. Ôi! chiến tranh tàn khốc và khủng khiếp quá, đã cướp đi hầu hết bạn bè của tôi, tất cả đã vắt kiệt đến mức hầu như không còn sức để gồng mình lên được nữa.

Suốt cả mấy tháng ròng rã vừa qua, chúng tôi chẳng được nghỉ ngày nào. Uống thì chỉ có nước lã, ăn chỉ có cơm nắm nhưng rất thất thường. Những cơn đói khát như căn bệnh mãn tính cứ bám riết không lúc nào buông tha. Đêm thì hành quân rồi đào hầm xây dựng công sự cho đến lúc trời sáng mới tạm xong. Còn nằm ngủ thì dưới hầm hoặc trên mặt đất, chưa kịp chợp mắt địch đã mò đến rồi, bom đạn thì triền miên dội trên đầu, kéo dài suốt ngày này qua ngày khác, đồng đội tôi liên tiếp ra đi.

Nghe thấy tiếng tôi, Coỏng mừng quá vội lao đến. Ba chúng tôi ôm lấy nhau nghẹn ngào. Trong tiếng nấc, Coỏng nói:

- Minh ơi! Anh Thiết trung đội trưởng đã hy sinh sau đợt bom thứ nhất. Giờ đây trung đội 1 chỉ còn lại mình và anh Tài thôi. Mọi người đã hy sinh hết cả rồi... Ôi...

Tôi lau nước mắt và động viên hai anh:

- Em cũng đau lòng lắm, quân địch đang tìm mọi cách tiêu diệt chúng ta để chọc thủng tuyến phòng ngự này. Các anh hãy cố gắng chốt giữ những hướng mà mình đảm nhiệm, kiên quyết không cho chúng tiến vào. Em phải về Ban chỉ huy đại đội báo cáo đây.

Tôi lợi dụng bờ tre tiến dần đến mép ruộng, nơi có bờ đất nối liền giữa khu vực Ban chỉ huy và trung đội 3.

Đạn bay chiu chiu, xé gió trên đầu tôi. Từng gò đất nổi lên trong trận địa chúng tôi đều nhận đủ một quả đạn pháo DKZ90 của xe tăng ở ngoài bắn vào, để lại mặt đất nơi đó một hố rộng toang hoác.

Tôi nằm im ở mô đất thấp có bụi cây nhỏ che khuất, khi đạn địch chuyển sang hướng khác, tôi vụt lao ra ngoài mặt ruộng, rồi nằm lăn mình chúi đầu vào bờ đất phía trước.

Chúng đã phát hiện ra nên tập trung hoả lực bắn về tôi rất mạnh. Nằm áp sát bờ đất nghe đạn bắn liên tục vào phía bên kia bờ. Tôi rùng mình hoảng sợ khi cả người vẫn ở tư thế nằm ngửa. Các loại đạn bay dày đặc, sàn sạt vút qua, chỉ cần hơi

nhổm lên một chút chắc sẽ bị băm nát người.

Tình thế nguy hiểm khẩn cấp, bất lợi cho đại đội 3 tăng theo từng phút, từng giây. Tất cả đang chờ tôi nhanh chóng đi gọi hỏa lực, nếu không địch sẽ chọc thủng đội hình. Ở đó, chỉ còn lại một mình Tịch với một khẩu súng tiểu liên AK chống đỡ.

Không thể chờ lâu, tôi tìm mọi cách vận động đến được vị trí của trung đội 3. Bờ đất quá thấp, không bò được, giờ chỉ còn cách nằm lăn vuông góc với nó, chân hướng ra phía ngoài, đầu hướng vào phía trong, tay nắm nòng súng AK lôi đi từng quãng ngắn. Quân địch phát hiện ra tôi còn sống, bởi đám cát bụi bay theo khẩu súng tôi đang lôi xềnh xệch trên mặt ruộng. Đạn lại cắm phầm phập vào bờ đất, có viên sượt thủng ống tay áo, dọc từ vai đến khuỷ bên tay trái, do khi tôi lăn phần vai có hơi nhô cao một chút. Nhưng mặc kệ, tôi vẫn cứ tiếp tục lăn dần về phía bờ tre quanh khu vườn, nơi trung đội 3 đang ở đó.

Vừa chạm đến chân bờ, tôi nằm im bất động một lúc để quân địch ở phía ngoài nghĩ rằng mình đã chết. Khi bọn chúng bắt đầu bắn chuyển dần sang hướng khác, tôi lao mình nhảy vào phía bên trong bờ tre. Cũng rất nhanh, ba quả đạn DKZ90 của địch nổ ngay sát cạnh đó. Do bờ tre bao quanh vườn khá vững chắc nên tôi không hề hấn gì. Tôi truyền đạt nhanh mệnh lệnh của Ban chỉ huy đại đội cho trung đội trưởng Trần Quang Đăng.

Anh Trần Dôn, xạ thủ B40 vừa nhận được

mệnh lệnh, đã nhanh chóng nhảy sang bên kia bờ tre, băng qua thửa ruộng, lao sang bên khu đất hoang nơi có anh Hưu và Tịch đang chốt giữ.

- Cẩn thận, anh Dôn!- Tôi chỉ kịp hét lên.

Phía ngoài, xe tăng và lính ngụy đua nhau nổ súng như một cơn bão lớn đang đổ về. Tôi không thể nào phân biệt từng loại âm thanh, chỉ còn nghe tiếng nổ " oàng, oàng" của DKZ90.

Những tiếng súng vừa tạm dừng, tôi lao mình trở về công sự chỉ huy gặp anh Hưu.

- Anh Dôn đã về đến đây chưa anh? - Tôi hỏi anh Hưu

- Cậu Dôn đang vận động theo mép bờ ruộng để tiếp cận áp sát chiếc xe tăng mà bắn cho chính xác. - Anh lấy tay chỉ và trả lời.

Anh Dôn đang hai tay ôm súng lom khom tiến, những quả đạn B40 nằm trên lưng cứ nhấp nha, nhấp nhô sát mép bờ ruộng. Kéo dài như thế này bọn địch ở ngoài sẽ dễ dàng phát hiện. Đúng như dự đoán, một phát đạn cối cá nhân M79 của địch nổ ngay bên cạnh anh.

Một cụm khói đen trắng và đất cát tung lên, cái nhấp nhấp, nhô nhô trên mặt bờ ruộng giờ đây không còn nữa. Tôi biết anh đã hy sinh rồi.

Chỉ vài phút trước đây tôi vừa mới nhắc nhở hãy thận trọng, nhưng anh đã vội vàng lao vụt đi đến chi viện cho chúng tôi. Anh Trần Dôn là sinh viên năm thứ hai Đại học Sư phạm Vinh

Thương tiếc anh, tôi quên hết mọi nguy hiểm lao vội đến, anh vẫn trong tư thế khom khom tựa nghiêng vào bờ ruộng, hai tay đang ôm chặt khẩu súng, mặt vẫn hướng thẳng về phía quân đối phương.

Trời đã về chiều, bọn địch không thể tiến lên được, buộc phải rút quân. Trong cuộc chiến đấu gay go, ác liệt của ngày hôm nay, chúng tôi đã bắn cháy hai xe tăng và tiêu diệt rất nhiều lính ngụy. Nhưng chiến công đó không bù đắp được những mất mát khi quân số đại đội chỉ còn lại 13 người, trong đó có sáu anh bị thương.

Tôi chợt nhớ đến bộ phim "*Thượng Cam Lĩnh*", được xem vào những ngày đầu đặt chân lên dải Trường Sơn. Phim nói về một lực lượng ít ỏi và vũ khí thô sơ của Hồng quân Trung Quốc đã chiến thắng một đội quân hùng hậu có trang bị vũ khí tối tân của quân đội Mỹ. Lúc đó, mọi người không thể tin được mà còn nói đùa với nhau là chuyện hư cấu. Thế mà giờ đây, chúng tôi đã vượt qua trận chiến kinh hoàng, cam go và ác liệt của ngày hôm nay, chẳng có một tí gì gọi là "hư cấu" cả.

Tối hôm đó, đại đội 3 của tôi không đủ người làm công tác thương binh tử sĩ. Anh Hưu đã chỉ thị cho Tịch điện về tiểu đoàn xin điều người về hỗ trợ. Chúng tôi an táng các anh hy sinh, an nghỉ tại khu vực Gò Nổi, ven bờ sông Vàm Cỏ, thuộc xã An Ninh Tây, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Đó

là các anh Nguyễn Văn Thiết, Nguyễn Văn Thắng quê ở Lệ Thuỷ, Quảng Bình. Anh Trần Dôn quê ở Vĩnh Linh, Quảng Bình, Nguyễn Văn Sáng quê ở Nghệ An,...

24-5-1972

Khoảng 3 giờ, hai tiểu đoàn 8 và 9 cùng các đại đội trực thuộc của trung đoàn 271 tập kết ở bờ đông sông Vàm Cỏ Đông để sang bờ bên kia, về đất Campuchia đóng quân. Tiểu đoàn 7 ở lại tiếp tục chốt giữ trên đất huyện Đức Hoà.

Đêm nay, trăng ngoài mùng mười nên rất sáng. Dưới mặt sông, những chiếc thuyền ba lá đậu dày đặc chờ chúng tôi. Lần này vượt sông chúng tôi đã khá quen, cứ bốn người xuống một thuyền, rồi tự mình chèo sang bờ bên kia.

Trên thuyền lúc này có tôi, anh Hưu, Huyên và Trữ. Tôi ngồi ở phía sau chèo thuyền. Khi đứng trên bờ nhìn mọi người lướt thuyền dưới sông thấy quá ư dễ dàng. Giờ đây tự tay chèo thuyền mới thấy khó vô cùng. Thuyền của tôi lúc đầu cứ quay tròn ở giữa sông, không tiến được. Đang loay hoay tìm cách chèo con thuyền ương bướng thì cô du kích lái chiếc ghe ngay sát cạnh nhỏ nhẹ nói:

- Anh Hai cứ bình tĩnh, không được chèo một bên, mà phải thay đổi cả hai bên, như vậy mới điều chỉnh chiếc ghe đi đúng hướng.

Một lúc sau đó, con thuyền mới thực sự lướt

băng băng. Vì mất nhiều thời gian cho việc chèo lái, nên chưa kịp sang bờ bên kia thì thủy triều rút, thuyền bị mắc cạn.

Tôi tìm mọi cách đưa nó vào bờ, nhưng nó cứ xoay tròn tại ngay tại vị trí đó thôi. Không chút do dự, tôi nhảy xuống sông, lấy hai tay đẩy mạnh con thuyền tiến về phía trước. Nhưng dưới chân lúc này, bùn mềm nhũn. Người tôi tụt dần, càng cử động lại càng bị sụt xuống bùn sâu hơn. Anh Hưu ở trên thuyền vội vàng ném khẩu AK xuống. Tôi đặt nó nằm ngang trên mặt bùn rồi lấy hai khuỷu tay choàng lên. Lúc này, tốc độ chìm mới được hãm lại. Tôi và con thuyền mắc cạn được mọi người trên một con thuyền khác kéo vào bờ. Thật là hú vía, chậm một chút nữa thì tôi đã bị chôn vùi dưới lớp bùn đen dày đặc của sông Vàm Cỏ Đông. Khi vừa lên bờ, cả người và khẩu súng nhuộm một màu đen bùn đất, trông rất kinh dị. Tôi nhảy xuống dòng kênh bên cạnh, gạt tạm những gì đang bám đầy trên mình cho sạch bớt rồi tiếp tục theo đoàn hành quân về nước bạn.

Khi đi qua một hố bom đầy nước giữa cánh đồng "chó ngáp", chớp cơ hội này tôi nhảy ùm xuống để gột rửa. Thật tuyệt vời. Cả một tháng qua, chúng tôi chưa biết tắm là gì.

Giờ đây, nước trong vắt, mát lạnh, ôm trọn tôi vào lòng. Tôi thỏa thích bơi lội, ngụp lặn, bù lại những ngày gian khổ, vất vả vừa qua. Tất cả những gì đã chịu đựng như vơi bớt, chìm sâu dưới

đáy nước hồ. Mải mê vẫy vùng tôi giật mình khi anh em trong đơn vị đã đi quá xa. Tôi chạy đuổi theo đơn vị. Nhưng lạ thay, phía dưới đũng quần tôi cứ thấy man mát. Cúi xuống nhìn, thấy nó rách vụn từ lúc nào.

Gần một tháng trời liên tục không có điều kiện tắm và thay quần áo nên vải đã bị mủn, bây giờ chỉ cần đụng vào là rơi ra từng mảng. Thực ra, không riêng gì tôi mà ai cũng như vậy.

Khi gần đến phum Sóc Nóc, cả đơn vị dừng lại ngoài cánh đồng để đợi trung đội 2 do anh Phạm Vinh chỉ huy, chốt giữ phía sau, cạnh đồn Trà Cao, đảm bảo cho đại đội tôi rút quân an toàn. Nói trung đội cho oai chứ quân số bây giờ chỉ có hai người.

Một tin xấu lại đến: Anh Vinh bị địch phục kích bằng mìn định hướng Claymo đã hy sinh.

Đơn vị tôi lại giảm một người, chỉ còn 12 người. Mới đầu tháng 5, khi đi qua con đường này quân số của đại đội 3 có hơn 40 người. Thế mà, giờ đây...

Chúng tôi, những người còn lại lặng im, cúi đầu mặc niệm, tiễn đưa đồng đội về nơi yên nghỉ tại gò đất giữa cánh đồng gần phum Sóc Nóc, trên đất nước Campuchia.

Ở Sóc Nóc, đại đội tôi chỉ ở gọn trong hai ngôi nhà cạnh nhau. Một tháng trước đây, cũng trên dãy phố dài này, chúng tôi chen đầy các nhà dân. Lúc này đây, những chiếc xoong quân dụng lớn không còn cần đến nữa. Cả đại đội dồn về một bếp

ăn do anh Trữ đảm nhiệm, nấu cơm bằng nồi quân dụng nhỏ nhất. Đâu rồi tiếng leng keng, gõ bát, thìa, đũa, đâu rồi tiếng nói cười náo động trước giờ ăn của những chiến sĩ thích đùa và háu đói. Đi đâu hết rồi các bạn?...

Chúng tôi, những người còn lại, cũng không còn một chút gì là của riêng, ngoài khẩu súng và một ít đạn được giao. Tất cả ba lô đều nằm lại bên tây bờ sông Vàm Cỏ Đông để nhẹ nhàng vượt sang bờ bên kia. Trên người tôi chỉ còn một bộ quần áo kaki màu xanh, mặc từ ngày ở ngoài Bắc vào, vải đã mục rách, chiếc quần không còn đũng nữa. Nếu là ngày bình thường, cánh lính trai ai nấy đều xấu hổ khi giáp mặt với những cô gái Campuchia. Nhưng lúc này đây, không một ai còn nhớ và bận tâm đến điều đó. Tất cả còn đang bàng hoàng về cuộc chiến vừa xảy ra, thương đồng đội đã mãi mãi ra đi, nhớ đồng đội bị thương phải tạm rời xa đơn vị để về phía sau điều trị.

27-5-1972

Cấp trên bổ sung anh Dương Hoài Nam, người Quỳnh Văn, Quỳnh Lưu, Nghệ An về nhận cương vị đại đội trưởng đại đội 3. Trần Xuân Coỏng chỉ huy trung đội 1. Anh Nguyễn Thế Tứ chỉ huy trung đội 2. Anh Nguyễn Ngọc Quỳnh chỉ huy trung đội 3, thay anh Đăng, trung đội trưởng vừa bị thương.

Cũng trong ngày, mỗi người được nhận hai bộ quần áo vải, màu xanh và nâu cùng một chiếc võng nilon, một chiếc màn vải xô. Tất cả được dồn vào trong chiếc túi vải gọi là: “bồng” thay cho balô.

28-5-1972

Đại đội chúng tôi lại được bổ sung thêm tân binh và tiếp nhận những người bị thương vừa điều trị từ bệnh viện về, nâng quân số đơn vị lên 30 người.

4-6-1972

4 giờ 30 phút chiều, tiểu đoàn 8 chúng tôi cùng với các đơn vị trực thuộc đặc công (C25), công binh (C19), Cối 82 (C16), DKZ 75 (C17), đại đội súng 12 ly 7 (C18)... rời khu vực Sóc Nóc để đi Long An.

Khoảng 11 giờ đêm, khi chúng tôi đang đi đến gần cánh đồng "chó ngáp" thì có lệnh trên truyền xuống: "Cả đơn vị tạm nghỉ", sau đó đi lùi trở lại. Mọi người dự đoán: *"Lành thì ít, dữ thì nhiều"*.

Sau này tôi được biết: Tối hôm đó trinh sát dẫn đường cắt nhầm vào chốt Trà Cao. Cả đơn vị đành phải lùi lại cắt đường đi theo hướng khác, vượt qua cánh đồng "chó ngáp" về bến đò Mỹ Quý Đông, huyện Đức Huệ để vượt sông.

5-6-1972

4 giờ 30, các đơn vị tạm trú quân ở vườn đất trống, rộng, không nhà cửa, xung quanh được bao bọc bởi bờ tre ken dày, phía ngoài cùng sát bờ ruộng là một dãy giao thông hào khô nước. Nơi đây, gần ngã ba Phước Chỉ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, giáp ranh Mỹ Quý Đông, Đức Huệ, Long An.

Theo như hiệp đồng về thời gian với đơn vị cơ sở địa phương tổ chức đưa bộ đội qua sông, chúng tôi đến bến sông không đúng hẹn trời lúc đó đã hửng sáng. Đây là thời gian tàu tuần tiễu của địch lùng sục trên sông, Ban chỉ huy tiểu đoàn đành phải cho các đơn vị tìm nơi trú ẩn.

Không đón được chúng tôi, bà con vùng Đức Hòa ngậm ngùi đem xuồng ba lá về nơi cất giấu.

Đội hình triển khai tác chiến của tiểu đoàn như sau: Các đơn vị phối thuộc và tiểu đoàn bộ ở phía trong bờ tre. Đại đội 1, 2, 3 bộ binh ở phía ngoài bờ tre, xung quanh khu vườn, nhằm ngăn chặn quân địch tấn công từ các hướng vào vị trí tập kết của đoàn quân.

Đại đội 3 chúng tôi ở dưới giao thông hào, dọc bờ tre, từ nơi này nhìn qua cánh ruộng bỏ hoang khoảng 100 mét là đường đất rộng chạy song song với giao thông hào, nối từ ngã ba Phước Chỉ đến Mỹ Quý Đông.

7 giờ, một chiếc xe bò do một người đàn ông trung niên điều khiển, đi vào nơi chúng tôi đóng quân. Khi còn cách công sự của tổ tiền tiêu chừng

5 mét, bộ đội ta xông ra bắt sống, sau đó báo cáo cho Ban chỉ huy tiểu đoàn.

Anh Thi, trợ lý tác chiến tiểu đoàn, người Nghi Xuân, Hà Tĩnh đã xuống trực tiếp giải quyết. Chủ chiếc xe bò hoảng hốt, khóc lóc van xin:

- Qua chỉ đi làm qua đây thôi. Các chú thả cho qua quay về...

Sau một lúc người đàn ông đó năn nỉ, anh Thi mềm lòng, không tỉnh táo, đã thả ông ta.

Chỉ 30 phút sau, lính ngụy ùn ùn kéo đến. Chúng bao vây và bắn như vãi đạn vào nơi chúng tôi đang đóng quân.

Riêng về hướng đại đội 3, có khoảng hơn một đại đội địch, liều lĩnh vượt qua khu đất trống, bám dọc mép đường đất trước mặt tiến quân.

Khi quân địch tiến vào, tôi có ý đợi anh em các trung đội nổ súng. Có thể, đa số anh em là tân binh, trận đầu chạm mặt với kẻ thù, nên còn rất do dự. Không thể để bọn chúng tiến thêm, tôi bóp cò súng bắn từng loạt đạn AK vào tốp lính đi đầu. Chúng đổ gục, những đứa còn sống sót bò lổm ngổm lùi về bên kia đường. Từ xa, chúng dùng súng đại liên bắn về phía chúng tôi.

Khi khẩu đại liên chuyển làn, tôi thò đầu lên khỏi bờ giao thông hào quan sát. Xác định được ngay vị trí, ước lượng khoảng cách đến mục tiêu, tôi chỉnh thước ngắm, bóp cò điểm xạ hai viên. Khẩu đại liên đang khạc đạn câm bặt. Liền sau

đó, như mọi khi, cả tiểu đoàn 8 và đại đội trực thuộc phải hứng chịu những đợt bắn phá của máy bay địch.

Suốt ngày, chúng tôi phải gánh chịu loạt bom khủng khiếp đó. Đến 4 giờ 30 phút chiều, những chiếc máy bay hùng hổ, điên cuồng đó mới chịu rút về.

Những chiếc bồng vải dùng để che chắn trên giao thông hào thủng lỗ chỗ, áo quần, võng, màn đều hỏng hết. Nhờ có những vật che chắn này nên ba chúng tôi không hề hấn gì.

Đại đội có thêm hai người hy sinh, năm, sáu người bị thương. Đó là cậu Phương, Quảng Trạch, Quảng Bình, và anh Tứ, trung đội trưởng trung đội 2 quê ở Nghệ An

Tiểu đoàn 8 chúng tôi phải hành quân lùi về phum Chếch (nếu dịch ra tiếng Việt là Chuối), còn chúng tôi gọi là phum Chết, thuộc huyện Công Pông Rồ, Campuchia, sát biên giới huyện Đức Huệ, Long An.

Đau buồn nhất là các đại đội phối thuộc. Hầu hết bom đạn địch trút xuống trong ngày đều tập trung vào giữa khu vườn hoang, nơi các anh đang đóng quân.

Đại đội đặc công (C25), đại đội cối 82 (C16) và đại đội công binh (C19) vốn quen đánh "mật tập" và mạnh về hoả lực, chưa quen cách đánh "trực diện" như chúng tôi nên trong trận chiến này đã

tổn thất nặng nề. Khi hành quân rút về vị trí mới, một số vũ khí hạng nặng không thể mang theo, phải để lại cất giấu.

8-6-1972

Tôi được Ban chỉ huy điều về tiểu đoàn bộ nhận nhiệm vụ tiểu đội trưởng truyền đạt, thuộc trung đội thông tin, do anh Nguyễn Trọng Khánh, quê ở Hưng Nguyên, Nghệ An chỉ huy, gồm có ba tiểu đội là vô tuyến, hữu tuyến và truyền đạt.

Bữa cơm chia tay để tôi về đơn vị mới được các anh chuẩn bị khá chu đáo. Cả đại đội dồn lại gần 20 người, quây quần bên nhau, nhớ về những kỷ niệm vui buồn. Đã cùng sống chết có nhau, đắng cay, ngọt bùi đều chia sẻ, đã từng xông pha trong lửa đạn, quên mình để cứu nhau, chúng tôi như một gia đình gắn kết. Giờ phút tạm biệt, không ai ăn nổi. Để phá tan không khí nặng nề, anh Hưu lên tiếng:

- Em lên tiểu đoàn nhận nhiệm vụ mới, mọi người đều rất nhớ. Anh thay mặt đại đội cảm ơn em những ngày tháng vừa qua đã cứu nguy cho đơn vị ta nhiều trận. Em rất dũng cảm và mưu trí trong chiến đấu, lập nhiều chiến công. Cả đơn vị bình bầu em là "Dũng sĩ quyết thắng", xứng đáng được nhận Huân chương Chiến công hạng Ba. Anh đã gửi công văn đề nghị lên tiểu đoàn. Nhớ thỉnh thoảng về thăm các anh.

Tôi cảm động và bật khóc trước tình cảm của

đồng đội, rồi ôm anh Hưu, Tài, Huyên, Ba và tất cả mọi người như lời chào tạm biệt.

Khi tôi đến tiểu đoàn bộ, anh Dương Văn Hiêu, tiểu đoàn trưởng gọi tôi vào:

- Cậu Minh vào đây xem thế nào? Nghe tên dưới đại đội đã lâu mà tớ chưa biết mặt đấy.

Vừa gặp anh, tôi vội chào: "Em chào thủ trưởng. Em là Minh".

- Cậu Minh đấy à? Tớ cứ nghĩ cậu nhỏ con da đen rắn chắc lắm, đâu có ngờ lại trắng, cao, gầy và thư sinh thế này.

Rồi anh hỏi thăm hoàn cảnh gia đình, bố mẹ, anh chị ở quê, về các trận đánh tôi tham gia thời gian qua.

Nghe tôi kể xong, anh biểu dương và động viên tôi rất nhiều, anh đặc biệt khen ngợi thành tích của tôi trong trận đánh vào ngày 23 tháng 5 tại ấp An Hòa.

Tiểu đội truyền đạt do tôi chỉ huy có nhiệm vụ nhận lệnh trực tiếp của ban chỉ huy tiểu đoàn, truyền mệnh lệnh kịp thời xuống các đại đội đang trực tiếp chiến đấu với quân thù.

15-6-1972

Buổi chiều, tôi nhận lệnh từ ban chỉ huy tiểu đoàn, truyền xuống các đại đội: Chuẩn bị chiếm lĩnh vị trí Chùa Nho, bên cạnh phum Rồ, thuộc huyện Công Pông Rồ, gần ngã ba nối về thị trấn Mộc Hoá, Long An để triển khai lực lượng đánh

địch đổ quân từ hướng biên giới sang.

Khi về đến ban chỉ huy đại đội 3, tôi được biết Đinh Văn N, quê ở Nghệ An vừa đào ngũ. Sự việc gây xôn xao trong đơn vị, vì đây là trường hợp đầu tiên.

Chúng tôi và những người trong cuộc đều hiểu rằng, áp lực kinh hoàng, căng thẳng của đạn bom, mất mát luôn luôn đè nặng lên mọi người, nhưng khi chọn con đường rời bỏ đội ngũ tức là đã đưa mình vào hầm tối. Cuộc sống sẽ là đơn độc, chui lủi, lẩn tránh tất cả,...

16-6-1972

Một trận chiến đấu ác liệt diễn ra giữa tiểu đoàn 8 chúng tôi với sư đoàn 7 của quân đội Việt Nam Cộng hoà trên đất Công Pông Rồ. Một cuộc chiến không cân sức khi quân số của cả tiểu đoàn tôi bây giờ không bằng một đại đội chính quy. Vũ khí đạn dược thiếu thốn, nhất là đạn cối 82, đạn chống tăng B40, B41,... Trong khi đó, lực lượng địch rất đông, phải đến một trung đoàn bộ binh, xe tăng yểm trợ dàn hàng ngang. Đạn địch ở phía ngoài bắn vào như cơn bão lớn. Dù đã khá quen với cách đánh này nhưng mọi người vẫn lo lắng vì lực lượng của mình giờ đây quá mỏng. Sau những đợt bắn phá của địch, đường dây thông tin hữu tuyến bị đứt, thông tin vô tuyến không liên lạc được, mọi liên lạc giữa tiểu đoàn và các đại đội đều do tiểu đội của tôi đảm nhiệm.

Mười một chiến sĩ được tôi phân công nhiệm vụ

cụ thể, anh em đã vượt qua làn mưa bom bão đạn để kịp thời truyền mệnh lệnh, chỉ thị chiến đấu của Ban chỉ huy tiểu đoàn cho từng đơn vị.

Trong trận chiến đấu ngày hôm đó, chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của cấp trên giao phó, đặc biệt cả tiểu đội không ai bị thương.

Đến cuối giờ chiều, theo thông tin của các đại đội báo lên tiểu đoàn, tôi được biết: đại đội 3 có ba người hy sinh. Đó là anh Trần Xuân Coỏng, quê ở Quỳnh Long, Quỳnh Lưu, Nghệ An, cùng làm liên lạc với tôi trước đây, anh Mai Khả Châu, quê ở Nga Sơn, Thanh Hóa, anh Nguyễn Ngọc Quỳnh, nhà B3, phòng 30, khu tập thể Kim Liên, Hà Nội. Cả ba người đều trung đội trưởng.

17-6-1972

7 giờ 30 tối, từ Ban chỉ huy tiểu đoàn, tôi nhận được thông tin: Chiến sĩ Hoàng Ngân S. ở C2, D7 đã đầu hàng địch.

Sự việc xảy ra như sau: Trong trận chiến đấu căng thẳng và ác liệt với sư đoàn 7 ngụy từ hôm qua đến hết hôm nay, bộ đội ta thương vong rất nhiều, đạn dược hầu như gần cạn kiệt. Khi những chiếc xe tăng và bộ binh địch ùn ùn xông đến, S. đã phóng một quả đạn B40 vào chiếc xe tăng gần nhất. Chiếc xe bốc cháy, đội hình địch đang hành tiến bất ngờ bị chững lại rồi quay đầu rút về phía sau.

Nhưng do nằm bắn vội vàng, S. đã để khẩu súng B40 dọc theo thân mình mà không chếch

một góc nhất định nên hai chân bị bỏng do ngọn lửa của liều phóng đạn phụt mạnh ra phía sau. Anh em trong đơn vị cử S. ở lại giữ ba lô để mọi người xung phong lên phía trước truy kích địch. Nhưng sau đó địch phản kích, S. đã vác B40 chạy về phía chúng.

Ngày 29-6-1972, đại đội 12 ly 7 (C18) của trung đoàn 271 đã bắn rơi một máy bay trinh sát L19, trong chiến lợi phẩm thu được, có tài liệu ghi: "... Theo lời khai của đương sự Hoàng Ngân S. C2, D7, E271 cho biết: D7, E271 tăng cường cho trung đoàn 2, sư 5 Cộng quân..."

1-7-1972

Tiểu đoàn bộ 8 chúng tôi vẫn đóng quân ở phum Rồ, nằm về phía nam chùa Prây Chăm Na, được nối với con đường đất rộng khá dài, trống trải, không cây cối.

Khoảng 8 giờ tối, anh Hiêu gọi tôi lên giao nhiệm vụ:

- Em chỉ huy hai cậu trinh sát đến chùa Prây Chăm Na cuối phum Rồ kiểm tra hoạt động của địch ở đó và báo cáo về.

Chùa Prây Chăm Na có diện tích khoảng 3 hécta, được bao bọc bởi bờ tre già dày đặc. Khu giữa là nhà cho sư sãi ở, học tập và tụng kinh trong những ngày lễ. Phía ngoài chùa là cánh đồng khô cạn, rộng mênh mông, không cây cối. Trước mặt có

con đường đất rộng kéo dài từ phum Rồ, nơi chúng tôi đang đóng quân tới đường đi thị trấn Cham Tria. Cũng theo con đường này, cách chùa độ khoảng 200 m về phía bắc là đường đất lớn nối về thị trấn Mộc Hoá, Long An.

Tôi khoác vội khẩu tiểu liên AK trên vai, quàng ống nhòm qua cổ cùng hai chiến sĩ trinh sát lên đường.

Rời khỏi phum Rồ, nhìn sang bên kia chùa là cả một không gian đen kịt, chỉ có tiếng thình thịch đào hầm và công sự của bộ đội ta.

Tôi giơ ống nhòm lên quan sát, mọi vật tuy có rõ hơn nhưng vẫn còn mờ ảo. Hai chiến sĩ trinh sát đề nghị:

- Anh Minh ạ, phía trước yên lặng thế, chắc không có địch đâu, ta trở về báo cáo với tiểu đoàn thôi.

Tôi không đồng ý và trả lời:

- Nhiệm vụ đã được giao, phải biết chắc chắn địch có mặt trong chùa hay không. Chúng ta tổ chức tiền nhập theo đội hình chữ A. Tôi đi trước có nhiệm vụ quan sát cảnh giới, hai cậu đi hai bên, quan sát cảnh giới phía sau và theo hướng tiến của mình, tiến quân không theo trục đường chính này vì bọn địch hay phục kích ở đây, mà phải cắt thẳng ra ngoài cánh đồng khoảng 300 đến 400 m rồi tiền nhập vào phum. Vận dụng kỹ thuật đi khom thấp đến bờ tre bảo vệ chùa, chúng ta sẽ bò vào.

Khi ba chúng tôi cách chùa độ 100 m, tôi đưa

ống nhòm lên quan sát. Tuy trời rất tối, nhưng đã thấy rõ hơn bờ tre quanh chùa. Áp sát tai xuống mặt đất tôi nghe tiếng thình thịch xa xa, nhưng khi bò cách bờ tre khoảng 10 đến 15 m, tiếng đào hầm cùng giọng nói của người Nam Bộ vọng ra khá rõ.

Biết chắc chắn địch đã chiếm được chùa Prây Chăm Na và đang triển khai đào công sự, tôi ra hiệu cho mọi người lùi về.

Khi chúng tôi vượt ra khỏi vòng nguy hiểm, hai chiến sĩ trinh sát tỏ vẻ hối hận, thốt lên:

- May mà chúng ta tiếp cận được, biết chắc chắn có quân lính Sài Gòn đang đào hầm ở đó.

Ba anh em về đến tiểu đoàn bộ, anh Hiêu và mọi người đứng đợi sẵn trên công sự của Ban chỉ huy. Vừa thấy tôi bước vào, anh Hiêu đã vội hỏi:

- Tình hình địch ở trong chùa thế nào hả Minh?

- Báo cáo thủ trưởng: Trong chùa có địch đang đào hầm xây công sự. Em nghe rõ có tiếng nói giọng Nam Bộ. - Tôi trả lời.

Vừa nghe đến đây anh Hiêu đã bảo ngay mấy cậu trinh sát:

- Tôi đã nói mà,... May mà cử cậu Minh đi.

Mới nghe đến đây, tôi ngỡ ngàng không hiểu chuyện gì đã xảy ra trước đó. Một lúc sau, mới nghe được mọi người xì xào.

Anh Hiêu vẫn đang bức xúc, bực bội với cánh trinh sát dẫn đường cho tiểu đoàn tiến quân về

Long An bị lạc vào chốt địch đóng ở Trà Cao, đã gây hậu quả rất lớn cho quân ta.

2-7-1972

Khoảng 4 giờ 30, ba trung đội của đại đội 3, tiểu đoàn 8 với 25 tay súng bí mật tiền nhập áp sát bờ tre bao quanh chùa. Đại đội 1, 2, 4 chốt giữ xung quanh Ban chỉ huy tiểu đoàn đang đóng ở phum Rồ.

5 giờ 30, quân ta vào được phía trong bờ tre. Đến lúc này, quân địch mới phát hiện được có bộ đội trong chùa nên anh em đồng loạt nổ súng tấn công.

Tiếng súng của hai bên thi nhau nổ rầm rầm, trước sự tấn công áp đảo của ta, quân đối phương rút về phía bắc chùa cố thủ, chờ tiếp viện.

Từ đây, ta và địch thực sự giành nhau từng mét đất. Có lúc hai bên đứng chỉ cách nhau qua một bờ tre, nghe được tiếng gọi đối phương mà không nhìn thấy mặt nhau.

- Chạy sang đường ni - Tiếng của những chiến sĩ người Nghệ Tĩnh gọi nhau.

Phía bên kia quân địch la lên: "Đánh bỏ mẹ quân khu 4 đi".

Súng hai bên lại nổ ran nhưng không viên đạn nào lọt qua bờ tre ken dày đó được.

Độ khoảng 8 giờ, từng đàn máy bay địch lao xuống ném bom vào phum Rồ và đầu chùa Prây Chăm Na. Cả tiểu đội tôi đi lại dưới bom đạn như

thoi để truyền mệnh lệnh của tiểu đoàn đến từng đại đội.

Quân số thương vong trong đơn vị đã xuất hiện, lúc này chỉ mới 9 giờ sáng, từ đây đến 5 giờ chiều thời gian còn rất dài. Thông thường khoảng 5 giờ chiều quân đối phương rút về, cuộc chiến trong ngày giữa hai bên lúc đó mới tạm nghỉ.

Trên con đường cát nối từ Mộc Hoá đến, từng đoàn lính ngụy tiến về chùa để chi viện đồng bọn đang co cụm trong đó. Trên đầu chúng là những chiếc trực thăng Utiti - "Cán gáo" bay qua, bay lại sát ngọn cây, dọc theo con đường đất mà bộ binh của chúng đang hành quân.

Xa xa, ngoài cánh đồng rộng phía bắc chùa, từng đàn xe tăng lúc nhúc dàn hàng ngang có lính đi sau, hành tiến, tạo thế gọng kìm bao vây.

Tôi đứng bên cạnh tiểu đoàn trưởng Dương Văn Hiêu quan sát, anh vò đầu đi đi, lại lại, rồi trực tiếp cầm máy điện thoại gọi về cho trung đoàn xin hoả lực pháo chi viện cho tiểu đoàn. Nhưng cơ số đạn pháo dự trữ của trung đoàn đã cạn kiệt nên không đáp ứng được.

Biết chắc không có sự chi viện của hoả lực pháo binh, chúng tôi ai nấy đều lo, khi trên cánh đồng và dọc con đường sau phum Rồ nhung nhúc xe tăng và lính ngụy. Tất cả giờ đây chỉ chờ vào sự dũng cảm, mưu trí của bộ đội đang chiếm giữ một phần của khu vực chùa Prây Chăm Na.

Tiếng súng bộ binh và pháo trên xe tăng địch

lại rộ lên liên hồi. Lực lượng địch đang tổ chức phản công quân ta.

Thông tin hữu tuyến từ Ban chỉ huy tiểu đoàn đến các đại đội bị ngưng trệ do đợt bom vừa rồi cắt đứt đường dây. Thông tin vô tuyến lúc được lúc mất. Lúc này mọi liên lạc từ tiểu đoàn đến các đơn vị đều đè nặng trên vai tiểu đội truyền đạt.

Chúng tôi có 12 người, nhưng lúc này chỉ một mình tôi ở nhà để nhận lệnh điều hành chỉ huy. Còn lại mười một người, phải chạy đi chạy lại như thoi truyền lệnh. Đến chiều có một - hai người bị thương.

Khoảng 4 giờ chiều, bọn lính và xe tăng chọc thủng tuyến phòng ngự trong chùa của đại đội 3. Giờ đây, tiếng súng không còn chát chúa như trước nữa. Thỉnh thoảng mới rộ lên một loạt súng tiểu liên, hoặc oàng oàng của lựu đạn nổ hay súng cối cá nhân M79 của địch.

Ở Ban chỉ huy tiểu đoàn, mọi người lặng đi, thần kinh căng như dây đàn, lo lắng về sự an nguy của bộ đội ta.

"Ùm oàng, pằng pằng, pằng pằng". Tiếng ai đó reo lên: - "A, anh em mình còn sống, có tiếng súng B40 và AK đấy!".

Khoảng 5 giờ chiều, tiếng súng của hai bên hầu như đã ngừng hẳn. Tôi nhìn ra phía cổng chùa, phát hiện có một người đầu quấn băng trắng đang bò sát mép con đường hướng về chúng tôi. Tôi báo

cáo kịp thời cho anh Hiêu biết.

Sau trận đó, đại đội 3 chỉ còn năm người được trở về, nhưng đa số các anh đều bị thương. Lòng tôi quặn đau với một nỗi buồn khó tả.

Tôi hỏi thăm anh Lê Quảng Ba, chính trị viên phó đại đội: Anh Tài và anh em đâu hết rồi? Anh không trả lời ngay câu hỏi mà kể lại diễn biến cuộc chiến trong ngày: Sau khi anh em trong đơn vị đã chiếm giữ một số công sự của địch trong chùa, bọn địch co cụm lại một phía, gọi máy bay, bộ binh, xe tăng tấn công ta. Xe tăng vào quá nhiều, anh em đã bắn cháy 6 chiếc xe tăng, đến quá trưa thì đạn chống tăng hết, biết xe tăng vào mà không làm gì được. Trong đại đội đã có một số người hy sinh và bị thương. Lúc đó, các trung đội của ta co cụm lại ở ba hầm công sự gần nhau, quyết tâm chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, cố gắng cầm cự với quân địch, giữ vững trận địa cho hết buổi chiều, đến tối thì rút ra. Nhưng chúng rất đông, hoả lực mạnh. Quân ta đã hy sinh và bị thương khá nhiều, đạn các loại cạn kiệt. Khi địch bao vây, anh em mới tổ chức mở đường máu rút ra. Khởi đầu cho cuộc tấn công đó, là anh Tài, trung đội trưởng trung đội 1.

Cảm nhận được mình và đồng đội khó lòng thoát khỏi lực lượng đông đảo và hoả lực cực mạnh của địch, anh đã nhanh chóng quyết định, một mình từ dưới hầm cầm súng đứng lên và hô

vang: "Tất cả các đảng viên, đoàn viên hãy dũng cảm xông lên, trả thù cho những đồng đội chúng ta đã hy sinh!", tập trung sự chú ý của địch về phía mình để đồng đội rút ra ngoài theo lối sau.

Mọi người cùng nổ súng xông lên. Một loạt đạn tiểu liên AR15 của tốp lính đối phương cách đó khoảng 15 mét đã bắn thẳng vào ngực, anh Tài gục đổ ngay trước cửa hầm công sự của mình.

Anh em nổ súng tiêu diệt năm tên lính đó rồi nhanh chóng vượt qua khe hở bờ tre nhảy ra ngoài. Phía trong chùa, tiếng súng AK và lựu đạn của bộ đội ta rộ lên, độ khoảng 10 phút sau thì tắt hẳn. Lúc đó gần 5 giờ chiều.

Thật đau lòng thương tiếc các anh. Đặc biệt với anh Tài, tôi và anh đã có rất nhiều kỷ niệm. Một đôi lần tôi làm phật lòng, nhưng không bao giờ anh chấp cả mà rất độ lượng với em út của mình.

Nhớ ngày ra trận đầu tiên ở bàu Statung, tỉnh Tây Ninh, anh và một số người ở phía sau nấu cơm, khóc rất nhiều khi thấy bom và đạn pháo địch dội lên đầu chúng tôi ở phía trước. Trời gần tối, khi quân địch vừa rút về, anh vội mang cơm, cho chúng tôi, mừng mừng tủi tủi, nước mắt lưng tròng, anh ôm chặt từng người, khóc hu hu như không muốn cho ai được rời xa mình nữa. Rồi cái lần giơ cao chiếc xẻng vừa chạy vừa huơ huơ trên đầu, miệng hô xung phong để chi viện cho tôi. Thế mà giờ đây, anh đã hy sinh trên mảnh đất xa lạ này.

Sau 35 năm trôi qua, khi tóc đã ngả hai màu, tôi mới có điều kiện tìm lại danh sách những người hy sinh ngày ấy. Vẫn chưa thấy tên anh và một số bạn bè trong đó. Tuy biết rằng, giấy báo tử đã về đến gia đình các anh từ ngày đầu thống nhất nước nhà nhưng sao tôi vẫn ngậm ngùi. Lại một lần nữa, xin các anh tha thứ cho tôi và đồng đội. Mọi người hôm nay luôn biết ơn và ghi nhớ công lao của các anh. Trong tim tôi và tất cả mọi người, các anh là một tượng đài bất diệt.

Sau ngày hôm đó, quân địch vẫn chốt giữ ở chùa Prây Chăm Na. Mấy ngày sau, tiểu đoàn 7 và 9 mới tấn công tiêu diệt được lực lượng địch để chiếm lại chùa, lúc đó xác các anh mới được đem về quy tập, nhưng không còn nhận diện được ai.

8-7-1972

Buổi sáng, tôi nhận được quyết định của cấp trên cử về trường Quân chính miền Đông Nam Bộ. Trong danh sách cử đi học đợt đầu tiên của trung đoàn 271 có chín người, tiểu đoàn 8 có tôi và anh Nguyễn Hải Đăng.

Tôi lại phải chia tay anh em tiểu đội truyền đạt yêu quý của mình, chia tay trung đội thông tin và tiểu đoàn trưởng Dương Văn Hiêu cùng Ban chỉ huy tiểu đoàn 8.

Quyết định đi học thật bất ngờ đối với tôi và mọi người. Trước đó, anh Hiêu gọi tôi lên giao nhiệm vụ mới:

- Anh và Ban chỉ huy tiểu đoàn quyết định cho em đi học sĩ quan đợt này. Em biết đấy, trung đoàn ta lúc này đang rất thiếu người, anh cũng rất cần đến em, nhưng vì sự phát triển lâu dài của đơn vị, các em cần phải đi học để nâng cao trình độ chỉ huy. Nhớ giữ gìn sức khoẻ, cố gắng học tập thật giỏi, sớm trở về phục vụ đơn vị.

Tôi cảm động nghẹn ngào không biết nói gì hơn mà chỉ hứa với anh sẽ quyết tâm học thật giỏi, nhất định sẽ trở về đơn vị để được chiến đấu bên các anh.

9-7-1972

9 giờ, chín anh em tập trung tại Ban cán bộ của trung đoàn. Anh Đỗ Quang Quỳ, trưởng ban, gặp chúng tôi nhắc nhở một số điều, chỉ dẫn tuyến đường đi đến Trường Quân chính H12. Trung đoàn cử anh Nguyễn Xuân Biên, lớn tuổi nhất làm trưởng đoàn.

Một lúc sau, chúng tôi đến thăm và chào tạm biệt lãnh đạo trung đoàn. Rất may, tại thời điểm đó mọi người trong Ban chỉ huy đều có mặt để chuẩn bị có cuộc họp quân chính chiều nay.

Chúng tôi vừa bước tới phòng họp, chính uỷ Lê

Đình Trân, đã tươi cười giới thiệu với mọi người:

- Đây là những đồng chí cán bộ ưu tú ở các đơn vị cơ sở được cử đi học ở Miền đợt này. Cậu Minh đâu rồi? Chúng tôi nghe tên đã lâu nhưng chưa biết mặt đấy.

- Em chào các thủ trưởng, em là Minh đây ạ. - Tôi trả lời.

- Sao trông gầy thế, anh em đều ca ngợi cậu dũng cảm, nhanh nhẹn, mưu trí trong chiến đấu. Ban lãnh đạo trung đoàn đã đề nghị lên cấp trên tặng thưởng Huân chương Chiến công và Dũng sĩ Quyết thắng cho cậu rồi đó.

Tôi bối rối trước sự quan tâm của chính uỷ, thủ trưởng trung đoàn. Tham mưu trưởng trung đoàn Cao Hồng Cửu đứng bên cạnh, nhìn tôi và bảo:

- Thế đồ đạc đâu hết rồi? Sao anh chả thấy em mang gì cả?

Lúc này tôi mới nhớ ra mình chỉ mặc trên người một bộ quần áo đã sờn. Trong túi vải đựng mìn Claymo đang khoác trên người có thêm mấy thứ linh tinh không đáng kể. Thực ra, trước đó, có một chiếc võng vải nilon nhưng đã bị mảnh bom làm thủng đôi chỗ. Trước lúc chia tay, tôi đã kỷ niệm lại cho anh em trong tiểu đội truyền đạt rồi.

- Báo cáo thủ trưởng, em chỉ có vậy thôi ạ. - Tôi lí nhí trả lời.

Anh định gọi bộ phận hậu cần đến cấp quân trang cho tôi, nhưng chợt nhớ giờ lên đường đi học sắp đến nên vội nói:

- Em đứng đây đợi nhé, anh đang có một bộ quần áo ở trong ba lô, sẽ về lấy ra cho em.

Một lúc sau, anh mang ra cho tôi một bộ quần áo vải mỏng và một chiếc võng nilon màu xanh. Các anh lãnh đạo đang có mặt nhìn thấy thế ai nấy đều ái ngại, rồi mọi người lần lượt dúi vào túi tôi một số thứ cần thiết trong sinh hoạt hàng ngày.

VỀ TRƯỜNG QUÂN CHÍNH

1-8-1972

Trường Quân chính miền Đông Nam Bộ H12 đóng quân ở gần thị trấn Tiêm Pơ Lơng, Campuchia. Lớp học chúng tôi thuộc khoá 13, cũng là khoá cuối cùng của trường H12. Sau này, tách ra làm hai, đó là H28 và H30, tiền thân của Phân hiệu 2 Học viện Chính trị và Trường Sĩ quan lục quân sau này.

Lớp chúng tôi có gần 40 học viên ở các đơn vị chủ lực và bộ đội địa phương của mặt trận B2.

Thời gian khoá học của chúng tôi là 14 tháng với các môn học cơ bản: chính trị, kỹ thuật, chiến thuật và sáu bài học lý luận.

Cuối tháng 6-1973, kết thúc khoá học, tôi đạt thủ khoa. Nhà trường giữ lại làm giáo viên, nhưng tôi xin được trở về đơn vị để cùng anh em trực tiếp chiến đấu, thực hiện đúng lời hứa với các anh lãnh đạo trung đoàn 271 ngày nào.

TRỞ VỀ ĐƠN VỊ

1-7-1973

Chín người chúng tôi tạm biệt Trường Quân chính H12 để về đơn vị nhận nhiệm vụ mới. Theo kế hoạch, đoàn hành quân liên tục trong 15 ngày, theo tuyến đường giao liên của Miền, sẽ gặp trung đoàn đang đóng quân ở Công Pông Rồ, Campuchia.

Qua hơn 15 ngày hành quân không nghỉ, chúng tôi đã về đến khu vực Công Pông Rồ, vẫn không biết hiện giờ trung đoàn 271 đóng quân ở đâu.

Thông qua trạm giao liên, anh em đã liên lạc với Quân khu 8 và được trả lời khá mơ hồ: "Có thể trung đoàn 271 hiện nay đang hoạt động ở khu vực Kiến Phong, Kiến Tường".

Cả đoàn chúng tôi lại tiếp tục hành trình đi sâu vào vùng đất phía Nam Tổ quốc, nhưng mọi thông tin về trung đoàn vẫn không một ai biết.

Lương thực, thực phẩm hết nhẵn. Quân khu 8 đã cấp cho một ít gạo và tiền Campuchia để chúng tôi tiếp tục tìm đường trở về đơn vị.

Phải mất thêm 15 ngày nữa lang thang trên đường, vừa đi vừa xin ăn ở đất nước bạn, cũng còn

may là người dân Campuchia rất nhân hậu, tốt bụng, đã cưu mang chúng tôi.

Những ngày đầu hết gạo và tiền, anh em trong đoàn đều đói mà không biết xoay xở bằng cách nào. Tôi đã đề xuất: "Phải xin gạo người dân Campuchia". Tất cả nhất trí, nhưng khi thực hiện không ai dám nhận trách nhiệm cả. Trước tình thế đó, tôi phải liều mình thực thi.

Mạnh miệng là vậy, nhưng khi làm tôi cảm thấy rất ngượng ngùng, xấu hổ. Cả cuộc đời từ nhỏ đến giờ (kể cả mọi người ở đây) đều chưa biết ăn xin là gì. Phải chăng chỉ là những trò nghịch tếu đi ăn trộm củ sắn, con gà cho anh em đồng đội. Nhưng việc đó, hầu như không ai biết. Còn ở đây,...

Ghé vào một ngôi nhà cạnh đường để xin, chủ nhà là một phụ nữ trung niên khoảng 40 tuổi, qua mấy câu thăm hỏi xã giao, tôi đi thẳng vào chủ đề luôn.

- Oi khơ nhum ăng co, oi khơ nhum riên (cho tôi gạo, cho tôi tiền).

Chị tươi cười, bước nhanh vào trong buồng xúc cho tôi một đĩa gạo, chừng 1, 2 lạng và một vài đồng riên.

Nhìn thấy số gạo quá ít ỏi, không đủ một bữa cho tôi ăn nói gì đến tám người còn lại nên tôi vội vàng giơ tay làm hiệu cho chị biết ở ngoài đường còn đông bộ đội lắm.

Chị nói mấy câu tiếng Campuchia, tôi nghe bập bõm nhưng vẫn không hiểu. Chị nắm tay tôi dắt

sang nhà bên cạnh. Chủ nhà là một người đàn ông gần 60 tuổi, được chị giới thiệu là "Lục thum" (tiếng Việt gọi là "ông lớn"). Tôi đoán đây là trưởng phum (trưởng thôn). Ông cười nhân hậu và ân cần hỏi thăm, biết mình đã gặp người tốt, nên tôi vững tin và nói với ông rằng: "Oi cong tọp Việt Nam ăng co, riên (Cho bộ đội Việt Nam gạo, tiền)". Đồng thời tay phải tôi nắm lại và đấm đấm xuống đất và nói: "Banh Lon Nol - Siric Matak" (ý nói xin gạo và tiền để đi đánh Lon Nol - Siric Matak).

Chị phụ nữ tranh thủ lúc đó đi đến từng nhà trong phum vận động. Hơn chục phút sau, không ít người dân quanh đó đã mang đến cho anh em chúng tôi những chiếc đĩa sứ trắng đầy gạo kèm theo 1, 2 đồng riên để ở trên.

Thật là diệu kỳ, ban đầu cứ nghĩ rằng những đĩa gạo như vậy là quá ít ỏi nhưng khi gộp lại chúng tôi có được 30 - 40 kg, cùng với một số tiền kha khá.

Và cứ thế, mỗi lần hết gạo và tiền anh em lại ghé qua các phum hoặc chùa để xin trợ giúp. Rất may, trên đường đi, chúng tôi đã gặp một số cán bộ, chiến sĩ ở đoàn pháo Biên Hoà, thường phối hợp chiến đấu với trung đoàn 271 cho biết đơn vị đang đóng quân tại thị trấn Chi Phu.

2-8-1973

Vừa về đến Ban chỉ huy trung đoàn, tôi đã lân la tìm hiểu thông tin của các bạn, nhất là Trần

Ngọc Nam đang ở C2, D9. Qua Thanh, người vừa từ C2, D9 đến, tôi nhận được tin sét đánh: Nam đã hy sinh vào ngày 18 tháng 2 năm 1973, trong trận đánh ở xã Tân Phú (Đức Hoà, Long An). Trong trận đánh đó, lực lượng của ta quá mỏng, chỉ gần hai chục tay súng tiểu liên AK và một vài khẩu B40 chiến đấu với bộ binh có xe tăng yểm trợ của sư đoàn 21 Quân đội Việt Nam Cộng hòa. Các anh đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, quyết không chịu đầu hàng, không để địch bắt. Từng người, từng người đã ngã xuống.

Vậy là bộ tứ chúng tôi Minh, Hồng, Nam, Quế bây giờ chỉ còn lại tôi và Quế.

3-8-1973

Tại phòng cán bộ của trung đoàn 271, chín người chúng tôi chia tay nhau sau khi lần lượt nhận quyết định về đơn vị cơ sở. Tôi và anh Nguyễn Hải Đăng trở về tiểu đoàn 8.

Trong lúc chờ nhận quyết định về đơn vị, tôi tranh thủ về thăm tiểu đội truyền đạt ngày nào. Tiểu đội giờ đây không đông như trước, người quen cũ còn lại rất ít, phần lớn là anh em tân binh vừa ở ngoài Bắc vào. Tìm hiểu nguyên nhân tôi được biết trong thời gian đi học, tiểu đoàn đã trải qua nhiều trận chiến ác liệt, một số người hy sinh, một số bị thương phải về tuyến sau điều trị. Nỗi buồn nặng trĩu trong tôi. Đâu rồi đồng đội liên lạc hôm nào đã cùng tôi vượt qua mưa bom bão đạn,

truyền lệnh chính xác, kịp thời của cấp trên xuống đơn vị, đâu rồi một tập thể luôn gắn kết, thương yêu, đùm bọc nhau, luôn vì đồng đội mà quên mình, thay bạn xông lên phía trước truyền tin. Hai mắt nhoà đi bởi nước mắt đong đầy. Kỷ niệm ngày nào đang ùa về, tôi bỗng giật mình nghe tiếng ai đó gọi:

- Thủ trưởng Hiêu gọi anh Minh lên gặp.

Tôi choàng tỉnh, vội trở về Ban chỉ huy tiểu đoàn.

- Em chào thủ trưởng. Thủ trưởng có khoẻ không ạ?

- Minh đấy à, chào em. Mới ngày nào tiễn em đi học, đến hôm nay đã hơn một năm rồi đấy. Anh em đi học về có khoẻ không? Đã sẵn sàng nhận nhiệm vụ chưa?

- Báo cáo thủ trưởng, chúng em rất khoẻ. Đang sẵn sàng chờ lệnh phân công của thủ trưởng đấy ạ.

Anh Hiêu gầy đi nhiều so với ngày tôi chưa đi học. Hai mắt trũng sâu, thâm quầng, hốc hác, da đen sạm, hậu quả của nhiều ngày chiến đấu cam go, ác liệt.

Sau một hồi thăm hỏi, chuyện trò, anh Nguyễn Hải Đăng thay mặt cho đoàn nói:

- Báo cáo thủ trưởng, chín người của trung đoàn ta đều đạt tốt nghiệp khá, giỏi. Đặc biệt, cả khoá học này, chỉ có duy nhất đồng chí Minh thi đạt thủ khoa với ba môn đạt loại giỏi: chính trị, kỹ thuật, chiến thuật.

Anh Hiêu cười rất vui và động viên chúng tôi.

Tôi đã mạnh dạn đề xuất xin được về nhận nhiệm vụ ở đại đội 3. Anh trầm ngâm, đắn đo một lúc, cuối cùng chấp thuận.

4-8-1973

Khoảng 9 giờ, tôi có mặt ở Ban chỉ huy đại đội 3. Ra đón tôi có anh Trữ - quản lý kiêm nuôi quân, Huyên - y tá, Am - trung đội trưởng và anh Đường - chính trị viên, người ở đơn vị khác mới bổ sung về.

Gặp lại nhau sau bao ngày xa cách, ai nấy đều mừng mừng, tủi tủi, nước mắt tuôn trào. Thấy quá vắng vẻ, tôi vội hỏi:

- Anh em mình đâu hết rồi các anh?

Vừa mới nghe đến đây, mọi người lặng đi. Một lúc sau đó, anh Trữ mới nói đứt đoạn:

- Sau khi em đi học, ở nhà anh em trong đại đội đã hy sinh và bị thương rất nhiều trong các trận chiến đấu ở Công Pông Rồ, Tà Thia rồi về Long An,... Cả đơn vị ta đến bây giờ chỉ còn lại thế này thôi.

Anh dừng lại một lúc, rồi nói tiếp:

- Em có nhớ cậu Tịch, thông tin 2W không?

- Em nhớ chứ, làm sao có thể quên Tịch, nhỏ con da trắng. - Tôi vội đáp.

Anh kể cho tôi những giờ phút cuối cùng trước lúc hy sinh của Tịch.

- "Đó là trận chiến đấu ngày 13-12-1972, giữa tiểu đoàn 8 với sư đoàn 21 quân đội Việt Nam Cộng hoà, tại khu vực Hoà Khánh, phía tây nam

thị xã Hậu Nghĩa, Đức Hoà, Long An. Ngày hôm đó, lực lượng chiến đấu của ta tập hợp lại chỉ được mấy chục người phải đối chọi với cả một trung đoàn lính ngụy có pháo, máy bay, xe tăng yểm trợ. Suốt từ sáng đến gần chiều tối, bộ đội ta quần nhau với địch. Quân số thương vong khá lớn, đạn dược cạn kiệt. Khoảng 4 giờ 30 chiều, chúng tập trung lực lượng phản kích ta lần cuối trong ngày. Những anh em sống sót còn lại đã dũng cảm hy sinh sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng, kiên quyết không đầu hàng địch. Còn riêng Tịch, vừa phá huỷ xong chiếc máy 2W thì bọn lính xông vào. Phát hiện ra anh là chiến sĩ thông tin nên chúng quyết tâm bắt sống bằng được.

- Bọn bay ơi! Đây có một thằng truyền tin Việt cộng. Không được bắn chết nó, phải bắt sống.

Bọn địch la hét bao vây và cuối cùng đã bắt được anh.

- Mày tên gì? Đơn vị nào?

- Tao tên Tịch, đơn vị bộ đội giải phóng.

- Thằng này cứng đầu quá xá. Tao bắn vỡ sọ mày.

Chúng hét lên, rồi lấy báng súng đánh vào người làm anh ngã ngửa, đầu đập xuống đất, hai mắt sưng vù, thâm tím, máu đỏ ướt đẫm áo ngực. Một, hai răng đã bị gãy, anh phun ra ngay trên mặt đất.

- Mày thuộc đơn vị nào?

- Giải... Giải phóng... - Tịch phều phào đáp lại.

Chúng lại đấm đá, thúc mũi giày vào người. Anh

ôm bụng, lăn lộn dưới mặt đất, biết đòn thù tàn độc nhưng vẫn kiên quyết không để lộ một chút thông tin nào, không phản bội đồng đội của mình.

Biết gặp phải đối thủ cứng đầu, cứng cổ, kiên quyết không đầu hàng, bọn lính đối phương hiểu rằng không thể khai thác được gì hơn, nên tên chỉ huy đã rút khẩu Col 45 bắn thẳng vào đầu anh.

Để thị uy nhân dân Đức Hoà cũng như bộ đội ta, chúng rất hèn hạ và dã man, lấy dây buộc cổ anh vào sau chiếc xe Zeep quân sự, lôi kéo thi thể vỡ toác đầu be bét máu trên mặt đất, dọc theo con lộ 10 và các tuyến phố thị trấn Hậu Nghĩa vào sáng ngày 14-12-1972.

Anh Nguyễn Văn Tịch là chàng trai miền Trung, mồ côi bố mẹ từ lúc còn nhỏ, sinh ra tại xóm 14, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã anh dũng hy sinh vào lúc tuổi đời vừa tròn 20 tại Đức Hoà.

Giờ đây, trên mảnh đất nơi anh đã ngã xuống, có thể nhiều người vẫn còn nhớ và cũng có nhiều người đã quên. Nhưng tôi và đồng đội trong trung đoàn 271, không thể nào quên anh được. Cho dù lớp bụi thời gian ngày càng phủ dày theo năm tháng, anh vẫn là chàng trai trẻ anh hùng, mãi mãi sống trong lòng chúng tôi.

Mới ngày nào đó, khi cả đại đội 3 từ rừng chuối Orăngâu, Campuchia kéo quân về đánh đồn Thiện

Ngôn, Xa Mát còn đông đúc thế. Mọi người ai nấy đều trẻ trung, tuổi đời chỉ mới mười chín, đôi mươi, chân đi dép lốp, đầu đội mũ tai bèo, quần áo, balô một màu xanh phủ kín cả khu rừng, thế mà giờ đây... Đau xót nghẹn ngào, không còn nước mắt để khóc nữa. Đại đội lúc này chỉ còn hai trung đội. Các chiến sĩ đều là tân binh, chưa được tham gia trận chiến. Tôi về chỉ huy trung đội 1 chủ công.

Ngay sau đó, trung đội 1 nhận nhiệm vụ về chốt giữ ở Bờ Vét II, sát biên giới cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh. Tôi rất mừng, lần đầu tiên chỉ huy trung đội, được anh em tin tưởng, dù trong đó có nhiều người lớn tuổi hơn.

Tôi bố trí trung đội đóng quân dọc dãy phố của Bờ Vét, điểm chốt tiền tiêu cách con kênh đào phân chia biên giới hai nước khoảng 300 mét. Lính ngụy chốt giữ ở bên kia bờ kênh. Phía bên này, ngay sát tuyến giáp ranh là chợ trời để dân hai nước buôn bán. Trong những thời điểm này, người dân Campuchia ở lại đây khá thưa thớt. Nhìn qua biên giới, từng tốp lính đối phương súng ống, đạn dược đầy mình, liên tục đi tuần. Hai bên đều nhìn thấy nhau, nhưng chúng không dám vượt qua con kênh ngăn cách, vì sợ chúng tôi nổ súng tấn công.

Chốt gần chợ trời biên giới, nên các bữa ăn của đơn vị được cải thiện rất nhiều. Lâu lắm rồi tôi mới được thưởng thức món cá nục biển. Người dân Campuchia tốt bụng, chất phác luôn sẵn sàng

giúp đỡ chúng tôi trong việc mua bán. Tôi ngỡ ngàng khi đang ở rất xa biển mà vẫn được hưởng món ăn của những ngày ở miền Bắc hậu phương.

23-8-1973

Cả đơn vị tôi được lệnh hành quân về Lộc Tấn, Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Đường đi lần này của chúng tôi cắt qua Xóm Giữa - Lò Gò, dọc theo con đường đất đỏ - Tống Lệ Chân - đến đường 22 Thiện Ngôn - Xa Mát. Nơi đây đã ghi dấu các trận đánh đầu tiên vô cùng gay go, ác liệt của cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 271 anh hùng trong những ngày mới từ miền Bắc vào. Cũng tại đây, bao đồng đội tôi đã hy sinh hoặc bị thương, trong đó trung đoàn trưởng Lê Ổn đã để lại trên mảnh đất này một cánh tay.

Những trận chiến năm xưa cứ ngỡ như mới xảy ra hôm qua. Cây cối lúc này đã nhú mầm xanh, che bớt đi những vết loang lở màu đất đỏ do bom đạn để lại.

Chúng tôi không được dừng chân nghỉ lại mà mải miết hành quân.

28-8-1973

Trung đoàn 271 đã có mặt ở Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, nơi được xem là thủ phủ của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam.

Người dân nơi đây chủ yếu làm nghề khai thác

mủ cao su. Cuộc sống nhiều khó khăn, vất vả, nhưng một lòng trung kiên với cách mạng, hết lòng vì công cuộc giải phóng dân tộc.

Một thời gian ngắn ở đây, tôi được cấp trên điều về tổ công tác thuộc Ban chính trị trung đoàn.

Tổ công tác chúng tôi gồm 30 người, thành viên đều là các trung đội trưởng, đại đội phó từ đơn vị cơ sở rút về. Anh Dương Công Hợi là phụ trách kiêm bí thư chi bộ.

Những ngày đầu thành lập, tổ chưa được giao nhiệm vụ cụ thể nên thời gian rảnh rỗi nhiều. Chúng tôi thường tổ chức về Lộc Ninh xem đoàn văn công quân giải phóng biểu diễn. Những giờ phút được thưởng thức ca nhạc với chúng tôi là giây phút hạnh phúc tuyệt vời, không thể nào quên.

3-9-1973

Buổi sáng, tôi được tin chính quyền Sài Gòn trao trả tù binh ở sân bay Lộc Ninh nên rất tò mò, háo hức muốn đi xem. Biết đâu trong số những người trao trả hôm nay lại có tên bạn của mình. Trong trận đánh ở chùa Prây Chăm Na, Công Pông Rồ, Campuchia, đại đội tôi đã có năm người mất tích.

Sau khi thông báo ý tưởng này, có một - hai người nhanh chóng tán thành, đồng ý theo tôi đi về thị trấn Lộc Ninh. Chúng tôi gặp một khó khăn là sân bay được cảnh vệ canh gác rất nghiêm ngặt, chỉ người thi hành công vụ có giấy phép riêng mới được ra vào, tuyệt đối không một ai được lai vãng gần cổng.

gần cổng.

Đã mất công đi bộ một quãng đường khá xa, chúng tôi không thể dễ dàng đứng ngoài được. Ai đó đã chỉ cho tôi khoảng hẹp nhất, chỉ có 6 hoặc 7 lớp hàng rào là đến đường băng.

Ngày được huấn luyện ở miền Bắc, tôi đã học rất kỹ và thuộc các bài dò mìn, cắt hàng rào. Không đắn đo, tôi xắn cao hai ống quần và tay áo, quan sát kỹ lưỡng từng chi tiết nhỏ, tay thọc nhẹ sát mặt đất, rồi từ từ giơ lên cao. Nếu trong khi đang thao tác hai tay có bị vướng vào một sợi dây nào, thì ngay lập tức nhẹ nhàng lần đến điểm cố định với chốt an toàn của quả mìn hay lựu đạn ghim chặt chúng lại. Mặt khác, tôi lấy mũi dao găm chọc nhẹ xuống mặt đất, kiểm tra xem mìn có chôn dưới đó không. Chúng tôi tiến lên phía trước từng đoạn một, chân người đi sau bước đúng vào vết chân của tôi đã đi trước, nếu chệch ra ngoài sẽ dẫm phải mìn ngay. Độ gần mười phút sau, tất cả chúng tôi đã có mặt ở trong đường băng sân bay.

Nơi đón tiếp tù binh có hai vị trí cách nhau độ khoảng 50 mét. Vị trí số hai dành cho lính Sài Gòn. Vị trí số một dành cho những người chiến sĩ cách mạng trung kiên bị bắt.

Máy bay vận tải C130 dừng ở đường băng, cửa được mở, từng đoàn chiến sĩ áo quần bà ba, khăn rằn dìu nhau xuống (trong đó nhiều người không tự đi được), vừa đi vừa hô vang: "Đả đảo chính

quyền Sài Gòn! Hồ Chí Minh muôn năm!".

Đoàn người trở về và người ra đón vừa gặp mặt đã vội ôm nhau mừng mừng, tủi tủi rồi bật khóc nức nở. Nước mắt của ngày đoàn tụ. Hai mắt tôi cũng nhoà đi khi thấy các cô, bác, anh, chị đều gầy gò, xanh xao,

Tôi chăm chú lắng tên những người được trao trả. Suốt cả một ngày có ba chuyến máy bay hạ cánh, nhưng không nghe thấy tên một người bạn nào của tôi. Nỗi buồn trộn lẫn niềm vui, tôi trở về mà thấy hụt hẫng, mông lung.

8-9-1973

Trung đoàn hành quân về đồi chè Bù Boong, một đồn điền chè của Pháp trước kia, nay đã bỏ hoang, dọc theo đường Trương Tấn Bửu, nay gọi là đường 14C, nối liền với ngã ba Tuy Đức, tỉnh Quảng Đức (nay là tỉnh Đắc Nông).

Tôi bị cơn sốt rét hành hạ nên ở lại Lộc Tấn hai ngày, sau đó về đơn vị cùng với anh Dực, phó ban tác chiến và anh Huyến, chủ nhiệm trinh sát trung đoàn. Ba anh em hành quân theo đường nhựa cũ, qua Bù Đốp, Bù Gia Mập để về Ban chỉ huy trung đoàn 271.

Phải nói thêm rằng, vùng Bù Gia Mập là nơi khí hậu khắc nghiệt nhất khu vực phía nam. Khí hậu rất nóng nực, hanh khô, nhiệt độ ngoài trời khoảng 35 - 37^{0}C, nhưng bên kia (phía bắc) Bù

Gia Mập, nhiệt độ chỉ khoảng 17 - 18^{0}C.

Trời dù nắng, nhưng không khí vẫn lạnh, chúng tôi phải mặc thêm áo; đêm đến, nếu như không có đống than củi đỏ hừng hực bên cạnh thì khó lòng ngủ được.

Đội công tác chúng tôi nằm ở bìa rừng, cạnh con trảng nhỏ (đồi cỏ rộng, có rừng cây bao quanh), sát đường Trương Tấn Bửu. Phía bên kia suối là ban chính trị và trung đoàn bộ đóng quân.

Trong những ngày này, cả trung đoàn 271 tập trung chuẩn bị cho chiến dịch đánh chiếm căn cứ Bù Boong do quân đội Việt Nam Cộng hoà chiếm giữ, án ngữ đường 14C chạy dài sang Campuchia. Đây là tuyến đường huyết mạch, tiếp tế quân lương của miền Bắc và miền Đông Nam Bộ cho mặt trận phía nam Tây Nguyên.

Nhiệm vụ của tổ công tác của chúng tôi là cùng lực lượng địa phương thâm nhập vùng sâu, vùng xa, nắm chắc hoạt động của địch đồng thời động viên, vận động bà con bản làng dân tộc tham gia ủng hộ cách mạng.

Đội chúng tôi chia làm nhiều tổ đi về các địa điểm được phân công. Cùng đi với tôi có một cán bộ địa phương, người dân tộc dẫn đường. Tôi có dịp hỏi anh về tục lệ "cà răng căng tai" của người Êđê.

- Người dân tộc Êđê chúng tôi cưa hàm răng trên bằng những thanh nứa cật sắc. Họ cứ cứa dần cho đến khi cả hàm răng trên bị cắt đứt, chỉ còn lại chân răng bằng phẳng. Còn hàm răng dưới

người ta mài từng răng cho nhọn - Anh trả lời.

- Thế họ cưa và mài răng như vậy có đau không? - Tôi hỏi lại.

- Tất nhiên là rất đau, máu chảy nhiều, nhưng ở đây đó là điều kiện đối với con trai, con gái đến tuổi trưởng thành. Đối với việc xâu lỗ tai, sau khi xâu tai xong, để nó to dần, hàng ngày, cố nhét một vật gì qua lỗ tai. Đến khi già, hai lỗ đó bỏ lọt qua một đoạn ngà voi tròn to đeo lủng lẳng. Nếu nó bị đứt ra, được coi là người đại phúc, cả cộng đồng sẽ tôn vinh, kính trọng.

Người dân Êđê với bản chất mộc mạc, chất phác, sống du canh du cư, tự cung, tự cấp, rất ít bị ảnh hưởng của xã hội bên ngoài. Rừng đã sinh ra và nuôi họ lớn lên, rồi rừng cũng sẽ đưa họ trở về với cội nguồn. Người dân sống ở đây đều quan niệm như vậy.

Bản làng thưa thớt, các gia đình co cụm lại ở một khu rừng riêng biệt, không đông đúc như nông thôn vùng đồng bằng.

Núi rừng Tây Nguyên rất nhiều loài thú, những lần đi công tác vùng sâu, vùng xa, tôi đã gặp rất nhiều hoẵng. Nếu lúc nào đó có cơ hội, mình sẽ đi săn thú rừng. Tôi ấp ủ kế hoạch đó. Một hôm, tổ công tác được nghỉ một ngày sau chuyến đi vùng sâu trở về, tôi rủ thêm mấy anh em trong đơn vị đi săn. Nhưng ai cũng ái ngại vì bên ngoài cơn mưa rừng vẫn rả rích. Cuối cùng,

tôi quyết định một mình lên đường.

Vượt qua những trảng trống, đi sâu vào rừng già, nhìn bao quát xung quanh, tôi thấy phía trước chừng 15 mét, một khóm cây ngang tầm mắt lay động. Nghĩ rằng ở dưới có con thú, tôi giương nòng khẩu AK về hướng đó với ý định bóp cò, nhưng vội dừng lại, vì sợ bắn nhầm phải bộ đội. Những chuyện như thế đã xảy ra ở đơn vị rồi. Giây phút chần chừ chưa nổ súng đó đã giúp đàn nai phát hiện ra tôi, vội vàng bỏ chạy mất hút.

Tôi tiếc nuối hùi hụi, đuổi theo dấu chân còn để lại trên mặt đất. Nhưng khi chạm đến đầu trảng cỏ tranh khá rộng thì mất dấu vết. Đi sâu vào giữa bãi cây cỏ tranh mọc cao đến ngực, tôi bắt gặp một đống cỏ khô khá cao. Nghĩ rằng đây là lều lán của tụi biệt kích, nên tôi cảnh giác, nhẹ nhàng đến xem xét. Khi biết chắc không có gì nguy hiểm, tôi mới đứng lên đó để dễ quan sát xung quanh. Phía trước mặt không đầy chục mét có một đám cỏ tranh lung lay. Tôi giương khẩu tiểu liên AK lên ngắm bắn, nhưng sực nhớ câu chuyện được nghe thời còn nhỏ: Những con thú rừng khi bị bắn, nếu chưa chết ngay, bao giờ nó cũng lao thẳng về nơi người vừa nổ súng.

Để tránh tình huống này, tôi quyết định chuyển sang đứng bắn, như vậy mới di chuyển vị trí kịp thời được. "Pằng pằng", hai viên đạn vừa găm vào khóm cây thì một con vật lớn xé rạp những bụi cỏ tranh mọc dày, lao thẳng về nơi tôi đứng. Không

một chút hoảng sợ, từ trên cao tôi nhảy bật người về bên phải, đồng thời xoay nhanh nòng súng AK trong tay, hướng về con vật bóp cò. Chính một trong hai viên đạn đó đã trúng vào khớp vai chân trước của con thú, làm nó gục xuống, thở hồng hộc ngay dưới đống cỏ tôi đang đứng.

Tôi xách súng lại gần, sửng sốt khi thấy một con lợn rừng rất lớn, mõm to và dài, hai chiếc răng nanh nhô ra ngoài.

Tôi vui mừng bẻ cò (bẻ đầu ngọn cây nhỏ để đánh dấu đường đi trong rừng), tìm đường về đơn vị, báo cho mọi người biết. Con lợn nặng khoảng 150 kg, làm cho bốn anh em phải vất vả lắm mới khênh về được.

18-10-1973

Đoàn 95 biên chế như một sư đoàn tăng cường, được thành lập trên cơ sở các trung đoàn bộ binh: 271, 201, 205; pháo binh 262; đặc công 429 và một tiểu đoàn thiết giáp M26, do tướng Tư lệnh Hoàng Cầm chỉ huy.

Đây là lần đầu tiên trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, trung đoàn 271 chiến đấu trong đội hình sư đoàn tổng hợp. Cũng phải nói thêm rằng, lực lượng chủ chốt của trung đoàn 271 lúc này có tiểu đoàn 9 do anh Kiệm chỉ huy và thêm tiểu đoàn 2 của anh Nguyễn Văn Huận. Tiểu đoàn 4 do anh Hà Văn Thái đảm nhận vừa bổ sung vào.

Tiểu đoàn 8 bổ sung lực lượng cho tiểu đoàn 7 còn ở lại chốt giữ trên mảnh đất Long An. Trung đoàn chỉ rút một số cán bộ đi theo.

Nhiệm vụ của trung đoàn chúng tôi là giữ vững tuyến đường Trương Tấn Bửu (đường 14 C) qua ngã ba Tuy Đức đến chốt Bù Boong, đồng thời phối hợp với lực lượng đặc công, pháo binh, xe tăng để tấn công, tiêu diệt chốt này.

Trước lúc nhận nhiệm vụ, tất cả bộ đội được quán triệt: "Phải đánh chắc thắng", cho nên việc chuẩn bị cho chiến dịch được phân công cụ thể đến từng đơn vị, cá nhân.

Chúng tôi rất phấn khởi và tin tưởng khi được chiến đấu dưới sự chỉ huy của vị tướng già lão luyện. Trong những ngày vừa qua, tôi may mắn được chứng kiến cách làm việc của ông. Phải biết chắc được lực lượng, hoả lực của địch bố trí như thế nào, sau đó mới lên phương án tác chiến. Trước khi quyết định trận đánh, ông nghe cán bộ tham mưu, trinh sát và các bộ phận liên quan báo cáo cụ thể, rồi lại cùng một số trinh sát đến hàng rào dây thép gai phía trong cùng của căn cứ Bù Boong, tận mắt chứng kiến sự bố trí lực lượng và hệ thống bảo vệ của địch. Cuối cùng, ông đã có một phương án đánh địch cho bộ đội ta rất hoàn hảo.

3-11-1973

Khoảng 7 giờ tối, trung đoàn 271 cùng các đơn

vị khác trong đoàn 95 đồng loạt hành quân tập kết chiếm lĩnh mục tiêu đảm nhiệm.

Đêm nay, bộ máy của các trung đoàn hoạt động hết công suất. Đơn vị bộ binh đổ quân đến những điểm trọng yếu, sẵn sàng chờ lệnh xuất kích. Bộ đội đặc công tiền nhập ém sát lô cốt và sở chỉ huy quân địch, chờ lệnh cùng đồng loạt dùng bộc phá, thủ pháo tiêu diệt mục tiêu với chiến thuật: "Đánh nở hoa trong lòng địch". Bộ đội pháo binh chỉnh tầm, hướng pháo đến các mục tiêu đã xác định từ trước lần cuối. Bộ đội thiết giáp vào vị trí tập kết ở ngoài cứ điểm. Tất cả đều chờ đến giờ G của hợp đồng chiến đấu, cùng đồng loạt nổ súng, theo chiến thuật "từ trong đánh ra, từ ngoài đánh vào".

11 giờ 30 đêm, đường dây thông tin liên lạc từ Ban chỉ huy trung đoàn 271 đến các tiểu đoàn bị đứt liên tục dù trên tuyến dây không có pháo và bom địch dội vào. Đại đội thông tin (C20) đã cử một tốp ba chiến sĩ mang theo tiểu liên AK và một khẩu B40 đi kiểm tra nối lại, nhưng đường dây vẫn gián đoạn, ba chiến sĩ cũng không thấy trở về.

Trước tình hình đó, chiến sĩ Nguyễn Văn Thành, người Thanh Hoá, tân binh vừa từ miền Bắc vào, được phân công lên đường, tìm vị trí và nối đường dây bị đứt đó.

Lần theo đường đi, Thành mải mê cầm dây điện dưới đất giật nhẹ theo từng đoạn một. Khi anh đi được khoảng nửa quãng đường, bỗng nhiên sợi dây trong tay đang cầm chững lại. Anh cố gắng

giật mạnh hơn, nhưng nó không hề di chuyển. Dưới ánh trăng, Thành đã tìm được vị trí. Ai đó đã cột chặt đoạn dây bị đứt vào thân cây mọc lúp xúp ngay sát lối đi.

Đang cúi xuống loay hoay gỡ đầu dây đó, anh giật mình khi có tiếng hô to sau lưng: "Đứng dậy. Giơ tay lên!".

Anh bàng hoàng ngước nhìn lên, xung quanh đầy lính đối phương đang chĩa súng vào. Chúng xông vào đấm đá anh túi bụi, khẩu súng AK văng ra xa. Chúng đánh anh lăn lộn mấy vòng trên mặt đất, sau đó lấy thắt lưng quần trói chặt hai tay về phía sau.

- Mày tên gì? Thuộc đơn vị nào?

- Tôi là lính mới nhập ngũ! - Thành gượng đau để trả lời.

Chúng lại tiếp tục đấm, đá anh.

- Tao hỏi mày tên gì? Thuộc đơn vị nào?

- Tôi tên Chiến, vừa từ ngoài Bắc vào đến đây chiều nay nên không biết đơn vị tên gì?

- Sao chỉ có một mình mày đi nối dây?

- Các anh ở nhà bảo đi là đi, chứ tôi đâu biết gì.

- Mày quê ở đâu?

- Tôi quê ở Thanh Hoá.

- Tao hỏi mày ở ấp nào, huyện nào?

- Tôi ở Nga Hùng, Nga Sơn.

- Ba, má mày thế nào? Tên gì?

- Bố mẹ mất sớm, tôi mồ côi từ lúc còn nhỏ.

Không khai thác được thông tin nào, chúng lại thi nhau đấm đá anh.

- "Báo Rừng" báo về trung tâm, đã bắt được một tên Việt cộng. Nhưng nó không khai báo gì. Xin chỉ thị. Hết. Cách nơi Thành nằm độ 5 mét, một tên lính thông tin mang máy bộ đàm đang điện về xin lệnh của chỉ huy.

Tại chỉ huy sở của tướng Hoàng Cầm, trong lúc ông đang đứng bên cạnh tấm bản đồ tác chiến, chăm chú theo dõi các mũi tiến quân của bộ đội ta tiền nhập vào cứ điểm Bù Boong, bất ngờ một sĩ quan thông tin xông thẳng đến:

- Báo cáo thủ trưởng, bộ phận đài kỹ thuật (bộ phận chuyên nghe đài địch) vừa nhận được tin một toán biệt kích đã bắt được chiến sĩ thông tin của ta, nhưng đồng chí đó vẫn chưa khai báo gì.

Mới vừa nghe đến đây, gương mặt ông thoáng chùng lại. Ngay sau đó, ông lấy bình tĩnh, giơ tay lên xem đồng hồ. Lúc đó là 0 giờ ngày 4-11-1973, còn hơn bốn tiếng nữa mới đến giờ G, giờ các đơn vị đã hợp đồng đồng loạt nổ súng. Nếu chiến sĩ bị bắt đó để lộ một chút thông tin gì về việc chuẩn bị đánh cứ điểm Bù Boong đêm nay thì tổn thất của quân ta sẽ rất lớn. Tất cả bộ đội đặc công của ta đã vào hết phía bên trong hàng rào cứ điểm, không hề có một vật che chắn.

Ông chỉ đạo sĩ quan tham mưu và sĩ quan thông tin đứng bên cạnh tăng cường theo dõi sát sao các nguồn tin của địch về diễn biến của chiến

sĩ bị bắt đó. Mọi việc xảy ra phải báo cáo trực tiếp ngay cho ông.

Tốp lính biệt kích của địch gồm chín người, tên chỉ huy mặt xương xương, râu quai nón phủ đầy mặt. Hắn là người đã đấm đá, tra khảo Thành nhiều nhất. Nhiều lúc đau quá tưởng không chịu được, Thành cố kìm lại, nén chịu những cơn đau để tỉnh táo, vững vàng, quyết không phản bội đồng đội, bạn bè, những người luôn bên anh, đã cùng vào sinh ra tử. Anh hiểu rằng, chỉ cần để lộ một chút thông tin về trận đánh của ta trong đêm nay, chắc chắn sẽ có rất nhiều, rất nhiều đồng đội phải hy sinh. Còn ở đây, nếu có hy sinh, thì chỉ riêng mình anh.

Bọn địch vẫn điên cuồng đấm đá. Lo sợ một lúc nào đó không làm chủ được rồi buột miệng để lộ thông tin, Thành liên tục lẩm bẩm, lặp đi, lặp lại những câu đã khai cho địch. Sau một hồi tra tấn, biết không khai thác được gì, chúng nản chí và điện về xin lệnh chỉ huy.

- "Báo Rừng" gọi trung tâm! "Báo Rừng" gọi trung tâm! Tên Việt cộng cứng đầu đó vẫn không khai báo gì, xin chỉ thị. Hết.

Tốp biệt kích được cấp trên chỉ thị phải đưa Thành về sở chỉ huy ở Khánh Hoà. Đúng 7 giờ sáng sẽ có máy bay trực thăng đến đón tại ngã ba Tuy Đức.

Lúc này, ở sở chỉ huy tướng Hoàng Cầm, các đơn vị đặc công báo về: Bộ đội ta đã ép sát mục tiêu, đang chờ lệnh tấn công. Các trung đoàn bộ

binh, pháo binh, xe tăng đã chiếm lĩnh xong trận địa. Tất cả sẵn sàng đợi lệnh.

Cứ 10 đến 15 phút, một sĩ quan thông tin lại báo cáo tình hình của Thành. Kim đồng hồ cứ chậm rãi nhích dần, nhích dần,...

Đã 3 giờ 30, cả mặt trận vẫn yên lặng, thỉnh thoảng mới có một loạt pháo cầm canh từ các cứ điểm Đắc Song, Đức Lập bắn về khu rừng xung quanh. Còn một tiếng nữa mới đến giờ nổ súng. Ông và Ban chỉ huy đoàn 95 căng mắt chờ đợi, trong lòng thầm mong giờ G đến nhanh.

4 giờ... Quá lo lắng cho trận đánh bị lộ, một sĩ quan đứng cạnh ông thốt lên:

- Báo cáo thủ trưởng, hay ta cho thời điểm nổ súng sớm hơn 30 phút.

Trong lòng ông đã có lúc muốn quyết định theo phương án đó, nhưng những kinh nghiệm chỉ huy từng trải mách bảo: Hãy bình tĩnh, kiên nhẫn, cố chờ đợi thêm.

Đến giờ này cả mặt trận vẫn yên lặng, không một chút động tĩnh. Chiến sĩ bị bắt vẫn chưa hề khai báo cho địch.

4 giờ 15 phút... 4 giờ 25 phút rồi đến 4 giờ 30 phút, ông thở phào nhẹ nhõm, trên gương mặt nở một nụ cười rạng rỡ, rồi đĩnh đạc ra lệnh cho các đơn vị nổ súng tấn công căn cứ Bù Boong.

"Ùng ùng, oàng oàng"... Cả tuyến đường Trương Tấn Bửu và ngã ba Tuy Đức đến cứ điểm

Bù Boong ầm ầm rung chuyển. Giờ G đã đến, quân ta đồng loạt phát hoả. Những tiếng nổ liên tiếp đanh vang, những cột lửa thay nhau bùng sáng cả một góc trời ở phía cứ điểm Bù Boong.

Các căn cứ pháo binh địch ở cứ điểm Đắc Song, Đức Lập lúc này câm tịt, không có cơ hội bắn pháo về trận địa ta. Chúng hoàn toàn bị khống chế trước những loạt pháo áp đảo mãnh liệt của của trung đoàn pháo binh 262. Trận đánh hợp đồng binh chủng đã diễn ra đúng như phương án tác chiến ban đầu mà tướng Hoàng Cầm đã chỉ đạo.

Đầu tiên là bộ đội đặc công bất ngờ đánh thủ pháo vào sở chỉ huy, các lô cốt, trại lính, sau đó rút quân ra ngoài. Bộ đội pháo binh nã đạn tới tấp vào cứ điểm. Dưới làn pháo của ta, xe tăng và bộ binh đồng loạt xung phong tấn công áp đảo quân địch còn sống sót cố thủ trong cứ điểm Bù Boong.

Trời vừa sáng, chúng ta đã tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch đang chốt giữ trong cứ điểm.

Tốp thám báo đang trên đường dẫn Thành về tập kết tại ngã ba Tuy Đức để chờ máy bay trực thăng đón về Khánh Hoà, bất ngờ nghe tiếng súng nổ bao quanh, bối rối hoảng sợ, kéo nhau rút sâu vào rừng. Trên đường chạy, để bảo đảm an toàn, chúng trói hai khuỷ tay Thành sau lưng, bắt anh vác một khẩu súng B40 có lắp đầu đạn, nhưng đã tháo liều phóng rồi đẩy đi trước tốp biệt kích một khoảng cách (khẩu súng B40 này là của nhóm

chiến sĩ thông tin đi nối dây trước Thành bị chúng phục kích giết chết).

Suốt cả ngày hôm đó, chúng nằm im trong rừng, không dám ra ngoài, sợ bộ đội ta tiêu diệt.

Khoảng 5 giờ 30 phút chiều, chúng lại bắt Thành vác súng B40 đi trước để tìm đường về. Vừa từ trong rừng rậm thì gặp bãi sình, Thành nhìn xuống mặt đất có lối mòn nhỏ, rất nhiều dấu dép ca rô (dép cao su Trung Quốc phía dưới khía cạnh ca rô). Biết chắc là đường chuyển quân của bộ đội mình, anh dẫn chúng đi theo lối mòn đó.

Khi đến chân một đồi trọc, Thành dự đoán trên đồi nhất định có bộ đội ta chốt giữ, tốp lính ngụy không hề nhận biết được, cứ thản nhiên đi theo sau.

Dưới ánh trăng sáng của đêm rằm, Thành phát hiện ở phía trước có một mô đất nhô lên. Phán đoán có quân ta ở đó, nhất là khi phát hiện thấy có người đang quan sát mình cùng tốp lính, anh vội lăn xuống đất và hô to:

- Em là giải phóng đây. Phía sau là địch đấy.

Ngay lập tức, bộ đội ta ở các công sự xung quanh đồng loạt xông ra bắt sống toàn bộ tốp lính biệt kích.

Sau trận đại thắng Bù Boong, tướng Hoàng Cầm đã quyết định đề nghị tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba cho Nguyễn Văn Thành, chiến sĩ thông tin C20 thuộc trung đoàn 271.

6-11-1973

Vào khoảng 8 giờ sáng, tôi và ba người nữa được cấp trên giao nhiệm vụ dẫn giải tù binh trong trận đánh chiếm ở căn cứ Bù Boong về Miền. Tôi có nhiệm vụ đưa hơn 60 tù binh về nơi tập trung đầy đủ quân số và tuyệt đối an toàn.

Đường đi khá xa, hai bên đường là rừng cây rậm rạp, vắng vẻ, không một bóng người. Trong khi đó, những người lính bị bắt đa số là người dân tộc. Họ thông thạo địa hình, rất có tài trong việc lẩn trốn khi vào rừng sâu.

Thực tình, ban đầu tôi cũng lo, nhất số tù binh đông, không hề bị trói buộc. Dọc đường đi, nếu họ đồng loạt vây chặt, khống chế mình rồi trốn thoát thì sao? Nhiệm vụ được giao dù rất nguy hiểm, nhưng đã là người lính thì không được phép chùn bước, thoái thác. Tôi hạ quyết tâm phải đưa chúng về giao nộp cho Miền thật an toàn và đầy đủ quân số.

Sau khi suy nghĩ, tôi quyết định trước lúc lên đường phải tập trung tất cả tù binh lại để làm công tác tư tưởng.

- Các anh đang đứng ở đây là may mắn nhất rồi. Sự sống đã nằm chắc trong tay, các anh nên hiểu điều đó, vì khi đã bị chúng tôi bắt thì không phải lao vào mũi tên, hòn đạn nữa. Cách mạng sẽ có chính sách khoan hồng. Hãy tìm một hướng đi khác, đừng trở về cầm súng tham gia chiến trận nữa. Những người thân đang chờ mong các anh trở về nguyên vẹn.

Tôi nói đến đây, nhiều người trong đám tù binh sụt sùi khóc.

- Bây giờ các anh xếp hàng ba (để tôi dễ quan sát) theo tuyến đường mòn trước mặt đi về nơi tập trung. Tôi giơ tay lên chỉ hướng và ra lệnh xuất phát.

Đoàn lính tù binh đi trước, còn tôi đi sau cùng với khẩu tiểu liên AK đã lên đạn sẵn.

Khi cả đoàn vừa ra ngoài bìa rừng, nhìn về mép trảng bên cạnh, phát hiện một con quạ đen đậu trên ngọn măng tre. Rất nhanh, tôi quỳ xuống giương nòng súng AK về phía con quạ, ngắm và bóp cò. Một tiếng nổ "đoàng" vang lên, đoàn tù binh đang đi giật mình hoảng sợ, vội quay lại nhìn. Từ trên cao con quạ đen bị trúng đạn lao thẳng xuống mặt đất. Tiếng xuýt xoa thán phục, tiếng xì xào bàn tán trong đám tù binh râm ran. Tôi biết rằng, họ đã sợ tài thiện xạ của mình nên không dễ dàng bỏ chạy khi đi qua những đoạn rừng già heo hút. Khi về đến địa điểm tập trung của Miền, trong sáu đoàn dẫn đi, chỉ có đoàn tôi là giao nộp tù binh đầy đủ, các đoàn khác đều có một, hai người bỏ trốn.

Tôi hỏi một người bạn:

- Tù binh chạy thoát như thế nào?

- Khi vừa đến đoạn rừng già, bên cạnh có vực sâu, mấy tên lính người người dân tộc bất ngờ cuộn tròn mình lại, rồi lăn xuống đó. Chúng lao

rất nhanh, mình bắn cả gần một băng đạn AK mà chẳng có hề hấn gì. – Anh trả lời.

28-11-1973

Tôi được cấp trên điều về tiểu đoàn 8, nơi tôi đã sống, chiến đấu và trưởng thành. Khi về đến tiểu đoàn bộ, ra đón tôi có anh Hùng, anh Trọng là chính trị viên và tiểu đoàn trưởng, cũng mới được bổ sung từ một đơn vị khác của Miền.

Lãnh đạo cũ của tiểu đoàn tôi không còn ai nữa. Sau khi trung đoàn từ Bờ Vét hành quân về Lộc Tấn, phần lớn cán bộ chiến sĩ bổ sung cho tiểu đoàn 7 đang chốt giữ ở Long An, chỉ có một số ít cán bộ được điều về trung đoàn, trong đó có tôi. Giờ đây, chúng tôi là cán bộ khung về xây dựng lại từ đầu tiểu đoàn 8.

Tôi theo anh Hùng về nhận công tác ở đại đội 1 chủ công. Nói là đại đội nhưng cả đơn vị chỉ có bốn người: đại đội trưởng Phạm Huy Thông, một cậu liên lạc, một y tá, một nuôi quân. Tất cả quây trong hai chiếc hầm công sự nối với nhau bằng một đoạn giao thông hào.

Tôi cùng anh Hùng vào công sự mà đại đội trưởng Thông đang ngồi trong đó. Khi vừa gặp nhau, hai anh bắt tay chào rất thân thiện. Để cuộc nói chuyện được tự nhiên, tôi theo lối giao thông hào, sang hầm chiến sĩ liên lạc ở công sự kế bên. Qua câu chuyện, tôi biết cậu ta tên là Hoàn,

rất đẹp trai, người Thanh Hoá.

Câu chuyện của chúng tôi đang rôm rả, đột nhiên, anh Hùng và anh Thông đến cửa hầm nói:

- Anh xin lỗi Minh. Em trẻ quá, cứ ngỡ đó là liên lạc cho ban chỉ huy tiểu đoàn nên không biết để mời vào.

Giọng nói ồm ồm của anh Thông vang lên.

- Không sao đâu anh ạ. Em thấy hai anh đang bận công việc nên sang bên này nói chuyện với cậu Hoàn thôi.

29-11-1973

Khoảng 7 giờ tối, tôi và anh Thông về trung đoàn để nhận tân binh vừa từ ngoài Bắc vào. Lần này cả đơn vị được bổ sung 16 chiến sĩ. Trong số đó có hai tiểu đội trưởng.

Như vậy, đại đội 1 đã có quân số của một trung đội. Đó là trung đội 1 do tôi chỉ huy.

Trong lớp tân binh đó có một chiến sĩ tên là Tĩnh, quê ở Ninh Bình. Ngay từ đầu, cậu ta đã gây cho tôi sự chú ý đặc biệt. Đầu trọc, da trắng, người hơi mập, cái ngổ ngáo, bất cần đời thì hiện rõ trên gương mặt. Với mọi người trong trung đội tôi xử sự rất thân thiện và chân tình, nhưng đối với cậu ta trong những ngày đầu tôi vẫn giữ một khoảng cách nhất định.

Có một lần, cậu ta thốt lên trước mặt tôi:

- Này ông Minh, chúng tôi vào đây là để chiến

đấu với quân thù, chứ không phải giao tính mạng của mình cho một người trẻ măng, lãnh đạo ú ớ đâu nhé.

Lúc đó tôi 21 tuổi, có thể còn ít tuổi hơn cậu ta.

- Anh em chúng ta cùng một trung đội, rồi đây trong chiến đấu luôn sống chết bên nhau. Tĩnh cứ yên tâm, mình sẽ cố gắng. - Tôi trả lời.

Nghe tôi nói vậy, cậu ta có vẻ dịu đi.

2-12-1973

Tôi được lệnh dẫn trung đội của mình về chốt giữ ở lưng chừng cao điểm 904, nằm giữa hai con đường đều bắt nguồn từ trục đường 14 từ ngoài Đắk Mil chạy về ngã ba Thuận Hạnh. Phía đông là đường 8B (nay là đường 14) qua Đắk Song về Gia Nghĩa. Phía tây có đường chạy về ngã ba Tuy Đức (đường 14C).

Cao điểm này nằm ở vị trí rất lợi hại để khống chế, kiểm soát đường 14 chiến lược, đường vận chuyển quân lương của bộ đội ta trên hai chiến trường B2 và B3 Tây Nguyên. Rời ban chỉ huy đại đội, mười bảy anh em chúng tôi vượt qua một bãi sình lầy khá rộng và dài, chạy ven bìa rừng già. Vị trí tôi chọn để triển khai lực lượng nằm giữa đồi cây cổ thụ, cách bãi sình chừng một kilômét và bố trí lực lượng ba tiểu đội theo đội hình chiến đấu chữ A.

Đường liên lạc giữa các tiểu đội và hầm chỉ huy nằm ở giữa được nối bằng giao thông hào, tôi hướng dẫn cho anh em ngụy trang rất kỹ. Những bờ đất

vừa mới được đào, phù hợp với cảnh vật xung quanh.

Tôi chỉ thị cho các tiểu đội phải thay phiên nhau canh gác 24/24 giờ, đề phòng địch tập kích bất kỳ lúc nào. Xung quanh chúng tôi đều có địch nên không thể lơ là. Tôi phải thường xuyên đến từng công sự kiểm tra việc canh gác và tinh thần sẵn sàng chiến đấu của bộ đội ta. Thực ra đối với tôi, lúc đó vẫn là tuổi ăn tuổi ngủ như đa số anh em trong đơn vị, vào bất cứ thời điểm nào cũng có thể nằm ngủ say sưa như chết. Ban ngày tỉnh táo đi kiểm tra anh em chứ ban đêm là một vấn đề nan giải. Mặc dù tôi đã dùng nhiều biện pháp chống lại cơn buồn ngủ, nhưng xem ra cũng chẳng có mấy hiệu quả. Có những đêm, do ngủ quá say mà tôi quên mất việc kiểm tra, đôn đốc anh em. Đôi khi ở trên chiến trường, chỉ cần một chút lơ là, mất cảnh giác, để địch lọt vào trận địa mà không hề hay biết, sẽ phải trả giá bằng rất nhiều sinh mạng, nhất là giờ đây tôi đang phải chịu trách nhiệm trước đơn vị gần 20 người. Cuối cùng, tôi đã tìm cho mình một giải pháp hữu hiệu. Đó là, sau khi cơm tối, cố gắng uống một bụng căng tròn nước chè xanh (ở đây chè rừng mọc rất nhiều). Trong đêm, dù có ngủ say thế nào đi nữa cũng phải thức dậy để giải quyết "mâu thuẫn nội tại". Những thời điểm này là lúc tôi đi kiểm tra anh em canh gác.

Nhờ đề cao cảnh giác mà sáng ngày 22-12-1973, anh em đã phát hiện từ xa một đại đội thám báo địch đi cắt qua đội hình trung đội đang chốt giữ.

Rất kịp thời, tổ gác cử người về báo cho tôi. Toàn trung đội được báo động. Những người say giấc ngủ vội vàng tỉnh dậy, mang súng đạn về vị trí chờ quân địch đến. Tốp lính đi đầu khoảng hơn chục tên đến cách chốt tiền tiêu 10 mét, một số anh em nóng ruột muốn bắn ngay. Tôi đứng gần ra hiệu để bọn chúng đến gần hơn nữa. Quân địch dù có ngay sát cạnh cũng khó mà phát hiện ra vì chúng tôi ngụy trang công sự rất khéo.

Đúng như tôi nhận định, khi khoảng cách chỉ còn lại hơn 5 mét, tốp lính đi đầu vẫn không có gì khác lạ. Tôi ra lệnh tấn công. Tất cả anh em đồng loạt nổ súng vào đội hình hành quân của địch. Tốp lính phía trước nháo nhào, đổ ngã sóng soài trên mặt đất, kêu la thảm thiết. Còn những tên đi sau lùi lại, bỏ chạy vào rừng, không có một chút phản kháng nào.

Tôi dự đoán thế nào cũng có pháo binh địch ở cứ điểm xung quanh dội đến, nên quyết định không cho bộ đội xuất kích truy đuổi.

Mười lăm phút sau đó, từng loạt pháo chụp, pháo khoan, pháo đào tới tấp dội lên đầu chúng tôi. Nhờ chuẩn bị từ trước, bộ đội ta nhanh chóng chui sâu vào công sự trú ẩn. Sau trận đó, cả trung đội tôi đều an toàn, không ai bị thương vong.

Phía ngoài công sự có 11 xác lính đối phương nằm lại, chúng tôi chờ quân địch đến lấy, nhưng suốt cả ngày hôm đó, không có một tên nào bén mảng tới.

Trận đánh này đã khiến tinh thần anh em trong trung đội phấn chấn và tự tin hơn. Tình cảm đồng chí, đồng đội trong đơn vị thêm thắt chặt. Tôi rất mừng và tự hào. Đặc biệt là cậu Tĩnh ngang ngang, bây giờ đã thay đổi hẳn, ngay từ lối xưng hô, dù hơn tôi một tuổi, nhưng Tĩnh cứ gọi tôi bằng anh và tự xưng là em. Ban đầu, tôi cũng hơi ngượng, bảo Tĩnh cứ xưng hô như trước đây cho dễ, nhưng cậu ta vẫn cứ khăng khăng nói:

- Anh là chỉ huy, xưng hô như vậy là đúng rồi. Lẽ ra bọn em ở đây phải gọi anh bằng thủ trưởng. Nhưng mà thôi, thông cảm cho chúng em nhé.

Tôi chẳng biết nói gì hơn nên cứ để thế. Vấn đề chính lúc này là anh em trong trung đội phải thật sự đoàn kết, gắn bó, thương yêu đùm bọc nhau. Đặc biệt, mọi người rất tin tưởng tôi, người chỉ huy họ. Có như vậy, trong chiến đấu khó khăn, ác liệt với địch, chúng tôi mới chiến thắng và vượt qua được.

Những ngày sau đó bọn địch liên tục nã pháo đến điểm chốt giữ của chúng tôi. Con số bộ đội thương vong trong đơn vị được hạn chế tối đa nhờ những công sự nằm sâu trong lòng đất rất kiên cố và chắc chắn. Tuy nhiên, tuyến đường đi về Ban chỉ huy đại đội và tiểu đoàn khá xa, nhất là phải quen bãi sình lầy, không có vật che chắn trong lúc địch dội pháo, dễ gây thương vong cho bộ đội.

23-12-1973

Theo kế hoạch, ngay buổi sáng hôm qua, tôi đã

cử người về phía sau nhận gạo và thực phẩm cho đơn vị, nhưng do có trận chiến với tụi thám báo địch kéo dài suốt cả ngày nên nhiệm vụ đó không thể thực thi.

Mọi người cũng như tôi phải nhịn đói tính đến bây giờ đã gần hai ngày. Hai chiến sĩ được cử đi từ sáng sớm vẫn chưa thấy về. Tôi cứ lo nghĩ mãi: Không biết có ai gặp trắc trở không khi đạn pháo của địch vẫn liên tục dội đến tuyến đường.

Ngày hôm qua còn lo đánh địch nên mọi người quên đi bữa ăn.

Hôm nay ngồi chờ chúng đến, mà chẳng đứa nào bén mảng. Sự nhàn rỗi này khiến cơn đói mò đến hành hạ anh em chúng tôi.

10 giờ sáng, cái đói giày vò, tra tấn, bụng tôi và mọi người cồn cào, sôi ùng ục. Ban đầu cứ nghĩ uống nước thật nhiều sẽ lấp đầy cái dạ dày trống rỗng. Nhưng khi trong bụng chỉ có nước thì khó chịu hơn. Nhiều anh em không chịu được đã lả đi.

Chúng tôi tìm kiếm mỏi mắt cả khu rừng già này cũng không có gì ăn được. Trăn trở, bàn luận mãi, cuối cùng anh em đi đến thống nhất, dùng lá "bép" (loại rau rừng) đang mọc đầy xung quanh chốt, hái về nấu canh ăn tạm cho qua cơn đói. Nhưng chính giải pháp đó đã đem đến cho chúng tôi một tình huống rất nguy hiểm. Đa số các chiến sĩ trong trung đội, kể cả tôi đã bị ngộ độc sau khi ăn thứ lá rừng này. Nếu như chiều hôm đó địch vào thì cầm chắc thương vong.

Khi trời gần tối, lương thực thực phẩm mới được mang về. Trong chuyến hàng vừa nhận về, chúng tôi rất vui mừng khi mỗi người được cấp một bộ quần áo ka ki màu xanh, vải Tô Châu. Đó là quà của Bác Tôn vừa từ miền Bắc gửi vào, tặng các cán bộ, chiến sĩ ta ở chiến trường miền Đông Nam bộ nhân kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội 22 tháng 12.

Cầm bộ quần áo màu xanh trên tay, tôi rưng rưng nước mắt nhớ về ngày nào, anh em đồng đội cũng nhận những bộ quần áo như thế này ở ngoài Bắc xa xôi, rồi vào đây chiến đấu. Bao kỷ niệm tràn về trong tôi, nhớ các bạn Nam và Hồng đã cho máu để mình hoàn thành bản "*Quyết tâm thư*" trước lúc lên đường vào chiến trường.

Bao bạn bè đồng đội quanh tôi lúc đó đều khoác trên mình cùng một màu xanh như thế này. Vậy mà, đi đâu rồi các bạn... Nước mắt tôi tự nhiên lăn dài trên hai má...

- Anh Minh ơi! Mời anh lại ăn cơm!

Tiếng cậu Tĩnh ở bên cạnh gọi làm tôi giật mình trở về thực tại, vội vàng lấy ống tay áo lau nhanh nước mắt.

26-12-1973

Buổi chiều, cấp trên bổ sung cho trung đội tôi thêm ba người. Đó là anh Chương, lớn hơn tôi ba tuổi, mới từ ngoài Bắc vào và các anh Thăng, Điền, đều là trung đội phó. Hai anh vào đây từ

những năm 1965 - 1966, người của C50, từ Miền vừa bổ sung về.

Lần đầu tiên trong trung đội có cấp dưới hơn mình rất nhiều tuổi, tôi cảm thấy ái ngại vô cùng. Không đơn thuần là xưng hô, mà ra mệnh lệnh chỉ huy họ ra sao? Các anh có hiểu cho không?

Trong chiến đấu, mệnh lệnh là mệnh lệnh, không nể nang, vì sự sống còn của cả tập thể anh em trong đơn vị. Như đọc được những băn khoăn trong tôi, anh Thăng đã chủ động lên tiếng:

- Minh cứ yên tâm, anh và anh Điền ở đây, tuy có hơn em nhiều tuổi, nhưng là cấp dưới. Trong chiến đấu, các anh sẽ tuyệt đối chấp hành mọi mệnh lệnh chỉ huy của em.

Nghe các anh nói, tôi đã mạnh dạn và tự tin hơn. Chúng tôi nói chuyện với nhau về hoàn cảnh gia đình, quê hương ở ngoài Bắc yêu dấu. Chính sự cởi mở đó đã đẩy tôi vào hoàn cảnh khó xử và hơi ngượng ngùng.

- Anh chị ở ngoài Bắc được mấy cháu rồi? - Tôi lên tiếng hỏi anh Thăng.

- Gia đình anh được một cháu gái. - Anh trả lời.

- Thế cháu gái của anh chị năm nay bao nhiêu tuổi rồi?

- Năm nay cháu đã mười bảy tuổi.

Tôi sững người, giật mình, ngượng ngùng, cảm thấy như mình đang có lỗi, với lối xưng hô kiểu ngang ngang này. Lúc đó, tôi chỉ lớn hơn cô con gái của anh có bốn tuổi.

Chúng tôi lặng im một lúc, nhưng đã đâm lao

thì phải theo lao. Tôi tiếp tục hỏi:

- Cho em xin lỗi. Anh Thăng bao nhiêu tuổi?

- Anh đã sang tuổi 43, còn anh Điền hơn anh một tuổi. Em đừng ngại về cách xưng hô này. Anh em mình vào đây đã như con một nhà. Vấn đề chính là tất cả mọi người trong trung đội ta rất tin tưởng vào sự chỉ huy của em. Khi các anh vừa về đến tiểu đoàn, mọi người đã ca ngợi em rất nhiều.

Cũng trong ngày hôm đó, đại đội 1 của tôi quy tụ về một địa điểm. Ban chỉ huy đại đội có thêm trung đội 2 vừa mới thành lập, đóng quân ở phía sau lưng chúng tôi, gần cạnh con suối nhỏ.

Giờ đây, trung đội tôi đã có đồng đội ở xung quanh, trong chiến đấu với quân thù không còn lẻ loi như trước. Mọi khó khăn, hiểm nguy đã được san sẻ. Đội hình chiến đấu đã nâng lên cấp đại đội. Trong Ban chỉ huy có thêm anh Nguyễn Văn Goòng, đảm nhiệm chức đại đội phó.

2-1-1974

Vào khoảng 8 giờ tối, tôi cùng anh Goòng về khu vực đồi chè nhận anh em tân binh từ miền Bắc vào bổ sung cho đơn vị. Trung đội tôi được thêm sáu chiến sĩ, chủ yếu là người Nga Sơn, Thanh Hoá, còn lại phần lớn tập trung cho trung đội 3 vừa được cấp trên quyết định thành lập trong ngày.

4-1-1974

Khoảng 9 giờ, trong đợt pháo đầu tiên của địch ở các cứ điểm xung quanh dội đến, cậu Hoàn liên lạc

bị một mảnh đạn pháo cắm vào cột sống trong lúc xuống suối lấy nước.

Hoàn là con trai duy nhất của ông giám đốc Ty Thương nghiệp Thanh Hoá. Khi còn ở ngoài Bắc, mặc dù thiếu một tuổi mới đủ tuổi nhập ngũ, nhưng cậu ta đã khai tăng tuổi để xung phong đi bộ đội. Sự trẻ trung, ngây thơ, nhanh nhẹn của Hoàn đã khiến Ban chỉ huy đại đội chọn cậu làm liên lạc.

22 giờ, tôi và anh Goòng tiếp tục trở về khu vực đồi chè để tiếp nhận anh em tân binh. Lớp tân binh này đều là sinh viên đang học ở các trường Đại học Bách khoa, Tổng hợp Hà Nội, như anh Trần Anh Phương, Vũ An Ninh, Trương Hữu Chí, Lê Tất Vinh,...

10-1-1974

Suốt cả ngày, pháo địch dội xuống trận địa chúng tôi không nghỉ. Phía lưng đồi bên kia bãi sình, tiếng súng của bộ binh ta và địch rộ lên liên hồi. Một lúc sau, tôi nhận được thông tin có một đại đội biệt kích tấn công sau lưng đại đội 2 đang chốt giữ bên cạnh cao điểm 904.

Độ khoảng 2 giờ chiều, mọi hướng liên lạc đi ra vào của đại đội 2 bị đại đội biệt kích vây chặt, nước ở dưới suối gần đó cũng không thể nào ra lấy được, trời nắng nóng, anh em rất khát và đói.

Quân số của đại đội chỉ còn lại có mười một, mười hai tay súng. Đạn dược các loại đã cạn kiệt

sau gần một ngày liên tục nổ súng ngăn chặn địch tấn công. Trước nguy cơ địch tràn vào trận địa, Ban chỉ huy đại đội quyết định xin tiểu đoàn cho quân đến cứu viện.

Đi giải vây là nhiệm rất khó khăn, nguy hiểm, nặng nề mà Ban chỉ huy tiểu đoàn và đại đội giao cho trung đội 1. Ngay từ đầu, tôi đã nhận thức được điều đó. Khi đã đưa quân ra ngoài công sự, xung quanh đều có địch tấn công, bộ đội còn bị pháo địch dội vào mà không có một công sự nào để che chắn. Để bảo đảm an toàn tuyệt đối cho bộ đội, tôi chỉ lấy 12 người của hai tiểu đội, chia làm ba tổ, triển khai đội hình theo một hàng dọc, tạo thành một mũi nhọn, phân chia nhau cảnh giới địch về bốn hướng, tiến quân theo dạng "sâu đo". Tổ đi đầu có nhiệm vụ cảnh giới phía trước, khi tiến quân thì tổ ở giữa và sau dừng lại cảnh giới hai bên và phía sau. Khi hai tổ sau tiến, thì tổ ở đầu dừng lại để cảnh giới, hành tiến như vậy gọi là "sâu đo", nếu gặp địch sẽ toả ra bốn phía để tấn công.

Nhằm tạo thế bất ngờ, tôi dẫn anh em đi về hướng đông, nơi quân địch đang chiếm giữ, sau đó quay ngược lại phía chốt của đại đội 2, rồi tấn công từ phía sau lưng địch.

Khi đi đến gần vị trí chốt của đơn vị bạn, tôi nghe có tiếng rào rào, cứ như một đàn trâu điên đang bạt rừng đi qua. Biết chắc đây là tụi biệt kích, tôi nhanh chóng cho anh em tản ra xung

quanh theo hình chữ V mở rộng, triển khai đội hình chiến đấu. Tiểu đội 1 nằm phía tay trái, tiểu đội 2 phía tay phải. Anh Chương xạ thủ B40 và cậu Tĩnh AK cùng tôi ở giữa đội hình.

Các tay súng trong trung đội đã vào vị trí, tất cả chờ lệnh nổ súng tấn công của tôi. Đại đội biệt kích đi cắt ngang trước mặt chúng tôi, qua bãi trống, nơi cây rừng đổ ngổn ngang, do trúng các loại đạn pháo. Chúng có khoảng bốn mươi người, súng lăm lăm trong tay, không hàng, không lối, ào ào kéo nhau chạy.

Khi tên đi đầu vừa đặt chân đến điểm mốc đã được chọn trước, tôi ra lệnh cho anh em đồng loạt nổ súng vào đội hình địch đang chủ quan nghênh ngang tiến vào. Tiếng súng tiểu liên rào rào nhưng rất đanh, tiếng đạn B40 nổ ùng oàng vang dội cả khu rừng. Đại đội biệt kích quá bất ngờ trước sự tấn công của chúng tôi, hoảng hốt bỏ chạy thục mạng vào sâu trong rừng, không có một sự chống cự nào.

Phía trước mặt chúng tôi lúc này, lính ngụy nằm la liệt, có tên bị thương, nằm còng queo dưới hố pháo cạnh gốc cây kêu la thảm thiết.

Tôi quyết định không cho bộ đội truy kích địch mà nhanh chóng bắt liên lạc với đơn vị bạn, đồng thời đưa bộ đội rút xuống những công sự gần nhất, tránh đợt pháo kích của địch có khả năng sắp dội đến.

Xung quanh chúng tôi, mặt đất bị cày xới nham nhở. Cây rừng đổ ngổn ngang, bịt mọi lối đi. Phía xa xa, thân cây rừng nằm đổ vắt qua một mô đất. Tôi dự đoán dưới đó có công sự của bộ đội ta.

Tránh sự nhầm lẫn giữa ta và địch, lần thứ nhất tôi tróc miệng ba tiếng, nhưng không thấy trả lời. Ngay lúc đó, tôi cảm thấy hơi mất tự tin, lại tiếp tục tróc miệng thêm ba tiếng nữa. Rất may ở phía đó có hai tiếng tróc miệng đáp lại (mật khẩu bằng tiếng tróc lưỡi của hai bên cộng lại bằng 5). Tôi và tất cả anh em rất phấn khởi vì đã nối thông liên lạc với quân ta.

Khi vừa gặp được chúng tôi, một số anh em cán bộ chiến sĩ của đại đội 2 mừng quá bật khóc, ôm lấy từng chiến sĩ trong trung đội tôi. Trực tiếp chứng kiến cuộc gặp gỡ này, lòng tôi tràn dâng một cảm xúc khó tả, thật sự cảm động, thấy đồng đội thân thương gắn bó như một cơ thể, không thể tách rời.

Tôi là người cuối cùng nhảy xuống cửa hầm, vừa lúc đó, pháo địch ở các cứ điểm xung quanh đã tới tấp nã đạn đến.

Một tiếng nổ "oàng" ù cả tai ngay trên miệng hầm, khói bụi bay mù mịt. Tôi hơi loạng choạng, nhưng trấn tĩnh lại ngay. Bất ngờ ngay sát cạnh tôi, tiếng ai đó la lên: "Em bị thương rồi!". Không kịp quay mặt nhìn lại, tôi hỏi ngay:

- Bị thương vào đâu?

- Em bị thương vào bụng.

Một lỗ thủng nhỏ ở hông bên trái cậu Thanh (chiến sĩ trong trung đội tôi) đút lọt được ngón tay trỏ vào. Mọi người ở trong hầm băng bó kịp thời cho cậu ta. Tranh thủ khi còn ở bên cạnh anh em đại đội 2, tôi vừa động viên, vừa chỉ thị chuyển hết cơm nắm, bình tông nước và phần lớn số đạn đang mang trên mình cho đơn vị bạn ở đây sử dụng.

Đại đội trưởng Nguyễn Việt Giới và chính trị viên phó Phạm Xuân Thụ[1] thay mặt cho đại đội 2 cảm ơn chúng tôi đã cứu nguy kịp thời.

Gần ba mươi phút sau, pháo địch ngừng dội xuống. Bên ngoài gốc cây, tiếng la hét của người lính Sài Gòn bị thương vẫn còn nghe não ruột. Tôi quyết định trên đường trở về cùng anh em trong trung đội phải bắt sống người lính đó.

Tôi hăm hở vớ vội khẩu tiểu liên AK bên cạnh, lao nhanh ra khỏi công sự trước. Bên trái và bên phải có anh Chương vác khẩu súng B40, cậu Tĩnh cầm AK, còn anh em khác cũng lục tục từ dưới hầm chui lên.

Khi còn cách khóm cây lúp xúp còn độ bảy mét, bất ngờ sát mang tai trái tôi, tiếng đạn của súng tiểu liên AR15 sượt qua nghe chiu chiu.

Theo phản xạ tự nhiên, tôi nghiêng người về bên phải, rồi xoài xuống mặt đất, hướng nòng súng AK vào khóm cây bóp cò. Chùm đạn bắn ra,

1. Anh Thụ hiện là Đại tá, Phó Chủ nhiệm Khoa Chiến dịch, Học viện Chính trị quân sự ở Hà Đông.

cắm thẳng vào đó, tiếng súng AR15 câm bặt, tôi biết chắc tên địch đã bị tiêu diệt.

Nhưng sát ngay sau chân tôi, anh Chương la lên:

- Minh ơi! Anh bị thương rồi.

- Anh bị thương vào đâu?

- Anh bị thương vào trán.

Nghe đến đây, tôi bủn rủn hết chân tay. Thế là anh Chương đi rồi, đạn nhọn đã cắm vào trán làm sao có thể sống được, nên vội vàng ra lệnh cho anh em còn ở phía sau:

- Tất cả nhanh chóng lùi lại, rút xuống hầm.

Tôi ở lại trên mặt đất một lúc, đề phòng tên địch còn sống sẽ nổ súng tiêu diệt, giữ an toàn cho đồng đội đang rút.

Khi vừa trở về hầm, tôi hỏi ngay tình hình của anh Chương. Lúc này anh em mới bình tĩnh kể lại sự việc: Khi loạt đạn tiểu liên AR15 bắn sạt qua, theo phản xạ tự nhiên, anh Chương và Tĩnh vội nằm xoài úp bụng xuống mặt đất. Khẩu AK trong tay Tĩnh nằm vượt lên phía trước, nên Tĩnh vội vàng cầm súng kéo lùi về dưới ngực mình để bắn. Do các thao tác lúc đó quá nhanh, anh Chương không phản ứng kịp để nghiêng đầu tránh đầu ruồi nhô cao của nòng súng AK đang lao vào trán mình. Trong lúc còn đang hoảng loạn, anh nghĩ vết thương đó do đạn nhọn của địch vừa bắn ra. Tôi thở phào nhẹ nhõm khi biết được vết thương không có gì nguy hiểm cho anh Chương.

Sau đó, pháo địch lại tiếp tục dội xuống nhưng mọi người vẫn bình yên ở dưới hầm.

Khoảng hai mươi phút sau, tiếng pháo dừng hẳn, tôi quyết định cho anh em trong trung đội cắt rừng trở về đơn vị.

Trời đã gần tối, một lần nữa tôi xác định lại phương hướng rồi tiếp tục đi. Lúc này chúng tôi mới thật sự chia tay cán bộ chiến sĩ đại đội 2. Những lời cảm ơn, hẹn nhau, chúc nhau may mắn, tốt lành râm ran cả một góc rừng.

Từ dưới bãi sình đến gần giữa cao điểm phải còn một đoạn nữa mới đến vị trí đóng quân nhưng vừa trông thấy chúng tôi trở về, anh em trong đơn vị đã chạy ùa ra đón.

- Anh em mình có bị sao không Minh? - Anh Thăng chạy đến ôm chầm lấy tôi và hỏi.

- Bọn em không ai bị sao anh ạ. Chỉ có cậu Thanh bị thương ở bụng do mảnh đạn pháo xuyên vào. Anh tổ chức người đưa cậu ấy về tuyến sau điều trị.

- Khi em đi được một lúc thì pháo địch dội đến hướng đó rồi tiếng súng bộ binh rộ lên, các anh ở nhà đã rất lo ruột gan như lửa đốt - Anh Điền "già" nhẹ nhàng nói với tôi.

Anh em trong đại đội đứng vây tròn xung quanh, chúc mừng chúng tôi chiến thắng trở về. Mọi người công kênh tôi lên, anh Thông và anh Goòng đang đứng ngay sát cạnh liên tục khen:

- Cậu Minh giỏi thật.

14-1-1974

Pháo địch vẫn dội liên tục. Đến chiều, một quả đạn pháo nổ ngay cạnh bếp Hoàng Cầm của trung đội tôi, mảnh đạn xuyên vào bao ruột tượng treo trên cây, gạo trắng rơi xuống đầy mặt đất. Nhân cơ hội này tôi đề xuất với anh Thông, đại đội trưởng điện về tiểu đoàn xin bổ sung gạo.

Trong thời điểm này, bộ đội ăn không đủ tiêu chuẩn, chỉ được 70% định lượng, không những thế còn phải độn hơn nửa là đậu xanh.

Cuối ngày, tôi cử hai chiến sĩ về tiểu đoàn nhận một bao tải gạo lớn. Như vậy, cái đói trong trung đội đã được giải quyết mấy ngày.

15-1-1974

Buổi chiều, tiểu đoàn điện về cho biết: Các đơn vị tổ chức cho bộ đội về nhận thịt trâu. Đó là bốn con trâu béo tròn bị lạc đàn khi quân ta nổ súng tấn công đánh chiếm căn cứ Bù Boong ngày nào. Giờ đây chúng đã bị ai đó bắn hạ.

Trời gần về tối, hai chiến sĩ được tôi cử đi khiêng về một đùi trâu to tướng. Cả đơn vị, ai cũng vui mừng. Anh em ở nhà đã chuẩn bị nồi để nấu, lại có hai người khênh đến một đùi trâu nữa và nói rằng:

- Đây là quà của anh Giới và anh Thụ ở đại đội 2 biếu trung đội 1.

Tôi thay mặt anh em cảm ơn hai anh và đại đội 2,

đồng thời xin trả lại cho anh em bên ấy để cải thiện. Đôi bên đều giằng co từ chối, cuối cùng tôi đành phải nhận món quà đó.

Một khó khăn nữa đã phát sinh. Nồi xoong thì nhỏ, thịt trâu thì nhiều, nếu để lâu không nấu thịt sẽ bị hỏng. Trước tình thế đó, tôi nêu sáng kiến đào một chiếc hố nhỏ, lót tấm nilon vào, thay cho chiếc nồi lớn. Sau đấy dùng những chiếc xong nhỏ nấu chín thịt làm nhiều mẻ, rồi đổ vào chiếc nồi vừa tự tạo đó.

21-1-1974

Hôm nay là ngày ba mươi Tết Giáp Dần, lại một Tết nữa tôi phải xa nhà, bao nỗi niềm thương nhớ bố mẹ, người thân ở nơi xa ấy, nao nao tràn về, nước mắt lại ứa ra. Để tránh các chiến sĩ trong đơn vị bắt gặp cảm xúc yếu đuối đó, tôi đi về khoảng rừng trống, nhìn lên chòm sao Bắc Đẩu, thầm gửi về phương ấy những tình cảm sâu nặng.

- Anh Minh ơi! Anh đang ở đâu? Ban chỉ huy đại đội 2 lại gửi quà Tết cho anh và trung đội ta đấy.

Tôi sực tỉnh khi nghe có tiếng gọi của cậu Tĩnh.

Mấy ngày Tết đến, cả mặt trận đều im tiếng súng, tiếng bom. Chúng tôi dường như chẳng bận tâm với cuộc chiến. Tất cả các đơn vị đều mong đón một năm mới bình an.

6-2-1974

Hôm nay đúng ngày 15 tháng Giêng âm lịch, lúc này ở quê nhà vẫn còn nghỉ ngơi vì *"Tháng Giêng là tháng ăn chơi"*. Anh em ở nơi đây thì đang ngày đêm phải sống trong mưa bom bão đạn. Trong gần chục ngày trở lại đây, quân đội Việt Nam Cộng hoà tăng cường càn quét về vùng giáp biên giới Việt Nam - Campuchia, nơi có đơn vị tôi chốt giữ.

Cao điểm 904 đã bị chúng lấn mất ba phần tư quả đồi. Cuộc chiến ngày càng gay go ác liệt. Có nhiều ngày, ta và địch tranh giành nhau từng mét đất.

Cuộc họp quân chính tiểu đoàn triệu tập tất cả cán bộ trong đơn vị để tìm phướng án đánh địch hiệu quả nhất. Rất nhiều ý kiến được đưa ra, mổ xẻ, cân nhắc lợi hại, nhưng vẫn chưa có một giải pháp tối ưu nào. Lực lượng địch quá mạnh so với ta, lại được trang bị vũ khí tối tân, ngoài ra còn có máy bay và pháo binh hỗ trợ.

Trước tình thế đó, tôi đưa ra ý kiến: Trong thời điểm này, ta không thể đánh trực diện được mà phải đánh vào nơi chúng chủ quan, không đề phòng nhất. Đó là dùng một mũi nhọn đi sâu vào nơi quân địch đang chốt giữ, sau đó quay ngược lại, đánh vào lưng chúng.

Ý kiến đó nhanh chóng được Ban chỉ huy tiểu đoàn phê duyệt và giao nhiệm vụ cho tôi chỉ huy, triển khai bộ đội lên đường thực thi.

7-2-1974

Khoảng 7 giờ, tôi tổ chức hai tiểu đội lên đường đi sâu vào lòng địch. Vì phải giữ bí mật tuyệt đối nên không thể cử nhiều người đi, tiểu đội do anh Thăng và anh Điền chỉ huy đành phải ở nhà.

Trước lúc lên đường, tôi tập hợp cán bộ, chiến sĩ trong hai tiểu đội và lên các phương án tác chiến rất cụ thể. Trong tình huống gặp địch và không gặp địch, cần phải xử lý như thế nào, hợp đồng chiến đấu, đường rút quân về ra sao tôi đều nêu rõ để các thành viên trước khi xuất phát thật sự thông suốt.

Đội hình tiến quân của trung đội tôi theo kiểu sâu đo với một hàng dọc, phân công nhau cảnh giới mọi hướng.

Sau hơn 40 phút lội suối, xuyên rừng, chúng tôi đã sang được bên kia chân dốc, tìm đường vòng ra phía sau lưng quân địch. Cách chúng tôi chừng 40 mét, tôi thấy một vệt vàng vàng phủ lên những lá cây bép cao đến ngực, mọc dày dưới tán cây rừng. Phán đoán phía sau đó là đường mòn, tôi cho anh em tạm dừng và chỉ cho mọi người biết con đường đó. Một số anh em thắc mắc, tôi bèn giải thích: Trong rừng già, lá của những cây mọc lúp xúp ở phía dưới rất sạch, mặt trên màu xanh, mặt dưới màu hơi trắng. Nhưng ở đây lá cây đó có phủ một lớp mờ mờ màu đất đỏ. Đấy là do lính đối phương đi lại nhiều trên một lối mòn, làm bụi đất bay lên, phủ kín những chiếc lá đó.

Tôi cho rằng chốt địch nằm rất gần đây nên

hăm hở dẫn đầu anh em tiến quân, dự định sẽ đi cắt ngang con đường đó. Đang mải mê guồng bước chân, bất ngờ cậu Tĩnh đi sát ôm tôi kéo ngược lại, rồi la khẽ:

- Anh Minh ơi! Phía trước có mìn.

Tôi vội dừng chân, lùi về phía sau mà không dám hạ bước chân tiếp. Ngay dưới bàn chân phải tôi là một sợi dây của mìn chăng ngang lối đi. Tôi rùng mình, cảm thấy gai gai, chỉ một chút xíu nữa là đã đụng phải sợi dây đó, hậu quả tồi tệ nhất sẽ xảy ra cho tôi và đồng đội.

Mồ hôi túa đầy người, dừng một chút, tôi trấn tĩnh lại và quyết định ngay. Hôm nay không xông lên bắt tù binh (vì phía trước là bãi mìn) mà chỉ nổ súng tiêu hao lực lượng địch sau đó sẽ rút về.

Để tấn công quân địch hiệu quả, tôi chọn đoạn đường uốn cong, nơi đây khi địch hành quân qua là lúc mật độ tập trung lính cao nhất, rồi bố trí lực lượng theo đội hình chữ V mở rộng. Tôi, anh Chương và cậu Tĩnh nằm giữa đội hình, hai tiểu đội ở hai bên.

Bỗng giọng ca vọng cổ của một lính ngụy ở dưới suối vọng lên, một số anh em nóng ruột xin cho phép được nổ súng. Tôi ra hiệu không được, phải đợi địch đến thật đông mới đồng loạt tấn công.

Đa số anh em đều là tân binh, người Nga Sơn, Thanh Hoá, lần đầu tiên tham gia chiến trận nên lo lắng, mất bình tĩnh. Là người chỉ huy, tôi rất

hiểu và cảm thông với chiến sĩ. Những thời điểm như thế này phải thật bình tĩnh, động viên và tạo niềm tin vững chắc vào chiến thắng trong trận chiến cho anh em.

Sau mô đất phía trước, tôi đã thấy mấy chiến sĩ trẻ nhấp nhổm. Những động tĩnh này rất dễ khiến quân địch phát hiện sự có mặt của chúng tôi. Đang đứng dưới cái hố sâu tới ngực của ai đó đã đào để lấy củ mài, tôi vội cầm khẩu tiểu liên AK bò lên phía trước để nhắc nhở, trấn an anh em. Khi cách mô đất còn độ hai mét, tiếng bước chân rầm rập của quân địch đã đến gần. Anh em xung quanh cũng phát hiện ra điều đó, mọi người lấy tay làm hiệu cho tôi và chỉ trỏ về hướng đấy. Trước tình huống bất ngờ này, tôi phải nằm yên trên mặt đất, không thể tiến hoặc lùi được vì chỉ cần một tiếng động nhẹ là đối phương sẽ phát hiện ra ngay.

Theo như hiệp đồng, khi quân địch đến điểm định sẵn thì phát hoả bằng súng B40. Trong rừng rậm B40 chỉ bắn được hướng nào quang đãng nhất, như vậy mới an toàn và phát huy được hiệu quả tiêu diệt địch. Nhưng lúc này, đại đội địch đã đi vượt qua vị trí đó mà anh Chương vẫn chưa nổ súng.

Tôi vẫn nằm trên mặt đất không một vật che chắn, nếu nổ súng trước thì cầm chắc địch sẽ phát hiện và nhanh chóng tiêu diệt tôi, nhưng không thể để cho chúng dễ dàng thoát khỏi vị trí phục kích. Tôi quyết định giương nòng súng AK về đội

hình địch đang hành quân, bóp cò. Ngay sau đó, cả khu rừng rền vang tiếng súng của anh em trong trung đội tôi. Quân địch hoảng loạn, cuống cuồng chạy dồn lại, gục đổ, nằm la liệt ngay phía trước chúng tôi.

Một ánh chớp loé chói, bùng lên trước mặt, tôi gục xuống bất động, một lúc sau tỉnh dậy, thấy máu chảy đầm đìa đầy mặt. Theo phản xạ, tôi giơ tay lên đụng ngay vào xương sống mũi, hơi thở đang phì phì ra nơi đó.

- Mẹ ơi, con chết mất. - Tôi chợt nghĩ rồi lại tiếp tục ngất... Tôi dần tỉnh hẳn, trong đầu ý thức rằng cuộc chiến chưa chấm dứt, xung quanh tiếng đạn vẫn nổ. Biết không thể tiếp tục chỉ huy được nữa, tôi hô anh em rút quân.

Trên đường quay trở về, cậu Tĩnh khăng khăng đòi cõng tôi. Nhưng với trách nhiệm là chỉ huy, phải kiểm tra quân số, lo anh em tân binh thất lạc, nên tôi từ chối và bảo:

- Mình tự đi được, còn phải kiểm tra anh em đã rút về hết chưa? Tĩnh và mọi người cứ vượt trước.

Khi biết bộ đội đầy đủ, tôi chạy đuổi theo sau. Nhưng mới đi được có một đoạn, vết thương ở thuỳ mắt trái và sống mũi làm cho hai mắt tối sầm. Tôi chững lại, không phân biệt được phương hướng nữa. Trong lúc đó, quân địch cách đấy khá gần, không thể gọi anh em quay trở lại giúp đỡ được.

Một lúc sau, tôi mới mờ mờ nhìn thấy nên tiếp tục chạy đuổi theo anh em.

Càng chạy, càng không thấy đồng đội đâu. Sau lưng bất ngờ có ba phát súng, ngỡ là địch đang đuổi, tôi nén đau chạy tiếp. Đến lúc này tôi biết mình đã bị lạc đơn vị. Tôi đã cố gắng lê từng bước, vượt qua cánh rừng rậm thì gặp một con suối nhỏ, nước rất trong.

Máu chảy xuống đầy mặt, cản trở tầm nhìn. Không một chút đắn đo, tôi cúi đầu vục xuống nước. Một màu đỏ loang ra trôi theo dòng nước.

Một thoáng chợt nghĩ, nước vào vết thương dễ bị nhiễm trùng, tôi dừng tay lau máu vẫn đang chảy trên mặt, cởi áo ra xé, băng tạm vết thương. Không thể ở dưới suối lâu hơn, tôi tìm đường chạy về đơn vị. Xuôi theo dòng nước chảy là hướng đông, đấy là phía quân địch, tôi cắt rừng chếch về phía tay trái rồi chạy lên sườn đồi. Cứ thế, tôi chạy miết mà vẫn không gặp một đơn vị nào của quân ta. Quá mệt và máu ra nhiều, thị lực ngày càng giảm, tôi đã đuối sức thiếp đi...

Giật mình mở mắt tỉnh dậy khi có tiếng động sột soạt bên cạnh, tôi không hiểu tại sao lại nằm một mình giữa rừng sâu heo hút, dưới ánh trăng trắng nhợt này. Tôi thật sự hoảng sợ, rồi trấn tĩnh và nhớ ra mình đã bị thương và đang lạc trong rừng. Tôi quờ tay sang hai bên tìm khẩu súng làm phát ra tiếng sột soạt, ngay sát cạnh tôi có tiếng động mạnh như ai đó đang bỏ chạy.

Tôi vẫn nằm yên và nghĩ, có thể thú rừng đi tìm thức ăn đang bỏ chạy.

Không thể tiếp tục lê bước, tôi nằm nghĩ cách

tìm được đường về khi trời sáng rồi thiếp đi lúc nào không biết...

Ánh nắng mặt trời chiếu vào mặt làm tôi tỉnh dậy. Nghiêng đầu ngó xung quanh thấy mình nằm dưới một gốc cây đã cụt ngọn, bên cạnh hố đạn pháo vừa đào, phơi đầy một màu đất đỏ.

Mình phải sống. Phải tìm bằng được đường về đơn vị. Ý nghĩ đó đã thôi thúc tôi mãnh liệt, quên hết đau đớn, gượng mình ngồi dậy, xác định lại hướng đi để tiếp tục hành trình. Phải đi về phía tây, nơi đấy là địa phận do quân ta làm chủ. Nhưng làm thế nào để xác định được đúng hướng khi xung quanh là rừng già mênh mông, che kín trên đầu. Một thoáng bối rối lo lắng, tôi chợt nhớ ra một điều đơn giản là: Buổi sáng mặt trời mọc về hướng đông sẽ chiếu bóng thân cây đổ về hướng tây. Tôi thở phào nhẹ nhõm, cứ thế lần mò đường đi theo cách đó. Trời về chiều, cơn khát và đói hành hạ, giày vò, nhưng tôi cố quên để lần mò tìm đường về đơn vị. Sống hay là chết một mình trong rừng sâu mà không ai biết? Điều đó tác động mạnh mẽ, thôi thúc tôi quên hết hiểm nguy, đau đớn thể xác.

Bóng đêm đã tràn về, chỉ có ánh trăng giúp tôi đi đường tránh đụng vào những thân cây dựng đứng, giăng đầy chắn lối.

Đâu đây có tiếng thụp thụp vọng lại, tôi vui mừng nghĩ ở đó có người. Phải chăng số phận đã mỉm cười với mình khi đã gần về với anh em đồng đội? Để thật chắc đấy là quân mình, tôi nhẹ nhàng

bò đến gần, áp tai sát xuống mặt đất để nghe rõ hơn tiếng động đó. Đúng là tiếng đào hầm của một đơn vị nào đấy. Tôi cố gắng tiến sát hơn, bỗng giật mình hoảng sợ khi nghe xì xào giọng nói Nam Bộ. Biết mình đã lạc vào vị trí chốt quân đội Việt Nam Cộng hoà đang chiếm giữ, tôi bủn rủn chân tay.

Một loạt tiếng nổ đêba (tiếng nổ đầu nòng) của pháo địch phát ra từ sau lưng tôi rồi những tiếng nổ "rầm, rầm..." ở phía trước vọng về. Tôi nhanh chóng xác định nơi đó là có quân mình. Điều đơn giản là: "Địch chỉ bắn pháo về phía bộ đội ta đang chốt giữ".

Không một chút chần chừ, tôi lại nhẹ nhàng bò lùi trở về, sau đó theo hướng đạn nổ, cắt rừng lần mò tìm đến.

Gần một tiếng sau tôi đã có mặt giữa bãi pháo đó. Đạn bay xèn xẹt ngay sát đầu và tới tấp nổ xung quanh. Nơi đây gần sát mép với bãi sình, có những cây thông già, thân rất to, nhiều người ôm không xuể. Tôi quá mệt mỏi, không còn sức để lê chân nữa, đành nằm gục giữa hai cây thông già. Đạn pháo vẫn bay xèn xẹt bên trên, tiếng nổ ù tai nhức óc, những mảnh đạn bay vù vù rồi cắm phập vào thân cây ngay trên mặt. Nhưng mặc nó, tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Khi tỉnh dậy, mở mắt nhìn lên, mặt trời đã chếch bóng cây, tôi giật mình sực nhớ: Bây giờ đã bước sang ngày thứ ba bị lạc rồi, liệu có tìm nổi đường về không? Tôi lẩm bẩm một mình, cầu mong có phép màu để thoát khỏi cánh rừng đại

ngàn mênh mông, khiếp sợ này.

Tôi không hiểu tại sao mình đã dựa vào bóng cây đổ xuống mặt đất do mặt trời chiếu vào để đi về hướng tây mà bây giờ vẫn không một chút manh mối về quân ta. Trong lòng tôi rất hoang mang, đã nghĩ đến cái chết một mình giữa rừng sâu heo hút, không được gặp lại bạn bè, đồng đội, không còn cơ hội gặp bố mẹ và những người thân yêu ở nhà. Sự trống vắng, đơn độc xâm chiếm, nước mắt tôi chảy giàn giụa, mà không sao khóc thành tiếng. Ôi, cuộc sống của con người trên cuộc đời này giá trị biết bao nhiêu, không thể có gì đổi được. Đúng là, "còn người là còn tất cả".

Không! Mình đang còn cơ hội để sống! Phải giành lấy, không thể dễ dàng đầu hàng được. Ý chí đó đã thôi thúc tôi đứng dậy. Trấn tĩnh lại, một lần nữa tôi suy xét lại để xác định hướng. Tôi chợt nhớ về môn địa lý đã học, nói về những tháng đầu năm, bao giờ mặt trời mọc và lặn đều chếch về hướng nam. Chỉ có vào tháng 6 nó mới mọc và lặn đúng tâm. Tôi đã nhanh chóng phát hiện ra cái sai tai hại của mình, đã cắt lệch bóng thân cây để đi tìm đường về.

Lối đi bị chắn bởi bãi sình trước mặt không thể qua được, buộc tôi phải chọn điểm mốc sẵn phía bên kia bãi sình, rồi đi men quanh bờ. Đường đi mấp mô, gập ghềnh, những khóm cây gai lúp xúp mọc đầy trước mặt. Tôi vừa đi vừa ngã dúi dụi, đã có lúc tưởng như sẽ gục đổ hoàn toàn. Nhưng khát

vọng sống trong tôi dấy lên mãnh liệt. Bất chấp tất cả, tôi cứ như con thiêu thân quên hết mọi thứ, chỉ biết lao lên. Cuối cùng, cũng tìm về gần điểm mốc đó, rồi xác định lại hướng đi tiếp.

Trời đã xế chiều, xuyên qua những khóm cây lá bép, tôi phát hiện ra dấu hiệu cò (ngọn cây nhỏ bẻ gập xuống theo từng đoạn, để đánh dấu lối đã đi trong rừng rậm) của bộ đội ta. Lần theo dấu vết đấy, tôi gặp phải một bãi sình lầy nhỏ. Phía xa, ven bờ, những ụ đất nhô lên cao. Tôi nhanh chóng phán đoán, dưới đó là những hầm công sự. Tôi lại nằm áp tai xuống đất nghe ngóng động tĩnh, nhưng tất cả vẫn lặng yên. Khi đã tin chắc nơi đó không có người, tôi đứng dậy lần theo lối mòn nhỏ đi tiếp.

Cơn đói thật sự hành hạ tôi, mặc dù đã cố quên nhưng nó vẫn bám riết. Đã rất nhiều lần trên đường đi, tôi đã lả người gục xuống nằm thiếp lịm, rồi tỉnh dậy lại vùng lên. Người lên cơn sốt hầm hập, đầu đau nhức như búa bổ, miệng, họng khô rát. Cơn khát giày vò dữ dội. Tôi kiệt sức lịm đi. Trong cơn mê sảng, tôi đã ú ớ la hét mọi người đến cứu giúp, nhưng tất cả đều lặng im trước những lời cầu thỉnh đó. Mơ màng tỉnh dậy, xung quanh tĩnh lặng lạ thường, biết mình vẫn còn sống và nằm bên cạnh lối mòn nhỏ. Tôi gắng gượng ngồi dậy, đầu đau buốt, mà có cái gì cứ động đậy ở vết thương, tôi đưa tay lên sờ. Tôi giật mình khi thấy có cái gì rơi xuống dính vào má và tay ngọ ngoạy. Nhìn kỹ thì đó là những con dòi đang bò lúc nhúc. Mặc kệ,

miễn mình còn sống được là may mắn lắm rồi, tôi thầm nghĩ rồi kéo tà áo, gạt nhẹ những gì còn ngọ ngoạy trong vết thương, mà không cần biết có bị lấm bùn đất, để rồi sẽ nhiễm trùng hay không?

Trời chuyển gần về tối, ánh sáng mặt trời yếu dần, tôi vẫn cố lê bước chân kiệt sức theo lối mòn đó, bên cạnh bãi sình lầy có một vũng nước nhỏ đục ngầu. Không một chút lưỡng lự, tôi cúi xuống lấy hai tay vục nước để uống.

Phía trước mặt, cách khoảng ba mét, một khoảng trắng nhỏ có đường kính bằng miệng bát ăn cơm, nổi bật trên nền đất đen xám. Tôi bước đến và cúi đầu xuống xem: Ôi sung sướng quá! Trời đất, tổ tiên ông bà và đồng đội hy sinh đã phù hộ mình đây. Gạo! Gạo đấy! Túi gạo của ai mang theo đã bị thủng, để lại trên mặt đất cho tôi một ít. Đúng là buồn ngủ vớ được chiếu manh. Tôi vội vàng lấy tay vốc một nắm cho ngay vào mồm nhai ngấu nghiến. Thật diệu kỳ, sức khoẻ như phục hồi dần theo tốc độ dòng chảy của nước gạo, từ từ qua ống thực quản vào cái dạ dày trống rỗng, đau khổ của mấy ngày qua. Vừa định cho tiếp vào miệng một nắm nữa, tôi chợt nghĩ: Đến ngày mai mình có tìm được đơn vị không? Tôi quyết định cho nắm gạo đó vào túi áo ngực, cài nắp túi cẩn thận, để dành cho cuộc hành trình của ngày tiếp theo.

Trời tối hẳn, tôi dừng lại, chui vào gốc cây bên lối mòn nằm nghỉ. Pháo địch lại dội về phía sau. Tôi cứ nghĩ miên man và linh cảm sắp tìm được

đồng đội. Điều đó rất có cơ sở, khi đạn pháo của chúng đang liên tục nổ rền ở phía sau.

Cái đói cồn cào cuộn lên từng hồi như ai đó đang lấy muối xát vào dạ dày trống rỗng của mình. Rồi vết thương trên đầu lại được thể dấy lên những cơn đau khủng khiếp. Tôi vật vã đau đớn, nhưng miệng cứ ngậm chặt lại không dám há ra, sợ mình không kiềm chế được mà phát ra tiếng rên la để cho lực lượng đối phương phát hiện.

Một cơn mê sảng đến, đưa tôi về giấc mơ kinh hoàng khủng khiếp. Cả người tôi cứ bồng bềnh trôi nổi đâu đâu. Ai đó cầm thanh sắt dài chọc vào đầu và đang cố thắt chặt sợi dây buộc quanh bụng. Cả người cứ thế chao đảo, chòng chành, làm tôi ngất lịm đi lúc nào không biết, chỉ giật mình bừng tỉnh khi có một quả đạn pháo nổ rất gần.

Trời đã sáng dần, tôi lại tiếp tục lê từng bước khó nhọc theo lối mòn nhỏ. Phía xa đã xuất hiện một vùng sáng, có thể nơi đó là một trảng cỏ rộng. Như vậy, ít nhất mình đã thoát ra khỏi cánh rừng đại ngàn rậm rạp. Tia hy vọng về sự sống trong tôi loé lên, rất phấn khích, tôi gắng gượng lê bước thật nhanh ra nơi đó.

Tôi giật mình sửng sốt, đứng chững lại khi phát hiện phía trước, trong làn sương sớm mờ mờ một ụ vàng vàng nhô lên cao. Phải chăng đây là lô cốt trong đồn địch, tôi nhẹ nhàng nằm áp tai xuống đất lắng nghe, không có một âm thanh nào.

Trấn tĩnh lại, tôi bò dần đến và rồi đụng tay vào ụ vàng vàng đó.

- Mẹ ơi, con sống rồi! - Sung sướng quá tôi buột miệng reo lên.

Cái ụ vàng đó chính là chiếc xe lu sơn màu vàng để làm đường bị hỏng, vứt bỏ bên vệ đường giữa ngã ba Thuận Hạnh và ngã ba Tuy Đức (đường 14C) mà thời gian trước tôi thường qua lại. Đến đây, tôi đã biết đường về Ban chỉ huy trung đoàn 271. Lúc này, tôi thấy sức mình bắt đầu xuống dốc thực sự. Mặc dù đã về đến đây rồi, nhưng quãng đường đến đơn vị cũng chẳng gần chút nào. Liệu sức mình có đi nổi không? Hôm nay đã là ngày thứ tư bị lạc.

Tôi bước ra đứng giữa mặt đường nhựa lớn, nhìn xung quanh. "Đúng rồi! Nhất định ở hai bên mép đường sẽ có đường dây điện thoại của đơn vị bộ đội ta rải xuống để phục vụ liên lạc cho tuyến trước và tuyến sau".

Đúng như dự đoán, tôi bước sang bên kia mép đường, lấy tay luồn dưới các khóm cây lúp xúp và giơ lên cao. Một bó dây điện đủ các màu đen, đỏ, trắng, xanh vướng vào tay. Biết chắc là đường điện thoại của quân mình, nhưng vấn đề bây giờ nên đi về tuyến trước hay đi về hướng tuyến sau? Sau một chút đắn đo, lượng lự, tôi quyết định đi về tuyến trước, vì từ đây ra các chốt của bộ đội ta sẽ không xa.

Lần theo đường dây điện đó, tôi đi độ khoảng

được 100 mét đã phát hiện ra một công sự và có pháo 75 ly trong đó. Đây là pháo của quân ta, thuộc trung đoàn pháo 262 cùng đoàn 95 với trung đoàn chúng tôi. Xung quanh rất yên lặng. Tôi vẫn tiến vào. Kia rồi, phía trước cách đó khoảng 5 mét, một chiến sĩ vừa đánh răng ở dưới suối đi lên, tôi vội lên tiếng:

- Anh ơi! Tôi thuộc trung đoàn 271, đang bị thương...

- Đứng lại, giơ tay lên! - Anh ta giật mình, vừa trông thấy tôi đã thét lên, mặc dù trong tay lúc này chỉ cầm có một chiếc ca và bàn chải đánh răng.

Tôi không sợ anh ta, nhưng chỉ sợ một ai đó vừa nghe tiếng hô đã làm một loạt đạn đến thì cơ may sống sót của tôi chấm dứt từ đây.

- Không, tôi là người Nghệ An, thuộc trung đoàn 271 đây mà.

Có lẽ khi nghe được giọng nói nằng nặng xứ Nghệ của tôi anh lính đã trấn tĩnh lại.

- Thế anh là người của trung đoàn 271 à?

- Nhờ anh điện về cho trung đoàn, tôi là Võ Minh bị lạc và đã về đến đây.

Nói đến đó, tôi khụyu xuống, bất tỉnh... Khi hồi tỉnh lại, tôi nghe mơ màng tiếng thì thào, xuýt xoa xung quanh.

- Còn sữa nữa không? Lấy nhanh nước cơm đổ vào miệng cho anh ấy! Ête còn không? Vết thương rất nhiều dòi, kinh khủng quá!...

Tôi cứ chập chờn trong cơn tỉnh cơn mê, rồi được anh em trong đại đội vận tải C22 của trung đoàn 271 cáng vào bàn mổ của viện K20 (bệnh viện tiền phương của Miền).

Bốn ngày sau, một đoàn gồm sáu anh em trong đại đội 1 đã đến phòng điều trị đặc biệt của viện K20 thăm tôi. Vừa mới gặp nhau, nhiều người đã bật khóc khi trông thấy tôi đầu và mặt còn quấn đầy băng trắng, chỉ để hở một con mắt để nhìn.

- Anh Minh ơi! Anh có nhớ chúng em không? Em là Tĩnh đây. Anh Điền và mọi người đang đứng xung quanh thay mặt anh em ở nhà đến thăm anh.

Tôi vẫn mơ mơ, màng màng không nhớ được một ai cả. Thực ra, lúc đó, tôi cố gắng lục lọi trí nhớ của mình để xác định được tên của từng người, nhưng sao đầu óc tệ vậy? Mọi người đã cố gắng gợi lại rất nhiều chuyện mà tôi vẫn chẳng nhớ gì. Sau này tôi mới hiểu do vết thương ở đầu, tôi đã mất đi một phần trí nhớ.

Đến thăm tôi được một lúc, mọi người đành phải ra về. Mặc dù rất luyến tiếc, nhưng phải trực chiến, mà đường về tuyến trước nơi đơn vị đóng quân khá xa, đi bộ khoảng 10 km. Hơn nữa, trong thời gian này, quân đội Việt Nam Cộng hoà đang tăng cường lực lượng để tái chiếm những vị trí mà trước đó ta đã giải phóng.

Tôi xúc động, bùi ngùi trước tình cảm chân thành, quý báu của anh em đồng đội. Chặng đường

phía trước còn rất nhiều gian lao, nguy hiểm. Cái chết luôn rình rập mọi, mọi lúc, mọi nơi. Chiến tranh bao giờ mới kết thúc. Cảm ơn các anh trong trung đội. Cảm ơn đại đội 1 và tiểu đoàn 8.

Sau một tháng điều trị tại bệnh viện, tôi lại được trở về đơn vị điều trị tại trạm xá trung đoàn. Trí nhớ phục hồi một phần, tôi đã tự đi lại bình thường, có điều, tôi chỉ nhìn được một mắt, còn mắt kia không tốt lắm.

Ban chỉ huy trung đoàn nằm cách đấy không xa, tôi tranh thủ gần trưa ghé thăm các thủ trưởng của mình. Các anh lãnh đạo vừa tan họp đúng lúc tôi bước tới cửa phòng.

- Em chào thủ trưởng Trân, chào các thủ trưởng. - Tôi vội cất tiếng chào khi vừa gặp mọi người.

- Minh đã về đấy à? Sức khoẻ của em bây giờ ra sao?

Chính ủy Lê Đình Trân lên tiếng:

- Báo cáo thủ trưởng, sức khoẻ của em đã tốt nhiều rồi ạ. - Tôi vội trả lời.

Mọi người đang có mặt lúc đó hỏi thăm tôi tíu tít, vừa động viên, vừa khen ngợi và thán phục. Tham mưu trưởng Cao Hồng Cửu đang đứng bên cạnh vỗ vai tôi và nói:

- Em giỏi thật đấy. Đã bị thương, còn lạc rừng, không ăn, không uống bốn ngày liền mà vẫn tìm được đường về đơn vị. Qua đài kỹ thuật biết em vẫn chưa bị địch bắt, trung đoàn đã chỉ thị cho

đơn vị ở dưới đi tìm ba ngày liên tục mà vẫn không thấy đâu.

Tôi ngước lên nhìn, thầm cảm ơn mọi người đã không quên tôi.

- Cảm ơn các thủ trưởng đã không quên mà vẫn nhớ đến em!

- Làm sao mà quên được, nhất là cái ngày em về trường Quân chính Miền đi học, tất cả gia tài chỉ có một bộ quần áo đang khoác trên người. - Anh Cửu nói với tôi.

Chính uỷ Lê Đình Trân đứng bên cạnh, quay sang Chủ nhiệm chính trị Nguyễn Hồng và Trưởng Ban cán bộ Trung đoàn Đỗ Quang Quỳ và trợ lý cán bộ Mạc Thuần nói:

- Để cho cậu Minh ra Bắc đợt này, các anh chuẩn bị làm quyết định cho cậu ấy.

Rồi ông quay sang tôi nói tiếp:

- Cậu Minh thấy thế nào? Có đề xuất gì không?

- Báo cáo thủ trưởng, em cảm ơn các thủ trưởng rất nhiều. Nếu được ra Bắc điều trị, em xin hứa sẽ cố gắng tu luyện bản thân để trở thành người có ích cho xã hội, không phụ lòng quan tâm giúp đỡ của các thủ trưởng và anh em đồng đội trong trung đoàn 271. Trước khi lên đường ra Bắc em có nguyện vọng được trở về thăm mọi người ở đại đội 1, tiểu đoàn 8 một lần nữa!

- Đồng ý! - Chính ủy Lê Đình Trân nói.

- Em về chuẩn bị mọi thứ trước đi, ngày mai các anh sẽ cho trinh sát đưa em về thăm lại tiểu

đoàn 8. Nhưng đi về chỉ trong một ngày thôi. - Anh Cửu tiếp lời thủ trưởng Trân.

Chỉ trong một thời gian ngắn, bao nhiêu điều bất ngờ đến với tôi. Biết nói gì đây trong lòng trào dâng bao niềm vui nỗi buồn lẫn lộn. Vui là mình được trở về miền Bắc, được gặp bố mẹ và người thân. Buồn là phải chia tay đồng đội và thủ trưởng thân yêu, đã một thời đồng cam chịu khổ, hy sinh quên mình để cứu nhau, yểm trợ nhau trong những giờ phút chiến đấu cam go và ác liệt với quân địch.

Khoảng 8 giờ sáng, một chiến sĩ trinh sát đến đón tôi ra tuyến trước để về thăm anh em đơn vị cũ. Chúng tôi đi dọc con đường về phía ngã ba Thuận Hạnh (đường 14C), rẽ sang hướng đông, cắt ngang cánh rừng rậm đại ngàn, băng qua bãi sình trước đây tôi vẫn đi lại.

Bao kỷ niệm lại tràn về trong tôi, nơi đây lần đầu tiên tôi dẫn anh em trong trung đội đến chốt giữa lưng chừng cao điểm 904,... Tôi vừa đi vừa suy nghĩ miên man.

- Anh Minh ơi! Tiểu đoàn bộ ở dưới chân đồi kia kìa! - Chiến sĩ trinh sát dẫn đường nói.

Tôi giật mình, lấy tay dụi mắt để nhìn rõ hơn. Khi đến khu vực Ban chỉ huy tiểu đoàn đóng quân, chúng tôi vào hầm công sự của anh Hùng, chính trị viên tiểu đoàn 8. Vừa trông thấy tôi, anh đã chạy đến ôm chầm lấy và nói:

- Chúc mừng em đã trở về. Vết thương có đau lắm không? Khi biết tin em bị lạc, tiểu đoàn đã cử

đồng chí chính trị viên phó tiểu đoàn cùng đại đội 1 tổ chức đi tìm suốt cả ba ngày đấy. Sau này nghe tin em đã trở về đơn vị, mọi người ở nhà mừng lắm.

Tôi rất cảm động trước tình cảm yêu thương mà các anh đã dành cho. Tôi kể lại bốn ngày lạc rừng và tìm được đường về của mình. Cũng như các anh lãnh đạo trung đoàn, anh đã động viên, khích lệ tôi tự tin hơn nữa trong cuộc sống về sau. Tôi xin phép anh được về thăm đơn vị cơ sở của mình. Anh cử thêm một trinh sát đã quen đường về đại đội 1 dẫn chúng tôi đi cho thuận lợi.

Trung đội 1, đại đội 1 vẫn chốt giữ giữa lưng chừng cao điểm 904. Con đường đi đến nơi này, tôi thuộc lòng từng ụ đất, gốc cây. Cảnh vật giờ đây đã có những thay đổi nhất định. Cây cối bị phạt ngang thân, đổ gãy ngổn ngang trên mặt đất, màu xanh của lá cây được thay bằng một màu xám đỏ, mặt đất bị đào xới nham nhở. Ai đó không thật quen đường thì dễ bị lạc.

Xẹt xẹt, oàng oàng, tiếng pháo địch lại bắn đến nổ sát ngay sau lưng chúng tôi, bùn đất bay tứ tung. Quá quen với cảnh này nên chẳng ai hoảng hốt, lo lắng, nhanh chóng nằm sát mặt đất. Chúng tôi chỉ sợ nhất là đạn pháo chụp nổ ngay trên đầu mình là dễ dàng dính mảnh nhất.

- Anh Minh đã về đây rồi, anh em ơi! - Tiếng của ai đó quen quen reo lên. Tôi quay đầu nhìn, nhưng vẫn chưa nhớ ra ai.

- Em Tĩnh đây mà. Anh không nhận ra em à?

Một lúc sau đó tôi mới nhớ ra tên cậu ta. Mọi người trong đơn vị chạy ùa ra vây quanh và dẫn tôi về Ban chỉ huy đại đội. Đại đội trưởng Phạm Huy Thông chạy ra ôm chầm lấy tôi, anh lấy tay sờ vào vết thương đang còn băng kín trên đầu và nói:

- Em đã về được đây là may mắn rồi. Nghe tin em chuẩn bị được ra Bắc điều trị, anh thay mặt cho tất cả anh em trong đơn vị ta chúc mừng em.

Tôi cảm động nghẹn ngào, không nói được nên lời, chỉ lí nhí mấy câu cảm ơn.

Theo mọi người, tôi về thăm trung đội của mình. Mảnh sân nhỏ ngày nào bên hầm công sự dã chiến của tôi vẫn thế, chỉ có khác là mọi người tụ tập đứng, ngồi gần kín sân. Bao nỗi niềm thương nhớ của chúng tôi được giãi bày qua những hành động, cử chỉ, lời nói dành cho nhau.

- Ngay sau khi anh em trung đội ta vừa rút ra ngoài được một đoạn mà không thấy em, các anh đã quay trở lại tìm, nhưng vẫn không thấy vì cây rừng lúp xúp mọc dày quá, che kín mít. Bọn anh bắn ba phát súng để em chuẩn đường tìm đến. Sau đó tổ chức lùng sục xung quanh khu vực đó rất lâu nhưng không có kết quả. Biết em đã bị lạc rừng nên vội về báo cáo với ban chỉ huy đại đội để tiếp tục tìm em. Suốt ba ngày liên tục có cả chính trị viên phó tiểu đoàn xuống trực tiếp chỉ huy đấy.

Tiếng anh Chương nói cứ đều đều bên tai tôi.

Thời gian ở lại với anh em không được nhiều, tôi nhắc nhở mọi người tranh thủ viết thư để gửi về cho bố mẹ nơi quê nhà miền Bắc.

Mấy ngày sau đó tôi nhận được quyết định giữ chức chính trị viên đoàn ra Bắc 539 do chính uỷ trung đoàn Lê Đình Trân ký. Trong đơn vị mới này gồm có 45 cán bộ chiến sĩ trong trung đoàn, đều là thương binh cần phải trở về hậu phương điều trị. Anh Nguyễn Văn Truyền, cùng đơn vị A10, C3, D8 trước đây với tôi đảm nhiệm về quân sự của đoàn.

TRỞ VỀ HẬU PHƯƠNG

4-4-1974

Trên đường vượt Trường Sơn trở về hôm nay, chúng tôi không phải cuốc bộ, mang vác súng đạn nặng nề như ngày nào nữa, mà được những chiếc xe ZIL hai cầu chở đi, sau khi nó đã hoàn thành việc chở hàng ra tiền tuyến và tiếp tục ra Bắc. Hành trang của mọi người trong đoàn rất đơn giản, chỉ có một, hai bộ quần áo, một chiếc võng nilon, vật *"bất ly thân"* với người lính. Trong những chiếc bồng (túi vải thay cho ba lô) lúc này chứa đầy thư của anh em đồng đội còn ở lại chiến đấu, gửi về cho gia đình, bố mẹ nơi quê nhà.

Còn tôi, ngoài những thứ đó, còn có hồ sơ tài liệu của 45 người trong đoàn mang ra giao nộp cho các đơn vị tiếp nhận ở miền Bắc.

Chiếc ô tô chở chúng vượt qua những chặng đường trước kia tôi đã đi. Cảnh vật thay đổi nhiều, nhưng tôi vẫn nhận ra các trạm giao liên năm nào.

Quân mình không phải đi bộ rầm rập và kéo dài đông kín cả tuyến đường như những năm

trước nữa. Trên đường vào mặt trận các anh đã có phương tiện vận tải hỗ trợ rồi.

Trường Sơn đang là mùa mưa, mặt đường lầy lội, bùn nhão nhoét, trơn tuột. Những chiếc xe Zil chở đầy lính không thể dễ dàng vượt dốc. Bốn bánh xe cứ quay tít mà vẫn đứng yên một chỗ, không thể nhúc nhích, có lúc còn trôi tuột xuống phía dưới. May có chiếc tời gắn ở đầu xe, các anh lái xe đã kéo dây cố định vào một gốc cây phía trên dốc sau đó nổ máy cho xe quay tời kéo lên từng đoạn một, lấy gỗ chèn bánh xe, lại kéo, cứ như vậy cho đến khi vượt qua đỉnh dốc mới thôi. Lúc xuống dốc còn khó khăn, nguy hiểm hơn, xe của tôi từ trên dốc lao xuống vù vù. Lúc này, phanh xe có tốt đến mấy cũng không còn có tác dụng, chiếc xe cứ quay ngang mà trượt trên mặt đường.

Mọi người đang có mặt trên xe lúc đó đều lặng im, cảm thấy tim mình như ngừng đập khi một bên bánh xe tiến gần mép vực sâu thăm thẳm. Rất may mắn cho tất cả chúng tôi, một gốc cây bị pháo tiễn ngang thân đã chắn bánh xe dừng lại.

Mồ hôi của mọi người túa ra ướt đầm, tất cả đều thở phào nhẹ nhõm khi biết mình vẫn còn sống. Lúc này, tiếng xì xào, bàn tán mới rộ lên.

Vết thương của tôi lại tái phát, đầu đau buốt, mắt mờ đi rất nhiều. Tôi không thể theo đoàn đi tiếp đành phải vào trạm xá của binh trạm giao liên điều trị. Hồ sơ của anh em trong đoàn đành

giao cho anh Truyền mang ra ngoài ấy nộp và bàn giao hộ.

Tôi nằm điều trị ở đây mất gần một tháng, khi vết thương tạm ổn lại tiếp tục cùng với ba người của đơn vị khác lập thành một đoàn mới để ra Bắc.

Bản Đông năm xưa chúng tôi đi qua còn xơ xác, tan hoang do bom đạn bắn phá, bây giờ đã phủ một màu xanh non tơ của cây cối đang đâm chồi nở lộc. Phía trước mặt là đường 9 anh hùng, đã ghi dấu bao nhiêu chiến công lẫy lừng, vang dội đến tận năm châu bốn biển năm nào, cũng đã thay da đổi thịt.

Ô tô đã chở chúng tôi qua Lao Bảo, Khe Sanh, Cam Lộ đến Đông Hà để nối tiếp quốc lộ 1 hướng ra miền Bắc.

Kia rồi cây cầu Hiền Lương lịch sử bắc qua dòng sông Bến Hải, bao năm phân chia hai miền với hai màu sơn đen, đỏ. Màu sơn đã bạc, nay trở về màu gỗ bạc phếch.

25-5-1974

Tôi tập trung ở trạm giao liên Hưng Dũng, thành phố Vinh. Mọi thứ ở đây đã khác xa với trước, không còn có nhiều lính trẻ xúng xính trong bộ trang phục màu xanh, đầu đội mũ tai bèo, ngây ngô, dễ thương như những đồng đội của tôi năm nào, thay vào đó là đa số những người lính chững chạc, quần áo đủ màu, trên đầu và tay chân đều quấn băng trắng toát.

Chúng tôi nghỉ lại thêm một ngày để đợi quyết định về các đoàn an dưỡng. Tranh thủ thời gian rảnh rỗi, tôi ghé về thăm bố mẹ ở quê, với quãng đường đi bộ khoảng 16 km.

Những lối mòn nhỏ quanh co năm xưa dẫn về quê được thay bằng trục đường lớn thẳng tắp. Nếu như không thật quen thuộc cả khu vực, thì chắc chắn sẽ bị lạc. Nơi đây tôi đã sinh ra và lớn lên, không biết bao nhiêu kỷ niệm của một thời thơ ấu. Những xóm nhỏ bờ tre, những cánh đồng mò cua bắt ốc, làm sao quên được.

Trời về chiều, tôi bước chân vội hơn khi nhìn thấy ngôi nhà thân yêu của mình. Trước đây mình vẫn tự hỏi liệu còn được trở về đó nữa không? Mẹ tôi đang ngồi ở sân chuẩn bị rau cho đàn lợn.

- Mẹ ơi! Con đã về !!!...

Quá vui mừng và sung sướng, tôi reo lên. Mẹ đột ngột đứng dậy, sững sờ, giơ hai tay lên chới với đón tôi. Không kìm được, tôi chạy lao đến, nắng chiều kéo dài hình bóng mẹ ôm trọn lấy tôi. Như một luồng điện chạy suốt cơ thể, tôi cảm nhận được sự ấm áp từ mẹ. Bao nỗi đau buồn bỗng tan biến, chỉ còn niềm sung sướng, hạnh phúc lâng lâng.

- Ôi, con của mẹ đã được về đây ư? - Mẹ ôm chặt lấy đầu còn quấn đầy băng của tôi nghẹn ngào.

Bố và anh đang ở trong nhà cũng ngỡ ngàng, vội chạy ra ôm lấy tôi. Nước mắt mọi người chảy dài trên khuôn mặt tưởng như đã khô cằn vì những chia ly, đau đớn của chiến tranh.

Niềm vui của gia đình tôi cũng là niềm vui của cả lối xóm. Mọi người tập trung ở trong nhà ngoài sân để chia vui. Bao nhiêu câu chuyện ở chiến trường và ở nhà được đan xen qua những câu chuyện của tôi và mọi người. Tiếng khóc thút thít, tiếng xuýt xoa,... Tất cả đều chan chứa niềm vui của ngày trở về.

26-5-1974

Khoảng 3 giờ, chuyến tàu khách Vinh - Hà Nội chở đoàn thương binh từ chiến trường ra ngoài Bắc điều trị và an dưỡng. Sao lại có sự trùng lặp ngẫu nhiên và lạ lùng với tôi như vậy? Ngày đó, trước khi đi vào Nam, tôi và bạn bè cũng ngồi trên con tàu này, chỉ khác là ngược chiều.

Hôm nay, những người đang ngồi ở đây, khuôn mặt ai nấy đều hốc hác, mắt sâu trũng, da tái nhợt và nhiều người vẫn mang bông băng. Không còn những chàng trai trẻ, mặt còn búng ra sữa đang hồn nhiên trên đường ra trận ngày nào. Chiến trường đã lùi rất xa chúng tôi.

Trời vừa sáng, tàu đến ga Thường Tín, dưới sân ga đã có ôtô của trạm giao liên chờ sẵn, đưa mọi người về nơi an dưỡng. Tôi được về đoàn 581 đóng ở Lý Nhân, Nam Hà (nay gọi là tỉnh Hà Nam). Nhưng chỉ một tuần sau đó, tôi phải về Viện Quân y 108 Hà Nội mổ lại các vết thương để lấy mảnh đạn còn nằm sâu trong đầu.

Sau hơn ba tháng nằm viện, tôi lại trở về Nam Hà an dưỡng. Thời gian ở đây, tôi và một số người được Tổng cục Chính trị chọn là lớp cán bộ nguồn, đưa sang Liên Xô đào tạo dài hạn.

Tất cả các cuộc kiểm tra phỏng vấn tôi đều vượt qua, nhưng khi kiểm tra sức khoẻ tờ giấy ra viện có ghi rõ: Mắt trái 1/10, mắt phải 8/10. Thế là tôi bị loại. Cảm giác bị hụt hẫng, bối rối cho tương lai.

Những lúc trên đường từ Hà Nội về quê nghỉ phép bằng tàu hoả, chứng kiến cảnh người khiếm thị lang thang trên các toa tàu hát rong xin những người khách hảo tâm mấy đồng hào lẻ, tôi liên tưởng đến mình mà lòng quặn thắt một nỗi đau khó tả. Nỗi buồn nặng trĩu xâm chiếm cả tâm hồn, khi tuổi đời chỉ mới 22, còn quá trẻ. Rồi đây, tương lai có đưa tôi rơi vào cảnh ngộ đó không? Tôi cảm thấy bi quan, những ý nghĩ tiêu cực xâm chiếm tâm trí.

Không! Mình phải sống để làm người có ích. Không thể dễ dàng chịu đầu hàng. Con đường duy nhất bây giờ là: Phấn đấu đi học tiếp, có như vậy mới tự cứu được mình. Nhiệm vụ trước mắt là cố gắng rèn luyện sức khoẻ, kiên trì luyện tập trí nhớ.

26-3-1975

Buổi sáng, đơn vị an dưỡng triệu tập anh em để nghe chính ủy Đoàn Quynh, đoàn 581 phổ biến một số điều chỉnh nhân sự trong đơn vị. Tôi được điều động về giữ chức trợ lý thanh niên của đoàn.

Thủ trưởng Đoàn Quynh đã hỏi tôi có ý kiến gì trước lúc nhận nhiệm vụ mới không, tôi đã đứng lên mạnh dạn trả lời:

- Báo cáo thủ trưởng, nhiệm vụ thủ trưởng giao em sẽ chấp hành nghiêm túc. Nhưng nguyện vọng của em là ở trong quân đội cũng phải đi học, mà ra ngoài cũng phải đi học ạ.

Tôi đã về đoàn nhận nhiệm vụ mới. Nhưng trong lúc chờ cán bộ cũ bàn giao, tôi lại nhận thêm một quyết định nữa. Đó là chuyển về Trường Văn hoá Quân khu Hữu Ngạn ôn thi đại học.

Tháng 9-1975, tôi thật sự bước vào giảng đường đại học, hơn năm năm sau trở thành một kỹ sư điện, đi theo hướng mới của cuộc đời mình. Con đường binh nghiệp đã lùi rất xa, nhưng tình đồng chí, đồng đội trong trung đoàn 271 anh hùng không bao giờ phai mờ trong tôi.

Vâng,
Với chúng tôi: Đã có một thời như thế!

PHẦN KẾT

Chiến tranh đã lùi xa hơn 30 năm. Những dấu vết tàn phá, hủy diệt nặng nề đã được thay bằng cuộc sống mới sôi động, đang từng ngày, từng giờ thay da đổi thịt trên đất nước ta. Những nhà máy lớn, đô thị mới mọc lên trên nền đất ngổn ngang xưa kia là hố bom sâu hoắm. Những mất mát đau thương đã dịu lại để trả về cho sự sống một màu xanh bình yên. Những người lính quả cảm vô song sau cuộc chiến lại trở về hiền lành, chân chất như bản chất của họ "Đạp quân thù xuống đất đen. Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa". Sau cuộc chiến, người còn, người mất, người trở về với hai bàn tay trắng, người ôm nỗi đau chất độc màu da cam với di chứng nặng nề để lại cho biết bao thế hệ. Thế nhưng, dù ở cương vị nào, người lính vẫn vượt lên để chứng tỏ bản lĩnh, nghị lực phi thường của mình, xứng danh anh "Bộ đội Cụ Hồ".

Sau đây là những thông tin vắn tắt về cán bộ, chiến sĩ trung đoàn 271 mà tôi đã nói trong cuốn sách này. Tuy chưa kể hết được đầy đủ, nhưng hy vọng sẽ như một bức thông điệp nói về họ sau cuộc chiến.

Trung đoàn trưởng, Đại tá Lê Ổn hiện đã về nghỉ hưu ở Lệ Thuỷ, Quảng Bình; Chính uỷ Lê Đình Trân nghỉ hưu ở Bình Dương; Trung đoàn trưởng Phan Văn Cần về nghỉ hưu (đã mất) ở huyện Hương Khê, Hà Tĩnh; Chủ nhiệm chính trị Nguyễn Hồng đã mất sau một vụ tai nạn giao thông ở quê, tỉnh Hải Dương; Tham mưu trưởng Cao Hồng Cửu đã mất sau ngày hoà bình ở Hải Phòng; Anh Đỗ Quang Quỳ về nghỉ hưu ở Hà Tây; Trợ lý cán bộ Mạc Thuần, nguyên là Đại tá, Phó Viện trưởng Viện Vệ sinh - Dịch tễ Bộ Quốc phòng; Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 8 Dương Văn Hiêu về nghỉ hưu ở xã Đông Quang, Đông Sơn, Thanh Hoá; Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 9 Hoàng Vỵ, một doanh nhân làm ăn rất thành đạt ở thành phố Hồ Chí Minh; Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 7 Lê Văn Hàn về nghỉ hưu ở Thanh Hoá; Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2 Nguyễn Văn Huận, nguyên Đại tá, Vụ trưởng Vụ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nghỉ hưu ở Xã Đàn 2, Đống Đa, Hà Nội; Trần Đức Căn về hưu và đã mất tại thành phố Hồ Chí Minh; Chính trị viên phó đại đội 3 Nguyễn Văn Thụ đã hy sinh cuối năm 1972 tại Tà Thia - Campuchia; Nguyễn Văn Quế hy sinh tháng 3-1975

tại Ngã Sáu Cai Lậy, Tiền Giang; Nguyễn Quốc Sự, nguyên Hiệu trưởng trường Phổ thông Trung học Tương Dương, Nghệ An, hiện nghỉ hưu ở thành phố Vinh; Y tá Trần Đức Huyên hiện nghỉ hưu ở Quỳnh Lưu, Nghệ An; Quản lý kiêm nuôi quân đại đội 3 Nguyễn Văn Trữ và Nguyễn Gia Thìn hy sinh ở mặt trận Bù Boong, Đắc Nông; Trung đội trưởng Trần Quang Đăng hiện công tác tại Công ty Điện lực Nghệ An; Tiểu đội trưởng hoả lực A10 Nguyễn Văn Truyền và chính trị viên phó Lê Quảng Ba đại đội 3 cùng các anh Thìn, Quỳnh, Sơn, Mão, Lượng cũng như đa số anh em khác, sau khi kết thúc chiến tranh đã trở về làm ruộng trên mảnh đất quê hương.

Lớp tân binh từ các trường Đại học Bách Khoa, Tổng hợp Hà Nội bổ sung cho tiểu đoàn 8 ngày ấy, như các anh: TS. Trần Anh Phương, Vụ trưởng, Trưởng Ban chuyên đề Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Vũ An Ninh hiện là Giám đốc Trung tâm Báo chí Chính phủ, Lê Tất Vinh hiện là Giám đốc Sở Văn hoá, Thông tin Hải Phòng, Ngô Đức Thơ - Cục trưởng Cục Cơ yếu, Ban Cơ yếu chính phủ,...

Đầu năm 1996, sau một thời gian khá dài đi công tác nước ngoài về, tôi mới có điều kiện vào thành phố Hồ Chí Minh để dự hội nghị. Tranh thủ ngày cuối cùng trước lúc lên máy bay ra Hà Nội, tôi may mắn được người bạn chở bằng xe gắn máy tìm đường về vùng đất An Thuận, Đức Hoà năm nào.

Thực ra, giữa năm 1985, tôi đã vào thành phố Hồ Chí Minh, làm chuyên gia lắp đặt và chế tạo cần cẩu ba tấn cho tàu biển của Nhà máy đóng tàu An Phú, do tôi thiết kế toàn bộ hệ thống điện. Phải nói thêm là giữa năm 1984, tôi là người đầu tiên trong nước thiết kế và lắp đặt thành công hệ thống điện điều khiển của cần cẩu tháp trong xây dựng tại Nhà máy Cơ khí 120, số 609, đường Trương Định (Hà Nội). Trong thời gian này, tôi đã mấy lần có ý định về thăm lại bà con cô bác ở Long An, thăm lại chiến trường xưa, nhưng vì nhiều lý do riêng nên không thực hiện được.

Trên đường từ thị trấn Đức Hoà về thị trấn Hậu Nghĩa dọc theo đường 10 để đến ngã ba Lộc Giang, tôi mới thấy được đất nước còn nghèo lắm. Hoà bình thống nhất nước nhà đã hơn hai mươi năm, mà vẫn còn đó vách đất nhà tranh xiêu vẹo hai bên đường. Đất hoang hoá, bạc trắng rất nhiều, bụi bay mù giữa cái nóng mùa khô cháy bỏng.

Ngã ba Lộc Giang đấy ư? Sao phố xá chẳng sầm uất như tôi hình dung! Đâu rồi những ngôi nhà, góc phố mà đồng đội chúng tôi bám trụ để tiêu diệt bốt địch?

Tôi đã đi dọc phố để tìm về những ký ức xa xưa, tìm lại ngôi nhà mà mình đã bắn nhầm nhầm vào đấy để được gặp chủ nhân nói một lời xin lỗi. Dù biết đã muộn, nhưng sẽ vơi đi bao day dứt bấy lâu nay ở trong lòng,... Bao hồi ức về bạn bè lại tràn ngập trong tôi. Đâu rồi, đâu rồi các bạn?... Hai mắt tôi nhoà đi, nước mắt lăn dài trên má.

Chúng tôi gặp những người dân hai bên phố để dò hỏi đường về ấp An Thuận và nhắc lại trận đánh tại nơi đây. Có thể, cuộc sống đời thường mưu sinh vất vả, thời gian đã quá lâu nên, lớp trẻ sau này không phải chứng kiến, nên họ không biết. Máu của chúng tôi đã thấm đỏ nơi đây...

Tôi tìm được đường về ấp An Thuận. Những con đường, bờ ruộng nhỏ đã ăn sâu vào tâm trí tôi chưa kịp đổi thay nhiều. Nơi đây mới có một con kênh lớn dẫn nước sông Vàm Cỏ chạy cắt ngang cánh đồng để chống hạn. Mong bà con, cô bác vùng đất cách mạng ngày càng giàu mạnh và phát triển.

Kia rồi! Bên kia là nhà má Hai Quân. Lối vào nhà là mặt bờ ruộng nhỏ chỉ đủ cho một người đi bộ, chúng tôi đành phải để xe máy bên vệ đường, rồi cứ thế xăm xăm bước.

- Chào má Hai Quân, con là Võ Minh ở trung đoàn 271 đây. - Tôi vội chào ngay lúc gặp má đang ngồi đung đưa chiếc võng tre trong nhà.

- Má chào các con, trung đoàn 271 thì má nhớ, nhưng... Má bây giờ già rồi! Các con trong trung đoàn thì đông, bỏ qua cho má nhé! - Má Hai Quân trả lời.

Tôi nhìn má gầy yếu, già đi rất nhiều, căn nhà đơn sơ, trống trải hơn trước. Bờ tre xung quanh vườn đã bị chặt gần hết. Rãnh giao thông hào khá sâu bao quanh, nơi trước đây chúng tôi chốt giữ và chiến đấu với quân thù, nay đất lấp đầy, không để lại vết tích gì.

Thật là vui mừng sau những năm tháng phải chung sống với đạn bom, các má, các chị cơ sở, hầu như vẫn còn nguyên vẹn. Chị Hai Tặng, con má Hai hiện là Trưởng ban Tổ chức chính quyền huyện Đức Hoà.

Thời gian không cho phép ở lại lâu, tôi chia tay má Hai Quân và bà con để quay về thành phố cho kịp chuyến bay cuối ngày ra Hà Nội.

*

*   *

Trong những ngày tháng sống và làm việc ở Thủ đô, tôi đã liên lạc được với chị Hai Tặng. Phải đến năm 1999, tôi mới có dịp về lại An Thuận, Đức Hoà, Long An. Cảnh vật giờ đây đã đổi thay nhiều, những mái nhà tranh được thay bằng những ngôi nhà mái tôn, tường gạch quét vôi trắng. Cuộc sống người dân đang đi vào ổn định và trên đà phát triển.

Chị Hai Tặng dẫn tôi đi thăm gia đình má Mười Hét, Tư Sương,... Tôi thấy cuộc sống của các má, các chị vẫn còn đạm bạc, nếu như không nói là nghèo nàn. Đặc biệt, khi đến nhà chị Tư Lập, một nỗi buồn ập đến trong tôi, chị Tư người gầy nhỏ, bệnh tật, chỉ sống có một mình trong chiếc lều dựng nhờ vào bức tường nhà bên cạnh.

Mừng cho chị đã thoát qua cuộc chiến tranh năm nào rồi lại buồn vì cuộc sống quá vất vả, khó khăn của chị. Tuy vậy, tôi đến thăm, chị đã bật dậy, lao đến ôm chầm lấy tôi, reo lên:

- Em Minh đấy à? Hoà bình đã lâu lắm rồi sao bây giờ em mới về thăm các chị?

- Em đã về đây gặp chị và mọi người như vậy là sung sướng lắm. Vì cuộc sống mưu sinh, bây giờ mới có điều kiện quay trở về thăm mọi người được chị ạ.

Bà con, cô bác vừa nghe tin tôi đến đã có mặt rất đông. Chúng tôi nhắc về những ngày gian khổ xa xưa. Nhớ về thời điểm quân thù kiểm tra rất gắt gao, nhưng các má, các chị vẫn không sợ hiểm nguy, cung cấp đầy đủ một lượng lớn lương thực cho cả trung đoàn 271 để chúng tôi sống và chiến đấu trên mảnh đất quê nhà.

- Chị Sáu Tiệm đi đâu rồi? Sao em không thấy chị ấy có mặt ở đây hả chị Tư? - Tôi hỏi chị.

- Con Sáu bị bạo bệnh không đủ tiền mua thuốc để chạy chữa nên mất rồi em ạ. Sau hoà bình, cuộc sống ở nơi đây quá khó khăn, con Sáu đem cả sắp nhỏ về vùng kinh tế mới Tân Biên sinh sống. Trên nền nhà của nó, hiện là gia đình con gái chị Hai Cốm đang dựng lều ở đó - chị Tư trả lời.

Tôi lặng người đi khi nghe tin chị Sáu đã mất. Nhớ đến lần tôi bắt gà. Dù hoàn cảnh của gia đình chị lúc đó rất vất vả, gian truân, nhưng với tấm lòng bao dung, độ lượng, chị không một lời oán trách, lờ đi tội lỗi của chúng tôi như cho qua điều dại dột của mấy đứa em. Giờ đây, cách mạng đã thành công, hoà bình đã về đến mọi nhà, chiến tranh đã lùi xa mà gia đình chị lại phiêu dạt đến xứ người kiếm sống. Cái cơ cực vẫn bám chặt lấy cuộc đời chị, chị ra đi năm 1998 mà chưa có được một ngày thanh nhàn.

một ngày thanh nhàn.

Cũng thông qua chị Hai Tặng, tôi đã liên lạc với anh Hoàng Xuân Lý, chiến sĩ tiểu đoàn 9. Hiện anh là bác sĩ, chủ nhiệm khoa gây mê - hồi sức bệnh viện Chợ Rẫy, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh là một người rất nhân hậu, cởi mở, luôn cảm thông, chia sẻ với hoàn cảnh khó khăn của mọi người. Anh đã vận động tiền quyên góp để xây tặng chị Tư Lập ngôi nhà tình nghĩa thay cho chiếc lều xiêu vẹo, dột nát bấy lâu nay.

Tôi cũng như bao đồng đội khác, được chứng kiến cuộc sống mưu sinh còn đầy vất vả, gian nan của người dân Đức Hoà, Long An, đã một thời cưu mang chúng tôi, với tấm lòng biết ơn những người dân nơi đây, tôi đã dành tất cả số tiền tiết kiệm của mình, gửi tặng Trường phổ thông cơ sở An Ninh quỹ "*Học sinh nghèo vượt khó*" trong ba năm, từ năm 2003 đến 2005. Dù biết sức mình còn nhỏ bé nhưng tôi vẫn mong được động viên các cháu cố gắng học thật tốt để sau này trở về xây dựng gia đình, quê hương giàu mạnh.

Tôi cũng gặp thầy giáo Hiệu trưởng Trường phổ thông cơ sở An Ninh - Võ Văn Cà. Thầy chính là một trong những cậu bé cởi trần, chỉ vận độc chiếc quần xà lỏn trên người, tóc cháy nắng, con của má Hai Quân mà tôi đã gặp vào buổi chiều năm xưa.

Hà Nội, tháng 9-2007

VÕ MINH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT - 12/86 phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221 FAX: 080.49222 E-mail: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT CHIẾN TRANH -
TRỰC THUỘC BỘ CHÍNH TRỊ

- TỔNG KẾT CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP - THẮNG LỢI VÀ BÀI HỌC

- TỔNG KẾT CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC - THẮNG LỢI VÀ BÀI HỌC

- CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG VIỆT NAM (1945-1975) - THẮNG LỢI VÀ BÀI HỌC

BỘ QUỐC PHÒNG - VIỆN LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM

- LỊCH SỬ QUÂN SỰ VIỆT NAM (GỒM 14 TẬP)

- LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1945-1975) (GỒM 9 TẬP)